越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1	001 H887	Những ti ế ng trống qua cửa các nhà sấm : nghiên cứu, trao đổi v ề ngữ văn và lịch sử	Huệ Thiên.	2017	9786045861516
2	001.440922 L981	100 gương phấn đấu của người đoạt giải Nobel	Lý Hân Nhân ; biên dịch, Phúc Quy ề n, Ki ế n Văn.	2011	
3	001.94 N576	Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn (tập 2)	Nhi ề u Tác Giả.	2008	8934974071839 (pbk.)
4	004.16 H678	Bác sĩ máy vi tính : hướng dẫn lắp ráp, sửa chữa, và xử lý sự cố chuyên nghiệp	kỹ sư, Hoàng Sơn ; ViKnowledge Group.	2007	8935054817323 (pbk.)
5	004.6 H678	Hướng dẫn kỹ năng tạo nhật ký cá nhân (Blog) trên internet	Hoàng Sơn.	2007	8935045818346 (pbk.)
6	005 D928	C# và .net framework lập trinh visual c# th ế nào ?	Dương Quang Thiện biên soạn.	2005	(pbk.)
7	005 H678	Học cách ki ế m ti ề n online : money online with ebay, yahoo! & google	Hoàng Sơn.	2007	8935045818346 (pbk.)
8	005.133 S893	Tớ học lập trình : làm quen với python	tác giả: Louie Stowell và Rosie Dickins ; minh họa: John Devolle ; người dịch: Mai Thành Trung.	2022	9786043456028 ; 8935235231450
9	005.5 N576	Tin học căn bản cho mọi đối tượng	Nguyễn Công Minh.	2013	8935072881504 (pbk.)
10	005.54 T883	Tự học Microsoft Excel 2010	VL. COMP.	2011	8935073096747 (pbk.)
11	005.58 H985 V.1	Thủ thuật tạo bản thuy ế t trình ấn tượng Microsoft PowerPoint	Hữu Dũng, Hồ Tấn.	2011	8935072878733 (v. 1 : pbk.) ; 8935072878726 (v. 2 : pbk.)
12	006.3 T882	Chat GPT : Ứng Dụng Trí Tuệ Nhân Tạo Trong Công Việc	Dr. Gleb Tsipursky.	2024	9786044018706
13	006.31 D552	Tớ học lập trình : làm quen với lập trình = Scratch	Rosie Dickins, Louie Stowell, Jonathan Melmoth ; minh họa: Shaw Nielsen ; fyzd dịch.	2021	9786047796434 ; 8935235230804
14	028.9 K11	Đọc nhi ề u nhớ được bao nhiêu? : "hack não" để đọc nhanh và nhớ lâu	Zion Kabasawa ; Võ Vương Ngọc Chân dịch.	2019	9786048871994 ; 8794069300943
15	030 N576	Almanach những n ề n văn minh th ế giới	[hội đồng biên soạn, Hoàng Minh Thảo ... et.	2008	(hard)
16	030 N576	Bách khoa thư cho trẻ từ 3-6 tuổi	Nhi ề u tác giả.	2020	9786042165617
17	031 B118	Bách khoa tri thức nhân loại: Encyclopedia of knowledge	Nguyễn Thị Phương Quỳnh (dịch).	2020	9786045685761
18	031 S463	Bách khoa toàn thư v ề những đi ề u bình dị	Št ě pánka Sekaninová ,Eva Chupíková.	2020	9786049982552
19	039 N576	Mười vạn câu hỏi vì sao? = Knowledge for the children.	Nguyễn Bá Cao ; Hồng Lân.; Bích Liễu.; Dung Cao; et al	2013	8936037695617 (hbk.)
20	039 N576	Mười vạn câu hỏi vì sao?	Nguyễn Bá Cao, Hồng Lân, Bích Liễu, Cao Dung.	2018	9786048860851
21	039.95922 D711	Bách khoa tri thức bằng hình	những người dịch, Thanh Vân ... [et al.].	2009	
22	039.9597 G428	556 câu đố ̂ rèn trí thông minh	Gia Mạnh.	2014	8935236401494
23	070.409597 P534	Đời & ngh ề	Phạm Quốc Toàn.	2013	8936046599777 (pbk.)
24	070.43 M678	Nhà báo hiện đại	The Missouri Group.	2007	8934974066842
25	080 G428	Giá trị vĩnh hằng	[First News].	2017	
26	089.95922 C371	88 câu danh ngôn, 88 cuộc dời, 88 bí quy ế t bạn cần bi ế t	Hoàng Long, biên soạn.	2010	
27	101 L981	Nghiên cứu tri ế t học cơ bản	Lý Chấn Anh ; Nguyễn Tài Thư dịch.	2007	(pbk.)
28	128 N576	Sinh mệnh đời người	Nguyễn An (biên soạn).	2007	8935075910232 (pbk.)
29	131.32 M978	Sức mạnh ti ề m thức	Joseph Murphy ; Bùi Thanh Châu, Mai Sơn dịch.	2019	9786045890509 ; 8935086847848
30	133 H917	Bí ẩn đông phương	David Allen Hulse ; biên dịch, Trần Nguyễn Du Sa, Nguyễn Anh Dũng.	2007	8935073032523 (hard)
31	133 H917 ; 133 H917	Bí ẩn phương tây	David Allen Hulse ; biên dịch, Trần Nguyễn Du Sa, Nguyễn Anh Dũng.	2007	8935073032530 (hard)
32	133 W814	Y ế u tố may mắn	Richard Wiseman ; Người dịch: Hương Lan.	2006	(pbk.)
33	133.3 H239	Hành Trình Tarot : Hiểu V ề Quá Khứ, Tin Ở Hiện Tại, Nắm Lấy Tương Lai	TADA Project.	2018	9786047750214
34	133.3 P534 ; 133.3 P534	Bói ki ề u : dành cho teen	Phạm Đan Qu ế .	2012	8932000116691 (pbk.)
35	133.3337 B589	Biểu tượng may mắn trong phong thủy	Tuệ Chân, tổng hợp và biên soạn.	2012	
36	133.3337 H111	Vận dụng khí phong thủy trong nhà ở	Hà Lê.	2007	8935075910577 (pbk.)
37	133.3337 N576	Phong Thủy : Những đi ề u cần bi ế t vá ứng dụng của	Nhan Thủy Tiên.	2007	8935075910560 (pbk.)
38	133.3337 S796	Cho văn phòng : phong thủy	Sharon Stasney ; Người dịch Nguyễn Mạnh Thảo.	2007	8935086807101 (hard)
39	133.3337 T111	Tả ao địa lý toàn thư	Tả Ao.	2020	9786048444525
40	133.3337 T668	Để có một cuộc sống hạnh phúc và bình an : phong thủy	Lillian Too ; Người dịch Nguyễn Mạnh Thảo, First News.	2007	8935086806654 (hard)
41	133.3337 T668	Phong thủy trong tình yêu	Lillian Too ; người dịch, Nguyễn Mạnh Thảo.	2008	
42	133.3337 T772	Phong thủy ứng dụng trong ki ế n trúc hiện đại	Trần Mạnh Linh (Tức: Cao Từ Linh).	2007	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
43	133.5 W913	Toàn thư chiêm tinh học nhập môn	Joanna Martine Woolfolk ; Nguyễn Ngọc Hân dịch.	2020	9786047787647
44	133.6 M942	Bàn tay mã số cuộc đời	Mục Nhân ; biên dịch: Hi ề n Chi Mai ; hiệu đ inh: Nguyễn Khắc Minh.	2006	8935077009538 (pbk.)
45	133.6 N576	Tiếˆng nói của bàn tay	Nguyễn Đình Phúc.	2005	(pbk.)
46	133.9013 W429	Ki ế p nào ta cũng tìm thấy nhau : câu chuyện v ề những linh hồn tri kỷ vĩnh viễn không chia lìa	Brian L. Weiss ; Du An dịch.	2020	9786049824197 ; 8935280902220
47	133.91 N576	Lên đồng : hành trình của thần linh và thân phận : len dong - journeys of spirits, bodies and destinies	Ngô Đức Thịnh.	2008	8934974071440 (pbk.)
48	138 B118	Thuật nhìn người	Bạch Sơn.	2020	9786045855720
49	138 S555	Nghệ thuật nhìn người đoán tính cách	Shozo Shibuya ; Pooh Chan dịch.	2019	9786042135382 ; 8935244820973
50	150 D822	Thay đổi suy nghĩ thay đổi cuộc đời	Đức Minh.	2008	8935077022308 (pbk.)
51	150 H545	Lịch sử tâm lý học	B. R. Hergenhann.	2019	9786048936174
52	150 K13	Chuẩn bị tâm lý tuổi 50	Kajuri ; người dịch, Minh Trang.	2008	8935073050602 (pbk.)
53	150 M645	Bàn v ề tự do	John Stuart Mill.	2021	9786043126976
54	150 P534 ; 150 P534	7 bí mật của tuổi mới lớn	Phạm Phương Nhi tổng hợp.	2007	8934974071686 (pbk.)
55	150 P577	Bí quy ế t giúp bạn trai chinh phục phái đẹp	Phương Quỳnh.	2008	8935088506989 (pbk.)
56	150 Q1	Nụ cười trong tim	Quang Ngọc.	2007	8935072820619 (pbk.)
57	150 V784	Hỏi đáp triết học tập 4 : tâm lý học và đạo đức học	Vĩnh An.	2007	8934974070580 (pbk.)
58	152.4 D486	Trí thông minh thực dụng	Harvey Deutschendorf ; Nguyễn Hồng Lê dịch.	2012	
59	152.4 H529	Sơ Cứu Cảm Xúc	DR Emma Hepburn.	2023	9786047781430
60	152.4 H741	41 Thói Quen Kỷ Luật Tự Giác Của Người Thành Đạt	Peter Hollins.	2024	9786044875743
61	152.4 T882	7 Ngày Khám Phá Điểm Mạnh Của Bản Thân	Tsuchitani.	2023	9786044762890
62	152.4 Z68	Chạm Vào Hạnh Phúc : 100 Câu Chuyện Khi ế n Bạn Mỉm Cười Mỗi Ngày	Zig Ziglar.	2023	9786044762913
63	152.41 P534	Muôn mặt tình yêu	Phạm Đức.	2007	
64	152.41 Z43	Tình yêu không có lỗi : lỗi ở bản thân =31 guys 31 lessons.	Maeya Zee ; 4895.7 Miles dịch.	2017	9786047730599
65	152.42 K15	Disneyland : xứ sở của hạnh phúc	Kamata Hiroshi ; Đỗ Quỳnh Anh dịch.	2017	9786047733989
66	152.46 C289	Chi ế n Thắng Nỗi Lo Và Sự Căng Thẳng	Dale Carnegie.	2018	9786045995327
67	153 M174	Bạn không thông minh lắm đâu = You are not so smart	David McRaney.	2017	9786047734245
68	153 M174	Bạn không thông minh lắm đâu : tại sao bạn lại có quá nhi ề u bạn bè trên Facebook, hầu h ế t ký ức của bạn đ ề u là giả, và 46 cách khác nhau bạn đang sử dụng để tự đánh lừa bản thân mình	David McRaney ; Voldy dịch.	2022	9786043456905 ; 8935325006845
69	153.15 K45	Tôi tài giỏi, bạn cũng th ế !	Adam Khoo ; dịch giả: Trần Đăng Khoa & Uô ng Xuân Vy.	2008	9789812288899 (pbk.)
70	153.15 K45	Tôi tài giỏi, bạn cũng th ế !	Adam Khoo ; với lời mở đầu của Tony Buzan & Ernest Wong ; dịch giả, Trần Đăng Khoa & Uông Xuân Vy.	2013	9786045607145 (pbk.) ; 6045607147 (pbk.)
71	153.35 C182	12 Tuần Phóng Thích Năng Lượng Sáng Tạo = The Artist's Way	Julia Cameron.	2016	9786045964286
72	153.35 M621	Đột phá sức sáng tạo : bí mật của những thiên tài sáng tạo	Michael Michalko ; Mai Hạnh, Quỳnh Chi	2007	(pbk.)
73	153.4 K16	Phê Phán Lý Tính Thực Hành : Đạo Đức Học	Immanuel Kant ; BÙI VĂN NAM SƠN dịch.	2007	9786049850967
74	153.4 K16	Phê phán năng lực phán đoán : Mỹ Học Và Mục Đích Luận	Immanuel Kant ; BÙI VĂN NAM SƠN dịch.	2006	9786049850974
75	153.42 B719	Tư Duy Đa Chi ề u : Phương Pháp Sáng Tạo Không Giới Hạn	Edward de Bono.	2018	9786047747252
76	153.43 B255	Làm th ế nào giải quy ế t mọi vấn đ ề = How to solve almost any problem : turing tricky problems into wise decisions	Alan Barker ; Y ế n Phương dịch.	2017	9786041108769
77	153.43 N169	Tại Sao Không?	Barry Nalebuff, Lan Ayres ; Ngô Thu Hương dịch.	2008	(pbk.)
78	153.43 W324	Người thông minh giải quy ế t vấn đ ề như th ế nào?	Ken Watanabe ; biên dịch, Hồng Dũng, Việt Anh.	2012	
79	153.43 W324	Người thông minh giải quy ế t vấn đ ề như th ế nào ?	Ken Watanabe ; Hòˆng Dung.; Anh Việt.	2010	8935086823965 (pbk.)
80	153.43 W324	Người thông minh giải quy ế t vấn đ ề như th ế nào?	Ken Watanabe ; biên dịch Hồng Dũng , Việt Anh.	2014	8935086823965
81	153.43 W324	Khó cỡ nào cũng gỡ = No problem! : an easy guide to getting what you what	Ken Watanabe ; người dịch, Phạm Thanh Tâ m.	2017	9786045866245
82	153.43 W324	Người thông minh giải quy ế t vấn đ ề như th ế nào?	Ken Watanabe ; Việt Anh dịch.	2020	9786045844991 ; 8935086847862
83	153.6 N322	Lời Nói Có Đáng Tin?	Joe Navarro ; Lê Huy Lâm.	2018	9786045875711
84	153.6 O11	Đắc nhân tâm kiểu hàn : phương pháp đối thoại tâm lý để đối b ên đ ề u hài lòng như mong đợi	Oh Suhyang ; người dịch: Thu Hà.	2021	9786047448449 ; 8935074123138
85	153.6 P363	Cuốn sách hoàn hảo v ề Ngôn Ngữ Cơ Thể	Allan & Barbara Pease ; Lê Huy Lâm.	2018	9786045875582

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
86	153.6 T136	36 Phương Pháp Truy ề n Đạt Thông Tin Hiệu Quả - Nói Hay, Quả Chuối Cũng Thành Hay! = Banana no miryoku wo 100 moji de tsutaetekudasai	Kakiuchi Takafumi.	2023	9786042326582
87	153.69 C518	Bí quy ế t đọc tâm : thấu hiểu người khác chỉ trong giây lát	Trần Bác Nam ; Nguyễn Lệ Thu dịch.	2019	9786049849282 ; 8936067600889
88	153.83 J66	"Yes" or "no" = những quy ế t định thay đổi cuộc sống	Spencer Johnson ; tổng hợp và biên dịch: Nguyễn Văn Phước ... [et al.].	2008	8935086810804 (pbk.)
89	153.9 A738	Bạn thông minh hơn bạn nghi	Thomas Armstrong ; Thu Trang, Ngọc Bình dịch.	2012	9980000010524 (pbk.)
90	153.9 T111	Bồi dưỡng IQ cho trẻ từ 0-1 tuổi	Tạ Băng. Lâm Nghĩa Văn. Ngô Thiệu Lâm.	2012	8936046599494 (pbk.)
91	154.63 H745	5 Bước Giải Mã Giấc Mơ	Gillian Holloway ; Như, Viện chuyển ngữ.	2018	9786047749652
92	155.234 H393	Power vs Force - Trường năng lượng và những nhân tố quy ế t đ ịnh tinh thần, sức khỏe con người	David R. Hawkins.	2020	9786047782727
93	155.234 L755	Tính cách của bạn và mối quan hệ vợ chồng biểu hiện qua nhóm máu	Linh Mộc Phương Chính ; dịch giả Hán văn: Đặng Khánh Quốc, Vương Khái Phát ; dịch giả Việt văn: Hoàng Thái.	2006	(pbk.)
94	155.332 S556	Những đi ề u bạn chưa bi ế t v ề trai tây	Cameron Shingleton.	2017	9786041111943
95	155.333 N576	Học cách mỉm cười : để trở thành người phụ nữ hạnh phúc =Take a smile	Nguyễn Hoàng Ánh.	2017	9786046530060
96	155.4 F115	Nói sao cho trẻ chịu nghe & nghe sao cho trẻ chịu nói	Adele Faber.	2021	9786047773213
97	155.4 L536	Khám phá trẻ em qua nét vẽ	Le Khanh.	2007	(pbk.)
98	155.4 L554	Nghệ thuật làm cha làm mẹ	Lê Minh Đức.	2006	(pbk.)
99	155.4 M958	15 tình huống cùng con vượt qua khó khăn : bi ế n đi ề u không mong muốn thành ni ề m vui	Sophie de Mullenheim và cộng sự ; Đặng Thanh Giang dịch.	2021	9786047795215 ; 8935235230668
100	155.4 P535	Những câu hỏi ngộ nghĩnh?	Phan Hoa, Lê Văn	2012	8936046596844 (pbk.)
101	155.413 D666	Tăng cường trí thông minh của trẻ	Tác giả: Glenn Doman. Janet Doman. Dịch giả: Hồng Tú.	2012	8936037794501 (pbk.)
102	155.413 N576 V.2 ; 155.413 N576 V.1	Phát triển toàn diện : não phải não trái cho trẻ em : từ 2 ~ 6 tuổi	Dịch giả：Ngọc Linh.	2012	8935212314008 (pbk.) ; 8935212314015 (pbk.)
103	155.413 T367	Những câu chuyện tăng cường trí thông minh cho trẻ	Thanh Minh	2011	8935073072406 (pbk.)
104	155.418 C276	Dạy con tìm bạn : giải mã mê cung tình bạn của con trẻ	Tanith Carey ; người dịch: Thảo Tâm.	2021	9786047450213 ; 8935074124111
105	155.4182 A769	Trẻ nhạy cảm : bốn chìa khóa vàng nuôi dạy trẻ thành công	Elaine N. Aron ; biển dịch, Trần Hồng.	2014	9786045917046 ; 8935077031416
106	155.4182 C539	9 bước rèn nhân cách : những câu chuyện giúp trẻ trưởng thành	Ki ế n Văn, Thuần Nghi Oanh biên dịch.	2009	
107	155.6 T772	Cẩm nang giới tính cho phụ nũ	Trấn Thanh Phong.	2007	8932000112624 (pbk.)
108	155.6 T819	Những sai lầ̂m phụ nữ dễ mắ̆c phải	Trí Việt, Khánh Linh biên soạn.	2007	(pbk.)
109	155.632 K45	Nghệ thuật chinh phục trái tim	Khánh Chi biên soạn.	2007	
110	155.632 T977	Bạn đã biế̂t gì về̂ người đàn ông : khám phá tâm lý đàn ông	Tỷ Ngọc, Chúc Uyên ; biên dịch, Đõ̂ Quyên.	2007	8935069903080 (pbk.)
111	155.9042 G432	Giảm stress	Nguyễn Thị Hải Phượng biên soạn.	2005	(pbk.)
112	155.9042071 C545	Huấn luyện cảm xúc : để con trẻ phát triển toàn diện : cẩm nang giúp thầy cô, cha mẹ thấu hiểu con em mình	Christina Sungaie Choi và Peck Cho ; Hoàng Phương Anh dịch.	2022	9786043455298 ; 8935235231238
113	155.92 O59	Bên trên tổn thương là giá trị-- sâu hơn dối trá là lý trí : dẫn dắt thiên tài nói dối vào xứ sở của ni ề m tin = Healing the soul of	Oopsy.	2019	9786045659496 ; 8794069301360
114	158 B877	Vươn Lên Từ Thất Bại = Rising Strong	Brene Brown.	2016	9786049446849
115	158 C222	Bí quy ế t để đạt được ước mơ = The Aladdin factor	Jack Canfield & Mark Victor Hansen ; biên dịch, Kim Vân, Nhã Viện, An Bình.	2009	
116	158 C289	Cuộc sốn̂g tươi đẹp : để luôn tràn đầ̂y sức sốn̂g	Dale carnegie ; biên dịch, HĐ Group.	2008	8935095601691 (pbk.)
117	158 C289	10 bước để có cuộc sống trọn vẹn	Dale Carnegie ; Hoàng Huấn dịch.	2018	9786045988930 ; 6045988930
118	158 C873	7 thói quen để thành đạt.	Stephen R. Covey ; Lưu Văn Hy.	2010	8935086829912 (pbk.)
119	158 C873	7 thói quen để thành đạt	Stephen R. Covey; biên dịch, Vũ Thí̂en Phúc.	2016	9786045848616 ; 8935086838235
120	158 C873	7 Thói quen hiệu quả	Stephen R.Covey ; Dịch: Hoàng Trung [and 4 others] ; Franklin Covey Việt Nam	2021	9786043127508
121	158 D871	Thông Minh Hơn, Nhanh Hơn, Giỏi Hơn	Charles Duhigg ; Đỗ Hương Giang.	2018	9786047743445
122	158 F469	Nguyên tắc 50 : không sợ hãi = The 50th law	50 Cent & Robert Greene ; Lê Đình Chi dịch.	2010	
123	158 G811	Nguyên tắc 50 : không sợ hãi =The 50th law	Robert Greene ; Lê Đình Chi dịch.	2017	9786041101197
124	158 H399	Hãy yêu cuộc sống bạn chọn = Life lessons for loving the way you live	Jennifer Read Hawthorne, Jack Canfield & Mark Victor Hansen ; biên dịch, Lại Th ế Luyện, An Bình.	2012	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
125	158 H732	Vượt Qua Trở Ngại = The Obstacle is the Way: Timeless Art of Turning Trials into Triumph	Ryan Holiday.	2016	
126	158 L998	Mật mã hạnh phúc : 12 hoạt động giúp tìm ra sức mạnh bên trong, vượt qua mọi rào cản và sống tự tại an vui	Sonja Lyubomirsky ; Đinh Tuy ế t Ngân dịch.	2021	9786045698389
127	158 S322 ; 158 S322	Chi ế n lược xung đột = The strategy of conflict	Thomas C. Schelling ; Vũ Ti ế n Phúc, Nguyễn Văn Thắng dịch.	2007	8934974069485 (pbk.)
128	158.0835 C873	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Sean Covey ; Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân dịch.	2019	9786045889824 ; 8935086848456
129	158.1 A211	Không gì là không thể	George Matthew Adams.	2008	8935086812877 (pbk.)
130	158.1 A829	K ế hoạch cuộc đời : 700 cách đơn giản để thay đổi cho cuộc sống tốt đẹp hơn	Robert Ashton ; Xuân Nguyễn dịch.	2012	9786041012257 (pbk.) ; 6041012254 (pbk.)
131	158.1 B248	Xoay tư duy chuyển cuộc đời- Wake Up! Escaping a Life on Autopilot	Chris Baréz-Brown.	2017	9786045841440
132	158.1 B825	Oola : tìm bình yên giữa vạn bi ế n	Dave Braun, Troy Amdahl ; Thanh Thảo dịch.	2019	9786045899823 ; 8935086850473
133	158.1 B833	4 giây : để thay đổi những thói quen xấu và đạt được k ế t quả như mong muốn =Four seconds	Peter Bregman.	2017	9786049555749
134	158.1 C222	Sức mạnh của tập trung	Jack Canfield, Mark Victor Hansen, Les Hewitt ; Vũ Nghệ Linh, Trần Vân Anh dịch.	2012	
135	158.1 C284	Tất cả đ ề u là chuyện nhỏ : những bí quy ế t dơn giản giúp bạn không bị vướng bận vì những chuyện vặt vãnh	Richard Carlson ; biên dịch, Hi ề n Lê, Th ế L âm, Vương Long.	2012	
136	158.1 C289	Vui sống và làm việc = How to enjoy your life and your job	Dale Carnegie ; lời nói đầu của: Dorothy Carnegie ; bản dịch ti ế ng Việt: Lê Huy Lâm.	2008	(pbk.)
137	158.1 C289	Đắc nhân tâm = How to win friends & influence people	Dale Carnegie.	2013	
138	158.1 C289	Quẳng gánh lo đi & vui sống : Những ý tưởng tuyệt vời để sống thanh thản và hạnh phúc =How to stop worrying and start living	Dale Carnegie ; Nguyễn Văn Phước dịch.	2019	9786045887691
139	158.1 C873	Tư duy tối ưu	Stephen R. Covey, A. Roger Merrill, Rebecca R. Merrill ; Vũ Ti ế n Phúc dịch.	2021	9786043127256
140	158.1 C873	7 Thói quen để thành đạt	Stephen R. Covey ; Vũ Ti ế n Phúc.	2007	8935086807781 (pbk.)
141	158.1 D211	Những Câu Chuyện Để Trưởng Thành : Tự Tin Khi ế n Mình Cà ng Xuất Sắc	Đào Xuân Ni.	2023	9786043311723
142	158.1 D211	Những Câu Chuyện Để Trưởng Thành : Sức Mạnh Của Những Tấm Gương	Đào Xuân Ni.	2023	9786048896621
143	158.1 D211	Những Câu Chuyện Để Trưởng Thành : Say Mê Dẫn Dắt Mình Khôn Lớn	Đào Xuân Ni.	2023	9786048896546
144	158.1 D211	Những Câu Chuyện Để Trưởng Thành : Mình Tự Chịu Trách Nhiệm	Đào Xuân Ni.	2023	9786048897253
145	158.1 D211	Những Câu Chuyện Để Trưởng Thành : Chăm Chỉ Học Thành T	Đào Xuân Ni.	2023	9786048897246
146	158.1 E54	Bi ế t ơn đời, đời sẽ thương ta : học cách bi ế t ơn, sống tích cực hơn	Robert A. Emmons ; Cỏ Mùa Thu dịch.	2019	9786047757992
147	158.1 G284	Giải Bài Toán Hạnh Phúc - Xây Dựng Con Đường Đ ế n Ni ề m Vui Của Bạn	Mo Gawdat.	2018	9786041129641
148	158.1 G588	40 thói quen xấu cần vứt bỏ : hành trình thay đổi bản thân đơn giản và b ề n vững	Tokio Godo ; Nhật Ánh dịch.	2021	9786043205213 ; 8935210274724
149	158.1 H772	Trí tuệ của những người nổi ti ế ng	biên soạn, Hồng Thắm.	2007	8935075910522 (pbk.)
150	158.1 H874	Đừng để sự mẫn cảm làm hại bạn	Hoàng Chí Kiên ; Thảo Nguyên dịch.	2021	9786043269741 ; 8935325001703
151	158.1 I47	Chữa lành cảm xúc bằng năng lượng tích cực	Sandra Ingerman.	2023	9786043869514
152	158.1 K45	Khi tôi dám ước mơ	Nhi ề u tác giả	2013	9786041021075 (pbk.) ; 8934974119449 (pbk.)
153	158.1 K49	Tôi quy ế t định sống cho chính tôi	Kim Suhyun ; Đỗ Phương Nhung dịch.	2019	9786049781414 ; 8936186541964
154	158.1 K54	Ám Thị Tâm Lý = How to think with intention : how to identify, transform, and apply mindsets for control, confidence, growth, and freedom	Patrick King.	2022	9786043623765
155	158.1 K82	Roger Magnet chu du vào chốn bá hàng	Roger Konopasek ; Nguyễn Th ế Tuấn Anh dịch.	2007	8935082600027 (pbk.)
156	158.1 K97	Bí quy ế t đơn giản hóa cuộc sống = How to simplify your life	Tiki Küstenmacher, Lothar J. Seiwert ; biên dịch, Thanh Thảo, An Bình.	2011	
157	158.1 L721	Mỗi lần vấp ngã là một lần trưởng thành	Liêu Trí Phong ; Trần Y ế n dịch.	2020	9786049817519 ; 8936067600988
158	158.1 L817	Tắt nguồn : bình tĩnh sống dù đời náo động	Angela Lockwood ; Trần Thị Dung dịch.	2021	9786047795413 ; 8935325001178

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
159	158.1 M664	50 cách đề^ phòng và ché^ ngự stress	Minh Anh, biên soạn.	2007	8936016000395 (pbk.)
160	158.1 M696	Ikigai : bí mật sống trường thọ và hạnh phúc của người nhật	Ken Mogi ; Vũ Thị Nhân Hậu.	2018	9786047752324 ; 8935235220454
161	158.1 M858	13 đi ề u người có tinh thần thép không làm	Amy Morin.	2018	9786043014334
162	158.1 N576	Bạn Là Ai Giữa Muôn Vàn Phong Cách Sống	Nguyễn Tuấn Đức.	2023	9786044100043
163	158.1 N576	9 trợ thủ đá˘c lực cho thành công của bạn	Nguyễn Nhật Hà tổng hợp biên soạn.	2007	8932000112532 (pbk.)
164	158.1 N576	Tri thức dành cho phái Dẹp	Nguyễn Thuỳ Linh.	2006	8935077019889 (pbk.)
165	158.1 N576	Bí mật của hạnh phúc	Nguyễn Văn Phước.	2015	8938506999660
166	158.1 P485	12 quy luật cuộc đời: Thần dược cho cuộc sống hiện đại	Jordan B. Peterson (Bùi Cẩm Tú dịch, Vũ Thái Hà hiệu đính).	2020	9786047774579
167	158.1 P534	10 Quy ế t Định Sáng Suốt Của Phụ Nữ	Phạm Thị Ngọc Ánh.	2007	8934974067900 (pbk.)
168	158.1 P535	Tri ế t học cho người không chuyên	Phan Thanh Lưu.	2019	9786049568244
169	158.1 P577	Phụ nữ là người thu phục	Hiện Lương tổng hợp.	2007	8934974067887 (pbk.)
170	158.1 R134	Chỉ Có Bạn Mới Trả Lời Được Câu Hỏi Của Cuộc Đời Mình = The answer are within you	Amber Rae.	2023	9786041232938
171	158.1 R658	Nghệ thuật sống tự tin : 10 bí quy ế t thực sự làm thay đổi cuộc đời bạn	Bryan Robinson ; Thanh Thảo dịch.	2019	9786045890097 ; 8935086847886
172	158.1 S531	Tìm vè^ sức mạnh vô biên	Robin S. Sharma ; Thảo Vương, An Bình, Ngọc Hân biên dịch.	2008	8935086812327 (pbk.)
173	158.1 S531	100 Cách Sống Hạnh Phúc = 100 Ways to Happiness - A Guide for Busy People	Timothy J. Sharp.	2016	9786048411718
174	158.1 S614	Đánh thức đam mê : làm th ế nào để tạo ra con người phi thường trong bạn	Naomi Simson.	2020	9786043024418
175	158.1 S617	100 Lời Nhắn Gửi Tuổi 20 (Qua Ba Ngôn Ngữ Việt-Hàn-Trung)	A Síng, Robin Shin, Lê Huy.	2023	9786043450132
176	158.1 T245	Khi đã có chí, hướng nào đi cũng được	Ros Taylor ; Anh Tạ dịch.	2018	9786047741618 ; 6047741614
177	158.1 T284	Những quy tá˘c trong cuộc só^ng : bí quyé^t cho một cuộc só^ng tô^t đẹp hơn, hạnh phúc hơn và thành đạt hơn	Richard Templar.	2008	8936037741062 (pbk.)
178	158.1 T532	Ai cũng xứng đáng được hạnh phúc	Thu Hà (Mẹ Xu-Sim).	2018	9786049630002 ; 6049630003
179	158.1 T665	Nóng giận là bản năng , tĩnh lặng là bản lĩnh	Tống Mặc ; Hà Giang dịch.	2020	9786047777822 ; 8936186544446
180	158.1 T667	Trên đường băng	Tony Buổi Sáng.	2017	9786041087279 ; 6041087270
181	158.1 T761	Quà tặng cho người muốn thành công	Brian Tracy.	2008	8932000114055 (pbk.)
182	158.1 T772	Chuy ế n tàu một chi ề u không trở lại - Bạn có muốn đi ti ế p?	Kiên Trần.	2019	9786048990619 ; 8935278604334
183	158.1 T772 V.1	Cảm nhận cuộc sống qua 210 câu chuyện	Trăn Giang Sôn, Trăn Thi Quyên,	2007	8935075910737 (v. 1 : pbk.) ; 8935075910744 (v. 2 : pbk.) ; 8935075910751 (v .3 : pbk.)
184	158.1 T883	Có những thứ đẹp hơn cả tình yêu	Tử An.	2019	9786049768453
185	158.1 T968	Năm phút vàng	Tuy ế t Minh, biên soạn.	2007	(pbk.)
186	158.1 V341	Thái độ sống tạo nên tất cả : những câu chuyện khơi gợi ni ề m tin và lòng dũng cảm = It's all a matter of attitude!	J.P. Vaswani ; biên dịch, Minh Trâm, An Bình.	2011	
187	158.1 V994	50 đi ề u ngươời phụ nữ cần làm trong cuộc sống	Vương Tinh Phàm.	2007	8935072815004 (pbk.)
188	158.1 Y25	Bạn chỉ cần sống tốt, trời xanh tự an bà	Kotoha Yao ; Nguyễn Ngọc Anh dịch.	2018	9786045536933
189	158.1 Y45	Chìa khóa để cân bằng cuộc sống	Y ế n Nhi, tổng hợp.	2007	8934974068167 (pbk.)
190	158.1 Z68	Hẹn bạn trên đỉnh thành công	Zig Ziglar.	2008	8935086812532 (pbk.)
191	158.1082 J54	Phụ nữ hiểu bi ế t sẽ có cuộc sống đẳng cấp hơn	by Jenny Ki ề u ; Tiểu Triệu dịch.	2021	9786043078336 ; 8936186549366
192	158.1083 R572	Teen nghĩ chất sống chất : #88 love life, II	Diana Rikasari ; minh họa: Dinda Puspitasari ; người dịch: Mai Lâm Phương, Nguyễn Hữu Thiện.	2021	9786045685952
193	158.10835 B531	Hành trang vào đời của tuổi teen : how to be calm, confident, and focused =A teen's guide to success	Ben Bernstein ; Trung Sơn người dịch.	2017	9786047429349
194	158.10835 C284	Vượt lên những chuyện nhỏ : dành cho bạn trẻ	Tác giả: Richard Carlson ; Dịch giả: Aa Bình, Nhã Viện, Phan Thanh Thảo.	2011	8935086829318 (pbk.)
195	158.10835 T314	Tại sao lo lắng? Hãy vui lên!	Teo Aik cher ; Phạm Hoa Phượng dịch.	2019	9786045885710 ; 8935086847077

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
196	158.108422 V217	Bạn đắt giá bao nhiêu?	Văn Tình ; Mỹ Linh dịch.	2019	9786047767113 ; 8936186540899
197	158.12 C222 V.1	Hạt giống tâm hồn riêng dành cho phụ nữ	Jack Canfield, Mark Victor Hansen.	2008	8935086805848 (v. 1 : pbk.) ; 8935086806210 (v. 2 : pbk.)
198	158.12 K95	Chánh Niệm - Nghi Thức Phục Hồi Tâm Trí = Sekai no elite ga yatteiru saiko no kyusokuho	Akira Kugaya.	2023	9786043342338
199	158.12 N556	Chicken Soup for the soul : Nắng Ấm Sau Mưa = Tough times won't last, but tough people will ：101 stories about overcoming life's challenges	Amy Newmark.	2023	9786043126723
200	158.12 N556	Chicken Soup for the soul : Vượt Qua Dông Bão = Tough times won't last, but tough people will ：101 stories about overcoming life's challenges	Amy Newmark.	2023	9786043127577
201	158.12 N556	Chicken Soup for the soul : Gieo Hạt Mầm Tử T ế = Tough times won't last, but tough people will ：101 stories about overcoming life's challenges	Amy Newmark.	2023	9786043126730
202	158.12 N556	Chicken Soup for the soul : Những Chồi Non Hy Vọng = Tough times won't last, but tough people will ：101 stories about overcoming life's challenges	Amy Newmark.	2023	9786043127034
203	158.12082 C222	Hạt giống tâm hồn : riêng dành cho phụ nữ 1	Jack Canfield & Mark Victor Hansen.	2011	
204	158.12082 C222	Hạt giống tâm hồn : riêng dành cho phụ nữ 2	Jack Canfield & Mark Victor Hansen.	2012	
205	158.1280835 H361	Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen 2	nhiè^u tác giả ; First News tổng hợp và thực hiện.	2011	
206	158.2 A658	Bí Kíp Sinh Tồn Cho Những Trái Tim Nhạy Cảm = How to reclaim your power from narcissists and other manipulators	Shahida Arabi.	2023	9786044774428
207	158.2 F523	Bắt mạch những kẻ sợ yêu	Tamsen Firestone, Robert W. Firestone, Leslie S. Greenberg ; Minh Nguyệt dịch.	2019	9786047770069 ; 8936186542640
208	158.2 G433	Những kinh nghiệm xử th ế hiệu quả	Giang Văn Toàn.	2006	8935075910485 (pbk.)
209	158.2 G778	Hạnh phúc bên nhau : đàn ông sao hỏa - đàn bà sao kim	John Gray ; biên dịch, Bích Thủy, Minh Tươi, Ngọc Hân.	2008	8935086808948 (pbk.)
210	158.2 G778	Đàn ông sao Hỏa, đàn bà sao Kim : hạnh phúc bên nhau = Mars and Venus together forever	John Gray; biên dịch, Bích Thủy, Minh Tươi, Ngọc Hân.	0000	9786045823088
211	158.2 H874	Thay đổi một suy nghĩ, thay đổi cả cuộc đời : người khác đối xử th ế nào với bạn là do bạn dạy	Hoàng Khải Đoàn ; Phương Linh dịch.	2022	9786043718447 ; 8936067604191
212	158.2 M145	Sức mạnh tình bạn : mọi thứ sẽ tàn phai chi có tình bạn là mãi m ãi	Alan Loy McGinnis ; biên dịch: Việt Khương, Th ế Lâm.	2009	8935086812952 (pbk.)
213	158.2 P534	Chuyện v ề ứng xử văn hoá	Phạm Phương Thảo.	2018	9786045883099
214	158.25 L433	14 mã^u người nên đề^ phòng khi kế^t bạn	Lê Quân tổng hợp, biên soạn.	2007	8932000112303 (pbk.)
215	170.8352 V263	Nghe bố nầy, con gái! : những đi ề u v ề cuộc sống bố muốn con bi ế t	Philip Van Munching ; Ki ề u Vân, dịch ; Thanh Minh, hiệu đính.	2015	9786045927736 ; 8936037794228
216	170.8422 M664	Để con gái vững bước vào đời	Minh Tử, Hoàng Hương biên soạn.	2007	8935069903042 (pbk.)
217	171.4 C486	Alain nói v ề hạnh phúc	Émile Chartlier ; Hồ Thanh Vân.	2013	9786041017245 (pbk.)
218	173.1 T833	Nghịch lý của hôn nhân	Trịnh Trung Hòa.	2006	(pbk.)
219	174 S214	Ti ề n không mua được gì?	Michael Sandel ; Nguyễn Diệu Hằng dịch.	2019	9786041143562 ; 8934974165606
220	174.9092 M978	Bí Mật Luật Hấp Dẫn	Joseph Murphy.	2023	9786043394021
221	177 B583	Những câu chuyện vè^ lòng can đảm	Bích Nga, dịch.	2013	8934974103677 (pbk.)
222	177.7 H217	Sống thật bao nhiêu hạnh phúc bấy nhiêu	David R. Hamilton.	2020	9786043181647
223	177.7 Q1 ; 177.7 Q1	Quà tặng cho người đang yêu	Nhóm Nhân Văn.	2008	8934974072263 (pbk.)
224	179.8 V986	110 lời khuyên thi ế t thực cho trẻ em	Vũ Bội Tuy ề n.	2007	8935069903509 (pbk.)
225	179.9 X3	Bài học vô giá từ những đi ề u bình dị = The world's best inspiring stories	G. Francis Xavier ; biên dịch Hoàng Y ế n, An Bình, Ngọc Hân.	2011	9980000035367 (pbk.)
226	179.9 Z63	Khổ luyện thành tài : những tấm gương hi ế u học Trung Hoa	Lý Tú Hiệp, cải biên ; Vâ^n Anh, dịch ; Thái Hà Books, hiệu đính.	2009	
227	180 N576 ; 180 N576	Hỏi đáp tri ế t học tập 5: Nam Hoa Kinh	Nhóm Biên Soạn Tri ế t Học.	2007	8934974068952 (pbk.)
228	181.11 D928	Kinh dịch và cá^u hình tư tưởng Trung Quó^c = 易經與中華思想的構型	Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh.	2006	(hard)
229	181.11 J947	Càc biểu tương của nội giới hay cách đọc triết học v ề kinh dịch	Francois Jullien.	2007	8934985000101 (hard)
230	181.112 D631	Những câu nói bất hủ của	Đỗ Anh Thơ.	2007	8935075910621 (pbk.)
231	181.114 C559	Trang tử và Nam hoa kinh	Nguyễn Hi ế n Lê.	1994	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
232	181.114 L795	Lão-tử Đạo-đức-kinh.	Loa-tzŭ.; Nguyễn-duy-Cầ^n.	2006	(pbk.)
233	181.12 F961	Khuyế^n học : hay những bài học về^ tinh thầ^n độc lập tự cường của người Nhật Bản	Fukuzawa Yukichi ; Phạm Hữu Lợi dịch.	2008	8936024912352 (pbk.)
234	199.54 K92	Đối Diện Cuộc Đời = Commentaries on Living	Jiddu Krishnamurti.	2015	9786046315162
235	200.9597 N576	Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam	Nguyễn Hạnh.	2019	9786041151352 ; 8934974166016
236	203.8 B576	Tục thờ cúng của người Việt	Bùi Xuân Mỹ.	2009	8935095602971 (pbk.)
237	204.4 C338	Khi ta thay đổi th ế giới sẽ đổi thay = Change your mind and your life will follow	Karen Casey ; biên dịch, Hồng Anh, Hạnh Nguyên, Ngọc Hân.	2012	
238	204.4 N576	Người thầy của tỉnh thức & thương yêu	Nhi ề u Tác Giả.	2019	9786048931650
239	248.482 T316	Trên cả tình yêu = No greater love	Mẹ Teresa ; biên dịch, Bích Nga, Ngọc Sáu, Hoa Phượng.	2008	8935086808573 (pbk.)
240	248.8431 S264	Đừng cố làm những bà mẹ hoàn hảo	[Jill Savage ; biên dịch, Hải Hà, Khánh Minh].	2014	9786045912409 ; 8935077031164
241	248.86 V989	Cuộc sống không giới hạn	Tác giả：Nick Vujicic.	2012	8935086831304 (pbk.)
242	291.44 T651	Sức mạnh của hiện tại	Eckhart Tolle ; diện mục Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Ngọc Thủy, Đỗ Tâm Tuy dịch.	2019	9786045887646 ; 8935086849736
243	294.3 G721	Đường mây qua xứ tuy ế t	Lama Anagarika Govinda ; Nguyên Phong.	2013	8935086832004 (pbk.)
244	294.3 H678	Đức phật, nàng sapitri pà tỏi	Hồ Anh Thái	2007	8932000112549 (pbk.)
245	294.3 K45	Tôi là ai? : một phương pháp hành thiề^n	ni sư Ayya Khema ; chuyển ngữ, Diệu Liên ... [et al.].	2008	8936037790664 (pbk.)
246	294.3 N576	Trái tim của Bụt	Thích Nhấ^t Hạnh ; phiên tả và hiệu đính, Ch ân Đoan Nghiêm, Chân Văn Tâm Phước, Diệu Chánh.	2007	
247	294.3 O82	Từ thuốc tới thi ề n : cách thi ề n hỗ trợ cho mạnh khỏe thể chất và tâm lý	Osho.	2007	(pbk.)
248	294.337 D533	Em đã đúng khi rời xa anh! = Thank you for leaving me	Farhana Dhalla ; Nguyễn Ngọc Huy ề n người dịch.	2017	9786047739837
249	294.34 N576	Sô^ng chung an lạc : phương cách xây dựng tăng thân	Thích Nhấ^t Hạnh.	2007	(pbk.)
250	294.343509597 L151	Chùa Hà Nội	Lạc Việt.	2009	
251	294.3443 C454	Trị liệu ung thư bằng chánh niệm	Chân Pháp Đăng.	2014	9786045914007
252	294.34435 S132	Thi ề n mỗi ngày : 101 hướng dẫn thi ế t thực	Saigonbook.	2006	(pbk.)
253	294.3444 T428	Như th ế nào là giải thoát	Thích Nữ Giác Liên.	2015	9786046313663 ; 8936037796383
254	294.392 Z63	Tri ế t học phật giáo : Hoa Nghiêm Tông	Garma C.C. Chang ; người dịch, Thanh Lương Thích Thiện Sáng.	2006	
255	294.3923 N993	Theo chân đạo sư Tây Tạng	Lama Ole Nydahl ; Tâm Huệ Nguyễn Thị Tú Oanh dịch.	2011	9786046309512 (pbk.) ; 6046309514 (pbk.)
256	296.083 T772	Phương pháp giáo dục con của người do thái : (giúp trẻ Tự tin bước vào cuộc sống)	Trần Hân	2013	8936046599753 (pbk.)
257	296.74 M696	Dạy con Kiểu Do Thái : sự may mắn của điểm b trừ	TS. Wendy Mogel ; Mình Nhật dịch.	2014	9786046515715 ; 8936037796130
258	299 N576	Religious issues and government policies in Việt Nam	Nguyễn Minh Quang.	2005	(pbk.)
259	299.5 D996	Thay đổi tư duy thay đổi cuộc sống	Wayne W. Dyer.	2008	8935201510176 (pbk.)
260	299.5 P534	Kinh dịch với nhân dạng và phong thủy	Phạm Văn Các.	2020	9786045544327
261	299.93 O82	Khác biệt : sống theo cách của bạn	Osho ; Nguyễn Tuấn Anh biên dịch.	2018	9786048951122 ; 8936055360641
262	300 P534	Bằng chứng lý giãi	Phạm Duy Hiển.	2007	8934974063209 (pbk.)
263	300 R997	Áo giáp của Iron Man Giá bao nhiêu?	Park Byung Ryul - Ngọc Hân & Thanh Mai	2020	9786048897437
264	302 G543	Điểm bùng phát : làm th ế nào để những đi ề u nhỏ bé tạo nên sự khác biệt lớn lao?	Malcolm Gladwell ; Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Trang dịch.	2007	8936037747675 (pbk.)
265	302 N576	Nghệ thuật hiểu thấu tâm lý người khác	Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Minh Đức.	2019	9786049753107 ; 8935077037494
266	302 N734	Bí mật hành trình của tình yêu	David Niven ; biên dịch, Nhã Khanh, Việt Há, Trần Kim Thanh.	2007	
267	302.224 T871	Nói chuyện là bản năng, giữ miệng là tu dưỡng, im lặng là trí	Trương Ti ế u Hằng (Trần Ngọc Lâm dịch).	2019	9786043227444
268	302.231 D633	Nghệ thuật kiêng khem tin tức : bí kíp sinh tồn thời kỹ thuật số	Rolf Dobelli ; Phạm Hi ề n Lê dịch.	2021	9786045591888 ; 8935235231061
269	302.231 I97	Nghệ thuật của sự tĩnh lặng	Pico Iyer ; Dịch: Tuấn Mẫn, Tú Oanh.	2017	9786045980583
270	302.309 F353	Quảng trường và toà tháp : mạng lưới và quy ề n lực, từ Hội Tam điểm đ ế n Facebook	Niall Ferguson ; Dịch: Vũ Hoàng Linh, Sơn Phạm.	2021	9786047787548
271	302.33 G982	Tâm lý học đám đông	Gustave le bon.	2006	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
272	302.343 B462	Chống lại kẻ bắt nạt trên mạng : Cẩm nang sử dụng mạng xã hội : dành cho bố mẹ đọc cùng con =Cyberbulli al tappeto : piccolo manuale per l'uso dei social	Teo Benedetti, Davide Morosinotto ; Hạ An dịch ; Minh hoạ: Jean Claudio Vinci.	2017	9786045989456
273	303.4830112 K13	Vật lý của tương lai	Michio Kaku ; Hà Thị Mai Hoa dịch.	2019	9786047769643
274	303.4834 C312	Chuyển đổi lớn : ráp lại th ế giới từ Edison tới Google	Nicholas Carr ; Vũ Duy Mẫn dịch.	2010	
275	303.6 G799	33 chi ế n lược của chi ế n tranh	Robert Greene ; Nguyễn Thành Nhân.	2008	8934974072133 (pbk.)
276	304.82 S675	Sổ thông tin giản dị liên quan đ ế n sing hoạt của người hôn phối nước ngoài tại đài loan	[Bộ nội vụ biên soạn].	2003	9570151110 (pbk.) ; 9789570151114 (pbk.)
277	305 D822	Nghệ thuật nói chuyện & xã giao hàng ngày	Đức Thành.	2008	8936040582164 (pbk.)
278	305.231 B696	Cú sốˆc dưỡng dục : tư duy mới v ề trẻ em	Po Bronson và Ashley Merryman ; Minh Hi ề n dịch.	2011	9786046500056 ; 8936037793337
279	305.231 B869	Cú sốc dưỡng dục : btư duy mới v ề trẻ em	Po Bronson; Ashley Merryman ; Minh Hi ề n dịch.	2011	9786046500056 (pbk.) ;
280	305.235 D631	Khi người ta lớn	Đỗ Hồng Ngọc.	2008	8934974071396 (pbk.)
281	305.235 L415	Hãy giúp tôi : bạn trẻ & các cấn đ ề liên quan đ ế n sức khỏe, x ã hội & luật pháp	Felicia Law ; Rupert van Wyk, Lyn Gray minh họa ; Quỳnh Thông dịch.	2007	8934974069751 (pbk.)
282	305.235 L433	Rung cảm đầu đời và cạm bẫy	Lê Đạt, Bá Kiên, biên soạn.	2007	(pbk.)
283	305.235 W534	Những điềˆu con gái ngại hỏi mẹ	Carol Weston ; Tuáˆn Anh, dịch.	2006	1006071900583 (hard)
284	305.2442 L477	Tuổi 40 Yêu Dấu	Ann Lee.	2017	
285	305.2442 L477	Tuổi 40 yêu dấu : tản văn	Ann Lee ; tranh: Kim Duẩn.	2016	8934974142904
286	305.3 G618	Tâm lý đàn ông người phụ nữ cần bi ế t	Herb Goldberg ; người dịch: Phan Lưu Ly.	2007	(pbk.)
287	305.31 D167	Đàn ông th ế kỷ 21	Giang Đê, chủ biên ; người dịch, Thành	2007	(pbk.)
288	305.31 G464	Người đàn ông mỹ cuối cùng	Elizabeth Gilbert ; Lê Nguyễn Lê.	2013	8936024919979 (pbk.)
289	305.4 K45	Hấp dẫn tuổi 30	Khả Nhân.	2008	8935073042201 (pbk.)
290	305.4 M457	Thư gởi người đàn bà không quen bi ế t	André Maurois ; Nguyễn Hi ế n Lê dịch.	2007	8935077034103 (pbk.)
291	305.42092 B612	Bí mật sau tấm mạng : hồi ký của người từng làm dâu dòng họ Bin Laden	Carmen Bin Ladin ; Mai Diên dịch.	2008	8936024911591 (pbk.)
292	305.420951 X6	Hảo nữ Trung Hoa	Hân Nhiên ; Tạ Huy ề n dịch.	2010	
293	305.562 N576	Đời sống xã hội Việt Nam đương đại. 1, Tình cảnh sống của người công nhân: thân phận, rủi ro và chi ế n lược sống	PGS.TS Nguyễn Đức Lộc (chủ biên).	2015	9786049431593 ; 8936080501255
294	305.5688 A552	Đạp xe vì tình từ ấn sang âu = The amazing story of the man who cycled from india to europe for love	Per J Andersson ; Đặng Thu dịch.	2017	9786045867709
295	305.8009597 H678	An Overview of Traditional Cultures of 53 Ethnic Groups in Vietnam- Tổng quan văn hóa các dân tộc Việt Nam	Hoàng Nam.	2019	9786047771882
296	305.8009597 P535	Cội nguồn chính sách dân tộc Việt Nam	Phan Hữu Dật, Lâm Bá Nam.	2019	9786047369157 ; 8935075947368
297	305.8924 L981	Cánh cửa trí tuệ của người do Thái	Lý Qu ế Đông ; biên dịch Tri Thức Việt.	2012	
298	305.89592073 N576	Làm dâu nước mỹ	Nguyễn Thị Thanh Lưu.	2014	9786045623688 ; 6045623681
299	305.89922 N576	Di sản văn hóa Chăm = Heritage of Chăm culture	Nguyễn Văn Kự.	2008	(pbk.)
300	306.095498 H111	Hạnh phúc là con đường : từ chuyển hóa nội tâm đ ế n cải ti ế n xã hội ; Vì một xã hội nhân ái	Hà Vĩnh Thọ ; Nhóm dịch, Tịnh Trúc Gia.	2022	9786043455229 ; 8935235229679
301	306.09597 T627	N ế p cũ : cầm - kỳ - thi - họa	Toan, Ánh.	2011	9786041004487 (pbk.) ;
302	306.34 C432	Tính yêu háng hiệu : mố tính của người châu á với háng hiệu	Radha Chadha & Paul Husband ; người dịch: Đăng Quang Hi ế u.	2008	8934974077978 (pbk.)
303	306.7 H342	Cư xử như đàn bà suy nghĩ như đàn ông : những đi ề u đàn ông thực sự nghĩ v ề tình yêu, mối quan hệ, sự gần gũi, và cam k ế t	Steve Harvey ; Trần Hoa, Huy ề n Vũ dịch.	2020	9786049932410 ; 8935235220492
304	306.7 L981	Càng mạnh mẽ, càng dịu dàng	Lý Ái Linh ; Mai Dung dịch.	2020	9786045679531 ; 8936186540585
305	306.7 P497	Chuyện Dễ Đùa Khó Nói	Jasminka Petrovic; illustrated by Dobrosav Bob Zivkovic.	2014	9786045625811 ; 8935086826959
306	306.7 R211	Quá trình tìm hiểu trước hôn nhân : những đi ề u cần bi ế t v ề hôn nhân gia đình	Howard J. Rankin ; Nhân Văn biên dịch.	2004	8935072800857 (pbk.)
307	306.7 R988	Tình dục thuở hồng hoang	Christopher Ryan & Cacilda Jethá ; Lê Khánh Toàn dịch.	2018	9786047741656 ; 6047741657
308	306.7 T153	Sex Và NhữngThứ Khác	Tâm Phan	2015	9786049361708 ; 8935212316880
309	306.7 T772	Gái trinh?	Tranh Tử ; Nguyễn Lệ Chi dịch.	2008	(pbk.)
310	306.70951 Q1	Chuyện tình một đêm	Chi Xuyên ; Nguyễn Lệ Chi, tổng hợp, biên dịch.	2007	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
311	306.73 F299	Bình tĩnh khi ế , mạnh mẽ khi yêu : tuyệt chiêu thoát ế cho nà ng lận đận tình duyên	Ellen Fein, Sherrie Schneider ; người dịch: Hiểu Tường.	2019	9786045663677 ; 8936186542589
312	306.736 T384	Tại Sao Đàn Ông Ngoại Tình?	Debbie Then.	2012	8935073081392
313	306.766 N576	Chuyện tình của lesbian và gay	Nguyễn Thơ Sinh.	2007	(pbk.)
314	306.8 D182	Gia đình Việt Nam : những giá trị truyề ̂n thố ̂ng và các vấ ̂n đ ề ̂ tâm - bệnh lý xã hội	Đặng Phương Kiệt, chủ biên.	2006	(hard)
315	306.8109597 N576	Khi lấy chàng-- : nhật ký của cô dâu trẻ	Nguyễn Thị Thu Hi ề n.	2009	
316	306.872 G779	Hướng Dẫn "Sử Dụng" Nửa Kia	John Gray.	2019	9786047757862
317	306.872 T833	Khi hôn nhân không có tình yêu	Trinh Trung Hóa.	2008	(pbk.)
318	306.874 G319	Sau Này Con Sẽ Hiểu : someday you'll thanks me for this!	Marc Gellman ; biên dịch, An Bình, Việt Khương, Ngọc Hân.	2008	8935086809143 (pbk.)
319	306.874 N576	Làm cha làm bạn làm thầy	Nguyễn Công Đi ề n.	2017	9786041095120 ; 6041095125
320	306.8742 C426	Cha và con : Tình cha con của những người nổi ti ế ng	Nhi ề u tác giả ; chủ biên, PGS.TS. Lưu Khá nh Thơ.	2018	9786041104167
321	306.8742 C731	Có cha trong đời	Nhi ề u tác giả.	2017	9786045644089
322	306.8742 C813	Vắng cha con trai lạc lối : tìm lại bản dạng nam tính	Guy Corneau ; Vân Anh, Hương Nguyễn dịch.	2021	9786043112818 ; 8935280907386
323	306.8742 H678	Con trai, ba có đi ề u muốn nói với con	Hoàng Quân	2011	9786049178092 (pbk.)
324	306.8742 T111	Con trai, ba có đi ề u muốn nói với con	Tạ Tìnn.	2012	8936037696898 (pbk.)
325	306.8743 C652	Có mẹ trong đời	Nhi ề u tác giả.	2017	9786045644072
326	306.8743 F527	Xin đừng làm mẹ khóc	First News.	2018	9786045875247
327	306.8743 J69	Phút dành cho mẹ : sự quan tâm và cách yêu thương có thể làm thay đổi tương lai con bạn	Spencer Johnson ; tổng hợp và biên dịch: Nguyễn Văn Phước ... [et al.].	2007	8935086810750 (pbk.)
328	306.8754 C222	Chị tôi = Chicken soup for the sister's soul	Jack Canfield, Mark Victor Hansen ; biên dịch, Ngọc Kh ánh, Minh Tươi.	2010	
329	306.9 G284	Ai rồi cũng ch ế t! : Sự thật v ề tuổi già và cái ch ế t được ti ế t lộ bởi một bá c sĩ phẫu thuật	Atul Gawande; Phan Nguyễn Khánh Đan dịch.	2015	9786048011604
330	307.76 T772	Văn hóa đô thị	Trần Ngọc Khánh.	2019	9786045885222
331	320.53209597 M217	Động lực và trăn trở : tự truyện	Mai Quốc Bình.	2015	9786041050365 ; 6041050369
332	327.1 C235	Th ế giới quanh ta	Cao Huy Thuần.	2007	(pbk.)
333	327.1 L975	Giấc mơ Trung Quốc : tư duy nước lớn và định vị chi ế n lược trong thời đại hậu Mỹ	Lưu Minh Phúc ; người dịch, Nguyễn Hải Hoành.	2011	9786049165344 (pbk.) ; 6049165343 (pbk.)
334	327.12730092 S674	Bị Theo Dõi -Bí mật an ninh mạng = Permanent Record	Edward Snowden ; Đăng Thư - dịch.	2019	9786048450311
335	327.597 V666	Việt Nam-Nhật Bản quan hệ đối tác chi ế n lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á	Nguyễn Tấn Phát, ký sự ảnh, biên soạn.	2014	9786045821145 ; 8936092450015
336	327.73 P321	Tại sao Việt Nam : bản dạo đà ̂u con chim hải âu của nước Mỹ	tác giả, Archimedes L.A. Patti ; người dịch, Lê Trọng Nghĩa.	2008	(hard)
337	330 B416	Kinh t ế học vi mô	David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch.	2008	8936006680170 (pbk.)
338	330 B416	Kinh t ế học vĩ mô	David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch.	2008	8936006680187 (pbk.)
339	330 W256	Bài tập kinh t ế học vĩ mô	Damian Ward, David Begg.	2008	8936006680224 (pbk.)
340	330 W256	Bài tập kinh t ế học vi mô	Damian Ward, David Begg.	2008	8936006680217 (pbk.)
341	330.092 B919	Ý tưởng mới từ các kinh tế ̂ gia tiề ̂n bố ̂i : hướng tới những tư tưởng kinh tế ̂ hiện đại	Todd G. Buchholz ; Phạm Hồ ̂ng Bá ̆c và Bùi Ngọc Sơn dịch.	2007	(pbk.)
342	330.16 L256	Sự giàu và nghèo của các dân tộc	Davis S. Landes ; Vũ Hoàng Linh, Sơn Phạm dịch.	2020	9786049903250
343	330.9 D182	Tư duy kinh tế ̂ Việt Nam 1975-1989 : nhật ký thời bao cấp	Đặng Phong.	2009	8936059720430 (pbk.)
344	330.95 S392	Châu Á thần kỳ : thiên sử thi v ề hành trình tìm ki ế m sự thịnh vượng của ch âu Á = The miracle	Michael Schuman ; Ngô Thị Tố Uyên dịch.	2010	
345	330.9597 N576	Kinh t ế và xã hội Việt-Nam dưới các vua tri ề u Nguyễn	Nguyễn Th ế Anh.	2008	(pbk.)
346	331.620951249 N576	Những câu chuyện v ề môi giới của Di công	[edited by]Migrant Empowerment Network in Taiwan.	2019	9789869851145
347	332.024 C799	Rich habits : thói quen thành công của những triệu phú tự thân	Thomas C. Corley ; Thảo Trần (dịch).	2019	9786048995577 ; 8935246922736
348	332.024 G664	Spenditude : làm chủ đồng ti ề n tự do tài chính	Paul Gordon & Janine Robertson ; Nguyễn Quân dịch.	2021	9786047791767 ; 8935278601173
349	332.024 K49	Hãy trả lương hàng tháng cho con	Kim Young Ok ; Nguyễn Thị Thu Hà dịch.	2021	9786043251784 ; 8935280908451
350	332.024 O45	Sự thật tàn nhẫn v ề gia đình, con cái và ti ề n bạc	Kevin O'Leary.	2019	9786048999018
351	332.024 T871 ; 332.024 T871	Tại sao chúng tôi muốn bạn giàu? : hai người giàu, một thông điệp	Donald J. Trump, Robert T. Kiyosaki ; Lê Tuyên dịch.	2008	8934974068419 (pbk.)
352	332.0240082 K62	Người phụ nữ giàu : kiểm soát đồng ti ề n, quản lý cuộc đời! = Take charge of your money, take charge of your life	Kim Kiyosaki ; Huỳnh Thạch Trúc và nhóm dịch.	2018	9786041008106 ; 6041008109
353	332.02401 A545	Trở thành triệu phú theo cách của chúa	C. Thomas Anderson ; Nông Thanh Nga dịch.	2008	8936037741314 (pbk.)
354	332.02401 E36	Bí mật tư duy triệu phú	T. Harv Eker ; Kim Liên dịch.	2019	9786045887837
355	332.024014 C957	Sống hạnh phúc với 7 thói quen ti ề n bạc : ngừng so bì để yêu đời hơn	Rachel Cruze ; Trần Ngọc Dũng dịch.	2021	9786043294750
356	332.024014 S546	Lập k ế hoạch quản lý tài chính cá nhân	Kristy Shen, Bryce Leung ; H ế n Nguyễn dịch.	2019	9786049467486 ; 8936066687737
357	332.4 T428	Ti ề n & Tình Đời : Nghệ Thuật Buông Bỏ	Thích Nhật Từ.	2018	9786046844518
358	332.6 K628	Dạy con làm giàu. Tập 3	Robert T. Kiyosaki, Sharon L. Lechter ; Tạ Nguyễn Tá ̂n Trương biên dịch.	2007	8934974030522 (pbk.)
359	332.6 K628	Dạy con làm giàu. Tập 2	Robert T. Kiyosaki, Sharon L. Lechter ; Tạ Nguyễn Tá ̂n Trương biên dịch.	2007	8934974003076 (pbk.)
360	332.6 K628	Dạy con làm giàu. Tập 1	Robert T. Kiyosaki, Sharon L. Lechter ; Thiên Kim biên dịch.	2007	8934974001195 (pbk.)
361	332.6 O58	24 bài học sống còn để đầu tư thành công trên thị trường chứng khoán	William J. O'Neil ; Dương Thu Hi ề n, dịch ; Alpha Books, hiệu đính.	2008	8936037741406 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
362	332.63 B678	Những nguyên tắc n ề n tảng trong kinh doanh chứng khoán : các chi ế n lược đầu tư của các nhà giao dịch chứng khoán lớn nhất mọi thời đại	John Boik.	2008	0071468226 (pbk.) ; 9780071265003 (pbk.)
363	332.6322 N576	Cách làm ra lợi nhuận lớn : nhứng quy tắc đầu tư chứng khoán mới	Nguyễn Quang Diệu.	2007	(pbk.)
364	333 L293	Kinh t ế du lịch	Robert Lanquar; Phạm Ngọc Uyển Bui Ngọc Chương.	2002	(pbk.)
365	333.7909 R477	Năng lượng : Lịch Sử Nhân Loại Từ Than Củi Tới Hạt Nhân	Richard Rhodes ; Nguyễn Mạnh Cường dịch.	2020	9786047784622
366	336.3 N576	Phong trào kháng thu ế ở mi ề n Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân	Nguyễn Th ế Anh.	2008	(pbk.)
367	338.04 D822	7 Bước Đệm Dẫn Đ ế n Thành Công	Đức Minh,Nguyễn Duy Nguyên.	2016	
368	338.04 Q1	100 Câu Chuyện Thành Bại	Quách Thành.	2017	9786049550348
369	338.04 T883	3 Cách Nhanh Nhất Để Thành Công Và Giàu Có	Alex Tu.	2017	9786045628942
370	338.06 C873	7 Thói Quen Hiệu Quả = The 7 habits of highly effective people	Stephen R. Covey.	2017	9786045858479
371	338.1 H772	Cây hợp hoan : ghi chép của một người tù không án	Hồng Vo ̃; Thiên Lữ.	2004	(pbk.)
372	338.1 L693	Tôi nói thật với Thủ tướng	Lý Xương Bình ; Trần Trọng Sâm, dịch.	2007	(pbk.)
373	338.7 R846	50 công ty làm thay đổi th ế giới	Howard Rothman ; biên dịch, Cao Xuân Việt Khương, Vương Bảo Long.	2009	
374	338.762920973 F699	Cuộc đời và sự nghiệp cưa tôi	Henry Ford, Samuel Crowther ; người dịch Ngô Phương Lanh.	2006	(pbk.)
375	338.9 G174	Thời kỳ hậu Corona : luôn có cơ hội trong khủng hoảng	Scott Galloway ; Trần Hoàng Sơn dịch.	2021	9786047791354
376	340 H719	Luật bảo hiểm xã hội	Hội Luật Gia Việt Nam.	2006	(pbk.)
377	340.112 H462	Các nguyên lý của triết học pháp quy ề n (Grundlinien der philosophie des rechts)	G. W. F. Hegel.	2010	9786049850981
378	346.016 N576	Vợ chồ ̂ng trẻ cầ ̂n biế ̂t	Ngọc Liên Hồ ̂.	2001	(pbk.)
379	352.23 T626	Tổng thống mỹ : những bài diễn văn nổi ti ế ng	Nhi ề u tác giả.	2013	9786047705818 (pbk.)
380	355.0092 V872	Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong trái tim tôi = General Vo Nguyen Giap in my heart	Đoàn Hoài Trung ; nhóm dịch thuật, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh chuyển ngữ.	2015	9786045805022
381	355.02 D988	Tam thập lục kế ̂ : diễn giải & vận dụng	Duy Nguyên, Minh Châu.	2006	(hard)
382	356.162092 K99	Lính bắn tỉa mỹ = American sniper	Chris Kyle, Jim DeFelice, Scott McEwen.	2017	8935235212695
383	362.19 C518	Hoa hướng dương không cần mặt trời	Trần Tử Khâm ; người dịch, Trần Hữu Nùng .	2007	8935077009286 (pbk.)
384	362.196810092 T243	Đột quỵ quả bom không hẹn trước	Jill Bolte Taylor ; Bùi Thanh Hằng dịch.	2021	9786043342918
385	362.196994 S253	Thực dưỡng chi ế n thắng ung thư : chuyện kể v ề việc tự chữa lành bệnh ung thư của	Anthony J. Sattilaro ; thực hiện ban việt ngữ: Lê Hà Lộc.	2017	9786048422721 ; 6048422725
386	362.29 D666	Nuôi dưỡng và phát triển các giác của trẻ	Glenn Doman & Janet Doman.	2020	9786049871931
387	362.733092 B851	Trưởng thành từ hy vọng = Hope's boy	Andrew Bridge ; Anh Trần dịch.	2009	
388	362.76092 E463	Người tù bé nhỏ	Jane Elliot ; người dịch, Bùi Liên Thảo.	2007	(pbk.)
389	362.767 H678	Cùng con nhận bi ế t và phòng chống bạo hành : con yêu, bố mẹ luôn ở đây!	biên soạn ;Hoàng Anh Tú ; minh họa Đâu quy ề n.	2018	9786047741182 ; 6047741185
390	362.82 S719	Bị thiêu sống	Souad ; Nguyễn Minh Hoàng dịch.	2008	8936024911447 (pbk.)
391	362.8286 P534	Những thù địch của hạnh phúc lứa đôi	Phạm Côn Sơn.	2014	9786049368493 ; 8935209621461
392	363.4509597 N576	Bí ẩn Tam Giác Vàng : [tuyển tập 15 phóng sự nóng]	Nguyễn Như Phong.	2010	
393	363.7 B722	Kinh t ế học môi trường = Économie de l'environnement	Philippe Bontems, Gilles Rotillon ; Nguyễn Đôn Phước dịch.	2008	8934974072584 (pbk.)
394	363.7 C511	Các nguy cơ đe dọa sinh thái	Loïc Chauveau ; người dịch, Nguyễn Thị Kim Anh.	2008	
395	364.973 B972	Cục Đi ề u Tra Liên Bang Mỹ FBI và cuộc chi ế n chố ̂ng tội phạm : tư liệu = Public enemies	Bryan Burrough ; người dịch, Anh Phương.	2007	(pbk.)
396	365.6092 F322	Cái giá phải trả = The damage done	Warren Fellows ; Ứng Thì Bạch Tuyệt.	2013	8935073098956 (pbk.)
397	368.42 E96	Sổ tay v ề quy ề n lợi bảo hiểm y t ế toàn dân= 全民健康保險民眾權益手冊(越南文版)	[National Health Insurance Administration, Ministry of Health and Welfare]	2013	9789860385571 ; 9789860475784 ; 9789860512335 ; 9789865439200 ; 9789865439200
398	370.1 M235	Giáo dục vì cuộc sống sáng tạo	Tsunesaburo Makiguchi ; dịch thuật: cán bộ giảng dạy khoa Anh văn Đại học Khoa học Xã hội & nhân văn TP.HCM ; hiệu đính, Cao Xuân Hạo.	2009	
399	370.1160994 H678	Tuổi trẻ có chí thì đi : hành trình du học Úc	Hoàng Lê.	2017	9786047735167
400	370.118 N576	Kỹ Năng Sống Dành Cho Học Sinh -101 câu chuyện học sinh cần đọc giúp các em bi ế t mơ ước và dám thực hiện	Ngọc Linh (Biên soạn).	2016	9786047719228
401	370.1523 D422	Phương pháp học tập siêu tốc	Bobbi DePorter , Mike Hernacki ; Người dịch : Nguyễn Thu Loan , Cấn Hà Khánh , Đỗ Phương Linh.	2008	(pbk.)
402	370.1523 R795	Kỹ năng học tập siêu tốc th ế kỷ XXI : k ế hoạch sáu bước để làm chủ trí tuệ của bạn	Colin Rose, Malcolm J. Nicholl ; Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thu Trang dịch.	2008	(pbk.)
403	370.959709 G434	Giáo dục phổ thông mi ề n Nam (1954-1975)	Ngô Minh Oanh, chủ biên ; Hồ Sỹ Anh, Nguyễn Ngọc T ài, Nguyễn Thị Phú.	2019	9786045891056
404	370.973 R662	Trường học sáng tạo : cuộc cách mạng từ gốc rễ, chuyển hóa giáo dục	Ken Robinson và Lou Aronica ; Nguyễn Chí Hi ế u và Nguyễn Thanh Tùng dịch.	2021	9786047795963
405	371.192 G537	Giúp trẻ học giỏi ngoại ngữ	Hoài Phương, biên soạn.	2011	9786045603796
406	371.30281 L263	Học tập cũng cần chi ế n lược = study guides and strategies	Joe Landsberger.	2008	8936037745084 (pbk.)
407	371.4 N576	Tư vấn tâm lý học đường	Nguyễn Thị Oanh.	2008	8934974072010 (pbk.)
408	372.21 A531	Dạy con học nói	An Khánh Nhung.	2018	9786049663109 ; 6049663106
409	372.21 C972	Tưởng tượng : dán hình	Cung Huân ; Ngọc Linh.	2013	8935212316842 (pbk.)
410	372.21 C972	Quan sát : tìm điểm khác nhau	Cung Huân ; Ngọc Linh.	2013	8935212316859 (pbk.)
411	372.21 C972	Tập trung chú ý : mê cung kỳ diệu	Cung Huân ; Ngọc Linh.	2013	8935212316873 (pbk.)
412	372.21 D278	Để trở thành người mẹ tuyệt vời mỗi ngày nên dành 5 phút cho con trước giờ đi ngủ	Chemical Industry Press ; Ngọc Linh.	2013	8935212316767 (pbk.)
413	372.21 N576	101 cash boi duong tri tue cho tre (5-6 tuoi).	Nhóm Việt Văn Book biên soạn.	2004	(pbk.)
414	372.21 O97	Làm Gì Với Rác Thải?	Ruth Owen.	2019	9786045847701
415	372.21 O97	Khám Phá Vật Liệu Quanh Ta	Ruth Owen.	2019	9786045847657
416	372.21 O97	Khám Phá Cơ Thể	Ruth Owen.	2019	9786045847756
417	372.21 O97	Cây Cối Diệu Kì	Ruth Owen.	2016	9786045886441
418	372.21 O97	Cơ Thể Động Vật	Ruth Owen.	2016	9786045886465

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
419	372.21 O97	Vòng Đời Động Vật	Ruth Owen.	2016	9786045886434
420	372.21 O97	Sinh Vật Sống	Ruth Owen.	2016	9786045886427
421	372.21 O97	Sinh Vật Trú Ẩn & Săn Mồi	Ruth Owen.	2016	9786045886458
422	372.21 W162	Trong rừng có gì nào?-Lật mở khám phá th ế giới tự nhiên	Lời by Libby Walden, Minh họa by Stephanie Fizer Coleman, Người dịch by Thùy Dương.	2019	9786045545010
423	372.21076 E64 V.1	EQ-IQ luyện trí thông minh cho trẻ từ 2-6 tuổi.		2009	9980000048862 (4-vol. set : pbk.)
424	372.216 I14	Chờ đ ế n mẫu giáo thì đã muộn	Ibuka Masaru ; Nguyễn Thị Thu dịch.	2015	9786046953760 ; 6046953766
425	372.216 I14	Chờ đ ế n mẫu giáo thì đã muộn	Ibuka Masaru ; Nguyễn Thị Thu dịch.	2016	9786046909651 ; 6046909651
426	372.5 T968	Tuyển chọn câu đố dành cho trẻ mầm non	Nhi ề u Tác Giả.	2012	8935046598510 (pbk.) ;
427	372.65 H678	Giúp trẻ học giỏi ngoại ngữ	Hoài Phương.	2011	9786045603796 (pbk.)
428	372.7 P236 V.1	Ươm mầm giỏi toán từ mẫu giáo. mẫu giáo. 1, các số và hình khối thú vị	Park Young Hoon ; [lời:] Wuji House ; Lê Thị Mai Phương dịch.	2021	9786047793310 ; 8935235229891
429	372.7 P236 V.2	Ươm mầm giỏi toán từ mẫu giáo. mẫu giáo. 2, làm quen với số tự nhiên trong phạm vi 5	Park Young Hoon ; [lời:] Wuji House ; Lê Thị Mai Phương dịch.	2021	9786047793327 ; 8935235229907
430	372.7 P236 V.3	Ươm mầm giỏi toán từ mẫu giáo. mẫu giáo. 3, hiểu v ề số tự nhiên trong phạm vi 10	Park Young Hoon ; [lời:] Wuji House ; Lê Thị Mai Phương dịch.	2021	9786047793334 ; 8935235229914
431	372.7 P236 V.4	Ươm mầm giỏi toán từ mẫu giáo. mẫu giáo. 4, trục số hấp dẫn và hình phẳng cơ bản	Park Young Hoon ; [lời:] Wuji House ; Lê Thị Mai Phương dịch.	2021	9786047793341 ; 8935235229921
432	372.7 P236 V.5	Ươm mầm giỏi toán từ mẫu giáo. mẫu giáo. 5, vui học trục số và hình khối	Park Young Hoon ; [lời:] Wuji House ; Lê Thị Mai Phương dịch.	2021	9786047793358 ; 8935235229938
433	372.7 P236 V.6	Ươm mầm giỏi toán từ mẫu giáo. mẫu giáo. 6, cộng trừ và lắp ghép hình khối thật hay	Park Young Hoon ; [lời:] Wuji House ; Lê Thị Mai Phương dịch.	2021	9786047793365 ; 8935235229945
434	378.013 C784	Học gì để không thất nghiệp?	Bill Coplin ; Hà Huy ề n dịch.	2019	9786047754045 ; 8935278603306
435	378.34 N576	Làm th ế nào để nhận học bổng ở Mỹ? = How to received a scholarship in USA for international students?	Hồ Nguyễn Anh Minh (Frank Ho).	2008	8934974069249 (pbk.)
436	387.74 H772	Hàng không	Hồng Vân.	2006	8934974054962 (pbk.)
437	388.03 G458	Bách khoa thư v ề các loại phương tiện giao thông	DK và Clive Gifford ; Dịch giả by Thu Trang.	2018	9786049974861
438	390.09597 M217	Những Đi ề u Kiêng Kỵ Theo Phong Tục Dân Gian : Tập Tục Và Kiêng Kỵ	Mai Uyên.	2018	9786048923273
439	390.09597 P535	Việt Nam Phong Tục	Phan K ế Bính.	2018	9786042107808
440	391 H957	Thay cách mặc, đổi cuộc đời	Hương Nguyễn ; dịch giả: Trần Thị Ngân Hà.	2016	9786045869888 ; 6045869885
441	391.005 T367	Thanh niên tuần san : Diễn đàn của Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam = Thanh Nien Tuan San		2006	
442	392.509597 P534	Dựng vợ gả chồng : hôn lễ và nghi thức	Phạm Côn Sơn.	2011	
443	394 E92	Thanh Lịch Như Người Pháp, Hi ế u Khách Như Người Việt	Eva Nguyen Binh ; Phùng Hồng Minh.	2018	9786045389942
444	394 T871	101 điê^u cầ^n biế^t vê^ tín ngưỡng và phong tục Việt Nam	Trương Thìn.	2007	8935073023897 (pbk.)
445	394.1209597 N573	Khám phá ẩm thực truy ề n thống Việt Nam	Ngô Đức Thịnh.	2010	
446	394.15 O41	Trà đạo : Ti'ều luận	Okakura Kakuzo ; Bản dịch cuả Bảo Sơn.	2008	(pbk.)
447	394.2614 H985	Tê^t Nguyên đán = Vietnamese Lunar New Year	general editors, Hữu Ngọc, Lady Borton.	2005	(pbk.)
448	394.269597 H985	Mid-Autumn Festival = Tê^t Trung thu	general editors, Hữu Ngọc, Lady Borton.	2005	(pbk.)
449	394.309597 T627	Nê^p cũ : cầm, kỳ, thi, họa	Toan Ánh.	2011	9786041004487 ; 8934974103462
450	394.30959749 T772	Trò chơi và thú tiêu khiển của người Hu ế	Trần Đức Anh Sơn.	2018	9786048862244
451	395.52 Z63	Hình ảnh của bạn đáng giá triệu đô : [ai không có sự chú ý của người khác, người đó sẽ không thể thành công]	Ingrid Zhang ; Vũ Như Lê dịch.	2019	9786048869434 ; 8935210229908
452	398 H678	70 truyện dân gian chọn lọc : mô^i tình bấ^t hạnh	Hoàng Hà, biên soạn.	2005	(hard)
453	398.2 A288	Ai ăn vụng mất mặt trời rồi?	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666710 (pbk.)
454	398.2 B118	Bách khoa toàn thư cho bé : truyện đồng thoại.		2009	8935036608048 (pbk.)
455	398.2 B365	Bé hoa tuy ế t bi ế n mất rồi!	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666796 (pbk.)
456	398.2 B697	Bốn mùa của mẹ cây	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666789 (pbk.)
457	398.2 C338	Đất mẹ nhân từ : truyện dân gian vòng quanh th ế giới =The Barefoot book of earth tales	Dawn Casey ; minh họa, Anne Wilson ; người dịch, Hằng Nga	2017	9786042094962
458	398.2 C371	Cầu vồng bảy sắc	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666727 (pbk.)
459	398.2 D612	Đừng dừng lại	Disney.	2011	8935036657596 (pbk.)
460	398.2 D612	Lời hứa	Disney.	2011	8935036657565 (pbk.)
461	398.2 G864 V.1	Truyện cổ Grimm. Tập 1	Wilhelm Grimm, Jacob Grimm ; Lương Văn Hô^ng	2013	8935036667410 (pbk.)
462	398.2 G864 V.2	Truyện cổ Grimm. Tập 2	Wilhelm Grimm, Jacob Grimm ; Lương Văn Hô^ng.	2013	8935036667427 (pbk.)
463	398.2 G864 V.4	Truyện cổ Grimm. Tập 4	Jacob Grimm, Wilhelm Grimm ; Lương Văn Hô^ng.	2013	8935036667441 (pbk.)
464	398.2 H361	Hạt sương long lanh	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666734 (pbk.)
465	398.2 H772	Hoàng tử ế ch	Sichuan Children's Publishing House.	2010	8935212310512 (pbk.)
466	398.2 K49	Cổ tích hàn quốc : 10 truyện hay nhất	Kim Seung Hyun	2011	8935036643902 (pbk.)
467	398.2 K77	Bí mật của mười hai nàng công chúa : phỏng theo truyện cổ Grimm	Sophie Koechlin, Miss Clara ; [Ngọc Diệp dịch].	2013	8935036690951
468	398.2 L243	Truyện cổ tích vê^ hoàng tử và công chúa	Lan Anh (tuyển chọn).	2007	8935077025415 (pbk.)
469	398.2 L243	Truyện cổ tích vê^ những tấ^m lòng nhân hậu	Lan Phương chọn tuyển.	2007	8935077025446 (pbk.)
470	398.2 M217	Những truyện cổ tích hay nhấ^t thế^ giới viế^t cho thiê^u nhi	Mai Ngọc tuyển chọn.	2003	
471	398.2 M425	Mặt trăng diệu kì	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666765 (pbk.)
472	398.2 M917	100 câu chuyện hay dành cho bé gái : mỗ^i bé gái là một loài hoa, là mùi hương nhẹ nhàng, là tình yêu, là sự ấ^m áp, là hi vọng, là bô^n mùa của đời người	Bành Phàm ; Thanh Loan, người dịch.	2018	9786046947615 ; 6046947618
473	398.2 N576	108 chuyện kể hay nhất v ề các nàng công chúa	Ngoc Khanh.	2010	8935212301862 (pbk.)
474	398.2 N576	108 chuyện kể v ề thời niên thi ế u của các nhân vật kiệt xuất	Ngọc Khánh.	2010	8935212301909 (pbk.)
475	398.2 N576	108 chuyện kể hay nhất v ề các hoàng tử	Ngọc Khánh.	2010	8935212301855 (pbk.)
476	398.2 N576	108 truyện dân gian hay nhất th ế giới	Ngọc Khánh.	2010	8935212301916 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
477	398.2 N576	108 câu chuyện nhỏ đạo lý lớn	Ngọc Khánh.	2010	8935212301831 (pbk.)
478	398.2 N576	365 chuyện kể mỗi ngày	Ngọc Khánh.	2010	8935212305037 (pbk.)
479	398.2 N576	Nhà dự báo thời ti ế t tí hon	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666758 (pbk.)
480	398.2 N576	Truyện cổ tích việt nam	Nguyễn Cừ.	2012	9786049634338
481	398.2 N576	Truyện ti ế u lâm Việt Nam	Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thưởng.	2014	8936071671035
482	398.2 N576	Những câu chuyện thần thoại hay nhất th ế giới	Nhi ề u tác giả.	2020	9786045560037
483	398.2 N576	Những câu chuyện dân gian hay nhất th ế giới	Nhi ề u tác giả.	2020	9786045560020
484	398.2 N576 V.1	101 chuyện kể hay nhất v ề các nàng công chúa. Tập 1	người dịch, Ngọc Linh.	2013	8935212313872 (pbk.)
485	398.2 N576 V.2	101 chuyện kể hay nhất v ề các nàng công chúa. Tập 2	người dịch, Ngọc Linh.	2013	8935212313889 (pbk.)
486	398.2 N576 V.3	101 chuyện kể hay nhất v ề các nàng công chúa. Tập 3	người dịch, Ngọc Linh.	2013	8935212313896 (pbk.)
487	398.2 P454	Truyện trẻ con	Charles Perrault.	2016	9786048825898
488	398.2 P577	Những câu chuyện cổ tích hay nhất th ế giới	Phương Minh Châu dịch.	2008	8935088508068 (pbk.)
489	398.2 Q1	Nghìn lẻ một đêm	Phan Quang.	2017	9786046971382
490	398.2 T111	Truyện cổ biển cả và thuỷ thủ	lời Việt, Tạ Chí Đông Hải.	2005	9990000122493 (pbk.)
491	398.2 T357	Thỏ và rùa chạy thi	Sichuan Children's Publishing House	2013	8935212310543 (pbk.)
492	398.2 T367	Lợn và cừu	Thanh Hương biên tập.	2007	8934974070498 (pbk.)
493	398.2 T667	D ế mèn Phiêu Lưu Ký	Tô Hoài.	2013	8935036648839 (pbk.)
494	398.2 T717	Ngụ ngôn kinh điển	Tô Thị Khang, Nguyễn Văn Vĩnh.	2006	(hard)
495	398.2 T874	Bầu tiên và gậy rút.		2006	(pbk.)
496	398.2 T874	Sự tích cây vú sữa		2006	(pbk.)
497	398.2 T874	Sư tích cây kim gaio.		2006	(pbk.)
498	398.2 T874	Con ngỗng kỳ lạ.		2006	(pbk.)
499	398.2 T874	Hồn trương ba da hàng thịt.		2006	(pbk.)
500	398.2 T874	365 truyện mẹ kể con nghe : chuyện v ề các chàng hoàng tử và các nàng công chúa	Nhi ề u Tác Giả	2011	8935212306096 (pbk.)
501	398.2 T874	108 truyện đồng thoại nhỏ sáng tạo lớn	Nhi ề u Tác Giả.	2010	8935212301848 (pbk.)
502	398.2 V28	Nhổ củ cải = The gigantic turnip	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Gia Long.	2017	9786047864881 ; 6047864880
503	398.2 V282	Nàng bạch tuy ế t và bảy chú lùn = Snow white and the seven dwarfs	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Điển Dũng, Hồng Lam.	2017	9786047864904 ; 6047864902
504	398.2 V282	Dê con và chó sói = The wolf and the little goat	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Gia Long.	2017	9786047864812 ; 6047864813
505	398.2 V282	Nàng tiên cá = The little mermaid	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Điển Dũng, Hồng Lam.	2017	9786047864836 ; 604786483X
506	398.2 V282	Nhổ củ cải = The gigantic turnip	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Gia Long.	2016	9786048833671 ; 6048833679
507	398.2 V282	Công chúa ngủ trong rừng = Sleeping Beauty	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Hồng Lam, Điển Dũng.	2016	9786048832384 ; 6048832389
508	398.2 V282	Ba chú lợn con = Three little pigs	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Hà Mi.	2016	9786048831073 ; 6048831072
509	398.2 V282	Cô bé lọ lem = Cinderella	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Điển Dũng, Hồng Lam.	2017	9786047864843 ; 6047864848
510	398.2 V282	Cô bé quàng khăn đỏ = Little Red Riding Hood	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Hồng Lam.	2016	9786048831080 ; 6048831080
511	398.2 V282	Công chúa ngủ trong rừng = Sleeping Beauty	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Hồng Lam, Điển Dũng.	2017	9786047864898 ; 6047864899
512	398.2 V282	Hoàng Tử Ếch = The Frog Prince	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Điển Dũng, Hồng Lam.	2017	9786047864829 ; 6047864821
513	398.2 V282	Chú mèo đi hia = Puss In Boots	lời: Vân Trang, Điển Dũng ; minh họa: Điển Dũng.	2016	9786048831066 ; 6048831064
514	398.2 V598	Vị khách ngày mưa bão	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666741 (pbk.)
515	398.2 V986	Vũ điệu của mưa	translated by Thuý Hạnh.	2013	8935036666772 (pbk.)
516	398.2 V994	101 truyện hay v ề trí thông minh	Vương Diễm Nga.	2014	9786046928553 ; 6046928559
517	398.2 V994	101 truyện hay v ề trí thông minh	Vương Diễm Nga ; dịch: Tuệ Văn.	2016	9786046928553 ; 6046928559
518	398.2 X6	Truyện thần thoại = Myths stories	Tiêu Lễ (Xiao, Li) ; Quang Kim Minh dịch.	2016	9786046831877 ; 6046831873
519	398.20938 T367	Thần thoại Hy Lạp	dịch và giới thiệu Nguyễn Văn Khỏa.	2011	9990000361922 (pbk.)
520	398.20943 T874	Truyện dân gian Đức	Việt Cường biên soạn.	2006	9990000248131 (pbk.)
521	398.20944 L166 V.1	Truyện ngụ ngôn La Fontaine	Philippe Salembier minh họa ; Châu Diên diễn lời.	2009	
522	398.209469 T874	Truyện dân gian Bồ Đào Nha	Việt Cường biên soạn.	2006	9990000247738 (pbk.)
523	398.20947 T874	Truyện dân gian Mondavi	Việt Cường biên soạn.	2006	9990000247936 (pbk.)
524	398.209495 M664	Thần thoại hy lạp = Greek Mythology	Minh Kiên.	2011	8935212310741 (pbk.)
525	398.2095 T874	Truyện dân gian Bắc Á	Việt Cường biên soạn.	2006	9990000247981 (pbk.)
526	398.209517 T874	Truyện dân gian Mông Cổ	Việt Cường biên soạn.	2006	9990000247745 (pbk.)
527	398.209519 P535	Dạo bước vườn văn hàn quốc	Phan Thị Thu Hi ề n.	2017	9786045863091
528	398.209549 T874	Truyện dân gian Pakixtan	Việt Cường biên soạn.	2006	9990000247684 (pbk.)
529	398.209597 D561	Sự tích con Dã Tràng = The legend of the tiny sea crab	tranh, Phạm Minh Trí ; lời, Diêm Điề ̂n.	2006	(hard)
530	398.209597 D631	Cao Lỗ xây thành Cổ Loa	lời, Đoàn Triệu Long ; tranh, Phạm Tuấ ̂n.	2008	9990000974511 (pbk.)
531	398.209597 D631	Nỏ Thần Kim Quy	lời, phỏng theo tác phẩm dự thi của Đoàn Triệu Long ; tranh, Phạm Tuấ ̂n.	2008	9990000974283 (pbk.)
532	398.209597 H678	Sự tích trầ ̂u cau = The legend of areca nuts and betel leaves	tranh, Nguyễn Công Hoan ; lời, Hoài Nam.	2006	(hard)
533	398.209597 H987	Huy ề n thoại ngàn mùa lúa nước	Nghiêm Đạ Văn, người kể chuyện.	2005	
534	398.209597 M217	Kho Tàng Truyện Trạng Việt Nam 2	Mai Hương,Thạch Phương,Nguyễn Chí B ề n.	2015	9786045832073
535	398.209597 M664	Tam and Cam =: Tấm Cám : the ancient Vietnamese Cinderella story	by Minh Quốc ; illustrated by Mai Long.	2006	0970165447 (hard) ; 9780970165442 (hard)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
536	398.209597 M664	Từ Thức gặp tiên = Từ Thức meets a fairy	tranh, Phương Hoa ; lời, Minh Quốc.	2006	(hard)
537	398.209597 M664	Sự tích Hồ Gươm = The legend of Sword Lake	tranh, Vũ, Duy Nghĩa ; lời, Minh Trang.	2006	(hard)
538	398.209597 N576	Tìm mẹ = Searching for mother	tranh, Nguyễn Công Hoan ; phỏng theo truyện của Nguyễn Huy Tưởng.	2006	(hard)
539	398.209597 N576 V.1	Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. quyển 1 (dày - BC)	Nguyễn Đông Chi.	2014	8934974132745 ; 9786041018402
540	398.209597 P534 ; 398.209597 P534	Sự tích các con vật	Phạm Ngọc ; Vũ Kim Dũng.	2011	8936037696003 (hbk.)
541	398.209597 P577	Sự tích Viet Nam hay nhất : tái bản lần thứ nhất	Phú Hưng.	2011	8935212301404 (hbk.)
542	398.209597 T358	Kho Tàng Truyện Trạng Việt Nam 1	Thạch Phương,Nguyễn Chí Bền, Mai Hương.	2015	9786045832066
543	398.209597 T547	Năm hũ vàng = Five golden jars	tranh, Phạm, Tuấn ; lời, Thụy Anh.	2006	(hard)
544	398.209597 T772	5000 Hoành Phi Câu Đối Hán Nôm	Trần Lê Sáng	2015	9786046942856 ; 8936065583542
545	398.209597 T87	Truyện cổ tích Việt Nam dành cho bé trai	nhiều tác giả.	2015	9786042019316 ; 6042019317
546	398.209597 T874	Truyện cổ tích các dân tộc Việt Nam.		2007	9990000155637 (pbk.)
547	398.209597 T874	Truyện trạng cười Việt Nam	Đức Anh sưu tầm & tuyển chọn.	2015	9786048809430 ; 8935095619252
548	398.209597 T874	Truyện cổ tích Việt Nam dành cho bé gái	nhiều tác giả.	2015	9786042019323 ; 6042019325
549	398.209597 Y45	Truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ = Legend of Lac Long Quan and Au Co	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Lê Minh Hải.	2017	9786047864942 ; 6047864945
550	398.209597 Y45	Sự tích sông Nhà Bè = Legend of Nha Be river	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Lê Minh Hải.	2017	9786047865185 ; 6047865186
551	398.209597 Y45	Sự tích nước biển mặn = How sea water became salty : a legend	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Nguyễn Huy To àn.	2017	9786047861828 ; 6047861822
552	398.209597 Y45	Sự tích người làm chúa muôn loài = The humans were the lord of all : a legend	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Nguyễn Công Hoan.	2017	9786047861842 ; 6047861849
553	398.209597 Y45	Sự tích dưa hấu = Legend of the watermelon	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Chu Linh Hoà ng.	2017	9786047861811 ; 6047861814
554	398.209597 Y45	Sự tích cây xấu hổ = Legend of the shy plant	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Lê Minh Hải.	2017	9786047861859 ; 6047861857
555	398.209597 Y45	Cậu bé chăn trâu đỗ thủ khoa = The buffalo boy who rised to the top	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Nguyễn Thái H ùng.	2017	9786047869084 ; 6047869084
556	398.209597 Y45	Xin mẹ đừng lo = Mother, don't worry	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Nguyễn Thái H ùng.	2017	9786047869107 ; 6047869106
557	398.209597 Y45	Kiên trì luyện chữ = Patience paid off	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Lê Minh Hải.	2017	9786047869091 ; 6047869092
558	398.209597 Y45	Cõng em học lõm = The pick-up knowledge	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Lê Minh Hải.	2017	9786047869121 ; 6047869122
559	398.209597 Y45	Trạng nguyên nhỏ tuổi nhất nước = The nation's youngest scholar	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Nguyễn Thái H ùng.	2017	9786047869077 ; 6047869076
560	398.209597 Y45	Có chí thành tài = If there's will, there's success	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Nguyễn Thái H ùng.	2017	9786047869114 ; 6047869114
561	398.2095977 H987	Nghìn năm bia miệng : sự tích và giai thoại dân gian Nam Bộ	Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường.	2018	9786045883266 ; 9786045883273
562	398.2098 T874	Truyện dân gian Nam Mỹ	Việt Cường biên soạn.	2006	9990000247721 (pbk.)
563	398.22 N576	Nghìn lẻ một đêm	Phan Quang, dịch và giới thiệu.	2010	9990000361960 (pbk.)
564	398.245 D822	Truyện cổ tích về loài vật	sưu tầm & biên soạn :Đức Anh.	2009	8935095603077 (pbk.)
565	398.245 T874	Truyện cổ tích về loài vật		2008	
566	398.25 L975	Truyện không nên đọc vào lúc giao thừa : tuyển tập truyện ma Việt Nam tiêu biểu	Lưu Minh Sơn tuyển chọn.	2003	
567	398.25 N576	Đêm lạ : tập truyện ngắn	edited by Nguyễn Bình Văn, Lê Ngọc Tú.	2005	(pbk.)
568	398.25 V872	Vợ chồng mới cưới : truyện ảo rợn	nhiều tác giả.	2005	(pbk.)
569	398.6 C652	Có vòi không phải con voi : câu đố về công cụ và cánh vật nông thôn	Studio Cỏ 4 Lá minh họa.	2015	8935235204614
570	398.6 M917	Một đàn cò trắng phau phau : câu đố về đồ dùng trong gia đình	Phan Thành Đạt minh họa.	2015	
571	398.6 S958	Sừng sững mà đứng giữa đường : câu đối về các loại cây cối, hoa quả	Lý Thu Hà minh họa.	2015	8935235204584
572	398.6 T153	Tám người khiêng một mâm xương : về con người và loài vật	Studio Cỏ 4 Lá minh họa.	2015	8935235204621
573	398.6 V986	Vừa Bằng cái vung : về hiện tượng thiên nhiên & đời sống	Phan Thành Đạt, minh họa.	2015	8935235204591
574	398.8 B592	Big book cho các chàng trai 3+	Bi Bi, dịch.	2017	9786045984079 ; 6045984072
575	398.809597 E85	Tập Đọc Học Từ : Cái Bống Là Cái Bống Bang.		2020	9786048896706
576	398.809597 E85	Khám Phá Thế Giới : Chú Cuội Ngồi Gốc Cây Đa	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896713
577	398.809597 E85	Tìm Hiểu Về Loài Vật 1: Tập Tằm Vông Con Công Hay Múa	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896720
578	398.809597 E85	Tìm Hiểu Về Loài Vật 2 : Con Mèo Mà Trèo Cây Cau	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896737
579	398.809597 E85	Yêu Quê Hương Đất Nước : Một Ông Đ ế m Cát	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896744
580	398.809597 E85	Vui Chơi 1 (Kèm Hướng Dẫn Trò Chơi Dân Gian) : Dung Dăng Dung Dẻ	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896751
581	398.809597 E85	Vui Chơi 2 (Kèm Hướng Dẫn Trò Chơi Dân Gian) : Rồng Rắn L ên Mây	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896768
582	398.809597 E85	Học Hỏi Đi ề u Hay: Cái Cò Cái Vạc	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896775
583	398.809597 E85	Tìm Hiểu Thiên Nhiên : Mồng Một Lưỡi Trai	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896782
584	398.809597 E85	Yêu Thương Cuộc Sống: Đầu Trọc Lông Lốc Là Cái Bình Vôi	ETS b. s. ; Phạm Xuân Thăng.	2020	9786048896799
585	398.9 N576	Lời vàng dành cho tuổi trẻ	Ngọc Anh tuyển chọn.	2005	(pbk.)
586	410 D716	BaBel Vòng quanh th ế giới qua 20 ngôn ngữ	Gaston Dorren ; Hoàng Đức Long -dich.	2020	9786047774524
587	418.0071 L673	Giao ti ế p như người bản xứ trong 3 tháng	Benny Lewis ; Bùi Lan Anh dịch.	2018	9786049563270
588	423 H991	Từ điển minh họa bằng hình Anh-Hoa-Việt theo tình huống th ế kỷ XXI	Hương Nhiên.	2011	9786045800249 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
589	423.17 R782	Cuốn từ điển đầu đời của tôi - My First Dictionary	Betty Root.	2018	9786045546727
590	423.9223 H678	Từ điển Anh-Việt = English-Vietnamese dictionary	biên soạn chính, Hồ̂ Hải Thụy, Chu Khá̆c Thuật, Cao Xuân Phổ.	2002	(hard)
591	423.9223 K457	Từ điển việt.anh : Vietnamese-English dictionary	Khoa Học, Xã Hôi, Nhân Văn.	2007	(hard)
592	423.9223 L433	Từ điển Anh-Việt = English-Vietnamese dictionary	biên soạn, Lê Khả K ế và một nhóm giáo viê	2004	(hard)
593	423.95922 B932	Từ điển Anh-Việt, 550,000 từ = English-Vietnamese dictionary	Bùi Phụng.	2004	(hard.)
594	423.95922 C592	Từ điển hình đâ̂u tiên của tôi	Colin Clark, Vivienne Bray ; Phạm Viêm Phương dịch.	2005	(hard)
595	428 C187	30 Phút mỗi ngày để luyện kỹ năng vi ế t câu ti ế ng anh	Diannna Campbell ; Song Phúc dich.	2007	8932000113201 (pbk.)
596	428 K47	Cách Vi ế t Email Bằng Ti ế ng Anh	Ki ế n Hưng.	2008	(pbk.)
597	428 N576	Đàm thoại ti ế ng anh giọng mỹ cho người bắt đầu học	Nguyễn Thành Y ế n.	2007	(pbk.)
598	428 S132	Ti ế ng anh dành cho học sinh tiểu học : đồ dùng trong phòng	Saigonbook.	2008	(pbk.)
599	428 S132	Ti ế ng anh dành cho học sinh tiểu học : đồ dùng trong phòng	Saigonbook.	2008	(pbk.)
600	428 S132	Ti ế ng anh dành cho học sinh tiểu học : đồ dùng trong phòng b	Saigonbook.	2008	(pbk.)
601	428 S844	Tự học ti ế ng anh theo phương pháp đàm thoại giao ti ế p	Sandra Stevens.	2004	8935072803506 (pbk.)
602	428 T454 ; 428 T454	Ti ế ng anh qua điện thoại = English on the phone	Andrew Thomas.	2008	8935095601424 (pbk.)
603	428.20712 Q5	Quyển vở ai cũng muốn mượn	Brain Quest ; Trần Hồng Lê dịch.	2020	9786048899684
604	428.20712 S619	1000 Từ Ti ế ng Anh Hữu Ích : Song Ngữ Việt-Anh	Dawn Sirett ; Thùy Dương dịch.	2020	9786048897031
605	428.24 H772	Từ điển bách khoa tương tác cho trẻ em : Anh-hoa-Việt = 互動英語大百科	Hồng Lam.	2012	9786045800256 (pbk.)
606	428.2495922 B365	Bé vui học Ti ế ng anh.		2013	9786045822968 ; 8935086832318
607	428.34 Z82	Ti ế ng anh trong giao ti ế p & sinh hoạt hàng ngày	Lawrence J. Ziwer.	2013	8935086822913 (pbk.)
608	428.4 T434	Luyện kỹ năng đọc hiểu ti ế ng anh : qua các chủ điểm lịch sử - văn hóa - xã hội	Thiên Phúc.	2018	9786048835781 ; 6048835787
609	495 T627	Từ điển Việt-Hàn	Tô Thị On & Nhóm Cộng Tác.	2007	8935072804466 (hard)
610	495 T819	Đàm thoại ti ế ng hoa sơ cấp tập 1	Tri Thức Việt.	2008	(pbk.)
611	495.1 G428	4000 câu giao ti ế p ti ế ng hoa thông dụng	Gia Linh.	2007	8395088503379 (pbk.)
612	495.1 L795	Tié̂ng Trung Quô̂c cho người bá̆t đâ̂u : giáo trình luyện đọc hiểu	biên soạn, Lõ̂ Kiện Kí, Lý Th ế Chi, Tiêu Tú Muội.	2008	(pbk.)
613	495.1 T772	Học ti ế ng trung quốc cấp tốc trong 30 ngày : trình độ sơ cấp	biên soạn: Trần Như, Lưu Lập Tân, Lưu	2008	(pbk.)
614	495.1 T819	Đàm thoại ti ế ng hoa trung cấp tập 2	Tri Thức Việt.	2008	8935073035388 (pbk.)
615	495.1 Z63	Joyful Chinese : vui học ti ế ng trung-giao ti ế p = 快乐学汉语-口语	The Zhishi ; chủ biên: Nhã Lam.	2019	9786048970406 ; 8935246921883
616	495.1 Z63	Joyful Chinese : Vui học ti ế ng Trung : từ vựng	The Zhishi ; An Ninh chủ biên.	2019	9786048970383 ; 8935246921890
617	495.13 T439	Hán - Việt tự điển = 漢越字典	Thi ề u Chửu.	2006	(hard)
618	495.13 V994	Từ điển Hán-Việt, Việt-Hán	Vương Trúc Nhân, Lữ Thé̂ Hoàng, Huỳnh Diệu Vinh.	2006	(pbk.)
619	495.1395922 T883	Tự diển Hán Việt : Hán ngữ cổ Đại Và Hiện Đại	Trần Văn Chánh biên soạn.	2013	8935073084027
620	495.182421 G434 V.2	Giáo trình hán ngữ. tập 1. quyển hạ 2 = 汉语教程. 第一册. 下	chủ biên: Trần Thị Thanh Liêm ; 杨寄洲主编.	2019	9786046265450 ; 8935246922750
621	495.183421 N576	So sánh 125 nhóm từ đồng nghĩa, gần nghĩa thường gặp trong ti ế ng hoa	Nguyễn Thị Thu Hằng. ThS. Trương Gia Quy ề n.	2012	9786045804018 (pbk.)
622	495.6 T714 ; 495.6 T714	400 câu giao ti ế p ti ế ng nhật cơ bản	Toshihiro Lto.	2008	8935095601325 (pbk.)
623	495.682495922 S938	Sử dụng từ loại trong ti ế ng Nhật một cách hiệu quả	biên soạn, Minh Phương, Hải Phương ; hiệu đ ính, Setsuo Matsubara.	2009	
624	495.922 C235	Ti ế ng việt - sơ thảo, ngữ pháp, chức năng	Cao Xuân Hạo.	2017	9786049448669
625	495.922 D167	Ti ế ng việt cho người nước ngoài = vietnamese a complete course for beginners	Dana Healy.	2007	8935072819262 (pbk.)
626	495.922 D631	Thực hành tié̂ng Việt : sách dùng cho người nước ngoài : trình độ B	Đoàn thiện Thuật, chủ biên ... [et al.].	2005	(pbk.)
627	495.922 D631	Thực hành tié̂ng Việt : sách dùng cho người nước ngoài : trình độ C	Đoàn thiện Thuật, chủ biên ... [et al.].	2005	(pbk.)
628	495.922 H678	Ti ế ng Việt cho mọi nhà	Hoàng Dân.	2008	8935075914667 (pbk.)
629	495.922 H985	Tia nắng hạt mưa	Hội đồng tuy ế n chọn, Hữu Thính...[et al.] ; Tranh, Kim Oanh.	2006	(pbk.)
630	495.922 H985	Hương ổi	Hội đồng tuy ế n chọn, Hữu Thính...[et al.] ; Tranh, Kim Oanh.	2006	(pbk.)
631	495.922 H985	Trăng của mỗi người	Hội đồng tuy ế n chọn, Hữu Thính...[et al.] ; Tranh, Ngọc Anh.	2006	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
632	495.922 H985	Cánh cửa nhớ bà	Hội đồng tuy ển chọn, Hữu Thính...[et al.] ; Tranh, Kim Oanh.	2006	(pbk.)
633	495.922 H985	Nhớ con sông quê hương	Hội đồng tuy ển chọn, Hữu Thính...[et al.] ; Tranh, Ngọc Anh.	2006	(pbk.)
634	495.922 H985	Bước mùa xuân	Hội đồng tuy ển chọn, Hữu Thính...[et al.] ; Tranh, Kim Oanh.	2006	(pbl.)
635	495.922 H985	Cái nắng nghịch	Hội đồng tuy ển chọn, Hữu Thính...[et al.] ; Tranh, Kim Oanh.	2006	(pbk.)
636	495.922 L433	Lắt léo ti ếng Việt	Lê Minh Quốc.	2017	9786041099357
637	495.922 L755	100 từ đầu tiên v ề th ế giới quanh em = First 100 words	lời: Linh Chi ; minh họa: Quỳnh Rùa.	2017	9786046470830 ; 6046470838
638	495.922 N576	Em thích giỏi ti ếng Việt, Lớp 1	Nguyễn Việt Long, Vũ Thanh Dung.	2013	9786049298677 ; 604929867X
639	495.922 N576 V.1	Tiếˆng Việt : sách dùng cho người nước ngoài	Đoàn Thiện Thuật, chủ biên ; những người bi ên soạn, Nguyễn Phương Anh ... [et al.).	2006	(v. 1 : pbk.) ; (v. 2 : pbk.)
640	495.922 T562	Ti ếng việt 123 : ti ếng việt dành cho người trung quoc.		2018	9786047741090 ; 6047741096
641	495.922 T772	Chữ Quốc Ngữ - 130 Năm Thăng Trầm	Trần Nhật Vy.	2018	9786046849551
642	495.922 T883	Từ điển động vật bă˜ng hình = My first animal book.		2004	(hard)
643	495.92203 T833	Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển	Trịnh Vân Thanh.	2008	(hard)
644	495.9223 D211	Hán-việt từ-điển		2005	(hard)
645	495.9223 H678	Từ điển ti ếng Việt của GS. Nguyễn Lân : phê bình và nghiên cứu	Hoàng Tuấn Công.	2017	9786045388686 ; 6045388682
646	495.9223 H987	Việt Hán từ-điển = Yue Han ci dian	Huỳnh Diệu Vinh.	1999	(pbk.)
647	495.9223 K457	Tư điển việt-hoa thông dụng	Khổng, Đức.	2006	8936016008995 (pbk.)
648	495.9223 N576	Đại từ điển tiếˆng Việt	Nguyễn Như Ý, chủ biên.	1999	(hard)
649	495.9223 N576	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam	Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Th ế .	2006	
650	495.9223 V986	Từ điển Việt Nam văn hóa tín ngưỡng phong tục	Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo.	2005	10051028701311 (hard)
651	495.92231 N576	Từ điển truyềˆn thông đa ngôn ngữ : với ngôn ngữ ký hiệu Mỹ = Dictionary of multilingual communication : with American Sign Language	Nguyễn Thành Thóˆng biên soạn theo Claude O. Proctor, Ph. D.	1999	(hard)
652	495.9225 P535	Hình thái học trong từ láy ti ếng việt	Phan Ngọc ; edited by Hồng Nga, Nguyễn Việt Long.	2013	9786046207399 ; 8936049630828 (pbk.)
653	495.92286 L926	Luân lý giáo khoa thư	Trầˆn Trọng Kim [and others] biên soạn.	2016	9786041078550 ; 6041078557
654	495.92286 Q9	Quốc văn giáo khoa thư	Trần Trọng Kim [and three others] biên soạn.giáo khoa thư / Trần Trọng Kim [and three others] biên soạn.	2016	9786041078567 ; 6041078565
655	500 A288	Ai trồng cây trên nóc nhà?	Thanh Bình biên soạn.	2009	9980000034094 (pbk.)
656	500 B118	Bách khoa thư khoa học	Người dịch by Phạm Quốc Hưng.	2020	9786048883911
657	500 C371	Cầu vồng bi ến đi đâu?	Thanh Bình biên soạn.	2009	9980000034087 (pbk.)
658	500 H847	How science works = Hiểu h ết v ề khoa học	Nguyễn Kim Phụng dịch.	2021	9786047794782
659	500 N576	Mười vạn câu hỏi vì sao? : knowledge for the children	Nguyễn Bá Cao...[et al.]	2004	8935077009545 (hard)
660	500 N576	Lịch sử khoa học - Bách khoa thư các khám phá thay đổi th ế giới	Người dịch by Nguyễn Quí Hiển, Hoàng Bích Thu. Hiệu đính by Lê Ngọc Tân.	2019	9786048878160
661	500 P534	Tôi muốn bi ết cái gì - -?	Phạm Thiên Tứ dịch.	2008	8932000113973 (pbk.)
662	500 S416	Science challenges : cuốn sách khổng lồ v ề các hoạt động khám phá khoa học	[biên soạn: Damara Strong ; minh họa: Georgie Fearns] ; Linh Chi dịch.	2021	9786043262841 ; 8935212354875
663	500 T833	Những đi ều bạn nên bi ết v ề khoa học & công nghệ : science & technology	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
664	500 V986	Chuyện lạ khoa học vui	Vũ Kim Dũng.	2013	9786045612309 (pbk.)
665	500 V986	108 truyện đồng thoại khoa học hay nhất	Vũ Bội Tuyêˆn.	2011	8935212301886
666	500 W783	Siêu nhí hỏi - nhà khoa học trả lời	Robert Winston.	2019	9786043145557
667	500 Y67	Tôi là con trai	nhóm biên soạn, Youbooks.	2008	8935201510022 (pbk.)
668	500.8 G758	Khoa học và các khoa học	GILLES-GASTON GRANGER ; người dịch, Phan Ngọc, Phan Thi ề u.	2002	(pbk.)
669	500.83 F765	Hỏi đáp cùng em - Vì Sao	Isabelle Fougère ; Tí Bồ Dịch.	2017	9786047774739
670	500.83 M958	Hỏi đáp cùng em - Vạn vật hoạt động th ế nào ?	Sophie De Mullenheim ; An Vy ; Tường Ngân - dịch.	2020	9786047778287
671	503 T871	Từ điển khoa học kỹ thuật Anh-Việt : giải thích, minh họa = English-Vietnamese dictionary of science and technique : explanation, illustrations	Trương Văn ... [et al.].	2003	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
672	508 Q9	Quyển sách tuyệt vời v ề khoa học.		2019	9786047766147
673	508 W873	Atlas v ề th ế giới tự nhiên - Tán cây tri thức	Amanda Wood, Mike Jolley.	2020	9786042189743
674	508.03 B118	Bách khoa thư th ế giới tự nhiên	Phạm Bích Liễu và Minh Tâm dịch.	2011	
675	509.2 M217	Mạch sống	Mai Thanh Tân.	2017	9786045380512
676	510 S255	60 ngày du lịch th ế giới cùng các bài toán vui	Lê Bích Ngọc, biên soạn.	2011	9786045604656
677	513.211 L755	100 số đ ế m đầu tiên = First 100 numbers	lời: Linh Chi ; minh họa: Quỳnh Rùa.	2017	9786046474166 ; 6046474167
678	520 H893	Cuố^n sách lớn đầ^u tiên của tớ vũ trụ	tác giả, Catherine D. Hughes ; minh họa, David A. Aguilar ; người dịch, Đặng Tuấ^n Duy, Nguyễn Thị Thu Trang.	2017	9786042011853 ; 6042011855
679	520 K49	Vũ trụ	Kim Anh.	2010	
680	520 L213	Những câu chuyện thiên văn thú vị	Lâm Lâm ; dịch, Tuệ Văn.	2015	9786047817559 ; 6047817556
681	520 T356	Cuốn sách tranh đầu tiên v ề vũ trụ	tranh và lời: Tezuka Akemi ; Lê Giang dịch.	2022	9786043759570 ; 8936056797057
682	520 T833	Những đi ề u bạn nên bi ế t v ề không gian : space	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
683	523.1 C776	Mọi đi ề u bạn cần bi ế t v ề vũ trụ : từ Vụ Nổ Lớn tới Vụ Co Lớn, trong vỏ hạt dẻ	Chris Cooper ; Nguyễn Ngọc Tú dịch.	2021	9786047787623
684	523.1 T833	Khát vọng tới cái vô hạn	Trịnh Xuân Thuận.	2020	9786041160149
685	529 L698	Lịch vạn niên, 1931-2030	dịch và biên soạn, Ông Văn Tùng và Nhóm Tâ n Niên ; hiệu đính phầ^n lịch, Trầ^n Tiế^n Bì	2008	8936037690131 (hard)
686	530.092 N576	Einstein	Nguyễn Xuân Xanh.	2007	(pbk.)
687	546.8 J14	Thuy ế t minh trực quan nhất v ề bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	Tom Jackson ; Ha Vu dịch.	2020	9786043043112
688	548.546 M684	Bóng Ma Trên Mạng	Kevin Mitnick ; William L. Simon.	2018	9786049315749
689	550 D411	Tại sao Trái Đất cần Mặt Trăng	Devin Dennie ; Dịch giả: Minh Trang.	2020	9786045560952
690	550 T833	Những đi ề u bạn nên bi ế t v ề trái đất : earth	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
691	551.21 G196	Núi lửa nóng hơn cả lửa	Anita Ganeri ; minh họa, Mike Phillips ; người dịch, Ki ề u Hoa.	2013	9786041008045 (pbk.) ; 6041008044 (pbk.)
692	551.22 G196	Động đất động trời	Anita Ganeri ; illustrated by Mike Phillips ; Trịnh Huy Ninh dịch.	2008	8934974071242 (pbk.)
693	551.22 G196	Động đất động trời	Anita Ganeri ; minh họa, Mike Phillips ; người dịch, Trịnh Huy Ninh.	2011	9786041011298 (pbk.) ; 6041011290 (pbk.)
694	551.415 G196	Hoang mạc hoang sơ	Anita Ganeri ; illustrated by Mike Philips ; Trịnh Huy Tri ề u dịch.	2008	8934974071280 (pbk.)
695	551.415 G196	Hoang mạc, hoang sơ	Anita Ganeri ; minh họa, Mike Phillips ; người dịch, Trịnh Huy Tri ề u.	2011	9786041011533 (pbk.) ; 6041011533 (pbk.)
696	551.42 G196	Đảo hoang	Anita Ganeri ; illustrated by Mike Phillips ; Trịnh Huy Tri ề u dịch.	2008	8934974071273 (pbk.)
697	551.46 H893	Cuố^n sách lớn đầ^u tiên của tớ đại dương	tác giả, Catherine D. Hughes ; người dich, Lê Thanh Thủy.	2017	9786042011884 ; 604201188X
698	551.46 K45	Khám phá thế^ giới đại dương	Trương Trọng Đức, Trương Hiế^u Tĩnh, Nguyễn Văn Mậu (biên soạn).	2007	
699	551.5 T356	Cuốn sách tranh đầu tiên v ề thời ti ế t	tranh: Tezuka Akemi ; lời và thi ế t k ế : Murata Hiroko ; Đỗ Minh Khai dịch.	2021	9786045698440 ; 8936056797064
700	551.6 R147	Khí hậu bi ế n đổi : thảm kịch vô ti ế n khoáng hậu trong lịch sử nhân loại	S. Rahmstorf, Hans J. Schellnhuber ; Trang Quan Sen người dịch.	2008	8934974072591 (pbk.)
701	551.6 T833	Những đi ề u bạn nên bi ế t v ề khí hậu & thời ti ế t : weather & climate	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
702	567.9 E53	Em tìm hiểu v ề Khủng Long = mon Premier Larousse des Dinosaures	Larousse ; [Triệu Thị Thanh Thanh dịch].	2007	8934974066996 (pbk.)
703	567.9 R777	Du hành ngược thời gian : đ ế n xứ sở khủng long	Anne Rooney ; illustrated by Adam Howling, Mar Ferrero ; người dịch: Hoài Nguyên.	2016	9786045858417 ; 6045858417
704	567.903 B845	Bách khoa thư khủng long dành cho thi ế u nhi	Michael K. Brett Surman.	2020	9786045679517
705	570.1 O97	Sinh vật sống	Ruth Owen ; người dịch: Phạm Thanh Tâm.	2017	9786045861295 ; 6045861299
706	576.8 G259	Sinh học : có những câu chuyện kỳ diệu!	Phil Gates ; minh họa, Tony de Saulles ; Khanh Khanh dịch.	2013	9786041007970 (pbk.) ; 6041007978 (pbk.)
707	577.16 O97	Sinh vật trú ẩn & săn mồi	Ruth Owen ; người dịch: Trường Nguyễn Thá i Hòa.	2017	9786045861868 ; 6045861868
708	577.67 4465	越南新娘 : 婦幼生活手冊	林國泰編著 ; 陳盛龍, 陳梅, 阮山忠譯	2002	9570103876 (平裝)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
709	580 L755	100 từ đầu tiên v ề th ế giới thực vật = First 100 plants	lời: Linh Chi ; minh họa: Quỳnh Rùa.	2017	9786046474159 ; 6046474159
710	580 O97	Cây cối diệu kì	Ruth Owen ; người dịch: Trường Nguyễn Thá i Hòa.	2017	9786045861851 ; 604586185X
711	580 T833	Những đi ề u bạn nên bi ế t v ề th ế giới thực vật : plant	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
712	581.464 T448	Sách mùi hương : các loại trái cây	Lời: Thành Đạt ; Minh hoạ: Hoàng Đậu Xanh.	2021	9786043222388
713	582.13 T448	Sách mùi hương : các loại hoa	Lời: Thành Đạt ; Minh hoạ: Hoàng Đậu Xanh.	2021	9786043222395
714	584.9 H985	Cây tre = bamboo	general edited by Hữu Ngọc, Lady Borton.	2006	(pbk.)
715	590 L755	100 từ đầu tiên v ề các loài động vật = First 100 animals	lời: Linh Chi ; minh họa: Quỳnh Rùa.	2017	9786046474142 ; 6046474140
716	590 O97	Cơ thể động vật	Ruth Owen ; người dịch: Trường Nguyễn Thá i Hòa.	2017	9786045861875 ; 6045861876
717	590 T833	Những đi ề u bạn nên bi ế t v ề th ế giới dộng vật : animal kingdom	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
718	590.3 S743	Bách khoa thư động vật	Ti ế n Sĩ Lucy Spelman ; Đặng Văn Sử -dịch.	2020	9786048888053
719	591 A757	Thiên nhiên hoang dã	Nick Arnold ; minh họa, Tony De Saulles ; Khanh Khanh dịch.	2013	9786041007987 (pbk.) ; 6041007986 (pbk.)
720	591 K45	Khám phá th ế giới động vật kỳ thú : th ế giới cửa các thiên thần đáng yêu = Amazing animals	chủ biên: Lưu Tiểu Hàm, Trương Tùng ; Trần Minh Ánh dịch.	2021	9786043290578
721	591 K45	Khám phá th ế giới động vật kỳ thú : th ế giới cửa các loài đã tuyệt chủng = Amazing animals	chủ biên: Lưu Tiểu Hàm, Trương Tùng ; Nguuyễn Thị Thanh Lan [i.e. Nguyễn Thị Thanh Lan] dịch.	2021	9786043290547
722	591.5 D584	Xứ Sở Animation : Nghệ Thuật Kể Chuyện Bằng Animation (s m	Leo Dinh.	2019	9786048925000
723	591.56 O97	Chuyện kì thú v ề vòng đời động vật	Ruth Owen ; người dịch: Phạm Thanh Tâm.	2017	9786045861844 ; 6045861841
724	591.70911 V415	Những người bạn ở hai vùng cực	tranh, Philippe Salembier ; lời, Pascale Védère d' Auria ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
725	591.70913 V415	Những người bạn ở xứ sở nhiệt đới	tranh, Philippe Salembier ; lời, Pascale Védère d' Auria ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
726	591.73 V415	Những người bạn ở rừng xanh	tranh, Philippe Salembier ; lời, Pascale Védère d' Auria ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
727	591.753 V415	Những người bạn ở vùng cao	tranh, Philippe Salembier ; lời, Pascale Védère d' Auria ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
728	591.768 V415	Những người bạn ở sông hồ	tranh, Philippe Salembier ; lời, Pascale Védère d' Auria ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
729	595.7 D552	Các loài sâu bọ	Rosie Dickins ; [illustrated by John Woodcock] ; Phan Trần Hồng Hạnh, dịch.	2017	9786047724109 ; 6047724108
730	600 N499	Sự ti ế n hóa của công nghệ	Nguyễn Tứ.	2007	8934974070351
731	600 N576	Mười vạn câu hỏi vì sao?	Nguyễn Bá Cao [and three others].	2018	9786048860851
732	609 B852	1000 phát minh & khám phá	Roger Bridgman ; Lưu Văn Hy biên dịch.	2005	8935073012518 (pbk.)
733	609 H441	Mọi đi ề u bạn cần bi ế t v ề các phát minh : các phát minh vĩ đ ại làm thay đổi th ế giới	Michael Heatley, Colin Salter ; Nguyễn Ngọc Tú dịch.	2021	9786047791637
734	609.5694 J82	Israel : mảnh đất của những phát minh vì con người	Avi Jorisch ; Hoàng Lan dịch.	2019	9786047764853 ; 8935280903685
735	610 P534 V.1 ; 610 P534 V.2	Bách khoa thư bệnh học	Phạm Song ... [et al.].	2006	(v.1) ; (v.2)
736	610.3 D631	Tự điển bách khoa y học Anh-Việt = cyclopedic medical dictionary English-Vietnamese	ban biên soạn, Đoàn Xuân Dũng ... [et al.].	2007	(pbk.)
737	610.3 T883	Từ điển y học Dorland Anh-Việt = Dorland's illustrated medical dictionary	Dorland.	2013	8935073096761 (hbk.)
738	610.3 T883	Từ điển y học Dorland Anh-Việt.		2012	9780721601465 ; 8935073096761
739	610.951 D562	Những bài thuốc thần dược Của Trung Quốc	Đi ề n Phong Ô, Trương Thanh Vận ; người biên dịch: Nguyễn Văn Kiêm ; hiệu dính Nguyễn Ti ế n Hội.	2016	9786048414023 ; 8935209630265
740	611.81 B916	Tìm hiểu phòng trị bệnh mạch máu não	B.S Vũ Hảh Long-Nguyên Kim Dân.	2007	(pbk.)
741	612 R643	Atlas giai phau co' the ngu' o' i : hu' o' ng dan tru' c quan chính xác	BS. Alice Roberts; ngu' o' i dich: DS. Lê Quang Toan, BS. Lê Thi Hong Khánh; hieu dí nh: PGS. TS. Nguyen Xuân Thùy; gio' i thieu: GS. TS. Lê Van Cu' o' ng.	2015	8936071672209 ; 9786046609568
742	612 T833	Những đi ề u bạn nên bi ế t v ề cơ thể con người : human body	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
743	612.14 V994	Khám định bệnh bằng máy đo huy ế t áp	Vương Văn Liêu	2013	8935073097515 (pbk.)
744	612.3 A757	Hệ tiêu hoá	Nick Arnold ; Tony De Saulles minh hoạ ; Trịnh Huy Ninh dịch.	2008	8934974071259 (pbk.)
745	612.6 L975	Sự kỳ diệu của sinh sản	Lưu Bân.	2011	8935069912556 (pbk.)
746	612.66108351 T883	Cẩm nang tuổi dậy thì dành cho bạn trai	Từ Ninh ; Tuệ Văn dịch.	2017	9786045640180

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
747	612.68 H987	Tinh thà^n dưỡng sinh	Huy Cô^ Nguyễn; Viê^t Chi Nguyễn.	2006	(pbk.)
748	612.68 H987	Thẩm mỹ dưỡng sinh	Huy Cô^ Nguyễn; Viê^t Chi Nguyễn.	2006	(pbk.)
749	612.68 M843	17 ngày chặn đứng lão hóa	Mike Moreno ; phan hoàng lệ thủy.	2015	9786041052758 ; 8934974128847
750	613 B116	Bác sĩ tốt nhất là chính mình 8 : Để trái tim luôn khỏe mạnh.		2013	9786041009042 ; 8934974119517
751	613 B116 V.1	Bác sĩ tốt nhất là chính mình	Nhi ề u tác giả.	2010	9786041009042 (set : pbk.)
752	613 B116 V.2	Bác sĩ tô^t nhâ^t là chính mình : những lời khuyên bổ ích cho sức khỏe	Nhi ề u tác giả.	2008	8934974072317 (v. 2 : pbk.)
753	613 T364	Xem tay biê^t sức khỏe : nhận biê^t tính cách, dự báo tương lai	Thái Hô^ng Quang ; biên dịch, Nguyễn Lư.	2007	(pbk.)
754	613 W246	Chẩn đoán bệnh qua vân tay	Wang Chen Xia (Vương Thà^n Hà) ; dịch giả, Nguyễn An.	2004	(pbk.)
755	613.042 B154	Cơ thể tôi đang lớn lên từng ngày	Gerry Bailey ; Rupert Van Wyk, Lyn Gray minh họa ; Quỳnh Thông dịch.	2007	8934974069720 (pbk.)
756	613.0423 K32	Sách Chỉ Dành Cho Đàn Ông	Ewa Kempisty-Jeznach ; Phạm Quang Thiệu.	2018	9786041116757
757	613.04243 T883	Cẩm nang tuổi dậy thì dành cho bạn gái	Từ Ninh ; Tuệ Văn dịch.	2017	9786045640197
758	613.04244 N576	Những đi ề u phụ nữ nên bi ế t v ề sức khỏe giới tính	Nguyễn Thanh Tuệ, Phạm Thị Hường, biên soạn.	2007	8935069904964 (pbk.)
759	613.04244 N576	365 phương pháp tự chăm sóc sức khỏe của phụ nữ	Ngọc Khánh.	2010	8935212301657 (pbk.)
760	613.0432 H434	Sổ tay sức khỏe dành cho trẻ em	tác giả: Sở Sức khỏe Quốc dân Bộ Y t ế .	2020	9789865439576 ; 9865439573
761	613.0433 N576	Chăm sóc sức khỏe tuổi học trò	Nhị Hà biên soạn.	2007	8935069903561 (pbk.)
762	613.0438 N576	Phúóng pháp dúõng sinh ngúói cao tuổi	Nguyễn Bích Hà˘ng, Ngô Xuân Thiè^u.	2007	8935073018534 (pbk.)
763	613.2 A764	Thánh kinh của những tín đồ cà phê	Dr. Bob Arnot.	2020	9786043043518
764	613.2 H282	Dinh dưỡng : chìa khóa vàng cho sức khỏe = Nutrition for life	Lisa Hark & Darwin Deen ; biên dịch, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Phạm Vũ Thanh Tùng ; hiệu đính, Lương Lễ Hoàng.	2013	8935086831441
765	613.2 H282	Dinh dưỡng theo độ tuổi = Nutrition for life	Lisa Hark & Darwin Deen ; biên dịch, Bùi Thị Ngọc Hương, Phạm Hoa Phượng ; hiệu định, Nguyễn Văn Tú.	2015	9786045624357 ; 6045624351
766	613.2 L991	Kỷ luật bàn ăn dinh dưỡng cân bằng - Để ăn rong chỉ còn là dĩ v ãng	Hachun Lyobnet (Hà Chũn) - tư vấn chuyên m ôn: BS.Nguyễn Hồng Thu.	2020	9786043014037
767	613.2 P534	Những món ăn bài thuốc dưỡng sinh ch ế bi ế n từ thịt gà, trứng gà, thịt thỏ	Phạm, Đức Huân.	2006	8935077014532 (pbk.)
768	613.2 Q9	Bệnh liên quan đê^n giới tính	biên soạn, Quỳnh Mai ; hiệu đính, bs Lê Hòa.	2007	(pbk.)
769	613.2 T434	Món ăn giúp cơ thể cân đối	Thiên Kim.	2008	8935073050800
770	613.2 W246	khoe dep nho dinh duong	Wang Jenny.	2005	(pbk.)
771	613.2 W716	Cơ thể tự chữa lành：Thực phẩm thay đổi cuộc sống	Anthony William.	2021	9786043224498
772	613.2 Y95 V.1	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 1 : Lời đô^n thổi, hãy bỏ ngoài tai	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926291 ; 6045926293
773	613.2 Y95 V.2	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 2 : Nhìn thì chín, ăn thì sô^ng	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926307 ; 6045926307
774	613.2 Y95 V.3	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 3 : Phòng thí nghiệm trong nhà b ê^p	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926314 ; 6045926315
775	613.2 Y95 V.4	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 4 : Hàng nhập khẩu: có nên ưu ti ên khi mua sá˘m	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926321 ; 6045926323
776	613.2 Y95 V.5	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 5 : Sự thật vê^ thực phẩm độc	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926338 ; 6045926331
777	613.2 Y95 V.6	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 6 : "Giải phã^u" thực phẩm khô ng an toàn	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926345 ; 604592634X
778	613.2 Y95 V.7	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 7 : Hóa giải nõ^i lo an toàn thực phẩm	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926352 ; 6045926358
779	613.2 Y95 V.8	Ẩm thực con dao hai lưỡi. Tập 8 : Thực phẩm có tuyệt vời như quảng cáo?	Yun Wuxin ; Thanh Vân dịch.	2015	9786045926369 ; 6045926366
780	613.2083 N576	Bí quy ế t dinh dưỡng : giúp trẻ tăng chi ề u cao tối ưu	BSCKII Nguyễn Thị Thu Hậu	2012	9786045607350 (pbk.)
781	613.25 A332	50 Cách Giải Stress Không Cần Thức Ăn = 50 ways to soothe yourself without food	Ti ế n Sĩ Tâm Lý Albers.	2016	9789822288605
782	613.28 V217	Thực phẩm và dinh dưỡng cho trẻ em	Janice Van Cleave ; biên dịch Trần Minh Nhật.	2006	8935072807184 (pbk.)
783	613.41 T153	Tắm dưỡng sinh	Đi ề n Tự Thắng ... [et al.] ; người dịch, Mai Hoa.	2007	(pbk.)
784	613.66 B674	Trường học sống còn : hay 56 cách thức bảo vệ trẻ em trước tội phạm	O. Bogatreva, Iu. Dubiaghin ; Nguyễn Thúy Hằng biên dịch,	2006	(pbk.)
785	613.7024796 E16	Chi ế n Lược Dinh Dưỡng Cho Các Vận Động Viên Sức B ề n	Suzanne Girard Eberle.	2020	9786048508364
786	613.7043 B114	Cẩm nang con trai = A book for every boy	Violeta Babic. ; Ánh Tuy ế t.; Song Thu.; Ana Grigorijev.	2011	8935086825570 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
787	613.7046 H957	Hướng dẫn yoga	Trương Ngọc Bích biên dịch.	2005	(pbk.)
788	613.7046 J64	Yoga cho khuôn mặt trẻ đẹp	Joeng Yoo Sang ; Tri Thức Việt biên dịch.	2008	8935086809259 (hard)
789	613.7046 S132	101 hướng dẫn thi ế t thực yoga	Saigonbook.	2006	(pbk.)
790	613.71 H987	Sinh hoạt dưỡng sinh	Huy Cô^ Nguyễn; Huy Thìn Lê.	2006	(pbk.)
791	613.712 B932	Giảm cân để chữa bệnh & giữ dáng	Bùi Văn Uy, Vũ Trung Hải.	2014	9786046810759
792	613.712 N576	Giảm béo sau khi sinh : các phương pháp	Nguyễn Mai Lan.	2011	8935069912570 (pbk.)
793	613.7148 M277	Kỹ thuật chi ế n đấu thực dụng	Mạnh dDương, Nguyển Bính.	2007	
794	613.7148 M277	Võ thuật tự vệ thực dụng	Mạnh Dương , Nguyển Bính.	2007	(pbk.)
795	613.79 K19	Bí Quy ế t Sống Tỉnh Thức Trong 8 Ngày = Mindfulness in 8 days : how to find inner peace in a world of stss and anxiety	Kathirasan K.	2023	9786043779639
796	613.794 T882	Ngủ ơi là ngủ : 5 ti ế ng là đủ	Satoshi Tsubota ; Hương Linh dịch.	2018	9786049313882 ; 6049313881
797	613.94 L975	Cẩm nang tránh thai	Lưu Ngũ Vân, Du Chié^u Hoa ; người dịch, Nguyễn Đăng Thùy Ân.	2007	(pbk.)
798	613.94 Q99	Bạn muó^n con bạn khỏe đẹp và thông minh. Tap 1	Quỳnh Mai biên soạn.	2007	(pbk.)
799	613.954 T772	Sức khoẻ tình dục sau tuổi 60	Trần Văn Trung.	2012	8935209613855
800	615 T772	Cốt tủy thực dưỡng	Trần Ngọc Tài, Thường Huệ Nguyên.	2013	9786049287435 (pbk.)
801	615.1 N576	Chuyện không nhỏ v ề thuốc & sức khỏe	Nguyễn Hữu Đức.	2015	9786041065826 ; 8934974133094
802	615.321 C385	Cây hoa trị bệnh	Thanh Hà sưu tầm & biên soạn ; Lê Hồng Quang hiệu đính.	2013	9786045617632 ; 8935095616558
803	615.321 N576	Ngon ngọt vị rau	Kim Phụng, tuyển chọn ; Đinh Công Bảy, hiệu đính.	2014	9786041027435 ; 8934974125082
804	615.321 T766	Trái cây trị bách bệnh	Hoàng Vũ, biên soạn.	2013	8935210211620
805	615.7822 G137	Những đi ề u chưa bi ế t v ề thuốc phiện	L. Gaide.	2020	9786047781010
806	615.8 H239	Hành, tỏi trị bệnh	Thanh Hà, sưu tầm & biên soạn ; hiệu đính, L ê Hồng Quang.	2013	9786045617670 ; 6045617673
807	615.8 N576	Những bài thuó^c dân gian kỳ diệu	Nguyễn Đức ,Ngọc Mai.	2006	(pbk.)
808	615.8 T367	Các loại cây có tác dụng trị bệnh	Thanh Ha `; Lê Hồng Quang.	2013	9786045617625 ; 8935095616695
809	615.8 T367	Gừng, nghệ, ri ề ng, sả trị bệnh	Thanh Hà; Lê Hồng Quang.	2013	9786045618295
810	615.8 T367	Đậu, vừng trị bệnh	Thanh Hà; Lê Hồng Quang.	2013	9786045617663 ; 8935095616831
811	615.82 H772	Liệu pháp vỗ & gõ	Hồng Chiêu Quang ; người dịch: Ki ế n Văn & Phúc Ki ế n.	2013	8935073096464 (pbk.)
812	615.822 L128	Tự massage làm đẹp cơ thể	Lạc Trọng Giao ; biên dịch: Thuần Nghi Oanh, Ki ế n Văn.	2011	8935073080234 (pbk.)
813	615.822 L693	Day ấn xoa bóp : trị liệu 20 bệnh thường gặp	Lý Nam Sinh ; ngươi dịch, Việt Thư.	2017	9786047426607 ; 6047426603
814	615.822 L981	Day ấn xoa bóp : trị liệu 20 bệnh thường gặp	Lý Nam Sinh ; Người dịch : Việt Thư.	2018	9786047426607
815	615.822 S132	Massage : 101 hướng dẫn thi ế t thực	Saigonbook.	2006	
816	615.822 T827	Kỹ thuật massage : (xoa bóp phục hồi sức khoẻ và trị liệu)	Triệu Thị Chơi, Hoàng Sơn, Duy Hiè^n.	2008	8935073040030 (pbk.)
817	615.822 W246	Kỹ thuật bá^m huyệt massage trong gia đình Trung Quó^c	Wang Chuangui ; Đinh Sơn Mỹ dịch.	2007	(pbk.)
818	615.854 B583	Trái cây trị bệnh và tăng cường sức khỏe	Bích Ngọc.	2006	(pbk.)
819	615.854 H999	Bổ dưỡng dưỡng sinh	Huy Cô^ Nguyễn; Vié^t Chi Nguyễn.	2006	(pbk.)
820	615.854 N576	Cẩm nang dùng thuốc bổ và thức ăn bổ	Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Mạnh Đạo, Nông Thúy Ngọc.	2008	
821	615.854 T772	Cốt tủy thực dưỡng	Trần Ngọc Tài, Thường Huệ Nguyên.	2013	9786049287435 ; 8935209614050
822	615.88 V994	Thuốc quý ở quanh ta	Lương Y Vương Thừa Ân	2015	9786049268601 ; 8935073101816
823	615.880951 P577	Phương pháp dưỡng sinh giúp sống khỏe sống lâu : làm như vầy có thể sống thêm 20 năm	Trường Thủy biên soạn.	2013	8935209614067
824	615.8809597 Q9	500 bài thuốc Đông y gia truy ề n trị bách bệnh	Lương y: Quốc Đương.	2014	9786045919538 ; 8935077031256
825	615.89 L693	Giác hơi : Trị Liệu 70 Bệnh Thường Gặp	Lý Nam Sinh; người dịch, Việt Thư.	2015	9786047414925 ; 8935073102776
826	615.89 L981	Cạo Gió : Trị Liệu 40 Bệnh Thường Gặp : Liệu pháp dưỡng sinh Đông Y.	Lý Nam Sinh	2015	9786047414918 ; 8935073102783
827	615.892 D631	Thực tập ấn huyệt : khả năng chữa bệnh kỳ diệu bằng huyệt - bệnh tiêu hóa Trường-Vị	Đỗ Đức Ngọc.	2013	8935073097553 (pbk.)
828	615.892 V994	Sổ tay tìm huyệt	Vương Văn Liêu.	2013	8935073097522 (pbk.)
829	615.892 V994	Tự day ấn huyệt chữa bệnh : bệnh tim mạch & huy ế t	Vương Văn Liêu.	2013	8935073097539 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
830	616.0252 M364	Cẩm nang sơ cá^p cứu trẻ em và người lớn	Andrew K. Marsden, Cameron Moffat, Roy Scott ; thực hiện bởi, Trung tâm cá^p cứu, chữa trị khẩn cá^p Hội chữ thập đỏ Anh quó^c ; Nữ hoàng Elizabeth viế^t lời giới thiệu ; Nguyễn Lân Đính [người dịch].	1999	(pbk.)
831	616.0478 C993	Giải pháp xua tan mệt mỏi : 8 bước đơn giản để phục hồi nguồn năng lượng	Eva Cwynar & Sharyn Kolberg ; người dịch, B ích Phượng.	2014	8935073098338
832	616.12 P535	Bệnh tim mạch ở người lớn tuổi	Phan Hữu Phước.	2002	8935069901277 (pbk.)
833	616.12 T871 V.1	Bệnh động mạch cơ tim những người bệnh nên kiêng kỵ	Trương Hùng, Hoàng Anh biên soạn.	2006	8935075909441 (v. 1 : pbk.) ; 8935075909571 (v. 2 : pbk.) ; 8935075909588 (v. 3 : pbk.)
834	616.123 T367	Bệnh mạch vành : cách phòng chữa : dùng thuốc k ế t hợp với ch ế độ ăn uống	Thanh Giang.	2012	9786049261770 (pbk.)
835	616.132 B932	Cao huy ế t áp : kẻ gi ế t người thầm lặng	DS CKII Bùi Văn Uy, BS. Vũ Trung Hải.	0000	9786046819851
836	616.132 H678	Bệnh cao huy ế t áp & cách đi ề u trị	Hoàng Thúy.	2015	9786048818319
837	616.132 N576	175 câu hỏi - đáp phòng, chữa các bệnh v ề huy ế t áp	Nguyễn Trung Phước.	2013	9786049261619 (pbk.)
838	616.132 N576	175 câu hỏi-đáp phòng, chữa các bệnh v ề huy ế t áp	Nguyễn Trung Phước.	2013	9786049261619 (pbk.)
839	616.132 R877	Phòng và trị tăng huyế^t áp không dùng thuố^c	Robert Rowan ; người dịch, Lý Thanh Trúc.	2007	
840	616.2 N576	Bạn biế^t gì vè^ bệnh đường hô há^p? : bộ máy hô há^p, các bệnh đường hô há^p và phương pháp phòng trị	biên soạn, Nguyễn Tiế^n Dũng.	2006	8935077013290 (pbk.)
841	616.24 M664	Cẩm nang phòng ngừa và điè^u trị các bệnh vè^ phổi : các bệnh vè^ phổi	Minh Phượng.	2006	(pbk.)
842	616.340654 A968	Ăn Bẩn Sống Lâu	Josh Axe ; Trần Đình Huấn.	2018	9786048863999
843	616.3428 T111	285 câu hỏi đáp phòng trị táo bón	Tạ Ứng Minh ; biên dịch, Nguyễn Kim Dân.	2007	8935073027789 (pbk.)
844	616.343 N576	Những điè^u cà^n biế^t vè^ bệnh dạ dày	Mai Ngọc biên soạn.	2014	9786045010426
845	616.36 T772	Các bệnh v ề gan mật : cách phòng chữa : dùng thuốc k ế t hợp với ch ế độ ăn uống	Trần, Quân.	2012	9786045605035 (pbk.)
846	616.362 P534	Cẩm nang phòng và điè^u trị : bệnh vè^ gan	Phạm Hoàng Minh.	2006	(pbk.)
847	616.362 Q1	Ăn uó^ng và phương pháp phòng trị bệnh gan	Quang Tuá^n.	2006	(pbk.)
848	616.3623 B932	Viêm gan do virus : hiểu bi ế t để phòng tránh	Dược sĩ CK11 Bùi Văn Uy, Bác sĩ Vũ Trung Hải.	2015	9786046820253
849	616.462 B932	Đ ề sống chung sống thọ với bệnh tiểu đường	Bùi Văn Uy, Vũ Trung Hải.	2014	9786046813859
850	616.462 C235 V.1 ; 616.462 C235 V.2	Hỏi đáp v ề bệnh tiểu đường	Cao Ngạn Bân ... [et al.]	2007	8935069902687 (v. 1 : pbk.) ; 8935069902694 (v. 2 : pbk.)
851	616.462 D631	Chữa bệnh tiểu đường và bi ế n chứng	Đỗ Đức Ngọc	2013	8935073097560 (pbk.)
852	616.462 H678	Bệnh Tiểu Đường Và Cách Đi ề u Trị	Hoàng Thúy	2015	9786048818302
853	616.462 N576	Bệnh đái tháo đường : những quan điểm hiện đại	Nguyễn Huy Cường.	2010	
854	616.462 N576	Hỏi đáp phát hiện & đi ề u trị bệnh tiểu đường	Nguyễn Hồng Hoa, Bùi Trường.	2014	9786045919873 ; 8935077031478
855	616.462 T772	Những đi ề u cần bi ế t v ề bệnh tiểu đường	Tràn Van Điều.	2007	(pbk.)
856	616.462 T772	Bác sĩ gia đình của người mắc bệnh tiểu đường	Trần Văn Đi ề u biên soạn ; hiệu đính, Lê Thị Nga.	2007	(pbk.)
857	616.4624 F981	Mật mã tiểu đường = The Diabetes Code	BS. Jason Fung ;Hồ Thu Phương.	2020	9786043046656
858	616.610654 B118	Bệnh thận : và ch ế độ dinh dưỡng cho người bệnh thận	BS. Bạch Sĩ Minh.	2014	8935077031386
859	616.614 S967	Suy thận mãn	Lương Phán, biên soạn.	2013	9786045807101
860	616.65 N576	Nam khoa lâm sàng	Nguyễn Thành Như.	2013	9786045805732
861	616.80092 K62	Mọt^ lít nước mắt	Kito Aya ; Trâì Trọng Đưć dịch.	2012	
862	616.8498 C235	Vì Sao Bạn Mất Ngủ : kim Chỉ Nam Cho Tâm Lý Con Người	Cao Hoa ; Hằng Nga dịch ; Quỳnh Anh Hiệu đ ính.	2008	8936037790244 (pbk.)
863	616.8498 P574	Phòng chó^ng bệnh má^t ngủ	người dịch, Nguyễn Hoàng.	2008	
864	616.85 K81	Sang chấn tâm lý - Hiểu để chữa lành	Bessel Van Der Kolk, M.D ; Dịch: Lê Phan Như Quỳnh.	2019	9786047788446
865	616.858223 G822	Tâm bệnh : câu chuyện có thật v ề một cô bé bị đánh cắp tuổi thơ	Julie Gregory ; người dịch Lưu Hi ề n Nhân.	2007	8935077036329 (pbk.)
866	616.8589 P535	Trị bệnh đường tiêu hóa	Phan Thanh Anh.	2005	(pbk.)
867	616.89 N576	Các rối loạn tâm thần : chẩn đoán và đi ề u trị	Nguyễn Minh Tuấn.	2002	(pbk.)
868	616.890092 L433	Gọi bình yên quay v ề : tự truyện	của Lê Quốc Nam, Bác sĩ chuyên khoa tâm thần.	2008	8934974071662 (pbk.)
869	616.8917 S823	Cái tôi được yêu thương	Wilhelm Stekel ; bản dịch của Lam Anh ; một dịch giả của Oopsy.	2019	9786045666876
870	616.904 P534	Cẩm nang phòng và điè^u trị các bệnh truyè^n nhiễm	Phạm Hoàng Minh biên soạn.	2006	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
871	616.994 H496	Thoát khỏi ung thư : hướng dẫn chữa bệnh không độc và nhẹ nh àng = Cancer-free	Henderson Billm, Carlos M. Garcia ;chuyển ngữ, Nguyễn Anh Tuấn.	2014	9786045918340 ; 8936037795911
872	616.994 L433	Nguyên ơi! : tưởng nhớ con trai yêu quý!	Lê Hải Triè ̂u.	2007	8935069900782 (pbk.)
873	616.994 L433	Xin hãy cho con thêm thời gian!	Lê Thanh Thúy & Tố Oanh.	2007	(pbk.)
874	616.994 L433	Bệnh ung thư và cách đi ề u trị	Lê Anh Sơn, biên soạn.	2015	9786048818296
875	616.994 N576	Cẩm nang phòng trị ung thư	Nguyễn Chá ̂n Hùng.	2014	9786045817711 ; 8936045360545
876	616.99405 K45	Những sự thật v ề ung thư : hiểu thêm để bớt lo	David Khayat ; Trần Trung Quân dịch.	2021	9786047791170 ; 8935235229754
877	616.99424 K14	Khi hơi thở hoá thinh không	Paul Kalanithi ; Trần Thanh Hương dịch.	2018	9786045994474
878	616.99424 K14	Khi hơi thở hóa thinh không	Paul Kalanithi ; Abraham Verghese, đ ề tựa ; Trần Thanh Hương, dịch.	2018	9786045994474 ; 6045994477
879	617.024 C212	Căn bản v ề tiểu phẫu	chủ biên Nguyễn Văn Hải.	2016	9786046449621 ; 6046449626
880	617.56406 H772	Phương pháp tri liệu cột sống : liệu pháp tự nhiên của y học trung hoa	Hồng Chiêu Quang ; người dịch Ki ế n Văn, Phúc Ki ế n.	2015	9786047414994 ; 6047414990
881	617.7 T865	Chăm sóc thị lực cho trẻ	chủ biên, Trúc Quân ; dịch, Thu Trang.	2014	9786045624177 ; 8936067593051
882	617.882 H678	Bệnh Rối Loạn Ti ề n Đình Và Cách Đi ề u Trị	Hoàng Thúy	2015	9786048818326
883	617.95 M664	Khoa học dưỡng sinh trường thọ theo nhóm máu (HH)	Minh An	2012	8935095615360
884	618 H678	Bệnh phụ nữ và cách đi ề u trị	Hoàng Thúy, biên soạn.	2009	9786048818340
885	618.175 B932	Tìm hiểu chứng bi ế n đổi thời kỳ mãn kinh	biên soạn, Bùi Đức Thắng.	2007	8935077022025 (pbk.)
886	618.175 N576	Giư gìn sắc đẹp v ề tuổi xuân	Nguyễn Đình Cao, Đoàn Thanh sưu tà ̂m, biê n soạn.	2006	1005121500025 (pbk.)
887	618.2 A613	Nhật ký thai kỳ	Anne Théau ; Thu Trang dịch.	2011	9786041000650 (pbk.) ;
888	618.2 C776	Chăm sóc thai nhi	Carol Cooper ; người dịch, Nguyễn Triệu Vũ ; hiệu đính, Nguyễn Thị Ngọc Phượng.	2013	8935086832783
889	618.2 H149	280 ngày mang thai khỏe mạnh	Ngọc Trâm, biên soạn.	2011	
890	618.2 K49	Mang thai không h ề dễ chịu : hài hước đóng cảm chân thực hữu ích nhất = Pregnancy sucks	Joanne Kimes ; người dịch, Liên Scherbecks.	2014	9786045623763
891	618.2 K49	Mang thai không h ề dễ chịu cả với đàn ông = Pregnancy sucks for men	Joanne Kimes, Jeffrey Kimes ; người dịch, Liê n Scherbecks.	2014	9786045623770
892	618.2 M191	Đ ế m ngược tới ngày gặp con yêu : cẩm nang mang thai - sinh nở	tác giả: Susan Magee ; cố vấn chuyên môn: Bá c sĩ Kara Nakisbendi, M.D. ; dịch giả: Mẹ Ong Bông ; Hiệu đính: Ti ế n sĩ - Bác sĩ Bùi Chí Thương.	2018	9786047742325 ; 6047742327
893	618.2 P574	99 đi ề u nên bi ế t v ề thai nghén và sinh đẻ	Phó Đức Nhuận.	2011	9786045607558 (pbk.) ; 6045607554 (pbk.)
894	618.2 S253	Lần đầu làm mẹ : tổng hợp những ki ế n thức mới nhất v ề mang thai và sinh nở	Sato Takeuchi ; La Minh Nhật dịch.	2019	9786045994566
895	618.2 S883	Cẩm nang mang thai & sinh con	Dr. Miriam Stoppard ; người dịch, Bác sĩ Nguyễn Lân Đính.	2013	9786041033382 ; 8935086825273
896	618.2 T772	Mang thai hạnh phúc nuôi con khỏe mạnh	Trân Châu Quân.	2012	9786045610466 (pbk.)
897	618.2 V994 V.1	Bách khoa thai giáo	Vương Kỳ ; Phương Linh.	2011	9786049164965 (v. 1 : pbk.) ; 8936037792811 (v. 2 : pbk.)
898	618.24 B916	Dưỡng thai theo từng tuần ̃	B.S. Phùng Bích Sam.	2007	(pbk.)
899	618.24 N576	Cẩm nang nấu ăn đặc biệt dành cho phụ nữ sau khi sinh	Ngọc Khánh.	2013	8935212311953 (pbk.)
900	618.24 S132	Chăm sóc thai sản : 101 hướng dẫn thi ế t thực	Saigonbook.	2006	(pbk.)
901	618.24 T759	Mang thai thành công 280 ngày : mỗi ngày đọc 1 trang	chủ biên, Trạch Qu ế Vinh ; dịch, Hà Giang.	2013	9786045619919 ; 6045619919
902	618.24 T759	Mang thai thành công 280 ngày : mỗi ngày đọc mỗt trang	chủ biên, Trạch Qu ế Vinh ; dịch, Ngọc Diệp.	2015	9786045619919 ; 6045619919
903	618.24 V986	Mẹ & Con : bước đầu tìm hiểu tâm lý sản phụ và quan hệ sớm mẹ con ở Việt Nam	Vũ Thị Chín.	2005	(pbk.)
904	618.242 H772	Thực đơn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và sinh con	Hồng Y ế n biên soạn.	2008	8935077047493 (pbk.)
905	618.25 M277	Mang thai hạnh phúc nuôi con khỏe mạnh	Trân Châu Quân, biên soạn.	2013	9786055610466
906	618.92 T772	Chat với bác sĩ	BS. Trần Thị Huyên Thảo.	2017	9786045982112
907	618.9201 T874	Chăm sóc bé & mẹ sau khi sinh	Trương Thị Thiên Ái ; Lê Thị Thu Hà.	2013	9786045613085 (pbk.)
908	618.928982 L433	Đưa con trở lại thiên đường	Lê Thị Phương Nga.	2008	8935069905466 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
909	621.3 N576	Kỹ thuật quấ^n dây	Nguyễn Hoàng Hải.	2000	(pbk.)
910	629.046 L755	100 từ đầu tiên v ề các phương tiện giao thông = First 100 trucks and things that go	lời: Linh Chi ; minh họa: Quỳnh Rùa.	2018	9786046474173 ; 6046474175
911	631.45 N576	Nhà bên núi	Tác giả : Ngô Lập Bình ; Họa sỹ : Trương Chấn Tùng	2012	9789865449780
912	634.6 H111	Kỹ thuật trồng trọt và phòng trừ sâu bệnh cho một số cây ăn quả vùng núi phía Bắc	[nhóm biên soạn, chủ biên, Hà Minh Trung ; Philippe Cao Van ... et al.].	2005	(pbk.)
913	635.9772 H149	Nghệ thuật bonsai, cây cảnh	Hải Phong.	2007	
914	636 V415	Những người bạn ở làng quê	tranh, Philippe Salembier ; lời, Pascale Védère d' Auria ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
915	636 V415	Những người bạn ở nông trang	tranh, Philippe Salembier ; lời, Pascale Védère d' Auria ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
916	636.0887 B932	Hỏi - đáp v ề bệnh của vật nuôi	Bùi Quý Huy.	2007	8936032949500 (pbk.)
917	636.089 P534 V.1	Sổ tay thầy thuốc thú y	Phạm Sỹ Lăng chủ biên.	2008	8936032949333 (v. 1 : pbk.) ; 8936032949340 (v. 2 : pbk.)
918	636.08969 B932	101 câu hỏi đáp v ề bệnh gia súc	Bùi Quý Huy.	2007	8936032949494 (pbk.)
919	636.10887 L781	Chạm và trượt - Trang trại vui nhộn	Jonathan Litton.	2019	9786045552964
920	636.39 N576	Kỹ thuật chăn nuôi dê lai sữa-thịt	Nguyễn Duy Lý, Đinh Văn Bình.	2008	8936032942310 (pbk.)
921	636.4 N576	Kỹ thuật chăn nuôi và chuồng trại nuôi lợn	Nguyễn Thiện, Võ Trọng Hốt.	2008	8936032942297 (pbk.)
922	636.4082 N576	Nâng cao năng suất sinh sản cho lợn nái	Nguyễn Thiện, Đào Đức Thà.	2008	8936032942419 (pbk.)
923	636.5089 B932	99 câu hỏi đáp v ề bệnh gia cầm	Bùi Quý Huy.	2008	8936032942136 (pbk.)
924	636.597 L964	Nuôi vịt siêu thịt C.V. Super M	Lương Tất Nhợ, Hoàng Văn Tiệu.	2008	8936032941030 (pbk.)
925	636.9322 N576	Kỹ thuật chăn nuôi thỏ thịt	Nguyễn Teiện, Đinh Văn Bình.	2008	8936032942303 (pbk.)
926	636.93597 N576	Bí quy ế t làm giàu từ nuôi nhím	Nguyễn Thiện.	2008	8936032942181 (pbk.)
927	639.374 N576	Kỹ thuật nuôi : cá trê lươn, giun đất	Ngô Trọng Lư, Lê Đăng Khuyên.	2008	8936032943195 (pbk.)
928	640 T547	Những bí quy ế t nội trợ : Sắc đẹp, sức khỏe , nhà cửa...	Thư Trần.	2006	(pbk.)
929	640 V666	10000 mẹo vặt trong gia đình	Việt Thư	2008	8935073038198 (pbk.)
930	640.41 A596	555 mẹo vặt	Anh Thư.	2012	8935095607655 (pbk.)
931	640.41 P534	999 mẹo hay trong cuộc sống	Phạm Văn Liễn.	2011	8935073076930 (pbk.)
932	640.73 S252	Lối sống tối giản của người nhật = ぼくたちに、もうモノは必要ない	Sasaki Fumio ; Như Nữ dịch.	2017	9786045974230
933	641.013 N576	Mùi của ký ức : tạp văn	Nguyễn Quang Thi ề u.	2017	9786041098329
934	641.3 F246	Khoa học v ề nấu ăn : giải đáp thắc mắc, hoá giải lầm tưởng phổ bi ế n v ề nấu ăn	Stuart Farrimond ; Hà Dũng Minh dịch.	2021	9786043450811
935	641.3 G259	Khoa học ăn được không?	Stefan Gates ; Thu Trang người dịch.	2021	9786045586808
936	641.3 L415	Ăn uống th ế nào tạo ra bạn th ế ấy	Felicia Law ; Rupert van Wyk, Lyn Gray minh họa ; Quỳnh Thông dịch.	2007	8934974069768 (pbk.)
937	641.3 L433	100 triệu năm thực phẩm : Tổ tiên chúng ta đã ăn gì và tại sao đi ề u đó lại quan trọng với chúng ta ngày nay?	Stephen Le.	2020	9786047771455
938	641.337 H957	Làm đẹp bằng trà	Hướng Tiểu Huệ ; biên dịch, Nguyễn Kim Dâ n và nhóm cộng sự.	2008	(pbk.)
939	641.34 T766	Trái cây : món quà kỳ diệu của thiên nhiên	Kim Phụng tuyển chọn ; Đinh Công Bảy hiệu đính.	2013	9786041020580 (pbk.) ;
940	641.34 T766	Trái cây : món quà kỳ diệu của thiên nhiên	Kim Phụng, tuyển chọn ; Đinh Công Bảy, hiệu đính.	2013	9786041020580 ; 8934974119302
941	641.36 N576	Những Món Bò Bổ Dưỡng	Nguyễn thị Phụng.	2005	(pbk.)
942	641.39 H239	Món ăn chế^ biế^n từ thủy hải sản.	Hang nga-nguyen huynh.	2006	(pbk.)
943	641.5 D182	380 món cháo bổ dưỡng	Đặng Châu Linh.	2007	8935075911710 (pbk.)
944	641.5 D631	Món ăn ngon dễ làm	Đoàn Nguyễn Huy ề n Thanh sưu tầm, dịch, tuyển chọn.	2006	8935069900300 (pbk.)
945	641.5 D631	Nấu ăn gia đình : mi ề n nam	Đỗ Kim Trung.	2008	8935069901444 (pbk.)
946	641.5 D631	Món ăn đường phố	Đỗ Kim Trung.	2008	8935073039799 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
947	641.5 D822	Món ăn thuần việt : các món nộm, dưa, canh và chay	Đức Vinh, Văn Châu.	2007	8935069904100 (pbk.)
948	641.5 K99	Các món hải sản thơm ngon Tập 1 : cá & mực	Kỳ Thư.	2006	9010205290602 (pbk.)
949	641.5 N576	Các món cháo ch ế bi ế n từ thịt, thuỷ hải sản & rau củ	Ngọc Lan.	2008	8935075913356 (pbk.)
950	641.5 N576	Các món trộn chay và mặn	Ngọc Lan, biên soạn.	2008	8935075913363 (pbk.)
951	641.5 N576	72 món gỏi	Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân.	2008	8935073040191 (pbk.)
952	641.5 N576	Các món canh ch ế bi ế n từ thịt, cá, tôm & rau củ quả	Ngọc Lan..	2008	8935075913349 (pbk.)
953	641.5 N897	Mặn béo chua nóng	Samin Nosrat ; Wendy MacNaughton minh họa ; Thanh Yên dịch.	2019	9786045665596 ; 8935095628186
954	641.5 N961	Đầu b ế p của những ngôi sao : Chuyện v ề đầu b ế p Jack Lee	NPD Khánh.	2017	9786046453772
955	641.5 P532	Tẩy độc b ế p Vì không thể sống mà không ăn gì	Pha Lê.	2020	9786041163768
956	641.5 P534	Nấ^u ăn mau chóng dễ dàng Sushi & Sashimi	biên soạn, Phạm Huy Kỳ.	2006	(pbk.)
957	641.5 Q9	72 món nướng	Quỳnh Chi.	2008	8935073040344 (pbk.)
958	641.5 Q9	Món chay ngon, dễ làm	Quỳnh Hương.	2008	8935073040290 (pbk.)
959	641.5 U22	Thực đơn ăn dặm kiểu Nhật	Reiko Ueda, Junko Ueda ; Kim Ngân dịch.	2020	9786043043051
960	641.52 C172	Các món điểm tâm	Cẩm Tuyé^t.	2008	8935073040252 (pbk.)
961	641.52 N576	150 thực đơn ăn sáng	chủ biên, Nguyễn Thị Kim Hưng ; tham gia bi ên soạn, Bùi Thị Hoàng Mai, Trương Thị Nhà	2000	8935069903523 (pbk.)
962	641.52 N576	10 phút ch ế bi ế n bữa ăn sáng	Nguyễn Khắc Khoái.	2008	8935075914209 (pbk.)
963	641.54 T532	45 món ăn ban đêm : các món ăn khuya	biên dịch, Thục Nữ.	2003	
964	641.55 T532	45 món ăn nhẹ : các món ăn đãi khách	biên dịch, Thục Nữ.	2003	
965	641.56 H987	Các món chay thong dung	Huỳnh văn thảo.	2006	(pbk.)
966	641.56 L964	Thực đơn cho người mẹ mới sinh con	Lương Nghi Đào.	2007	(pbk.)
967	641.5622 K18	Cẩm nang dinh dưỡng cho bé	Annabel Karmel ; người dịch: Tướng Nguyên.	2008	8935086807835 (pbk.)
968	641.5622 K18	Cẩm nang dinh dưỡng cho bé	Annabel Karmel ; người dịch, Tường Nguyên ; hiệu đính, Nguyễn Lân Đính.	2012	
969	641.5622 N576	Món ăn giàu canxi, giàu sắt	Nhật Anh.	2014	9786045611388
970	641.5622 V666	Thực đơn bổ dưỡng cho trẻ	Việt Đi ề n.	2010	
971	641.5622 V666	Dinh dưỡng cho trẻ béo phì : Các thực đơn và bài tập vận động dễ thực hiện	Việt Đi ề n(biên soạn).	2015	9786046018988 ; 6046018986
972	641.5622 V666	Dinh dưỡng cho trẻ béo phì : Các thực đơn và bài tập vận động dễ thực hiện	Việt Đi ề n.	2014	9786046018988 ; 6046018986
973	641.56222 N576	120 thực đơn ăn dặm	Nguyễn Thị Hoa.	2009	8935069908054 (pbk.)
974	641.563 N576	185 món ăn và cách phòng trị bệnh tăng huyé^t áp	Nguyễn Thị Nhiên (biên soạn)	2006	(pbk.)
975	641.563 T532	Thức ăn làm đẹp da	Nguyễn Kim Dân biên soạn.	2008	
976	641.5631 C975	Ăn chính là sống (màu)	Nhà nghiên cứu ẩm thực Curiko.	2020	9786047773183
977	641.5631 L964	Các món ăn có ích cho người bệnh đường hô hấp	Lương Y Đinh Công Bảy.	2013	9786045614518 (pbk.)
978	641.56319 L693	Cẩm nang dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai	Li Mẫn ; Hà Giang, dịch.	2015	9786049267000 ; 6049267006
979	641.56319 L964	Thực đơn cho người mẹ mới sinh con	Lương Nghi Đào.	2010	
980	641.5635 N576	50 món ngon giảm béo	Ngọc Chi biên soạn.	2007	(pbk.)
981	641.5636 B732	Ăn uống lành mạnh để bảo vệ môi trường	Marco Borges.	2019	9786047769230
982	641.5636 H678	191 món ăn chay thông dụng dễ làm	Hoa Hồ^ng.	2005	
983	641.5636 M111	Nghệ thuật làm bánh và chụp ảnh	Mã Lâm.	2018	9786049872600
984	641.5636 M995	Các món cuốn ngon miệng dễ thực hiện	Mỹ Hạnh.	2013	9786045612194 (pbk.)
985	641.5636 N576	Từ điển các món ăn chay	Nguyễn Thu Hà, Huỳnh Thị Dung biên soạn.	2005	1005101800312 (hard)
986	641.5636 T827	Các món ăn chay bổ dưỡng = Vegetarian cooking	Triệu Thị Chơi, Lâm Thị Đậu, Hoàng Sơn ; người dịch, Hoàng Sơn.	2007	8935073025242 (pbk.)
987	641.5637 N576	Ăn uống dưỡng sinh	Nguyễn Huy Cố, Nguyễn Quốc Bửu.	2006	(pbk.)
988	641.5637 T532	45 món ăn cho sức khỏe	biên dịch, Thục Nữ.	2004	
989	641.56383 W724	Thực đơn Kento cho người bận rộn	Liz Williams.	2019	9786043034080
990	641.568 T532	45 món ăn đãi tiệc	biên dịch, Thục Nữ.	2004	
991	641.59 Q9	Thực đơn ba món	Quỳnh Chi.	2008	8935073040719 (pbk.)
992	641.59 T827	Bánh chiên thông dụng	Triệu Thị Chơi, Nguyễn Thị Phụng.	2005	(pbk.)
993	641.595 B583	Sổ tay người nội trợ giỏi : 365 ngày mỗi ngày mỗi món hợ p khẩu vị	Bích Ngà, Kim Phượng biên soạn.	2006	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
994	641.595 N576	Sài gòn chở cơm đi ăn phở : tùy bút ẩm thực	Ngữ Yên.	2017	9786046836704
995	641.595 T532	180 món ăn á - âu ngon miệng : ch ế bi ế n từ thuỷ hải sản	Thu Hà.	2010	8935088515479 (pbk.)
996	641.5951 L964	Ẩm thực trung quốc	Lưu Quân Như.	2012	9786045804483 (pbk.)
997	641.5951 M664	Những món ăn bài thuó^c phục hò^i sức khỏe sau phã^u thuật	biên dịch, Minh Trang, N. Kié^n Văn.	2007	8935073029752 (pbk.)
998	641.5951 P534	Từng bước nấ^u các món ăn theo người hoa	biên soạn, Phạm Huy Kỳ.	2006	(pbk.)
999	641.5952 P534	Cách nấu các món ăn ưa thích của người Nhật	biên soạn, Phạm Huy Kỳ.	2006	(pbk.)
1000	641.5952 T367	Các món sushi : cơm cuộn	Thanh Nguyên.	2013	9786045613672 (pbk.)
1001	641.5957 Q9	90 món ăn ngon	Quỳnh Chi.	2008	(pbk.)
1002	641.5959 N576	Chef : Đầu b ế p chuyên nghiệp	Nguyễn Hungazit.	2015	9786047717842 ; 8936062808013
1003	641.5959 N576	Hương vị mi ề n yêu thương	Nguyễn Thị Thúy Hồng.	2014	9786045029220 ; 8936062803162
1004	641.59593 M664	Các món ăn Thái : chua cay, nhi ề u gia vị	Minh Anh biên dịch.	2005	(pbk.)
1005	641.59597 B216 V.1	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Băng Sơn, Mai Khôi, biên khảo và sáng tác.	2006	1006042800621 (v. 1 : pbk.) ; 1006042800638 (v. 2 : pbk.) ; 1006042800645 (v. 3 : pbk.)
1006	641.59597 B583	Sổ tay người nội trợ giỏi : 365 ngày, mỗ^i ngày mỗ^i món hợp khẩu vị	Bích Ngà, Kim Phượng, biên soạn.	2007	(pbk.)
1007	641.59597 B932	Tinh hoa món cuốn Việt : quy tụ những món cuốn đặc sắc của 3 mi ề n Bắc - Trung - Nam	Bùi Thị Sương.	2012	9786045621035 ; 8932000116790
1008	641.59597 C172	225 món ăn Việt Nam	Cẩm Quỳnh, tác giả; Kim Hương, biên soạn.	2005	
1009	641.59597 C559	Ăn vặt Sài Gòn - Tái bản (Thau)	Chu Thị Hồng Anh.	2014	2011601002285 ; 9786049056710
1010	641.59597 D567	Kỹ thuật ch ế bi ế n 200 món ăn ngon	Diêu Huy ề n.	2006	935077009002 (pbk.)
1011	641.59597 D584	Ẩm thực dành cho người rối loạn cương dương	Đinh Công Bảy.	2010	8935069912044 (pbk.)
1012	641.59597 D631	Nấu ăn gia đình : mi ề n bắc	Đỗ Kim Trung.	2008	8935069907347 (pbk.)
1013	641.59597 D631	30 món gỏi trộn ngon và lạ	Đỗ Kim Trung.	2015	8935073101762
1014	641.59597 D631	Món ăn đãi tiệc	Đỗ Thị Hồng Nho.	2012	8935073079290
1015	641.59597 D631	Món ăn đãi tiệc	Đỗ Thị Hồng Nho.	2014	8935073079290
1016	641.59597 D636	Độc đáo ẩm thự.Thăng Long – Hà Nội	Nhi ề u tác giả.	2010	8936046599777 (pbk.)
1017	641.59597 H111	Văn hóa ẩm thực Bình Định	Hà Giao, Nguyễn Phúc Liêm	2005	(pbk.)
1018	641.59597 H678	100 món ăn ngon miệng dễ làm	Hoài Thu, Ngọc Hà, biên soạn.	2005	
1019	641.59597 H678	Chuyện 2 căn b ế p : giấc mơ không biên giới = Kitchen art	Hoàng Anh & Chi Anh.	2014	8935235201736
1020	641.59597 H985	Phở - a specialty of Hà Nội = Phở - đặc sản Hà Nội	general edited by Hữu Ngọc, Lady Borton.	2006	(pbk.)
1021	641.59597 H985	Hu ế cuisiné = Ẩm thực xứ huế	general edited by Hữu Ngọc, Lady Borton.	2006	(pbk.)
1022	641.59597 H987	Cẩm nang món ăn từ ngũ cốc	Huỳnh Thị Dung, Nguyễn Thù Hà biên soạn.	2005	1005081700657 (pbk.)
1023	641.59597 K47	Món ăn giúp người già trường Thọ	Th ế Hùng, Ki ế n Văn.	2008	8935073060069
1024	641.59597 K47	1000 món canh dưỡng sinh và trị bệnh	Ki ế n Văn, Thuần Nghi Oanh.	2010	8935073071027 (pbk.)
1025	641.59597 L213	Món ngon ngày thường và lễ t ế t	Lâm Phương Vũ, Nguyễn Trần Hùng.	2013	9786045612804 (pbk.)
1026	641.59597 M217	Những món cơm đặc sắc	Mai Chi.	2012	8935073079375 (pbk.)
1027	641.59597 M664	200 món ăn đãi tiệc	Minh Huy ề n.	2010	8935088519316 (pbk.)
1028	641.59597 M664	200 món khai vị độc đáo và ngon miệng	Minh Huy ề n.	2010	8935088519323 (pbk.)
1029	641.59597 M664	200 món xào ngon	Minh Huy ề n	2010	8935088518418 (pbk.)
1030	641.59597 M664	200 món cuốn-cơm-gỏi	Minh Huy ề n.	2010	8935088518388 (pbk.)
1031	641.59597 M664	200 món ăn chay : ngon miệng bổ dưỡng	Minh Huy ề n.	2010	8935088519354 (pbk.)
1032	641.59597 M664	Quà Quê Giữa Phố	Minh Thanh, Thanh Nguyên.	2018	9786045654262
1033	641.59597 M734	Món ăn bổ dưỡng làm đẹp	biên dịch, Nguyễn Kim Dân.	2008	
1034	641.59597 M917	143 món chiên đặc sắc	biên soạn, Nguyễn Viên Chi.	2015	9786045508688 ; 6045508688
1035	641.59597 N287	Nấu ăn bằng lò vi sóng	Trịnh Hồng Hạnh biên soạn.	2014	9786045609835

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1036	641.59597 N576	Nghe thuat nau an : mot so mon an ngon che bien tu rau, cu, qua, ngu coc	Ngoc Anh.	2006	8935077010626 (pbk.)
1037	641.59597 N576	Món điểm tâm : bún, mì, cơm, cháo, phở	Nguyễn Thị Phụng.	2006	(pbk.)
1038	641.59597 N576	100 món ăn đặc sản	Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân.	2005	
1039	641.59597 N576	Sổ tay nội trợ gia đình	biên soạn, Nguyễn Thùy Linh.	2004	
1040	641.59597 N576	90 món ăn ngon thông dụng	thực hiện, Nguyễn Thị Phụng.	2007	8935073025273 (pbk.)
1041	641.59597 N576	Món ngon ngày lễ t ế t	Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân.	2008	8935073039966 (pbk.)
1042	641.59597 N576	100 món ăn đổi bữa	Nguyễn Thị Diệu Thảo	2012	9786049265068 (pbk.)
1043	641.59597 N576	Bò 70 món	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2013	9786045613313 (pbk.)
1044	641.59597 N576	Món chay đãi tiệc	Nguyễn Thị Phụng.	2013	9786049260926 (pbk.)
1045	641.59597 N576	Hương vị mi ề n yêu thương	Nguyễn Thị Thúy Hồng.	2014	9786045029220 ; 8936062803162
1046	641.59597 N576	Bò 70 món	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2013	9786045613313
1047	641.59597 N576	Món ăn Việt Nam : các món bún, phở, mi ế n, cháo	[Ngọc Hà].	2013	8935095610389
1048	641.59597 N576	Độc đáo ẩm thực hu ế	Nguyễn Nhã.	2011	8936046599777 (pbk.)
1049	641.59597 N576	100 món ăn đổi bữa	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2013	9786049265068 (pbk.)
1050	641.59597 N576	155 món ăn ngon dễ làm	Ngọc Hà.	2012	8935095612598 (pbk.)
1051	641.59597 N576	Các món canh lẩu thông dụng	Nguyễn Trúc Chi.	2012	8936046599777 (pbk.)
1052	641.59597 N576	Bữa sáng của trẻ : ch ế bi ế n nhanh, đủ dưỡng chất	Thanh Nguyên (biên soạn).	2015	9786045627556
1053	641.59597 N576	100 tuyệt chiêu nấu mì ngon	Nguyễn Viên Chi.	2015	9786045508909
1054	641.59597 N576	Chi ế c Thìa Vàng Và & Tinh Hoa Ẩm Thực Việt Mùa Đầu Tiên	Nhi ề u Tác Giả .	2015	9786046421931
1055	641.59597 N576	777 món canh, thức uống bổ dưỡng	Ngọc Khánh	2011	8935212305068 (pbk.)
1056	641.59597 N576	Món ăn ba miề ̂n	Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân.	2013	8935073078880
1057	641.59597 N576 V.1	30 thực đơn bỏ ̂dương dẽ ̂náu. tập 1	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2014	9786049250964
1058	641.59597 N576 V.2	30 thực đơn bổ dưỡng dễ nấu. Tập 2	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2010	9786049260971 (pbk.)
1059	641.59597 N576 V.2	30 thực đơn bỏ ̂dương dẽ ̂náu. tập 2	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2014	9786049260971
1060	641.59597 P535	Ngâu hu’ ng vào bếp	Phan Thắng Thái Hòa.	2015	9786047717217 ; 8936062807825
1061	641.59597 P535	Ngâu hưng vào bếp	Phan Thắng Thái Hòa.	2015	9786047717217 ; 6047717217
1062	641.59597 P535	Ngẫu hứng vào b ế p	Phan Thắng Thái Hoà.	2014	9786045023624 ; 6045023625
1063	641.59597 Q9	Dưa má ̆m Việt Nam	Quỳnh Hương.	2001	(pbk.)
1064	641.59597 Q9	92 món hấp muối & món xông khói dinh dưỡng	Quỳnh Hương.	2007	8935072814090 (pbk.)
1065	641.59597 Q9	30 món bún ngon	Quỳnh Hương.	2013	8935073079085 (pbk.)
1066	641.59597 Q99	Thực đơn bốn món	Quỳnh Chi.	2005	
1067	641.59597 Q99	Món ăn ch ế bi ế n từ hoa	Quỳnh Chi.	2005	1005080200134 (pbk.)
1068	641.59597 T367	Các món chay : bổ dưỡng	Thanh Nguyên.	2014	9786045613689 (pbk.)
1069	641.59597 T532	45 món ăn gia đình : kỹ thuật ná ̂u ăn	biên dịch, Thục Nữ.	2004	
1070	641.59597 T532	45 món hải sản	biên dịch, Thục Nữ.	2004	
1071	641.59597 T532	200 món ăn ngon : được nhi ề u người ưa thích	Thu Hà.	2010	8935088515547 (pbk.)
1072	641.59597 T772	Món ngon của mẹ	Trang Thanh biên soạn.	2015	9786049266959 ; 6049266956
1073	641.59597 T827	Ch ế bi ế n món ăn	Triệu Thị Chơi	2011	9786045604601 (pbk.)
1074	641.59597 T827	Cách lựa chọn bảo quản - bày biện : món ăn	Triệu Thị Chơi.	2011	9786045602119 (pbk.)
1075	641.59597 T827	Thực đơn món ăn hàng ngày. 3	Triệu Thị Chơi.	2015	8935073072642
1076	641.59597 T827	Cách lựa chọn, bảo quản, bày biện món ăn	Triệu Thị Chơi.	2011	9786045602119
1077	641.59597 T827	Ch ế bi ế n món ăn	Triệu Thị Chơi.	2013	9786045604601
1078	641.59597 T827	Các món dưa chua - đồ nguội & trộn - cuốn hỗn hợp	Triệu Thị Chơi.	2014	9786049263125
1079	641.59597 T827	Các món dưa chua đồ nguội - trộn cuốn hỗn hợp	Triệu Thị Chơi ; edited by Hà Thu.	2014	9786049263125 (pbk.)
1080	641.59597 T827	30 thực đơn thông dụng	Triệu Thị Chơi, Tôn Kim Ngẫu ; edited by Cẩm Hồng.	2011	1118020024063 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1081	641.59597 T827	Các món ăn ch ế bi ế n nhanh : b ế p thời hiện đại	Triệu Thị Chơi.	2014	9786045625217 ; 6045625218
1082	641.59597 T913	30 thực đơn ăn chay bổ dưỡng	Tuệ Thiên.	2013	9786045608852 (pbk.)
1083	641.59597 V217	Món ăn Việt Nam = Vietnamese cuisine	Văn Châu.	2013	9786049262425 (pbk.)
1084	641.59597 V222	Những món ăn ngon	Van Chau.	2006	(pbk.)
1085	641.6318 H772	Các món ăn truy ề n thống từ gạo	Hồng Nam, biên soạn.	2005	
1086	641.6561 Q9	Cách ch ế bi ế n các loại dưa mắm	Quỳnh Hương.	2012	9786049260933 (pbk.)
1087	641.6565 P534	Tác dụng kỳ diệu của đo tương	biên soạn: Phạm Ninh.	2005	1004122200484 (pbk.)
1088	641.65849 N576	30 món ngon từ măng	Nhật Quỳnh biên soạn.	2007	(pbk.)
1089	641.66 H239	Món ăn ch ế bi ế n từ gia súc : gia cầm	Hằng Nga, Nguyễn Huỳnh.	2006	(pbk.)
1090	641.662 N576	90 món ăn ngon chế̂ biế̂n từ thịt bò	Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân.	2008	8935073040214 (pbk.)
1091	641.662 N576	Bò 70 món-pnữ	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2013	9786045613313 (pbk.)
1092	641.665 M664	200 món ăn ch ế bi ế n từ gà	Minh Huy ề n.	2006	8935088518395 (pbk.)
1093	641.692 N576	Nấ̂u ăn ngon : những món ăn từ cá	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2007	8935069902540 (pbk.)
1094	641.692 P534	Cách làm các món hải sản truyề̂n thó̂ng & chủ yế̂u	biên soạn, Phạm Huy Kỳ.	2006	(pbk.)
1095	641.692 T532	45 món tôm : kỹ thuật nấ̂u các món ăn ngon	biên dịch, Thục Nữ.	2004	
1096	641.692 T532	45 món ăn chế̂ biế̂n từ đặc sản nước ngọt	biên dịch, Thục Nữ.	2003	
1097	641.695 N576	Nấ̂u ăn ngon : những món ăn từ tôm	Nguyễn Thị Diệu Thảo.	2007	8935069902847 (pbk.)
1098	641.77 N576	160 món xào ngon	biên soạn, Nguyễn Viên Chi.	2015	9786045508671
1099	641.79 F829	Xalát cho mọi khẩu vị	Muryen Franke ; biên dịch, Phương Thảo.	2003	(pbk.)
1100	641.79 T562	Các món nguội đặc sắc	Ti ế n Dĩ Bân biên soạn ; Tiểu Quỳnh biên dịch.	2006	8936016011483 (pbk.)
1101	641.813 H239	Các món lẩu súp hầm...	Nguyễn Huỳnh - Hằng Nga.	2006	(pbk.)
1102	641.813 N576	Món canh bốn mùa : mùa hạ	Ngọc Khánh.	2011	8935212305099 (pbk.)
1103	641.813 N576	Món canh bốn mùa : mùa đông	Ngọc Khánh.	2011	8935212305112 (pbk.)
1104	641.813 N576	Món canh bốn mùa : mùa xuân	Ngọc Khánh.	2011	8935212305082 (pbk.)
1105	641.813 N576	Món canh bốn mùa : mùa thu	Ngọc Khánh.	2011	8935212305105 (pbk.)
1106	641.819 C496	Làm đẹp bằng rau, củ, hoa, quả	Châu Anh, biên soạn.	2007	8935077027556 (pbk.)
1107	641.822 T434	90 món mì thông dụng	Thiên Kim.	2010	8935073073984 (pbk.)
1108	641.824 N576	Món gà, món vịt	Nguyễn Thị Phụng.	2005	
1109	641.83 T532	45 món salad : nấ̂u ăn ngon	Thục Nữ, biên dịch.	2004	
1110	641.83 V666	Các món salad trái cây : rau củ ngon tuyệt	Việt Đi ề n.	2013	9786045613665 (pbk.)
1111	641.86 M664	Cách làm các loại kem	Minh Huy ề n ; edited by Hồng Hải.	2010	8935088518432 (pbk.)
1112	641.86 N576	Bánh mứt xôi chè	Nguyễn Thị Phụng	2010	8935081111104 (pbk.)
1113	641.86 Q9	Các món tráng miệng	Qùynh Hương.	2013	8935073079184 (pbk.)
1114	641.862 S255	60 món kem trái cây tuyệt ngon	Kim Nguyệt, biên soạn.	2013	9786045606742
1115	641.865 D182	Một mi ế ng ngọt ngào = One sweet bite	[Đặng Ngọc Linh].	2013	8936062801809
1116	641.865 P535	Esheep kitchen : mật mã yêu thương : Cảm hứng sống	Phan Anh (Esheep).	2014	9786045023600 ; 8936062803698
1117	641.865 P535 V.1	Esheep kitchen : mật mã yêu thương	Phan Anh Esheep	2014	9786047712625 ; 9786047715138 ; 8936062808242 ; 8936062807443
1118	641.865 T547	Hẹn hò b ế p : hạnh phúc bắt nguồn từ bàn tay lấm bột	Thủy Kiwi, Trà My.	2014	9786050287110
1119	641.865 V285	Vào b ế p cùng nhóc Nicolas và b ế p trưởng Alain Ducasse	Goscinny, SemPé, Phong Thu -dịch.	2020	9786043068474
1120	641.8653 K45	5 mùa yêu thương : b ế p nhà luôn đỏ lửa Ấm nồng tình yêu thương	Khai Tâm.	2012	8936024917821 (pbk.)
1121	641.8653 K49	60 món kem trái cây tuyệt ngon	Kim Nguyệt.	2011	9786045606742 (pbk.)
1122	641.8653 N576	Chuyện của bánh : [công chúa bánh ngọt Master Chef 2013]	Nguyễn Bảo Anh Thư.	2014	8936062802172
1123	641.8653 T422	Các món tráng miệng	Thị Chơi Triệu.	2011	1118020023950 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1124	641.8653 V986	Baking fun = Hành trình bê^p bánh	[Vũ Ánh Nguyệt].	2015	9786047712878 ; 8936062803155
1125	641.874 P535	Cach che bien ruou trai cay & pha che cocktail	Ths. Phan Thị Ngọc Tuy ế t ; Thái Thành Nguyễn.	2012	9786049261749 (pbk.)
1126	641.874 T772	Cách pha ch ế cocktail	Trần Thanh Vân	2011	9786045607534 (pbk.)
1127	641.875 E54	Green Smoothies : Giảm Cân, Làm Đẹp Da, Tăng Cường Sức Đ ề Kháng Với 7 Ngày Uống Sinh Tố Xanh	Emma Phạm.	2020	9786047778201
1128	641.875 H678	Phương pháp chê^ biê^n nước ép trái cây	Hoàng Hoài Linh ; biên dịch, Nguyễn Kim Dâ n và nhóm cộng sự.	2007	8935073010248 (pbk.)
1129	641.875 V666	Các thức uống lạnh : ngon và lạ miệng	Việt Đi ề n.	2013	9786045613696 (pbk.)
1130	642.1 S732	Tiệc tùng miên man-Tự tổ chức những bữa tiệc mê hoặc tại nhà	Kate Spad.	2019	9786047769636
1131	643.12 Y25	Phong thủy ngoại thâ^t dành cho người mua nhà	Joey Yap ; biên dịch, Mộc Khoa.	2008	8935073050435
1132	643.6 H161	Chọn đất và bố trí nhà ở thịnh vượng	Hà Le.	2007	8935075910607 (pbk.)
1133	643.6 N576	Hướng dã^n sử dụng thiê^t bị điện trong gia đình	Nguyễn Bích Hằ^ng.	2005	(pbk.)
1134	646.34 M463	Quy ế n rũ & nổi bật : dành cho phụ nữ hiện đại	Clare Maxfield ; Thu Hương, (Translator).	2011	8936037793382 (pbk.)
1135	646.7 A596	Tự làm mỹ phẩm	Anh Thư, Thu Giang.	2014	9786047710799 ; 8935235203594
1136	646.7 D928	Kỹ năng sống cho trẻ 2 : trang bị cho con vào đời	Dương Duy An.	2011	9786041000902 ; 8934974108375
1137	646.7 G815	Chênh vênh tuổi thanh xuân	Greenstar.	2016	9786046832751
1138	646.7 H678	Học ăn, học nói, học gói, học mở	Hoàng Liên	2013	8934974115502 (pbk.)
1139	646.7 T532	365 cách sô^ng giản đơn & trí tuệ	Thuà^n Ngọc Yê^n biên soạn.	2007	(pbk.)
1140	646.7 V666	10000 mẹo vặt trong gia đình	Việt Thư.	2013	8935073099335 (pbk.)
1141	646.700811 C363	Chuẩn 'men' : hơn 50 kỹ năng cần thi ế t cho người đàn ông trưởng thành	Jonathan Catherman ; Trịnh Huy Nam dịch.	2020	9786048695798 ; 8935278600596
1142	646.7042 H957	Làm đẹp bằ^ng trái cây	Hướng Tiểu Huệ ; biên dịch, Nguyễn Kim Dâ n và nhóm cộng sự.	2004	(pbk.)
1143	646.7042 H987	Nghệ thuật trang điểm hiện đại	Huỳnh Thu Dung.	2005	(pbk.)
1144	646.7046 C366	Làm th ế nào để có một ngoại hình hoàn hảo	Rosemary Catolfi Salvoni ; Rupert van Wyk, Lyn Gray minh họa ; Quỳnh Thông dịch.	2007	8934974069713 (pbk.)
1145	646.7046 D993 V.1	Kỹ năng sống cho trẻ. 1, Dạy con từ thuở còn thơ	Dương Duy An	2011	9786041000902 (pbk.)
1146	646.7046 D993 V.2	Kỹ năng sống cho trẻ. 2, Trang bị cho con vào đời	Dương Duy An.	2011	9786041000902 (pbk.)
1147	646.7046 V795	Cẩm nang con gái	Violeta Babic ; Ana Grigorijev; Thanh Giang.; Song Thu.	2011	8935086823170 (pbk.)
1148	646.72 D928	Tự làm đẹp bằ^ng mặt nạ sữa	Dược Lan.	2007	(pbk.)
1149	646.72 H987	90 bí quy ế t giữ mãi tuổ thanh xuân	Huy Cô^ Nguyễn; Viê^t Chi Nguyễn.	2006	(pbk.)
1150	646.72 H987 ; 646.72 H987 ; 646.72 H987	Mỹ phẩm từ thiên nhiên	Huyên Thảo.	2014	9786041052741 ; 6041052744
1151	646.72 M995	Mỹ phẩm handmade và cách làm đẹp tự nhiên	Tôi tự làm biên soạn.	2013	8936062801380
1152	646.72 P577	Nghệ thuật sử dụng mỹ phẩm	Phương Quỳnh.	2006	8935073016318 (pbk.)
1153	646.724 T434	Các kiểu tóc thời trang : cắt uốn nhuộm	Thiên Kim.	2009	8935073012549 (pbk.)
1154	646.724 T434	Các kiểu tóc chải bới hiện đại	Thiên Kim.	2013	8935073097232 (pbk.)
1155	646.726 B347	Các liệu pháp chăm sóc da hoàn hảo	Leslie Baumann ; Trường.	2012	8936037749976 (pbk.)
1156	646.726 H239	Dưỡng sinh cho làn da đẹp	Hằng Ngân sưu tầm, biên soạn.	2006	8935077018073 (pbk.)
1157	646.726 J64	Yoga cho khuôn mặt trẻ đẹp	Joeng Yoo sang ; biên dịch: Tri Thức Việt.	2017	9786045639917
1158	646.727 T434	Móng đẹp ngày cưới tập 2	Thiên Kim.	2007	(pbk.)
1159	646.727 T434	Móng đẹp ngày cưới tập 1	Thiên Kim.	2007	(pbk.)
1160	646.78 M133	Dạy con cách câu cá, đừng tặng cá cho con	Bonnie Runyan McCullough, Susan Walker Monson ; Thủy Hương dịch.	2014	9786045915295 ; 6045915291
1161	647.95068 F462	Cẩm nang mở nhà hàng : hướng dẫn mở nhà hàng từ anh chàng k ế toán viên	Roger Fields ; Ngô Th ế Vinh dịch.	2019	9786047769049 ; 8935251411171
1162	648.5 J42	Sống tinh giản để hạnh phúc : Bíquy ế t tránh sự b ề bộn và đ ơn giản hóa cuộc của bạn	Francine Jay.	2013	8935073096402 (pbk.)
1163	648.5 N576	Mẹo hay trong cuộc sống	Ngọc Hà.	2013	8935095608997 (pbk.)
1164	649 N576	Cha Mẹ khôn khéo không thi ế u mưu mẹo	Ngô Cam Lâm & Đặng Tiểu Lan (Phạm Thị Thanh Vân dịch).	2020	9786043011036
1165	649.1 B648	33 câu chuyện với các bà mẹ	Benjamin Spock ; Hiê^n Lê Nguyễn.	2003	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1166	649.1 B724	Đồng hành cùng Harvard : nuôi dạy con thành tài	Boo Wen ; biên dịch, Lê Hải Vân.	2013	9786045943694 ; 8935077631234
1167	649.1 B789	Bước đột phá trong việc nuôi đây còn : [Kế hoạch thi ế t thực đ ể đây còn bạn lão đồng, ti ế t kiểm và trở thành người đọc lập]	Merrilee Browne Boyack ; biển dịch: Huyện Trang.	2014	9786046930334 ; 8935077031225
1168	649.1 B917	Nuôi con không phải là cuộc chi ế n	Bubu Hương, Mẹ Ong Bông, Hachun Lyonnet.	2018	9786045992869 ; 6045992865
1169	649.1 C743	Con mơ đi ề u giản dị : nhật ký 30 ngày yê ̂u thương dành cho gia đình mình, tạp văn	Nhi ề u Tác Giả ; biên tập, Đào Thị Bình Minh ; minh họa, Jun Sau.	2017	9786046462088
1170	649.1 D782	Cẩm nang chăm sóc và điề ̂u trị bệnh trẻ emt	Dr. Miriam Stoppard ; người dịch: Bác sĩ Nguyễn Lân Đính.	2006	(hard)
1171	649.1 F115	Nói sao cho trẻ chịu nghe & nghe sao cho trẻ chịu nói	Adele Faber, Elaine Mazlish ; Trần Thị Hương Lan dịch.	2017	9786047725816
1172	649.1 H233	Kỹ năng sinh tồn cho trẻ. tập 4 : những cạm bẫy ngoài đường phố	Hàn Dương ; Happy Zeng dịch.	2014	9786048802837 ; 8936066703635
1173	649.1 I29	Giúp con tự lập từ 0-6 tuổi : những thói quen sinh hoạt cơ bản đ ược dạy ở gia đình và trường mầm non : kinh nghiệm từ nước nhật	Masaaki Yatagai (chủ biên) ... [và những người khác] ; người dịch: Nguyễn Quốc Vương.	2019	9786042121361 ; 8935244827958
1174	649.1 K16	90% trẻ thông minh nhờ cách trò chuyện đúng đắn của cha mẹ	Urako Kanamori ; người dịch: Phạm Lê Dạ Hương.	2019	9786042135597 ; 8935244820799
1175	649.1 K45	Con cái chúng ta đ ề u giỏi : bí quy ế t làm trỗi dậy tài năng trong con bạn	Adam Khoo và Gary Lee; dịch giả, Trần Đăng Khoa [and others].	2015	9786049265419 ; 9789822288049
1176	649.1 L547	Điều khác biet me tao ra cho con trai : Ban se de lai dau an không phai trong do’ i con trai mình	Kevin Leman ; Th ế Anh dịch.	2016	9786049443398 ; 8935074103987
1177	649.1 L964	Làm gì khi con không nghe lời : 50 đối sách hữu hiệu giải quy ế t vấn đ ề của con bạn	Lương Chân Mai (biên soạn).	2015	9786045614983
1178	649.1 L975	An toàn cho bé : dạy trẻ tự bảo vệ	Lưu Đào ; Tuệ Văn.	2011	8935212309721 (pbk.)
1179	649.1 L975	An toàn cho bé : dạy trẻ tránh nguy hiểm	Lưu Đào ; Tuệ Văn.	2011	8935212309714 (pbk.)
1180	649.1 L975	Nuôi dưỡng trẻ ABC	Lưu Tiêu Anh ; Tuệ Văn dịch.	2014	9786045020128 ; 8936067593273
1181	649.1 M958	15 tình huống cùng con vượt qua khó khăn : những thắc mắc trong cuộc sống thường nhật	Sophie de Mullenheim và cộng sự ; Đặng Thanh Giang dịch.	2021	9786047795987 ; 8935235230675
1182	649.1 N576	Phương pháp nuôi dạy con : từ 0 đé ̂n 3 tuổit	Ngưu Lê ; Chính Mai Ly ́; Thúy Anh Phạm.	2006	(pbk.)
1183	649.1 N576	Để nuôi dạy con nên người : 70 đi ề u cha mẹ không được làm	Nguyễn Lập, biên soạn.	2008	(pbk.)
1184	649.1 P164	Dạy Trẻ Trước Những Lôi Kéo Của Công Nghệ Mạng	Lucy Jo Palladino.	2018	9786047435333
1185	649.1 P534	Kỹ năng làm cha mẹ : (dành cho các bậc cha mẹ, người nuôi dưỡng trẽ 0-6 tuổi) nuôi con khỏe, dạy con ngoan	ThS Phạm Thị Thúy, GSTS Vũ Gia Hi ề n	2013	8935086831717 (pbk.)
1186	649.1 P535	Giáo dục con cái : tình thương và nghệ thuật	Phan Hi ề n.	2013	8934974122630 (pbk.)
1187	649.1 S556	Đừng ép con "khôn" sớm : hãy để con được chơi thỏa thích cho đ ế n 5 tuổi	Yee Jin Shin; Tố Uyên dịch.	2015	9786045936184 ; 8936066705080
1188	649.1 S662	Cẩm nang sức khỏe gia đình	Tony Smith, Sue Davidson ; người dịch, Nguyễn Hô ̂ng Tâm.	2004	(hard)
1189	649.1 S883	Cẩm nang sức khỏe gia đình	Miriam Stoppard.	2004	(hard)
1190	649.1 T284	Những quy tắc làm cha mẹ : những quy tắc giúp nuôi dạy con cái trở nên tự tin và hạnh phúc = The rules of parenting	Richard Templar ;Hoàng Anh dịch.	2011	
1191	649.1 T535	Bé trai tài giỏi : cuốn sách hữu ích giúp các bậc cha mẹ nuôi dạy bé trai thành tài	Thương Lãng ; Lê Ngọc Hà dịch.	2011	8936037793504 (pbk.)
1192	649.1 T564	Phương pháp giáo dục dành cho trẻ nhút nhát	Tác giả: Tiểu Mạch ; Dịch giả: Trần Thị Thu.	2012	8936046599531 (pbk.)
1193	649.1 T772	Dạy trẻ nên người	Trần Quân.	2006	8935069900508 (pbk.)
1194	649.1 T772	Hôm nay mẹ có vui không? : mẹ tự chữa lành con vượt khi ế m khuy ế t	Trần Vân Anh.	2022	9786043486513 ; 8932000133155
1195	649.1 T827	96 Đi ề u Không Nên Dạy Trẻ	Triệu Kỳ.	2006	(pbk.)
1196	649.1 V986	Phương pháp giáo dục mới giúp trẻ thông minh, sáng tạo	Vũ Hoa, Hà Sơn.	2006	
1197	649.1 V986	Mẹ thông minh dạy con thông minh	Vu Tú ; người dịch, Thu Hương.	2007	8935069903134 (pbk.)
1198	649.1 V986	Cha mẹ là số phận của con cái	Vũ Thu Hương.	2017	9786047734979
1199	649.1 V986	80 nguyên tắc dạy con của các bà mẹ thành công	Vũ Hồng Minh.	2013	8935236400398
1200	649.1 V986	80 nguyên tắc dạy con : của các bà mẹ thành công	Vũ Hồng Minh.	2016	9786048676650 ; 6048676654
1201	649.1 V994	Học làm cha mẹ giúp con lớn khôn	Vũ Thi Chín.	2005	(pbk.)
1202	649.1 V994	Mẹ nên dạy con như th ế nào? = Mother how to raise child	Vương Trí Diễm, Vương Ba.	2012	8936046599555 (pbk.)
1203	649.1 Y22	Mẹ luôn đồng hành cùng con = 和儿子一起成长	Dương Văn ; Trần Quỳnh Hương dịch.	2014	9786046920748 ; 6046920744
1204	649.10715 K49	Yêu bên trái, dạy dỗ bên phải	Kim, Vận Dung ; người dịch Ki ế n Văn.	2015	9786048810993 ; 6048810997
1205	649.109597 H678	Mẹ Việt dạy con bước cùng toàn cầu	Hồ Thị Hải Âu.	2018	9786045996447

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1206	649.122 D631	Vi ế t cho các bà mẹ sinh con đầu lòng	Đỗ Hồng Ngọc.	2013	9786045800058 (hard) ; 6045800052 (hard)
1207	649.122 F343	Cẩm nang chăm sóc bà mẹ & em bé	Elizabeth Fenwick ; người dịch, Nguyễn Lân Đính ; hiệu đính và vi ế t Lời giới thiệu, Nguyễn Thị Ngọc Phượng.	2004	(hard)
1208	649.122 H716	Đọc vị mọi vấn đ ề của trẻ : giải mã mọi vấn đ ề v ề nuôi con nhỏ : Ăn - ngủ - kỷ luật hành vi =The baby whisperer solves all your problems	Tracy Hogg, Melinda Blau ; Dịch: Hachun Lyonnet.	2019	9786049827884
1209	649.122 N576	Mẹo dỗ dành con trẻ	Nguyễn Kim Dân	2011	8935073078002 (pbk.)
1210	649.122 S883	Chăm sóc và nuôi dạy con toàn tập	Tác giả：Dr.Miriam Stoppard ; Dịch giả：BS. Nguyễn Lân Đính.	2012	8935086830024 (hbk.)
1211	649.122 V994	Chăm Sóc Trẻ Sơ Sinh	Vương Trung Hi ế u.	2007	(pbk.)
1212	649.122 W445	Giúp bé ngủ ngon giấc	Heather Welford ; người dịch, Lê Thị Mỹ Duy ên ; hiệu đính, Nguyễn Thị Ngọc Phượng.	2006	(pbk.)
1213	649.123 P577	Phương án 0 tuổi : phát triển ngôn ngữ từ trong nôi : dành cho trẻ từ 0 - 6 tuổi	GS.Phùng Đức Toàn.	2011	9786046500261 (pbk.)
1214	649.123 V173	Nuôi con khỏe dạy con ngoan : từ 0 d ế n 4 tuổi	Carol Valinejad ; biên dịch, Nguyễn Hữu	2009	
1215	649.124 W913	Nuôi con khoẻ dạy con ngoan : từ 4 đ ế n 12 tuổi = How to have a happy child	Richard C. Woolfson ; biên dịch, Nguyễn Hữu Vĩnh.	2008	
1216	649.125 C466	5 ngôn ngữ tình yêu dành cho bạn trẻ = The five love languages of teenagers	Gary Chapman ; biên dịch, Việt Khuong ... [et al.].	2009	
1217	649.132 H678	Mẹ đắt còn đi : cùng con từng bước trưởng thành	Phoenix Ho.	2015	9786045838624 ; 6045838629
1218	649.133 T249	Tóc dài tự tin : những "bí kíp" để con gái tuyệt vồ hỏn	Alphabooks biên soạn.	2013	9786046505235 (pbk.) ;
1219	649.155 V473	Những đứa trẻ th ế hệ smart phone : để nhìn nhận đúng một số rối loạn ở trẻ em thời công nghệ số	Louis Vera và Alix Lefief-Delcourt ; Trần Thị Phương Thảo dịch.	2021	9786043141818 ; 8935235231528
1220	649.3 H678	Món ăn dặm của trẻ	Hoàng Hương	2013	9786045608821 (pbk.)
1221	649.3 N576	Món ăn bổ não sáng mắt	Nhật Anh.	2013	9786045611395 (pbk.)
1222	649.3 N576	Món ăn giàu canxi, giàu sắt	Nhật Anh.	2013	9786045611388 (pbk.)
1223	649.6 O38	Yêu thương không cấm đoán : phương pháp giáo dục con của gia đình Ohmae	Ohmae Kenichi ; Quảng Văn, Tâm Hải dịch.	2014	9786046932840 ; 8936056791314
1224	649.6 W959	Dạy con tự bảo vệ mình : bí kíp quản lý sự an toàn dành cho trẻ của chuyên gia giáo dục	Ngô Cam Lâm ; Tâm Như Thủy dịch.	2021	9786043049831 ; 8935251412130
1225	649.64 G942	Này! con có thôi đi không	Beverly Guhl & Don H. Fontenelle ; Phương Thảo dịch.	2008	8936037790916 (pbk.)
1226	649.64 L547	Thay đổi con bạn trong 5 ngày	TS Kevin Leman ; Long Chi ế n	2011	9786045603802 (pbk.)
1227	649.64 T629	Mẹ không thể ép con : nhưng thuy ế t phục thì được!	Cynthia Ulrich Tobias ; Đặng Mai Chi ; Thanh Vân.	2011	8936037745756 (pbk.)
1228	649.68 Y25	Dạy con học nói sớm	[Liqun Yao, Jing Zhao, Xueman Liu] ; Nguyễn Trang dịch.	2021	9786043290219 ; 8936173840940
1229	649.680952 K19	Giúp Con Phát Triển Ngôn Ngữ	Kato Kumiko.	2015	9786046954385 ; 8936056791628
1230	649.7 D928	60 kỹ năng ứng xử giúp con văn minh, lịch sự - Bách khoa kỹ năng sống đa tương tác (0-6 tuổi)	Lờiby Dương Kim Tú ; Tranh by Hương Tiêu Hầu.	2018	9786045555279
1231	650 B979	Kinh doanh : khái lược những tư tưởng lớn	[edited by] DK ; Kim Oanh dịch.	2019	9786048872144 ; 8936071676467
1232	650.092 T111	Trước bình minh luôn là đêm tối : thành công trước tuổi 30	Tạ Minh Tuấn.	2017	9786046531555
1233	650.1 B255	Chó sủa nhầm cây : tại sao những gì ta bi ế t v ề thành công có khi lại sai	Eric Barker ; Phạm Quốc Khánh & Nguyễn Hạo Nhiên dịch.	2020	9786049228353
1234	650.1 B954	Người dám cho đi : câu chuyện nhỏ v ề một ý tưởng kinh doanh thành công = The go-giver	Bob Burg & John David Mann ; nhóm dịch, Dương Hoàng Thanh Giang, Nguyễn Thị Trúc Quỳnh.	2013	9786041006485 (pbk.) ; 6041006483 (pbk.)
1235	650.1 C728	Quy luật của sự nổi loạn	Christine Comaford - Lynch ; Hồng Vân.	2008	8937155354134 (pbk.)
1236	650.1 D567	89 Đi ề u Khác Biệt Giữa Người Thành Công Và Kẻ Thất Bại	1980 Books Biên Soạn.	2017	
1237	650.1 H647	5 nguyên tắc vàng nghĩ giàu làm giàu : đánh thức khao khát làm giàu trong bạn	Napoleon Hill ; Lê Quỳnh Nhiên đính.	2019	9786048986827 ; 8935246926291
1238	650.1 H647	13 nguyên tắc nghĩ giàu, làm giàu	Napoleon Hill ; Thảo Tri ề u dịch ; Thanh Minh hiệu đính.	2019	9786049821486 ; 9786049821486
1239	650.1 H647	Kho báu cuộc đời : làm th ế nào để đạt được 4 mục tiêu cuộc đời : sức khỏe, hạnh phúc, giàu có và thành đạt	Napoleon Hill & Jeffrey Gitomer ; Lê Quỳnh Nhiên dịch.	2020	9786049938528

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1240	650.1 K76	Nguyên lý 80/20 : bí quy ế t làm ít được nhi ề u	Richard Koch ; người dịch: Lê Nguyễn Minh Thọ, Trương Hớn Huy.	2013	9786041008311 (pbk.) ; 6041008311 (pbk.)
1241	650.1 K76	Nguyên lý 80/20 : bí quy ế t làm ít đươc nhi ề u	Richard Koch ; người dịch: Lê Nguyễn Minh Thọ, Trương Hớn Huy.	2007	8934974069102 (pbk.)
1242	650.1 M154	Bí quy ế t hạnh phúc trong công việc : sức mạnh của Mục đích, ni ề m hy vọng và Tinh bạn	Annie McKee ; Lê Anh Tú dịch.	2019	9786045897713 ; 8935280400153
1243	650.1 T871	Trump 101 : con đường dẫn đ ế n thành công	Donald J. Trump, Meredith McIver ; Nguyễn Thái Nghĩa dịch.	2008	8934974068402 (pbk.)
1244	650.1 W116	Quản lý tài chính cá nhân theo phong cách của người nhật	Hiromi Wada ; Azu dịch.	2020	9786049904639 ; 8936066686181
1245	650.1 W582	Làm ít được nhiề ̂u : hãy làm chủ công việc và hưởng thụ cuộc só ̂ng	Jennifer White ; Khánh Thủy dịch ; Phùng Hà hiệu đính.	2008	8936037790596 (pbk.)
1246	650.11 Z46	Tổ chức công việc hiệu quả : 24 bài học v ề đặt mục tiêu, lập ưu tiêu và quản lý thời gian bản thân = getting organized at work	Ken Zeigler ; Trần Phi Tuấn người dịch.	2007	0071457798 (pbk.) ; 9780071265157 (pbk.)
1247	651.79 N576	Nghi thức giao ti ế p E-Mail : làm th ế nào để có được k ế t quả tốt nhất từ e-mail của bạn	Nguyễn Phương Chi người dịch.	2007	8934974069126 (pbk.)
1248	652.53569 T883	Tự học Microsoft Word 2010	Vl - Comp	2011	8935073080838 (pbk.)
1249	658 H847	How management works = Hiểu h ế t v ề quản lý	biên tập viên cố vấn Philippa Anderson ; Kim Luy ế n dịch.	2021	9786043451450
1250	658 M167	Hôm qua là nhân viên ngày mai phải thăng ti ế n : cuộc cách mạng nhân sự từ dưới lên	Jeff McManus ; Lê Thứ dịch.	2020	9786049319969
1251	658 P534	K ế toán quản trị : lý thuy ế t & bài tập	PGS. TS. Phạm Văn Dược., Đặng Kim	2008	(pbk.)
1252	658 R224	McKinsey : phương pháp	Ethan M. Rasiel ; dịch giả, Đặng Hoàng Trung.	2008	8937155354141 (pbk.)
1253	658 Y65	Sức Mạnh Của Những Con Số	Kashiwagi Yoshiki ; Châu Phụng.	2017	9786049462986
1254	658.0019 N576	Tâm lý học quản lý = Management psychology	Ngô Kỳ ; người dịch: Bảo Thu.	2021	9786047448883 ; 8935074123022
1255	658.00711 P594	Don't pay for your MBA : học MBA theo cách của bạn	Laurie Pickard ; Diễm Trâm dịch.	2021	9786043047882 ; 8794069301087
1256	658.022 F334	Những kẻ dẫn đầu : tám chi ế n lược để doanh nghiệp nhỏ vượt lên dẫn đầu	Donna Fenn ; Phương Hà, Hà Trang dịch.	2011	
1257	658.05 W422	Chuyển đổi số : 6 câu hỏi giúp bạn xây dựng doanh nghiệp th ế hệ mới	Peter Weill, Stephanie L. Woerner ; Hà Kim Ngân dịch.	2021	9786041193833 ; 8934974174882
1258	658.11 B635	Không mất gì, được tất cả = Nothing to lose, everything to gain	Ryan Blair ; Thành Khang, Mai Anh người	2017	9786049555763
1259	658.11 D928	Khơi nghiệp và phát triển doanh nghiệp = Starting and growing your business	tác giả, Sanjyot P. Dunung ; người dịch, Nguyễn Hoàng Bảo.	2008	0071427279 (pbk.) ; 9780071264990 (pbk.)
1260	658.11 R559	Khởi nghiệp tinh gọn -	Eric Ries ; Nguyễn Dương Hi ế u, Trịnh Hoà ng Kim Phượng, Đặng Nguyễn Hi ế u Trung	2021	9786043127973
1261	658.110820973 W743	Phụ nữ thông minh khởi nghiệp	Ginny Wilmerding ; Mai Hường, dịch ; Trần Vũ Nhân, hiệu đính.	2010	
1262	658.15 W138	Tài Chính Dành Cho Nhà Quản Lý Không Chuyên : 24 bài học đ ể hiểu và đánh giá khả năng tài chnh của công ty = finance for nonfinancial managers	Katherine Wagner ; Nguyễn Vĩnh Trung người dịch.	2007	0071450904 (pbk.) ; 9780071265072 (pbk.)
1263	658.15224 B139	Ai "Chống Lưng" Cho Bạn	Evan Baehr, Evan Loomis.	2018	9786047748440
1264	658.3044 F778	Tại sao khách hàng không làm đi ề u bạn muốn : 24 giải pháp khắc phục những vấn đ ề bán hàng thường gặp = Why customers don't do what you want them to do	Ferdinand Fournies ; Hoàng Phú Phương người dịch ; Võ Khắc Điệp hiệu dịch.	2007	0071417508 (pbk.) ; 9780071265126 (pbk.)
1265	658.31 B581	Chọn đúng người,vào đúng việc : tuyển dụng và phát triển nhân lực dựa trên sở trường	Sally Bibb ; Trịnh Huy Nam dịch.	2021	9786047788842 ; 8935278601814
1266	658.314 B886	Khích lệ từng nhân viên như th ế nào : 24 chi ế n thuật đã được chứng minh nhằm nâng cao năng suất lao động ở nơi làm việc =	how to motivate every employee / Anne Bruce ; Trần Thị Anh Oanh người dịch.	2008	0071413332 (pbk.) ; 9780071265201 (pbk.)
1267	658.3145 D182	Mưu hèn k ế bẩn nơi công sở	Đặng Ly ; Phan Hạnh ; Alpha Books.	2013	8936037747897 (pbk.)
1268	658.4 C712	Từ tốt đ ế n vĩ đại = Good to great	Jim Collins ; Trần Thị Ngân Tuy ế n dịch.	2007	8934974068686 (pbk.)
1269	658.4 N918	Th ế hệ Y lên ngôi : dám nghĩ, dám làm, dám bước ra th ế giới	Jamie Notter & Maddie Grant ; Hoàng Vũ dịch.	2019	9786049317712 ; 8935280903272
1270	658.4 P535	Một đời quản trị : đố ai đ ế m được vì sao ai đo được quản trị bao nhiêu tình	Phan Văn Trường.	2019	9786041158283 ; 8934974164623

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1271	658.4012 D619	Tư duy chi ế n lược	Avinash K.Dixit, Bary J.Nalebuff ; Lê Ngọc Li ên, Nguyễn Ti ế n Dũng dịch.	2007	(pbk.)
1272	658.4012 S541	Binh pháp tôn tử trong kinh doanh : Chi ế n thắng đối thủ cạnh tranh và chi ế m lĩnh thị trường với những chi ế n lược của Tôn	Becky Sheetz-Runkle ; Hoàng Huấn dịch.	2019	9786045897331 ; 8935086849323
1273	658.4012 S611	7 câu hỏi-- chi ế n lược : "ti ế p cận đơn giản để thực thi tốt hơn"	Robert Simons ; dịch giả: Nguyễn Thị Hồng Phương.	2019	9786047922505 ; 8935077038514
1274	658.4012 S841	Cách hoạch định và thực thi chi ế n lược : 24 bước để thành cô ng bất cứ chi ế n lược nào của công ty =	How to plan and execute strategy / Wallace Stettinius ... [et al.] ; Nguyễn Minh Đức người dịch.	2007	007145604X (pbk.) ; 9780071265096 (pbk.)
1275	658.402 G328	Người giỏi không phải là người làm tất cả	Donna M. Genett.	2007	8935086806791 (pbk.)
1276	658.402 G328	Người giỏi không phải là người làm tất cả : nghệ thuật quản lý mang lại hiệu quả cao nhất cho tổ chức của bạn	Donna M. Genett ; biên dịch, Nguyên Chương, Việt Hà.	2013	
1277	658.402 H754	Quản lý nhóm = Managing teams	Lawrence Holpp ; Nhóm BKD47 dịch.	2008	8936037741031 (pbk.)
1278	658.4022 M194	Thúc đẩy nhóm làm việc hiệu quả : 24 bài học để làm việc cùng nhau một cách thành công = making teams work	Michael Maginn ; Trần Phi Tuấn người dịch.	2008	0071435301 (pbk.) ; 9780071265195 (pbk.)
1279	658.4038 N812	Quản trị dựa vào tri thức	Ikujiro Nonaka, Ryoko Toyama và Toru Hirata ; cùng sự cộng tác của Susan J. Bigelow, Ayano Hirose và Florian Kohlbacher ; người dịch, Võ Ki ề u Linh.	2011	
1280	658.404 H459	Quản lý dự án = Project management : 24 bài học để giúp bạn th ành công mọi dự án	Gary R. Heerkens ; Trần Lê Dung người dịch.	2008	0071450874 (pbk.) ; 9780071265133 (pbk.)
1281	658.4063 D996	Vốn đổi mới : làm th ế nào dành được sự hậu thuẫn cần thi ế t từ s ế p, đồng nghiệp, cộng sự và các nhà đầu tư để bi ế n ý tưởng thành hiện thực?	Jeff Dyer, Nathan Furr, Curtis Lefrandt ; Kim Diệu dịch.	2021	9786043111729
1282	658.4063 T136	Linh hồn của quảng cáo	Nobuyuki Takahashi ; Phạm Thị Ngượi dịch.	2019	9786049821387 ; 8935280903715
1283	658.409 H646	Cẩm nang quản lý : quản trị những thách thức trong quản lý	Linda A. Hill.	2019	9786045885147 ; 8935086846735
1284	658.409 K49	Th ế giới quả là rộng lớn và có rất nhi ề u việc phải làm	Kim Woo Choong ; Trần Thị Bích Phượng dịch.	2021	9786043253108 ; 8935251417166
1285	658.409 K76	Con người 80/20 : chín y ế u tố cốt lõi của thành công 80/20 trong công việc	Richard Koch ; người dịch Thiên Kim, Anh Thy.	2007	8934974080824 (pbk.)
1286	658.409 K89	Phong cách Jack Welch : 24 bài học từ CEO của tập đoàn lớn nhất th ế giới General Electric = the Welch way	Jeffrey A. Krames ; Nguyễn Thành Trung, Trần Phi Tuấn người dịch.	2007	0071387501 (pbk.) ; 9780071265065 (pbk.)
1287	658.409 R618	Nhân tố Ghosn : 24 bài học sáng tạo từ Carlos Ghosn, CEO công ty đa quốc gia thành đạt nhất =	the ghosn factor / Miguel Rivas-Micoud ; Nguyễn Thành Trung người dịch.	2007	0071248676 (pbk.) ; 9780071265218 (pbk.)
1288	658.4092 A825	Cẩm nang lãnh đạo : tạo ảnh hưởng, truy ề n cảm hứng và ti ế n v ề phía trước	Ron Ashkenas, Brook Manville ; Nguyễn Hồng Hải dịch.	2021	9786043113341
1289	658.4092 B576 ; 658.4092 B576	Bí quy ế t qủan người : ứng dụng trong kinh doanh & trong cuộc sống	Tạ Ngọc Ái, biên soạn.	2010	8935077024746
1290	658.4092 C873	Ni ề m Tin Thông Minh	Stephen M. R. Covey, Greg Link & Rebecca R. Merrill.	2017	9786045872505
1291	658.4092 C877	Thuật lãnh đạo trước mọi tình huống : 24 bài học quản lý công việc đạt hiệu qủa cao = leadership when the heat's on	Danny Cox, John Hoover ; Hoàng Phú Phương.	2007	0071414061 (pbk.) ; 9780071265225 (pbk.)
1292	658.4092 H254	Nguyên Tắc Powell : 24 bài học rút ra từ cuộc đời nhà lãnh đạo kiệt xuất Colin Powell =	the powell principles / Oren Harari ; Nguyễn Thành Trung. Trần Phi Tuấn người dịch.	2008	0071411097 (pbk.) ; 9780071265010 (pbk.)
1293	658.4092 H339	Cẩm nang quản lý : 17 kỹ năng quản lý có tâm và có tầm	Harvard Business Review ; Nguyễn Huy ề n dịch.	2021	9786043113167
1294	658.4092 I96	51 chìa khóa vàng để trở thành nhà lãnh đạo truy ề n cảm hứng = 51 keys to becoming a leader people want to follow	Matsuo Iwata ; Linh Chi (dịch).	2019	9786048977641 ; 8935246924372
1295	658.4092 L263	Công cụ lãnh đạo : tầm nhìn, cảm hứng, động lực = the tools of leadership	Max Landsberg ; Phan Hoàng Lệ Thủy dịch.	2007	8934974067238 (pbk.)
1296	658.4092 L842	Những nguyên tắt của Lombardi = The Lombardi rules : 26 bài học từ vị huấn luyện viên vĩ đại nhất th ế giới Vince Lombardi	Vince Lombardi, Jr. ; Nguyễn Thanh Trung, Trần Phi Tuăn người dịch.	2007	0071411089 (pbk.) ; 9780071265171 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1297	658.4092 M465	Tinh hoa lãnh đạo	John Maxwell ; Thịnh Phát Translation dịch ; Nghiêm Thanh Huy ề n hiệu đính.	2013	
1298	658.4092 M465	Nhà lãnh đạo 360 [độ]	John C. Maxwell ; Đặng Oanh, Hà Phương	2012	
1299	658.4092 M848	Nhà lãnh đạo tương lai	Jacob Morgan ; Vương Bảo Long dịch.	2022	9786047796069
1300	658.4092 S919	Phụng sự để dẫn đầu	James M. Strock ; Thu Huy ề n dịch.	2011	9786049164958 (pbk.) ; 6049164959 (pbk.)
1301	658.4092 Z54	Cẩm nang cho các nhà lãnh đạo : 24 bài học dành cho các nhà lã nh đạo kiệt xuất = the handbook for leaders	John H. Zenger, Joseph Folkman ; Đào Thuý Ngần người dịch.	2008	0071435328 (pbk.) ; 9780071265089 (pbk.)
1302	658.421 C712	Xây dựng để trường tồn : các thói quen thành công của những tập đoàn vĩ đại và hàng đầu th ế giới	Jim Collins, Jerry I. Porras ; Nguyễn Dương Hi ế u dịch.	2008	8934974069225 (pbk.)
1303	658.421 P295	Câu chuyện ly kỳ từ cậu bé giao báo : 11 bị quy ế t bất bại để th ành công	Deep Patel ; Thục Quyên dịch.	2019	9786045899564 ; 8935086850411
1304	658.421 S653	10 đi ề u khác biệt nhất giữa kẻ làm chủ và người làm thuê	Keith Cameron Smith ; Khánh Chương dịch.	2014	9786046514053 ; 6046514053
1305	658.45 G116	Sức mạnh của ngôn từ = Words that win	Don Gabor ; biên dịch, Kim Vân, Minh Tươi, Vương Long.	2012	
1306	658.45 M496	Nhân viên cởi mở công sở thành công	Megara.	2018	9786047741472 ; 6047741479
1307	658.45 T627	Thuật giao tê^	Tác giả, Tô Minh ; người dịch, Văn Minh.	2000	(pbk.)
1308	658.8 G585	Những tay ti ế p thị là kẻ nói dối = All marketers are liars	Seth Godin ; Mai Tâm dịch.	2017	9786045986226
1309	658.8 K82	Roger Magnet chu du vào nẻo thành công	Roger Konopasek ; Nguyễn Th ế Tuấn Anh dịch.	2007	8935082600010 (pbk.)
1310	658.8 K87	Ti ế p thị phá cách : kỹ thuật mới để tìm ki ế m những ý tưởng đột phá	Philip Kotler, Fernando Trias de Bes ; người dịch Vũ Ti ế n Phúc.	2007	8934974052722 (pbk.)
1311	658.8 R559	22 quy luật vàng trong xây dựng nhãn hiệu	Al Ries & Laura Ries.	2006	(pbk.)
1312	658.812 S575	Chi ế n lược k ế t nối : để thấu hiểu sâu sắc và giữ chân khách h àng	Nicolaj Siggelkow, Christian Terwiesch ; Dịch: Xuân Hải, Nhóm Missionizer.	2021	9786043111736
1313	658.827 G388	Bong bóng thương hiệu	John Gerzema & Ed Lebar ; người dịch, Cam Thảo, Ngọc Dung ; hiệu đính, Lê Công.	2009	
1314	658.827 R559	22 quy luật bất bi ế n trong xây dựng thương hiệu	Al Ries, Laura Ries	2013	8936037745091 (pbk.)
1315	658.827 S294	Xây dựng thương hiệu uy tín : bí quy ế t tạo nên thương hiệu xuất chúng	Wolfgang Schaefer & J.P. Kuehlwein ; Yo Le dịch.	2021	9786043147346 ; 8935236422901
1316	658.84 R559	11 quy luật vàng trong xây dựng nhãn hiệu trên internet	Al Ries & Laura Ries.	2006	(pbk.)
1317	658.85 B873	Kỹ năng bán hàng	william T. Brooks ; Trầm Hương dịch.	2008	8936037741901 (pbk.)
1318	658.85 G517	Để trở thành người bán hàng giỏi nhất th ế giới : bán mọi thứ bạn có thể	Joe Girard, Stanley H. Brown ; dịch: Nguyễn Thanh Nhàn.	2018	9786049464928 ; 8935246921753
1319	658.85 M149	4 phong cách bán hàng : vì sao họ thành công và làm th ế nào để thành công như họ?	Chuck Mache ; Nguyễn Thu, Hà Thu dịch.	2007	8936037790114 (pbk.)
1320	658.85 R523	Cẩm nang dành cho nhân viên kinh doanh : 24 bài học v ề cách gợi mở và k ế t thúc các thương vụ trong thời đại ngày nay =	the sales success handbook / Linda Lichasen ; Nguyễn Thành Trung, Trần Phi Tuấn.	2008	0071416366 (pbk.) ; 9780071265119 (pbk.)
1321	658.85 S578	Inbound selling : thay đổi phương thức bán hàng theo mô hình inbound	Brian Signorelli ; Lại Tuấn Cường dịch.	2019	9786045899519 ; 8935086850381
1322	658.85 Z63	Những bài học đắt giá : trong bán hàng	Chu Chí Cương ; Đỗ Thu Thủy dịch.	2018	9786046488750 ; 6046488753
1323	658.872 F297	Bán hàng thông minh qua diện thoại & Internet	Josiane Chriqui Feigon ; Phạm Minh Tâm dịch.	2011	
1324	659 R351	Bóng ma danh vọng : những chiêu trò tinh quái của huy ề n thoại truy ề n thông Harry Reichenbach	Harry Reichenbach & David Freedman ; Nguyễn Hạo Nhiên dịch.	2019	9786049227721
1325	659.1 P543	Quảng cáo ở Việt Nam: một góc nhìn của người trong cuộc	Phi Vân.	2007	8934974068365 (pbk.)
1326	659.2 D584	PR - Ki ế n thức cơ bản và đạo đức ngh ề nghiệp	Đinh Thị Thúy Hằng.	2007	8936037741376 (pbk.)
1327	663.63 S617	Sinh tố : trị bệnh, làm đẹp	Nguyễn Xuân Quý biên soạn.	2012	9786049263750
1328	668.4 T871	Vật liệu tiên ti ế n : từ polymer dẫn điện đ ế n ống than nano	Trương Văn Tân.	2008	8934974072577 (pbk.)
1329	709.05 P563	... ISMS: Hiểu v ề nghệ thuật hiện đại	Sam Phillips ; Phạm Tấn Xuân Cao dịch ; Trịnh Nhật Vũ hiệu đính.	2021	9786047790746
1330	709.2 B531	Biệt Đội Blockbusters : Bí Ẩn Bức Tranh Của Picasso	Manon Berns.	2017	9786045643396
1331	709.597 N576	Cả cuộc đời dành cho việc này : chân dung phỏng vấn	Nguyễn Qùynh Trang.	2018	9786046846963
1332	709.59749 C124	Nghệ thuật Hu ế	Léopold Michel Cadière Edemod Gras ; Nguyễn Thanh Hằng dịch.	2020	9786047771202
1333	724.5 H985	Ki ế n trúc Pháp ở Hà Nội = Hà nội: sifting of French architecture	general edited by Hữu Ngọc, Lady Borton.	2006	(pbk.)
1334	724.7 N576	Ấn tượng Hà Nội từ kí hoạ những công trình thời Pháp = Impressions of Hanoi from the sketches of French colonial	Nhi ề u tác giả.	2020	9786042191449

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1335	726.14309597 V872	500 danh lam Việt Nam = 500 famous temples in Vietnam	Võ Văn Tường ; with a preface by ven. Thích Nhật Từ.	2008	(hard)
1336	732.4 N576	Điêu khắc Chămpa = Champa sculpture	Ngô Văn Doanh, Nguyễn Th ế Thục.	2004	(pbk.)
1337	738 H985	Đồ gốm = Ceramics	general edited by Hữu Ngọc, Lady Borton.	2005	(pbk.)
1338	741.2 C244	101 bước vẽ chi căn bản trong hội họa	Robert Capitolo & Ken Schwab ; biên dịch, Th ế Anh, Trọng Nguyễn.	2014	9786047816910 ; 6047816916
1339	741.2 T367	Vẽ bằng những ngón tay!	Thanh Hà bìa.	2008	(pbk.)
1340	741.2 T367	Học vẽ thật là dễ	Thanh Hà bìa.	2008	(pbk.)
1341	741.2 T367	Học vẽ thật là dễ	Thanh Hà bìa.	2008	(pbk.)
1342	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu chi ti ế t ngũ quan	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1343	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu đầu tượng thạch cao	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1344	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu ngũ quan tượng thạch cao	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1345	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu các khối hình học &` vật dụng	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1346	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu khối bóng	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1347	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu tĩnh vật	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1348	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu tĩnh vật vật dụng thương ngày	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1349	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu các khối hình học	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1350	741.2 T883	Tập vẽ nghiên cứu đồ vật	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1351	741.2 T883	Ký họa nhân vật	Tu Bình, Kim Quang biên soạn.	2007	(pbk.)
1352	741.5 A638 V.6	Thám tử lừng danh conan . Tập 6, Lá thư thách đấu gửi Kudo Shinichi : án mạng tại tòa án	Aoyama Gosho	2013	8935036665560 (pbk.)
1353	741.5 T665	Truyện trí tuệ = Wisdom stories	Đồng Nghệ (Tong Yi) ; Trương Phan Châu Tâ m dịch.	2016	9786046831891 ; 604683189X
1354	741.5 T913	Roosevelt & Churchill	Tuệ Văn.	2011	8935212307314 (pbk.)
1355	741.5942 C559	Xấu hổ hay dễ thương : truyện tranh = 2 Awkward 2 cute	Chucky.	2017	9786045523612
1356	741.5944 R989	Thời thơ ấu của H.C. Andersen và anh em nhà Grimm	kịch bản, Jan Rybka ; đạo diễn [và] hình vẽ, Thierry Capezzone ; người dịch, Anh Thơ.	2010	
1357	741.595 S698 V.1	Truyện tranh danh nhân th ế giới. 1	Son Yeong Woon ; Thúy Ngân.	2012	8934974112402 (pbk.)
1358	741.595 S698 V.2	Truyện tranh danh nhân th ế giới. 2	Son Yeong Woon ; Thúy Ngân.	2012	8934974112419 (pbk.)
1359	741.595 S698 V.3	Truyện tranh danh nhân th ế giới. 3	Son Yeong Woon ; Thúy Ngân.	2012	8934974112426 (pbk.)
1360	741.5951 Y21 V.1	Để tớ khóc. 1	tác giả: Viêm Cửu ; Bán Sinh Phù Trẩm dịch.	2019	9786045547441
1361	741.59519 S615 V.1	Thời thơ ấu của các thiên tài. Tập 1, Những thiên tài từng đội sổ	Sin Ueng Seop ; người dịch, Ki ề u Oanh.	2013	8935036658326 (pbk.)
1362	741.59519 S615 V.2	Thời thơ ấu của các thiên tài. Tập 2, Những thiên tài chi ế n thắng khó khăn	Sin Ueng Seop ; người dịch, Ki ề u Oanh, Nguyệt Minh.	2013	8935036658333 (pbk.)
1363	741.59519 S615 V.3	Thời thơ ấu của các thiên tài. Tập 3, Những thiên tài yêu thích th ám hiểm	Sin Ueng Seop.	2013	8935036658340 (pbk.)
1364	741.59519 S615 V.5	Thời thơ ấu của các thiên tài. Tập 5, Những thiên tài thông minh từ nhỏ	tranh và lời, Sin Ueng-seop ; người dịch, Nguyệt Minh.	2011	9990000271832 (pbk.)
1365	741.5952 H827 V.1	Cậu bé và quái vật	Mamoru Hosoda.	2020	9786049926259 ; 9786049926266 ; 9786049926273 ; 9786049926280
1366	741.5952 O58 V.1	Hộp trọn bộ 32 tập_Nhóc Miko! Cô bé nhí nhảnh	Ono Eriko ; Hải Thọ dịch.	2020	9.78604E+12
1367	741.5952 U88	Shin--cậu bé bút chì. Đặc biệt, 1	Yoshito Usui & UY Studio.	2012	9990000240074 (pbk.)
1368	741.642 T449	Trò chơi rèn luyện khả năng chú ý	Thời đại truy ề n kỳ ; ngươi dịch: Hải Minh.	2009	8935069900218 (pbk.)
1369	741.642 T449	Trò chơi rèn luyện khả năng ghi nhớ	Thời đại truy ề n kỳ ; ngươi dịch: Hải Minh.	2009	8935069900232 (pbk.)
1370	741.7 T367	Nghệ thuật cắt dán!	Thanh Hà bìa.	2008	(pbk.)
1371	741.9597 D631	Art collection : Park Hyatt Saigon	nhi ề u tác giả	2006	(hard)
1372	741.9597 H985	Hội họa việt nam hiện đại thuở ban đầu = Early modern vietnamese painting	general edited by Hữu Ngọc, Lady Borton.	2005	(pbk.)
1373	741.9597 T772	Tran Dinh Khuong : the memories of childhood	Tran Dinh Khuong.	2006	(hard)
1374	745.54 T434	50 mẫu gói quà dành cho lễ t ế t	Thiên Kim.	2008	8935073051456 (pbk.)
1375	745.54 X8	Nghệ thuật gói quà	Xuân Mai.	2008	(pbk.)
1376	745.592 T968	Tập cho con sáng tạo	Tuy ế t Hường.	2017	9786041091092 ; 604109109X
1377	745.61 L975	Tâm bút	Lưu Thanh Hải.	2004	8935073009242 (hard)
1378	745.61 N576	Căn bản nghệ thuật thư pháp	Nguyễn Bá Hoàn.	2002	8936016014736 (pbk.)
1379	745.61 N576	Thư pháp là gì?	Nguyễn Hi ế u Tín.	2007	(pbk.)
1380	745.92 T434	Cắm hoa nhật bản : 30 ý tưởng độc đáo	Thiên Kim.	2011	8935073077098 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1381	745.922 M272	Hướng dã^n làm hoa khô bó^n mùa	Hilary Mandleberg ; Phạm Cao Hoàn biên dịch.	2004	8935073008221 (pbk.)
1382	745.922 T434	Hướng dã^n cá˘m hoa kiểu mới	Thiên Kim.	2008	(pbk.)
1383	746.43 T564	460 kiểu đan móc hiện đại	Tiểu Quỳnh biên dịch.	2006	8936016008759 (pbk.)
1384	746.432 Q9	Kỹ thuật móc len sợi : giỏ xách, nón, áo & khăn quàng	Quỳnh Hương.	2008	8935073042614 (pbk.)
1385	746.432 Q9	Kỹ thuật móc len sợi : các kiểu áo thời trang	Quỳnh Hương.	2008	8935073042621 (pbk.)
1386	746.432 T434	978 kiểu đan móc thời trang	Thiên Kim.	2008	8935073050770 (pbk.)
1387	746.434 T434	978 kiểu đan móc thời trang	Thiên Kim.	2011	8935073080050 (pbk.)
1388	746.434 T927	Kỹ thuật móc len sợi : 25 mẫu trẻ trung và hiện đạii	Tường Vy.	2014	9786045623066
1389	746.92 H987	Thời Trang áo dài	Huỳng Thu Dung.	2006	8935069900447 (pbk.)
1390	746.92092 V946	Là người phụ nữ như tôi mong muốn	Diane Von Furstenberg ; Hằng Nguyễn dịch.	2019	9786047768905 ; 8936186541780
1391	747 A214	Wabi-Sabi Welcome: Nghệ thuật thi ế t đãi theo phong cách Wabi-Sabi	Julie Pointer Adams.	2020	9786047784608
1392	747.75 V872	Thiẻ´t k ế & bài trí phòng khách	Võ Mai Lý, Trà^n Lê Thanh.	2010	8935073061431
1393	751.422 B651	Ni ề m vui từ màu nước: 40 Bài Tập Dễ Thương Để Luyện Vẽ Th ế Giới Quanh Bạn	Emma Block.	2018	9786048889340
1394	759.9597 N576	Tầng ba : câu chuyện v ề các nghệ sĩ trẻ đương đại = 3rd floor	Nguyễn Văn Hè [and 7 others].	2017	9786049570131
1395	759.9597 P534	Cảnh Sắc Phố Thị Sài Gòn - Chợ Lớn (Tranh & Ký Họa)	Phạm Công Tâm.	2019	9786047769445
1396	759.9597 T833	Đi ve : nhat ký hoi hoa 2014 cua	Trinh Lu’ , Pham Long biên soan và de tu’ a.	2014	9786045327326 ; 8932000120148
1397	778.928 E37	The pink choice = Yêu là yêu	Maika Elan.	2012	8936024919245
1398	779.979143 J89	Khoảnh Khắc Tuổi 18 (màu)	JTBC Product Team.	2020	9786045554647
1399	780 M664	Tuyển tập ca khúc Minh Châu với 50 nhạc phẩm đặc sắc	Minh Châu.	2008	(pbk.)
1400	780.9 D529	Lịch sử âm nhạc bằ˘ng tranh	Bernard Deyriès, Denys Lemery, Michael Sadler ; [dịch lời, Nguyễn Trung].	2000	8935036600028 (hard)
1401	780.92 H678	Trịnh Công Sơn và cây đàn Lya của hoàng tử bé	Hoàng Phủ Ngọc Tường.	2013	8934974118312
1402	780.92 T833	Thư tình gửi một người	Trịnh Công Sơn.	2013	9786041002364 (pbk.) ; 6041002364 (pbk.)
1403	780.922 K21	100 nhà soạn nhạc vĩ đại nhất lịch sử	[lời, Helen L. Kaufmann ; tranh, Samuel Nisenson] ; Lưu Văn Hy biên dịch.	2006	
1404	781.620092 T772	Tự truyện Trà^n Văn Khê : những câu chuyện từ trái tim	Trần Văn Khê ; Đào Trung Uyên chấp bút.	2012	
1405	781.63095195 M987	Raise Your Voice High! : Cất Cao Ti ế ng Hát	Akdong Musician.	2020	9786045561430
1406	781.66 T772	Bên kia bức tường	Trần Lập.	2013	8935235200210 (pbk.)
1407	782.0092 K45	Đằng sau những nụ cười	Khánh Ly.	2015	9786046957294 ; 8932000120902
1408	782.42 L969	BTS Ước Mơ Không Chờ Đợi Ai	Shifra Lushka.	2020	9786048899196
1409	782.42 T968	Tuyển tập 100 ca khúc ti ề n chi ế ^n : và những tình khúc vượt thời gian	tuyển chọn, Nhạc sĩ Lê Quốc Thá˘ng.	2008	(pbk.)
1410	782.42166 N843	Shout! The Beatles - Hơi thở thời đại của th ế kỷ 20	Philip Norman ;Hi ề n Trang dịch.	2020	9786043047592
1411	784.624 N174	50 bài hát nhi đồn g được yêu thích	Nhi ề u yác giả.	2009	8935095604456
1412	787.87 N576	Tự học đàn guitar tập 1	Nguyễn, Hạnh.	2008	(pbk.)
1413	790.1922 E477	365 trò chơi thông minh dành cho bé : biế^n những việc đơn đ iệu thường ngày trở nên há^p dã^n	Sheila Ellison ; biên dịch, Việt Văn.	2008	8935095600199 (pbk.)
1414	791.4 L732	Hậu Duệ Mặt Trời - Photo Essay	Hyo Seon Lim.	2018	9786045529027
1415	791.43 C533	Dạo bước trên mây	Deborah Chiel ; Phương Huyện.	2012	8934974110125 (pbk.)
1416	791.43 F399	Kỳ nghỉ hè ở Roma	Odette Ferry ; Dạ Uyên.	2011	8934974106814 (pbk.)
1417	791.430233092 L433	Chuyện ngh ề của Thủy	Lê Thanh Dũng, Trần Văn Thủy.	2014	9786045313244 ; 8932000117858
1418	791.4309 V666	Giấy Không Gói Được Than Cháy Dở	Việt Linh.	2017	9786046841081
1419	791.4372 S689	Chuyện xưa như ngàn năm : bộ phim người đẹp và quái vật đ ược tạo ra như th ế nào =Tales as old time : the art and making of beauty and the beast	Charles Solomon ; Nguyễn Hà Ly dịch.	2017	9786042089647
1420	791.53 H985	Rối Nước = Water puppets	general editors, Hữu Ngọc, Lady Borton.	2006	(pbk.)
1421	792.028092 B361	Trôi theo dòng đời : hồi ký NSND Bảy Nam cây đại thụ của sân khấu cải lương Nam bộ.		2009	
1422	792.028092 T367	Tâm Thành và Lộc đời : Hãy cứ cho đi từ cõi này	Thành Lộc, Nguyễn Thị Minh Ngọc.	2015	9786046815723 ; 8932000119975
1423	792.028092 W872	Cỏ hạnh phúc : chúng ta mạnh mẽ hơn, chúng ta vẫn nghĩ : tản	Hari Won.	2017	9786049575563

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1424	792.5 L433	Nghệ thuật sân khấu hát bội	Lê Văn Chiêu.	2008	8934974071433 (pbk.)
1425	793 C559	Trò chơi x ế p hình : sáng tạo th ế giới bằng 7 mi ế ng ghép tập 2	Chu Tạo Đoan.	2008	8936037790725 (pbk.)
1426	793.01922 G428	Giờ ra chơi thú vị	Nhi ề u tác giả.	2011	8935036634573 (pbk.)
1427	793.01922 K45	Khám phá cuộc sống	Nhi ề u tác giả.	2011	8935036634566 (pbk.)
1428	793.01922 N174	Người đẹp ngủ trong rừng	Nam Phương biên soạn.	2007	
1429	793.01922 N174	Peter Pan	Nam Phương.	2007	
1430	793.01922 N174	Pinoochio	Nam Phương biên soạn.	2007	
1431	793.01922 N174	Bạch Tuy ế t và Bảy Chú Lùn	Nam Phương biên soạn.	2007	
1432	793.01922 N174	Cô Bé Choàng Khăn đỏ	Nam Phương biên soạn.	2007	
1433	793.01922 N174	Cô Bé Lọ Lem	Nam Phương biên soạn.	2007	
1434	793.01922 N174	Aladin và Cây đèn thần	Nam Phương biên soạn.	2007	
1435	793.01922 N174	Người đẹp và quái vật	Nam Phương biên soạn.	2007	
1436	793.7 S194 V.1	Sân chơi trí tuệ của chim đa đa	lời và tranh, Thời đại truy ề n kỳ ; người dịch, Hải Minh.	2011	
1437	793.73 N576	Những câu đố hào hứng dành cho thi ế u nhi : trò chơi động não	biên soạn, Nguyễn Tứ.	2009	
1438	793.73 T843	Trò chơi động não : những câu đố hào hứng dành cho thi ế u nhi	Nguyễn Tứ Biên soan.	2007	8934974063179 (pbk.)
1439	793.74 V986 V.1	Cờ ô số Sudoku : nghệ thuật chơi cờ Sudoku	Vũ Hoàng biên soạn.	2007	(v. 1 : pbk.) ; (v. 2 : pbk.)
1440	794.1 D921	Cờ tướng chi ế n thuật va phương pháp sát chiêu	Đúc Thuận..	2007	
1441	794.1 V217	Thuật định th ế tàn cuộc : trong cờ tướng (xe)	Văn Thái, Xuân Quảng.	2007	
1442	794.1 V217	Vận dụng khéo léo dàn th ế khai cuộc : trong cờ tướng (xe)	Văn Thái, Xuân Quảng.	2007	
1443	794.1 V217	36 thuật định th ế : trong cờ tướng (xe)	Văn Thái, Xuân Quảng.	2007	
1444	796.1 Q9	100 trò chơi đồng đội : team building	Quốc Cường, Khắc Vinh, Anh Minh.	2014	9786041061675 ; 6041061670
1445	796.332092 L433	Phong cách quản trị Park Hang Seo : bí quy ế t thành công của doanh nghiệp Hàn Quốc	Lê Huy Khoa, Kanata.	2019	9786045889817
1446	796.334092 S698	Hồi kí bóng đá Son Heung Min : đường đ ế n châu Âu	Son Heung Min ; Thuỳ Ngân dịch.	2021	9786042194570
1447	796.33409597 D182	Trần trụi bóng đá việt	Đặng Hoàng (ch.b.), Nguyễn Nguyên, Đinh Hiệp.	2017	9786045867167
1448	796.4252 J95	Ăn & Chạy	Scott Jurek.	2020	9786048508388
1449	796.5 C658	Everest : đỉnh cao nghiệt ngã	Broughton Coburn ; nhóm dịch, Phan Tri Nguyện ... [et al.].	2008	8934974073543 (pbk.)
1450	796.522 P534	Chinh phục những đỉnh trời : kỹ năng sinh hoạt dã ngoại	Phạm Văn Nhân.	2010	
1451	796.83092 T994	Sự thật trần trụi : tự truyện =Undisputed truth	Mike Tyson; Larry Slomam chấp bút; Trần Minh dịch.	2017	9786049542640
1452	800 T627	Tọa độ tình yêu : tập truyện mini	[biên tập, Phòng Vhnn].	2006	(pbk.)
1453	808 C515	Truyện ngắn Phan Hồ^ng Giang tuyển dịch và giới thiệu	Chekhov.	2008	(hard)
1454	808 F757	Đọc văn sành như giáo sư văn	Thomas C. Foster ; Hồng Hạnh -dịch.	2019	9786049868863
1455	808.066658 P616	Các đ ề xuất và giới thiệu ăn khách : 24 bài học dành cho những người thành đạt = Persuasive proposals and presentations	Heather Pierce ; Lê Ngọc Bửu người dịch.	2007	0071450890 (pbk.) ; 9780071265102 (pbk.)
1456	808.23 S187	Vi ế t kịch bản điện ảnh và truy ề n hình	Sâm Thương.	2011	1117070000416 (pbk.)
1457	808.23 S187	Vi ế t kịch bản điện ảnh & truy ề n hình	Sâm Thương.	2012	
1458	808.3085 N576	Người tình : trong truyện của các nhà văn nổi ti ế ng th ế giới.		2007	(pbk.)
1459	808.51 A531	21 Ngày Nâng Cao Sức Hút Phát Biểu Trước Đám Đông	Ân Á Mẫn.	2016	9786049269790
1460	808.803 N576	I love you	Nhã Nam tuyển chọn.	2008	8934974072171 (pbk.)
1461	808.83 A111	100 truyện cực ngắ^n thế^ giới.		2000	(hard)
1462	808.83 B583	Chỉ có tình yêu là bề^n vững	Bích Nga, tuyển dịch.	2004	8934974035374 (pbk.)
1463	808.83 H149	Chúng ta sẽ ổn thôi mà	nhiề^u tác giả ; Thoại Lan & Hải Châu, dịch.	2002	8934974002802 (pbk.)
1464	808.83 L847	Truyện ngắn chọn lọc	Jack London ; Tuyển chọn, Trần Đức Thà	2002	(hard)
1465	808.83 M941	Mùa về^ trong thành phố^	nhiề^u tác giả.	2002	8934974004387 (pbk.)
1466	808.83 N576	Mười hai tháng & một ngàn dặm	nhiề^u tác giả ; Ngô Bá Nha, dịch.	2003	8934974004172 (pbk.)
1467	808.83 N576	Chúng ta là một gia đình : những mẩu chuyện hay về^ tình yêu loài vật	nhiề^u tác giả ; Ngô Bá Nha, dịch.	2002	8934974007197 (pbk.)
1468	808.83 N576	Con trai thích gì, con gái thích gì?	Nhung Ngọc & Hoàng Sơn, dịch.	2003	8934974010258 (pbk.)
1469	808.83 N576	Những câu chuyện kinh điển dành cho trẻ em.		2019	9786049979002
1470	808.83 T532	Hoa hồ^ng sớm mai	Thu Nhi, biên dịch.	2004	8934974028864 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1471	808.83 T772	Chẳng bao giờ trễ cả	nhiề^u tác giả ; Trà^n Thoại Lan, dịch.	2003	8934974002789 (pbk.)
1472	808.831 B943	Buổi sáng biế^n mất : tuyển truyện ngắ˘n hay và đoạt giải cuộc thi báo văn nghệ 2006-2007.		2007	8936024911140 (pbk.)
1473	808.831 K477	Kẻ sát nhân trên mạng : tập truyện trinh thám - giả tưởng	Ki ề u Diệp tuyển chọn và dịch.	2007	
1474	808.831 L433	Cao lương đỏ : tuyển tập truyện vừa, truyện ngắ˘n tinh hoa của văn học đương đại Trung Quó^c	Lê Huy Tiêu dịch.	2007	
1475	808.831 M712	Mó^i tình đầu : truyện tình yêu th ế giới.		2005	
1476	808.831 N576	Người mẹ : trong truyện của các nhà văn nổi tiế^ng thế^ giới.		2007	
1477	808.83108334 G433	Giáng sinh nhiệm mầu : những câu chuyện Giáng sinh hay nhất	nhi ề u tác giả.	2013	9786041029026 (pbk.) ; 6041029025 (pbk.)
1478	808.84 H678	Còn có ai đó yêu thương bạn	nhiề^u tác giả ; Hoàng Sơn, dịch.	2004	8934974000587 (pbk.)
1479	808.87 N459	Tình vỡ mộng tan	Azit Nêxin ; Thái Hà dịch.	2004	1004062800416 (pbk.)
1480	808.87 N459	Chuyện đời trong quán rượu : tập truyện hài hước	Azít Nêxin ; người dịch, Thái Hà & Đức Mã	2001	(pbk.)
1481	808.882 N576	Cười & hài hước trẻ	Nguyễn Bình.	2007	
1482	809.1 N576	Ngôn ngữ thơ	Nguyễn Phan Cảnh.	2006	(pbk.)
1483	809.1 P535	Những kỳ nữ trong thơ ca Đông Á : Trung Quốc - Nhật Bản - Korea - Việt Nam	Phan Thị Thu Hi ề n [and 3 others].	2014	9786046811558
1484	811.54 W419	Vòng tròn của hạnh : hồi ký	Bruce Weigl ; người dịch, Hạnh Nguyễn Weigl.	2011	8935069912679 (pbk.)
1485	813 B347	Cuộc đời & những cuộc phiêu lưu của Santa Claus	Lyman Frank Baum ; Mary Cowles Clark minh họa ; Đặng Quang Hi ế u dịch.	2009	8932000114147 (pbk.)
1486	813 C116	Nhật ký công chúa tập 2 : công chúa trong ánh đèn sân khấu	Meg Cabot.	2008	(pbk.)
1487	813 C116	Nhật ký công chúa tập 3 : công chúa đang yêu	Meg Cabot.	2008	(pbk.)
1488	813 M149	Cuộc chi ế n bất thành	MacHale, D.J.	2007	8934974068976 (pbk.)
1489	813 M149	Con buôn tử thần = The merchant of death	D.J. MacHale ; dịch giả: Đặng Phi Bằng.	2008	8934974061670 (pbk.)
1490	813 M149	Pendragon. tập năm : nước đen	D. J. MacHale ; dịch giả: Đặng Phi Bằng.	2008	8934974075912 (pbk.)
1491	813 M149	Faar - thành phố mất tích	MacHale, D.J.	2007	8934974063308 (pbk.)
1492	813 M149	Th ế giới ảo	tác giả, D.J. MacHale ; dịch giả, Đặng Phi	2008	(pbk.)
1493	813 S544	Bâc thầy cưa trò chơi	Sideny Sheldon ; Dương Kim Thoa (dịch).	2006	(hard)
1494	813 S544	Những thiên thần nổi giận	Sidney Sheldon.	2008	(pbk.)
1495	813 S813	Nó^i lại tình xưa	Danielle Steel ; Tôn Thá^t Điề^m dịch.	2008	8935073037665 (pbk.)
1496	813.0108 L433	Nhóm lửa : truyện ngắ˘n Mỹ	Lê Huy Bắ˘c tuyển chọn.	2002	(pbk.)
1497	813.0108 S866	Hoa dại : tập truyện Mỹ	[F.R. Stockton ... et al. ; Vũ Đình Bình dịch ... et al.].	2001	
1498	813.4 B347	Phù thủy xứ Oz	Frank Baum ; Nguyễn Phương dịch.	2013	8935235200463
1499	813.4 B347	Phù thuỷ xứ Oz	L. Frank Baum ; Phương Ngọc dịch.	2016	9786046978626 ; 6046978629
1500	813.4 T969	Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer	Mark Twai ; ngươi dịch, Bích Ngọc.	2007	8935077026535 (hard)
1501	813.4 T969	Những cuộc phieu lưu của Huck Finn	Mark Twain ; ngươi dịch, Lương Thị Thận.	2005	(hard)
1502	813.5 W583	Charlotte và Wilbur	E.B. White ; [Garth Williams minh họa] ; Nguyễn Qué^ Dương dịch.	2008	8936024911485 (pbk.)
1503	813.52 A549	Người đàn ông hóa thành đàn bà	Sherwood Anderson ; Từ Lê Tâm dịch.	2017	9786049548062
1504	813.52 C456	The big sleep = Giá^c ngũ dài	Raymond Chandler ; người dịch, Nguyễn Phương Anh.	2008	(pbk.)
1505	813.52 C957	Bạn cùng giường trái tính = Strange bedpersons	Jennifer Crusie ; Trang Nguyễn.	2012	8936046240662 (pbk.)
1506	813.52 C957	Chỉ có thể là anh = Anyone but you	Jennifer Crusie ; Ruby Thủy.	2012	8936046240679 (pbk.)
1507	813.52 F263	Âm thanh và cuồng nộ	William Faulkner ; Phan Đan, Phan Linh Lan dịch.	2008	(pbk.)
1508	813.52 F553	Đại gia Gatsby	F. Scott Fitzgerald. ; Trịnh L˜ư dịch.	2013	8936024919009 (pbk.)
1509	813.52 L847	Tác phẩm chọn lọc	Jack London.	2001	
1510	813.52 M681	Cuốn Theo Chi ề u Gió (Bộ 2 Tập) = Gone With The Wind	Margaret Mitchell.	2016	9786046978596
1511	813.52 S877	Khát vọng sống	Irving Stone ;Vũ Đình Bình dịch.	2020	9786049937736
1512	813.54 A671	Hai số phận	Jeffrey Archer ; Anh Thư.	2011	8935095608898 (pbk.)
1513	813.54 A671	Quy ề n lực thứ tư	Jeffrey Archer ; Nguyễn Thành Châu.	2011	8935095609963 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1514	813.54 A825	13 lý do tại sao	Jay Asher.	2008	8936041682320 (pbk.)
1515	813.54 B118	Ảo ảnh : những cuộc phiêu lưu của một Gã Cứu Th ế bất đắc dĩ	Richard Bach ; Minh Nguyễn dịch.	2010	
1516	813.54 B175	Phía sau tội ác : tiểu thuy ế t	David Baldacci ; Nguyễn Lan Hương dịch.	2008	(hard)
1517	813.54 B658	Chúa có đó không? Là con, Margaret = Are you there God? its me, Margaret	Judy Blume ; translated by Vũ Thu Trang, Lê Hồng Vân.	2012	8936024918682 (pbk.)
1518	813.54 B799	Chuyện tình như huy ề n thoại	Barbara Taylor Bradford ; translated by Van Hoa, Kim Thuy.	2006	8935073024702 (pbk.)
1519	813.54 B799	Thiên thà ̂n	Barbara Taylor Bradford ; người dịch, Vàn Hò a, Kim Thùy.	2005	1005071500410 (pbk.)
1520	813.54 B799	Người thừa k ế	Barbara Taylor Bradford ; người dịch, Văn Hò a, Kim Thùy.	2011	
1521	813.54 B799	Tên gọi khác của tình yêu : tiểu thuy ế t	Barbara Taylor Bradford.	2013	8935073096679 (pbk.)
1522	813.54 B823	Mùa hè thứ tư của quần Jeans may mắn	Ann Brashares ; Phan Uyên and Thiên Nga.	2011	8936024917203 (pbk.)
1523	813.54 B855	Bản tình ca cho em = A song for Caitlin	J. E. Bright ; Phan Hoàng Lệ Thủy dịch.	2007	8934974067740 (pbk.)
1524	813.54 B877	Pháo Đài Số	Dan Brown ; Người dịch: Chú ́c Linh.	2006	8935077011067 (pbk.)
1525	813.54 B979	Mộng phù du	Candace Bushnell ; Phan Uyên dịch.	2011	8936046240334 (pbk.)
1526	813.54 C331	Em làm ơn im đi được không? : tập truyện ngắn	Tác giả：Raymond Carver ; Dịch giả：Lâm Vũ Thao.	2012	8936024917982 (pbk.)
1527	813.54 C527	Thi ế u nữ đeo hoa tai ngọc trai	Tracy Chevalier ; Đặng Tuy ế t Anh dịch	2008	8936024911416 (pbk.)
1528	813.54 C537	Chỉ có kẻ ngốc mới chọn tình yêu = Fins are forever	Tera Lynn Childs.	2013	9786045617298 (pbk.)
1529	813.54 C957	Cá cược với tình yêu = Bet me	Jennifer Crusie ; Nguyễn Mai Trang.	2012	8936046240655 (pbk.)
1530	813.54 C986	Thác Lũ	Clive Cussler ; Phạm Đăng Phụng	2013	8935081112026 (pbk.)
1531	813.54 C986	Hoang mạc	Clive Cussler	2013	8935081112019 (pbk.)
1532	813.54 D133	B ế n hẹn	Janet Dailey ; người dịch, Văn Hòa, Kim Thù y.	2007	8935073032547 (pbk.)
1533	813.54 D155	Mật mã Maya	Brian D'Amato ; dịch giả, Phong Diệp.	2012	
1534	813.54 D167	Điểm dối lừa	Dan Brown ; translated by Văn Thị Thanh Bì nh.	2006	8935077010633 (hard)
1535	813.54 D284	Lá bài thứ XII	Jeffery Deaver ; Nguyễn Việt Dũng.	2013	8936041683259 (pbk.)
1536	813.54 D353	Như gió tan mây	Barbara Delinsky ; biên dịch, Văn Hòa, Võ Đệ.	2007	8935073032554 (pbk.)
1537	813.54 D381	Lưa Hoang	Nelson DeMille , Người dịch : Nguyễn Hưu Tức.	2007	8935077031874 (hard)
1538	813.54 D685	Trái tim hoàng gia	Jennifer Donnelly ; Hạnh Quyên Nguyễn.	2011	8936037748450 (pbk.)
1539	813.54 E88	Hội những trái tim cô đơn	Elizabeth Eulberg ; Khánh Thùy.	2011	8936037748191 (pbk.)
1540	813.54 F596	Cậu bé chịu dòn thay	Sid Fleischman ; Hoàng Thạch Quân, dịch.	2017	9786042086448 ; 6042086448
1541	813.54 G449	Thảm họa tình	Rachel Gibson ; Mai Trang Nguyễn.	2011	8936046240495 (pbk.)
1542	813.54 G449	Hẳn là yêu	Rachel Gibson.	2011	8936046240402 (pbk.)
1543	813.54 G449	Giã biệt tình xa	Rachel Gibson ; Lộc Diệu Linh dịch.	2011	8936046240426 (pbk.)
1544	813.54 G457	Xúc xắc tình yêu	Emily Giffin ; Thanh Hường.	2010	8936024914318 (pbk.)
1545	813.54 G458	Sách dựng hình 3D : Bên trên có gì?	Lời by Clive Gifford ; Minh họa by Kate McLelland.	2019	9786045554159
1546	813.54 G458	Sách dựng hình 3D =: Bên dưới có gì?	Lời by Clive Gifford, Minh họa by Kate McLelland.	2019	9786045554166
1547	813.54 G618	Hồ ̂i ức của một geisha : tiểu thuyế ̂t	Arthur Golden ; người dịch, Thanh Vân.	2006	8935069901505 (pbk.)
1548	813.54 G743	Ly dị, tuyệt vọng, và dễ thương	Christie Graig ; Kim Dung Vũ.	2011	8936046240518 (pbk.)
1549	813.54 H318	Huyè ̂n thoại mùa thu	Jim Harrison ; translated by Thanh Vân.	2005	8935068002258 (pbk.)
1550	813.54 H319	Vai diễn kẻ thua cuộc	Lisi Harrison ; Thanh Tú.	2011	8936024916251 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1551	813.54 H319	Hẹp hòi đâu dễ	Lisi Harrison; Thùy Hương Lưu	2011	8936024916695 (pbk.)
1552	813.54 H323	Tình yêu giấu kín = Our secret love	Miranda Harry ; Hồng Hà dịch.	2007	8934974067764 (pbk.)
1553	813.54 H488	Truyện ngắn : lê huy bắc chư biên và giới thiệu	Ernest Hemingway ; dịch, Lê Huy Bá˜c...[et	2004	(hard)
1554	813.54 J77	Ám ảnh	Garrie Jones ; Trung Kiên.	2010	8936046520153 (pbk.)
1555	813.54 K16	Tín đồ màu hồng	Victoria Kann, Elizabeth Kann ; Chích Bông dịch.	2011	8936024917296 (pbk.)
1556	813.54 K23	Khi con tim quá nóng	Robin Kaye ; Le Đình Chi.	2013	8936047862207 (pbk.)
1557	813.54 K29	Vũ điệu quỷ = Devil's waltz : tiểu thuyé^t trinh thám	Jonathan Kellerman ; người dịch, Đặng Thị	2007	(pbk.)
1558	813.54 K29	Ba bóng đen = When the bough breaks	Jonathan Kellerman ; người dịch Đặng Thị	2007	(pbk.)
1559	813.54 K39	Trên đường	Jack Kerouac ; Cao Nhị dịch.	2008	8936024911980 (pbk.)
1560	813.54 K92	Đêm thao thức = all night long	Jayne Ann Krentz ; Miel G.	2013	8936024919504 (pbk.)
1561	813.54 L385	Tay, lái súng đa cảm	Hugh Laurie ; Nguyễn Thị Hương Thảo, dịch.	2013	8936024919542 (pbk.)
1562	813.54 L521	Pháp sư xứ Hải địa	Ursula K. Le Guin ; Ruth Robbins minh họa ; Lê Minh Đức dịch.	2008	8936024911683 (pbk.)
1563	813.54 L719	Đánh cắp nụ hôn	Liesa Abrams ; Hồng Hà dịch.	2007	8934974067757 (pbk.)
1564	813.54 L749	Tình yêu đ ế n muộn	Yvonne Lindsay ; Thảo Nguyễn.	2011	8936049321528 (pbk.)
1565	813.54 L752	Hãy nói yêu em = Say you love me	Johanna Lindsey ; Bà Thủ.	2013	8936041683204 (pbk.)
1566	813.54 L832	Em không thể chối từ = Hard to resist	Wendy Loggia ; Phương Thủy dịch.	2007	8934974067771 (pbk.)
1567	813.54 L921	Người truy ề n ký ức	Lois Lowry ; dịch, Nguyễn Quỳnh Trang.	2008	8936024911539 (pbk.)
1568	813.54 M169	Tié^ng sét xanh	Judith McNaught ; người dịch, Văn Hòa, Ngô Phan.	2008	(pbk.)
1569	813.54 M169	Tié^ng sét xanh	Judith McNaught ; dịch, Văn Hòa, Ngô Phan.	2008	(pbk.)
1570	813.54 M169	Ai đó dõi theo em = someone to watch over me	Judith McNaught ; Huy ề n Vũ, Thy Phương.	2013	8936024919498 (pbk.)
1571	813.54 M171	Đâu phải vì yêu = 16 Lighthouse Road	Debbie Macomber ; người dịch, Yên Minh.	2009	
1572	813.54 M171	Có anh trong đời = 311 Pelican Court	Debbie Macomber ; người dịch, Thu Trang ; người hiệu đính, Yên Minh.	2009	
1573	813.54 M171	Ngày mai không hẹn trước = 204 Rosewood Lane	Debbie Macomber ; người dịch, Việt Anh ; người hiệu đính, Yên Minh.	2009	
1574	813.54 M358	Vĩnh hằng mong manh	Melissa Marr ; Vũ Gia An.	2011	8936049321566 (pbk.)
1575	813.54 M478	11 năm chờ	Judith McNaught ; Thy Phương, Thanh Tuy ề n	2011	8936037748252 (pbk.)
1576	813.54 M478	Vú em trở lại	Emma McLaughlin ; Nicola Kraus; Lam Giang.	2011	8934974105565 (pbk.)
1577	813.54 M663	Đỗ Quyên đỏ	Anchee Min ; Người dịch, Nguyễn Bản.	2007	8936037690018 (pbk.)
1578	813.54 M663	Nữ hoàng phong lan	Anchee Min ; người dịch, Nguyễn Bản.	2008	8936037691329 (pbk.)
1579	813.54 N576	Ngôn ngữ của trái tim : những mẩu chuyện vè^ tình yêu loài vật	Nhiè^u Tác Giả ; Ngô Bá Nha, dịch.	2003	8934974004189 (pbk.)
1580	813.54 N765	Bất tử	Alyson Noël ; Kim Nhường ; Quó^c Hùng.	2010	8934974093787 (pbk.)
1581	813.54 O41	Con đường đói khổ	Ben Okri	2013	8932000117575 (pbk.)
1582	813.54 O48	Hotgirl ti ế c nuối	Lauren Oliver ; Quỳnh Trang.	2011	8936049321467 (pbk.)
1583	813.54 O99	Bông hồng mất tích	Serdar Ozkan ; Đỗ Thị Đáo.	2011	8936037748245 (pbk.)
1584	813.54 P317	Chuyé^n đi khủng khié^p	James Patterson & Howard Roughan ; Thanh V ân dịch.	2008	(pbk.)
1585	813.54 P317	Cơ hội thứ 2	James Patterson ; người dịch Tạ Hồng Trung.	2008	8935077012675 (pbk.)
1586	813.54 P317	Chuyé^n đi khủng khié^p	James Patterson & Howard Roughan ; Thanh V ân dịch.	2008	
1587	813.54 P317	Cạm bẫy mong manh	James Patterson, Jon Nautnon	2013	8936047862573 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1588	813.54 P485	Chuyện ở xứ tiên : tất tần tật v ề mẹ bồ câu, cây bụi tiên, cung cây ... và những bí mật khác của loài tiên	[text by Monique Peterson ; illustrated by the Disney Storybook Artists] ; Đoàn Hương Giang dịch.	2016	9786048822859 ; 6048822855
1589	813.54 P558	Đố dám yêu em	Carly Phillips ; Phan Hoàng Hà.	2011	8936046240372 (pbk.)
1590	813.54 P563	Con của riêng tôi	Susan Elizabeth Phillips ; Nguyễn Lan Hương.	2011	8936024918057 (pbk.)
1591	813.54 P574	Ba truyện tình lãng mạn	trần Phong Giao, Hoàng Ưng và Hà Phương dịch.	2007	(pbk.)
1592	813.54 P994	Bô^ già = The Godfather : tiểu thuyé^t	Mario Puzo ; người dịch, Đặng Phi Bà˜ng.	2008	(pbk.)
1593	813.54 Q1	Nhật ký gái gọi Manhattan	Tracy Quan ; Uyển Danh dịch.	2011	
1594	813.54 Q6	Chi ế n dịch trái tim = The second sight	Amanda Quick ; Miel G.	2013	8935235200425 (pbk.)
1595	813.54 R585	Người anh hùng mất tích	Rick Riordan ; Thiên Tứ.	2012	8936046240938 (pbk.)
1596	813.54 R632	Nhà triệu phú bất hạnh : tiểu thuy ế t	Harold Robbins ; người dịch Xuân Du.	2007	(pbk.)
1597	813.54 R633	Người lữ hành kỳ dị	Harold Robbins ; Manh Hà, Thanh Sơn dịch.	2000	
1598	813.54 R633	Đừng yêu người lạ : tiểu thuy ế t	Harold Robbins	2011	8935095609444 (pbk.)
1599	813.54 R845	Báo ứng	Philip Roth ; Hà Nguyễn. ; Sao Mai.	2013	9786041018990 (pbk.)
1600	813.54 S165	Bá˜t trẻ đô^ng xanh	J. D. Salinger ; dịch, Phùng Khánh.	2008	8936024911706 (pbk.)
1601	813.54 S427	Người yêu n ế u ra đi = While you were gone	Kieran Scott ; Hồng Hà dịch.	2007	8934974067795 (pbk.)
1602	813.54 S451	Tình mẫu đơn	Lisa See ; Lê Ngọc Anh dịch.	2010	8936024915735 (pbk.)
1603	813.54 S531	3 người thầy vĩ đại	Robin Sharma ; Nguyễn Xuân Hồng.	2013	9786049295720 (pbk.)
1604	813.54 S544	Sáng, trưa & đêm	Sidney Sheldon ; người dịch, Trần Hoàng Cương.	2001	
1605	813.54 S544	Người lạ trong gương	Sidney Sheldon ; Hô^ Trung Nguyên dịch.	2004	(pbk.)
1606	813.54 S544	Dưới ánh sao : sao chié^u mệnh	Sidney Sheldon ; người dịch, Vũ Đình Phòng.	2001	(pbk.)
1607	813.54 S544	Không có gì mãi mãi	Sidney Sheldon ; Phạm Hương Trà dịch.	2001	(pbk.)
1608	813.54 S544	Bà^u trời sụp đổ	Sidney Sheldon ; người dịch: Trần Hoàng Cươog.	2008	(pbk.)
1609	813.54 S544	Né^u còn có ngày mai	Sidney Sheldon ; người dịch: Nguyễn Bá	2008	(pbk.)
1610	813.54 S544	Không có gì mãi mãi	Sidney Sheldon ; Phạm Hương Trà dịch.	2011	8935095609741 (pbk.)
1611	813.54 S544	Lộ mặt	Sidney Sheldon.	2011	8935095609796 (pbk.)
1612	813.54 S544	N ế u còn có ngày mai	Sidney Sheldon.	2011	8935095609772 (pbk.)
1613	813.54 S587	Cây táo yêu thương	Shel Silverstein ; Lương Quỳnh Mai, dịch.	2017	9786048851484 ; 6048851480
1614	813.54 S736	Bản tình ca cuối cùng	Nicholas Sparks ; Thanh Hương Trần, (Translator).	2011	8936024916497 (pbk.)
1615	813.54 S813	Canh dai bang don doc	Danielle Steel ; người dịch Văn Hòa, Kim Thù y.	2006	8935073024573 (pbk.)
1616	813.54 S813	Âm vang ngày cũ	Danielle Steel ; người dịch Văn Hòa, Kim Thù y.	2007	8935073025334 (pbk.)
1617	813.54 S813	Bẫy tình : tiểu thuy ế t	Danielle Steel ; Văn Hòa, Kim Thúy.	2013	8935073096556 (pbk.)
1618	813.54 S813	Sóng tình phương nam	Danielle Steel ; Văn Hòa ; Kim Thùy.	2013	8935073096723 (pbk.)
1619	813.54 S864	Người giúp việc	Kathryn Stockett ; Kim Ngọc.	2011	8934974106753 (pbk.)
1620	813.54 S875	Bí mật bạc = Silver is for secrets	Laurie Faria Stolarz ; Hà Thủ Ngô.	2014	9786045615904 (pbk.)
1621	813.54 S951	Chờ đợi không là hạnh phúc	Maxine Sullivan ; Mai Hương.	2011	8936049321504 (pbk.)
1622	813.54 T367	11 tuần yêu	Thanh Tuy ề n dịch ; Thy Phương; Thanh Tuy ề n, (Translator).	2011	8936037748252 (pbk.)
1623	813.54 T981	Hôn nhân amatơ	Anne Tyler ; Hà Thị Thanh Huyễn	2011	8936024916893 (pbk.)
1624	813.54 W426	Đêm qua anh ở đâu? = Last night at chateau marmont	Lauren Weisberger ; Đỏ Ki ế n-Anh.	2012	8936024919016 (pbk.)
1625	813.6 B175	Tay súng cuối cùng	David Baldacci ; Đỗ Tuẫn Anh dịch.	2008	8935077046434 (hard)
1626	813.6 B247 V.2	Móng vuốt quạ đen. II, Phi vụ bất khả	Leigh Bardugo ; Hoàng Anh dịch.	2019	9786042123990 ; 8935244820522

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1627	813.6 B472 V.1	Bộ 4 quyển Tuyển Tập Truyện Hay Dành Cho Thi ế u Nhi	William J. Bennett.	2017	9786043127621 ; 9786043127638 ; 9786043127645 ; 9786045845608
1628	813.6 B495	Ở lưng chừng thời gian	David Bergen.	2006	8936024910853 (pbk.)
1629	813.6 B823	Quần Jeans May Mắn	Ann Brashares ; Petal Lê dịch.	2008	8936024911690 (pbk.)
1630	813.6 B836	Ngày tàn Ngụy chúa	Marshall Brement ; người dịch, Bạch Phương.	2011	
1631	813.6 B877	Thiên thần và Ác quỷ = angels and demons	Dan Brown ; nguoi dich, Van Thi Thanh Binh ; nguoi hieu dinh, Tran Binh Minh.	2007	8935077005073 (pbk.) ; 8935077005073 (hard)
1632	813.6 D545	Chuy ế n phiêu lưu diệu kỳ của Edward Tulane	Kate DiCamillo ; Bagram Ibatoulline minh họa ; Phương Huyên dịch.	2010	
1633	813.6 F233	Quỷ biển	Nancy Farmer ; translated by Phùng Thi Thảo,	2006	8935077001235 (pbk.)
1634	813.6 G449	Tình yêu trở lại	Rachel Gibson ; Nguyễn Mai Trang dịch.	2012	
1635	813.6 G664	Người thầy thuốc	Noah Gordon ; Lê Chu Cầu dịch.	2018	9786049633829
1636	813.6 J661	Quà tặng diệu kỳ = The present	Spencer Johnson ; tổng hợp và biên dịch: Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Kim Nhung ; ban biên dịch First News.	2006	8935086803196 (pbk.)
1637	813.6 K899	Tôi là con gái của mẹ tôi : hiểu mẹ trước khi quá muộn	Iris Krasnow ; Khánh Thưy dịch ; Phùng Hà hiệu đính.	2008	8936037790220 (pbk.)
1638	813.6 M161	Nhật ký vú em = The nanny diaries	Emma McLaughlin và Nicola Kraus ; Phan Uy ên dịch.	2011	9786041007079 (pbk.) ; 6041007072 (pbk.)
1639	813.6 M613	Chạng vạng = Twilight	Stephenie Meyer ; Tịnh Thủy, dịch.	2008	8934974072997 (pbk.)
1640	813.6 M613	Hừng đông = Breaking dawn	Stephenie Meyer ; Tịnh Thủy dịch.	2013	9786041012240 (pbk.) ; 6041012246 (pbk.)
1641	813.6 M613	Trăng non = New moon	Stephenie Meyer ; Tịnh Thủy dịch.	2010	
1642	813.6 M613	Nhật thực = Eclipse	Stephenie Meyer ; Tịnh Thủy dịch.	2011	9786041010642 (pbk.) ; 6041010642 (pbk.)
1643	813.6 M613	Sinh Tử	Stephenie Meyer.	2018	9786041108936
1644	813.6 M613	Nhật Thực	Stephenie Meyer ; Tịnh Thuỷ dịch.	2018	9786041116894
1645	813.6 M613	Nhật thực: Eclipse	Stephenie Meyer.	2020	9786041168176
1646	813.6 M613	Sinh tử : chạng vạng mới	Stephenie Meyer ; Tịnh Thủy dịch.	2018	9786041108936 ; 6041108936
1647	813.6 P317	Kẻ đầu tiên phải ch ế t = 1st to die	James Patterson ; translated by Nguyễn Mạnh Cường.	2007	8935077010633 (pbk.)
1648	813.6 R962	Ngoài hành tinh	sáng tác David O. Russell ; chấ^p bút Andrew Auseon ; Thanh Tuy ễ n dịch.	2010	
1649	813.6 S845	Vụ ám sát quý cô nửa mùa	Robin Stevens ; Lê Duy Thư dịch.	2017	9786049570414
1650	813.6 S973	Triệu phú khu ổ chuột	Vikas Swarup ; Nguyễn Bích Lan dịch.	2009	9980000111445 (pbk.)
1651	813.6 S973	Triệu phú khu ổ chuột	Vikas Swarup	2011	8936024913359 (pbk.)
1652	813.6 T873	Rơi xuyên lòng đất	Danielle Trussoni ; Nguyễn Hữu Túc.	2008	8935077040081 (pbk.)
1653	813.6 V666	Người Tị Nạn	Viet Thanh Nguyen ; Viêm Phương Phạm.	2017	9786045385838
1654	813.6 W426	Quỷ cái vận đồ^ prada	Lauren Weisberger ; Lê Quang dịch.	2007	8936024912093 (pbk.)
1655	813.6 Y94	Búp bê sứ	Michelle Yu and Blossom Kan.	2008	(pbk.)
1656	814.6 H195	Lời vàng của bố	Justin Samuel Halpern ; Khánh Toàn Lê.	2011	8936037743905 (pbk.)
1657	814.6 H195	Sh*t my dad says = Lời vàng của bố	Justin Halpern ; Lê Khánh Toàn dịch.	2013	9786046503415 ; 8936037743905
1658	814.6 S969	Những ngón tay bay	Svitak, Adora ; Người dịch, Hồng Vân, Công Mỹ.	2007	8937155354103 (pbk.)
1659	817 B623	Những bậc thầy ngụy tạo : bóc trần hành vi lừa đảo, thói đạo đ ức giả của những người nổi ti ế ng	Zac Bissonnette ; Nhật Huy dịch.	2017	9786045980781
1660	821.111 H151	Khách sạn	Arthur Hailey ; Bá Kim.	2007	(hard)
1661	822.33 S527	Hamlet Romeo và Juliet	William Shakespeare.	2008	(hard)
1662	823 M133	Ti ế ng chim hót trong bụi mận gai : tiểu thuy ế ^t	Colleen McCullough ; Phạm Mạnh Hùng dịch.	2007	(hard)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1663	823 S544	Người tình xa lạ : tiểu thuy ế t	Sidney Sheldon ; Th ế Đạt, dịch.	2006	8395088500279 (pbk.)
1664	823.3 C366	Tấ^t cả những dòng sông đề^u chảy	Nancy Cato ; người dịch, Trương Võ Anh Giang, Anh Trầ^n.	2003	
1665	823.4 S556	Gái Tây Ế” Ở Hà Nội	Carolyn Shine	2015	9786045334201 ; 8936056791604
1666	823.5 S977	Những cuộc phiêu lưu của Gulliver	Jonathan Swift ; người dịch: Phương Nhung.	2015	9786047829118 ; 6047829112
1667	823.7 A933	Lý trí và tình cảm = Sense and sensibility	Jane Austen ; [người dịch, Diệp Minh Tâm].	2010	9980000111448 (pbk.)
1668	823.8 B869	Đô^i gió hú	Emily Bronti ; Dương Tường dịch và giới	2002	
1669	823.8 B869	Jane Eyre	Charlotte Bronte ; người dịch, Nguyễn Tuyên.	2005	(hard)
1670	823.8 D548	Ôlivơ Tuýt	Saclơ Đickenx ; Phan Ngọc dịch và giới thiệu ; minh họa theo bản tiêng Anh của George Cruikshank.	2007	8936037690056 (pbk.)
1671	823.8 L269	Các hoàng tử xứ Pantouflia	Andrew Lang	2011	8935036638731 (pbk.)
1672	823.8 S874	Bá tước Dracula : tiểu thuy ế t	Bram Stoker ; người dịch, Trần Thế^ Kiệt.	2006	(hard)
1673	823.8 W672	Chân dung Dorian Gray	Oscar Wilde ; Nguyễn Thơ Sinh, dịch.	2008	(pbk.)
1674	823.9 L926	Truyện ngắn Úc = Australian short stories	tuyển chọn và dịch, Trịnh Lữ.	2005	8936024910112 (pbk.)
1675	823.9 M449	Mưa	S. Maugham.	2007	(pbk.)
1676	823.91 C487	Vòng tay ác qủy	James Hadley Chase ; Hoàng Tuấn dịch.	2008	8935077041309 (pbk.)
1677	823.91 C555	Ngôi đ ề n của người ch ế t	Agatha Christie ; người dịch, Nguyễn Hữu Hưng.	2007	
1678	823.912 H523	Chiếc lá cuố^i cùng : truyện ngắn tuyển chọn	Ô. Henry ; người dịch, Ngô Vĩnh Viễn.	2007	8935077009484 (pbk.)
1679	823.912 M449	Mưa	S. Maugham ; Người dịch Nguyễn Việt Long.	2007	(pbk.)
1680	823.912 M659	Gấ^u Pooh xinh xắn	A.A. Milne ; Nguyên Tâm dịch.	2007	8936024911263 (pbk.)
1681	823.912 M681 V.1	Cuố^n theo chiề^u gió : tiểu thuy ế t	Magơrit Mitchell ; Dương Tường dịch ; Trần Hoàng giới thiệu.	2002	(v. 1 : hard) ; (v. 2 : hard)
1682	823.912 T649 V.1	Chúa tể những chi ế c nhẫn Bộ 3 Tập	J.R.R. Tolkien	2015	9786046920168 ; 9786046920151 ; 9786046925095 ; 8935235204799 ; 8935235204805 ; 8935235204812
1683	823.914 A671	Hai Số Phận	Jeffrey Archer ; Nguyễn Việt Hải.	2019	9786049764493
1684	823.914 B799 V.1	Người đàn bà đích thực	Barbara Taylor Bradford ; Bùi Phụng.	2003	
1685	823.914 B964	Công chúa nhỏ	Frances Hodgson Burnett ; Nguyên Tâm dịch ; Graham Rust minh họa.	2017	9786045340196 ; 6045340191
1686	823.914 C455	Yêu ngay lần đầu = At first sight	Elizabeth Chandler ; Phương Thủy dịch.	2007	8934974067788(pbk.)
1687	823.914 C555	Án mạng trên chuy ế n tàu tốc hành phương đông = Murder on the Orient Express	Agatha Christie ; Truyện Trình Thậm.	2013	9786041015708 (pbk.)
1688	823.914 F735	Người tù binh Afghanistan	Frederick Forsyth ; bản ti ế ng Việt, Lê Thanh Lộc.	2008	(pbk.)
1689	823.914 G141	Câu chuyện nghĩa địa	Neil Gaiman ; Dave McKean ; Lê Mình Đức.	2013	8936024912987 (pbk.)
1690	823.914 G141	Câu chuyện nghĩa địa	Neil Gaiman ; Dave McKean minh họa ; Lê Minh Đức dịch.	2019	9786049766053 ; 8935235220539
1691	823.914 G148	Con tằm	Robert Galbraith ; Hồ Thị Như Mai dịch.	2015	9786041065000 ; 8934974133131
1692	823.914 H127	Bí ẩn v ề con chó lúc nửa đêm	Mark Haddon ; Phạm Văn dịch.	2007	8936024911294 (pbk.)
1693	823.914 H816	Hòn đảo bộ xương : cuộc phiêu lưu của alex rider = Skeleton Key	Anthony Horowitz ; Tịnh Thuỷ dịch.	2007	8934974069096 (pbk.)
1694	823.914 H816	Công tắc bão	Anthony Horowitz ; dịch Tinh Thủy.	2006	8934974061915 (pbk.)
1695	823.914 H816	Đỉnh tuyế^t : cuộc phiêu lưu của Alex Rider = Point Blanc	Anthony Horowitz ; Tịnh Thúy dịch.	2007	8934974067481 (pbk.)
1696	823.914 I79	Mãi đừng xa tôi	Kazuo Ishiguro ; Trần Tiễn Cao Đăng dịch.	2008	8936024911614 (pbk.)
1697	823.914 I79	Dạ khúc : năm câu chuyện v ề âm nhạc và đêm buông	Kazuo Ishiguro ; An Lý.	2013	8936024919511 (pbk.)
1698	823.914 J32	Sherlock Holmes mất tích : hai năm ở Tây Tạng	Jamyang Norbu ; Hồng Vân, Công Mỹ, dịch.	2007	8936024911157 (pbk.)
1699	823.914 L733	Con gái sắp 16 : tự làm mình khổ	Sue Limb ; Dương Ngọc Trà dịch.	2009	8932000114123 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1700	823.914 L733	Con gái 15 : tán tỉnh kiểu Anh quốc	Sue Limb ; Nhóm dịch Phương Nam.	2008	8932000114109 (pbk.)
1701	823.914 L733	Con giá 15 : duyên dáng nhưng điên rồ	Limb, Sue ; Phạm Trần Hải Hà dịch.	2008	8932000114093 (pbk.)
1702	823.914 L733	Con gái 16 : bom nổ chậm	Sue Limb ; Phạm Trấn Hải Há dịch.	2009	8932000114130 (pbk.)
1703	823.914 M123	Peter Pan áo choàng đỏ	Geraldine McCaughrean ; Scott M. Fischer minh họa ; Vũ Mai Trang dịch.	2006	8936024910587 (pbk.)
1704	823.914 N713	Charlie bone và nhà vua ẩn mình	Jenny Nimmo ; Hương Lan dịch.	2009	8934974080794 (pbk.)
1705	823.914 N713	Charlie Bone lúc nửa đêm	Jenny Nimmo ; Hương Lan dịch.	2007	8934974047063 (pbk.)
1706	823.914 N713 V.2	Charlie bone	Jenny Nimmo.	2006	(v.2) ; (v.3) ;
1707	823.914 R884	Harry Potter và Hoàng tử lai	J.K. Rowling ; Lý Lan, Hương Lan dịch.	2007	8934974048794 (pbk.)
1708	823.914 R884	Harry Potter & Hội Phượng Hoàng	J.K. Rowling ; Lý Lan dịch.	2007	8934974048640 (pbk.)
1709	823.914 R884	Harry Potter &` hòn đá phù thủy	J.K. Rowling ; Lý Lan dịch.	2007	8934974048466 (pbk.)
1710	823.914 R884	Những chuyện kể của Beedle Người Hát Rong	J.K. Rowling ; Lý Lan dịch.	2008	8934974082927 (pbk.)
1711	823.914 R884	Khoảng trống	JK Rowling ; Vương Mộc dịch.	2013	9786041017863 (pbk.)
1712	823.914 R884	Harry Potter và hoàng tử lai = Harry Potter	J. K. Rowling ; Hoàng Từ Lại.	2013	8934974118022 (pbk.)
1713	823.914 R884	Harry Potter & phòng chứa bí mật	J. K. Rowling ; Lý Lan dịch.	2007	8934974048473
1714	823.914 R884	Harry Potter & tên tù nhân ngục Azkaban	J.K. Rowling ; Lý Lan dịch.	2007	8934974048480 (pbk.)
1715	823.914 R884	Harry Potter & chiếc cốc lửa	J.K. Rowling ; Lý Lan dịch.	2007	8934974048503 (pbk.)
1716	823.914 R954	Mẹ ơi, xin hiểu con	Rosie Rushton ; Như Ngọc, Trần Anh dịch.	2010	
1717	823.914 R954	Mẹ ơi, con đã lớn	Rosie Rushton ; Như Ngọc, Trần Anh dịch.	2010	
1718	823.914 R954	Mẹ ơi, hãy nghe con	Rosie Rushton ; Như Ngọc, Trần Anh dịch.	2010	
1719	823.914 R954	Mẹ ơi, cho con chút riêng tư	Rosie Rushton ; Ngọc Phượng dịch.	2010	
1720	823.914 S129	Y thuật = Physik	Angie Sage ; Hương Lan, dịch.	2009	9990000977666 (pbk.)
1721	823.914 S428	Nữ phù thủy : bí mật của Nicholas Flamel bất tử = The sorceress	Michael Scott ; Thanh Tuyền dịch.	2011	9786041012080 (pbk.) ; 6041012084 (pbk.)
1722	823.92 A285	Sức mạnh tình yêu	Cecelia Ahern ; biên dịch, Thiên Phước ... [et al.].	2008	8935086807996 (pbk.)
1723	823.92 A285	Món quà bí ẩn = The gift	Cecelia Ahern ; Quốc Hùng, Kim Nhường dịch.	2011	9786041012479 (pbk.) ; 6041012475 (pbk.)
1724	823.92 B195	Tin em & yêu em	Mary Balogh ; Vũ Thanh Tuyền.	2013	8936062590147 (pbk.)
1725	823.92 B661	Bộ năm tới đỉnh buôn lậu	Enid Blyton ; Trang Rose.	2011	8936024916961 (pbk.)
1726	823.92 B661	Bộ năm chạy trốn	Enid Mary Blyton ; May.	2011	8936024916473 (pbk.)
1727	823.92 B789	Nếu có bạc triệu = Millions	Frank Cottrell Boyce ; dịch giả: Hoàng Thạch Quân.	2017	9786049600777
1728	823.92 B986	Xác thịt về đâu	Samuel Butler ; Thái Hòa.	2013	9786041019003 (pbk.)
1729	823.92 C133	Lên xuống dòng đời : Nhật ký của người lái taxi có học nhất Singapore =Diary of a taxi driver	Cai Mingjie; Dịch: Nguyễn Hoàng Ánh.	2016	9786047729418
1730	823.92 C319	Alice ở xứ sở diệu kỳ : tác phẩm kinh điển minh hoạ mới : tiểu thuyết	Lewis Carroll ; Thu Trang dịch ; Minh hoạ: Hoàng Đậu Xanh.	2021	9786043078411
1731	823.92 C536	Một phát một mạng	Lee Child ; Nguyễn Tuệ Đan dịch.	2007	8936024911508 (pbk.)
1732	823.92 C555	Án mạng trên sông nile = Death on the Nile	Agatha Christie ; Lần Phương.	2013	9786041015692 (pbk.)
1733	823.92 C945	William những trò nhố	Richmal Crompton ; Đào Ngọc Lam, Thu Hằng.	2011	8936024917302 (pbk.)
1734	823.92 C945	Lại là William	Richmal Crompton ; Nguyễn Thanh Huyền dịch ; Thu Hằng minh họa.	2011	8936024916688 (pbk.)
1735	823.92 G226	Tôi Là Coriander	Sally Gardner ; Người dịch, Lê Minh Đức ; Hiệu đính, Liên Nga.	2008	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1736	823.92 G664	Âm phủ = Tunnels	Roderick Gordon & Brian Williams ; Lý Lan dịch.	2010	
1737	823.92 H315	Hồ sơ Joshua : thành phố vô hình	M.G. Harris ; Nhí Chờ dịch.	2009	
1738	823.92 H392	Chìa khoá vũ trụ của George	Lucy & Stephen Hawking ; minh họa Garry Parsons ; Lê Minh Đức dịch.	2008	8936024911638 (pbk.)
1739	823.92 H415	Ác qủy nam kinh	Mo hayder ; dịch, Quỳnh Lê.	2008	8936024911584 (pbk.)
1740	823.92 J59	Số 31 đường giấc mơ	Lisa Jewell ; Phan Hoàng Hà.	2013	8936046240815 (pbk.)
1741	823.92 K56	Tự thú của một tín đồ shopping	Sophie Kinsella ; Nguyễn Quỳnh Trang dịch.	2008	8936024912109 (pbk.)
1742	823.92 M643	Trở V ề eden	Rosalind Miles ; Nguyễn Thị Kim Hiê ̂n ; Lê Xuân Sơn	2011	8935095608980 (pbk.)
1743	823.92 M938	Một với một : tiểu thuy ế t	Jojo Moyes ; Hồng Quân dịch.	2018	9786041130548
1744	823.92 N615	Muốn sống	Sally Nicholls ; Trần Hữu Kham dịch.	2008	8934974075394 (pbk.)
1745	823.92 P252	Bên kia đồi cỏ còn xanh?	Adele Parks ; Câm Chi dịch.	2010	8936046240259 (pbk.)
1746	823.92 R884	Harry Potter và bảo bối tử thần = Harry Potter and the deathly hallows	J.K. Rowling ; Lý Lan dịch.	2007	8934974069645 (pbk.)
1747	823.92 S528	NHỮNG CÂU CHUYỆN KỲ LẠ : ĐỆ TỬ CỦA MA-CÀ -RỒNG	Darren Shan ; translated by Đăng Phi Băng.	2006	8934974059615 (pbk.)
1748	823.92 S528	Những câu chuyện kỳ lạ (Darren Shan)	J.K. Rowling ; Đặng Phi Bằng.	2006	(pbk.)
1749	823.92 S528	Ông hoàng ma-cà-rồng = the vampire prince	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2007	8934974067283 (pbk.)
1750	823.92 S528	Phiên toà của tử thần = trails of death	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2007	8934974067276 (pbk.)
1751	823.92 S528	Sát nhân trong chi ề u tối = killers of the dawn	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2008	8934974077473 (pbk.)
1752	823.92 S528	Núi ma-cà-rồng = vampire mountain	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2007	8934974067269 (pbk.)
1753	823.92 S528	Đồng loã của bóng đêm	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2008	8934974075790 (pbk.)
1754	823.92 S528	Gánh xi ế c quái dị	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2006	8934974059622 (pbk.)
1755	823.92 S528	Thợ săn trong chi ề u tối	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2008	8934974075806 (pbk.)
1756	823.92 S528	Gánh xi ế c quái dị = Cirque du Freak	Darren Shan ; Đặng Phi Bằng dịch.	2011	9786041006782 (pbk.) ; 6041006785 (pbk.)
1757	823.92 S528	Ti ế ng thét trong bóng tối	Darren Shan ; Nguyễn Thành Nhân.	2011	9786041001138 (pbk.)
1758	823.92 S528	Sự khải huy ề n của quỷ	Darren Shan ; Nguyễn Thành Nhân.	2012	9786041001138 (pbk.)
1759	823.92 S528	Huy ế t thú	Darren Shan ; Nguyễn Thành Nhân.	2012	9786041001138 (pbk.)
1760	823.92 S528	Bóng tối vẫy gọi	Darren Shan ; Nguyễn Thành Nhân.	2013	9786041014176 (pbk.)
1761	823.92 S697	Tim đen = Black heart	Justin Somper ; Đặng Phi Bằng.	2013	9786041022973 (pbk.)
1762	823.92 W891	Malice : đừng hòng thoát!	Chris Wooding ; minh họa, Dan Chernett ; người dịch, Thanh Tuy ề n.	2009	
1763	832.912 B829	Cuộc đơì ´ Galilei	Bertolt Brecht ; Lê Chu Câù dịch.	2011	
1764	833 F982	Reckless ở xứ sở sau gương	Cornelia Funke ; Lionel Wigram ; Đỗ Phương Thùy	2011	8936024917319 (pbk.)
1765	833.912 H587	Siddhartha : [tiểu thuy ế t]	Hermann Hesse ; Lê Văn Cầu dịch.	2019	9786049765971 ; 8935235221628
1766	833.914 J48	Cô gái chơi dương cầ ̂m	Elfriede Jelinek ; translated by Ngọc Cầ ̂m Dương.	2006	(pbk.)
1767	833.914 J48	Tình ơi là tình	Elfriede Jelinek ; dịch Lê Quang.	2008	8936024910631 (pbk.)
1768	833.914 K269	Đo thé ̂ giới	Daniel Kehlmann ; Lê Quang dịch.	2007	8936024910938 (pbk.)
1769	833.914 S344	Người đọc : tiểu thuy ế t	Bernard Schlink ; Lê Quang dịch.	2014	9786045309391 ; 6045309391
1770	833.92 F982 V.1	Timmực	Cornelia Caroline Funke ; dịch Hoa Ki ề u.	2006	8934974059639 (v. 1 : pbk.) ; 8934974059660 (v. 2 : pbk.)
1771	839.313 G972	Nguờ ̂n gó ̂c một xác ché ̂t	[by Robert van Gulik] ; người dịch, Đào	2000	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1772	839.31364 H458	Cô hàng xóm chảnh chọe : những mẩu chuyện vui của cáo và thỏ =Vos en Haas	Sylvia Vanden Heede ; minh họa, Thé Tjong-Khing ; [dịch giả, Ngô Anh Thi].	2017	9786042085847
1773	839.3137 N682	Còn bao đi ề u muốn nói-- " Câu chuyện cảm động cho trẻ thêm mạnh mẽ	Martine van Nieuwenhuyzen ; Dạ Thư dịch.	2014	9786041059757 ; 6041059757
1774	839.73 L174	Gosta Berling	Selma Lagerlof.	2007	(pbk.)
1775	839.7372 L174	Biệt xư	Selma Lagerlöf ; Hò^ Thiệu dịch.	2007	(pbk.)
1776	839.7374 E36	Làng Blackwater : tiểu thuy ế t	Kerstin Ekman ; Mạnh Chương dịch.	2007	8936037690087 (hard)
1777	839.7374 L745	Mio, con trai ta	Astrid Lindgren ; Phạm Văn dịch.	2007	8936024911355 (pbk.)
1778	839.7374 M278	Chậm một bước	Henning Mankell ; Cao Việt Dũng: dịch.	2007	8936024911133 (pbk.)
1779	839.7374 T487	Hòn đảo quá xa : tiểu thuyé^t	Annika Thor ; Châu Diên dịch.	2007	8936037690070 (pbk.)
1780	839.738 L334	Cô gái có hình xăm rồng	Stieg Larsson ; Trần Định.	2014	9786049262210 (pbk.)
1781	839.738 L334	Cô gái chọc tổ ong bầu. 3	Stieg Larsson ; translated by Trần Đĩnh ; edited by Cẩm Linh.	2011	9786045615577 (pbk.)
1782	839.738 L745	Anh em sư tử tâm	Astrid Lindgren ; Ngọc Phong.	2010	8936024915544 (pbk.)
1783	839.74 L745	Pippi tâ′t dài	Astrid Lindgren ; Vũ Hu'o'ng Giang dịch.	2008	8936024911256 (pbk.)
1784	839.813 K465	Người hùng	Harald Kidde ; Hò^ Thiệu dịch.	2007	
1785	839.813 R582	Khóc, buồn, nhưng không bao giờ gục ngã = Græd blot hjerte	Glenn Ringtved ; Minh hoạ: Charlotte Pardi ; Mẹ Ong Bông dịch.	2017	9786045974735
1786	839.8136 A544	Truyện cổ Anđecxen.		2012	9990000360512 (hard)
1787	839.8136 A544	Truyện cổ Andersen	Hans Christian Andersen ; Nguyễn Văn Hải, Vũ Minh Toàn (dịch).	2012	9990000280575 (hard)
1788	839.8136 A544	Truyện cổ Andersen	[Hans Christian Andersen] ; Nguyễn Văn Hải v à Vũ Minh Toàn dịch	2012	8935073015328 (hard)
1789	841.92 C216	Bệnh vẩy n ế n nơi vĩnh hằng	Michel Cand ; Trần Trọng Vũ dịch.	2018	9786049679407
1790	843 G279	Chỉ cần có nhau	Anna Gavalda ; Trần Văn Công dịch.	2008	8936024912451 (pbk.)
1791	843 L668	Những đưa con của tự do	Marc Levy ; Lê Hồng Sâm dịch.	2008	8936024912130 (pbk.)
1792	843 M257	Không gia đình = Sans famille	Hector Malot ; Huỳnh Lý dịch.	2017	9786046982791
1793	843 M257	Không Gia Đình	Hector Malot.	2018	9786049635984
1794	843 M457	Mưa nắng tình yêu : tiểu thuy ế t	Anđrê Môroa ; người dịch, Ngô Quân Miện.	2008	(pbk.)
1795	843.7 B198	Ơgiêni Grăngđê	O. Banzăc ; translated by Huỳnh Lý ; người giới thiệu, Linh Giang.	2007	(pbk.)
1796	843.7 D886	Tuyển tập Alexandre Dumas : ngàn lẻ một chuyện ma	[Alexandre Dumas] ; người dịch, Trà^n Bình, Đặng Phú, Phạm Tùng Vĩnh.	2007	
1797	843.7 D886	Hoa tuylip đen	Alexandre Dumas ; Mai Th ế Sang dịch.	2007	
1798	843.7 D886	Cái ché^t của ba người lính ngự lâm	Alexandre Dumas.	2006	(hard)
1799	843.7 H895	Nhà thờ Đức Bà Pari	Vichto Huygô ; Nhị Ca dịch và giới thiệu.	2001	(hard)
1800	843.7 S825	Đo và Đen	Stendhal ; Tuan Dó dich.	2015	9786046961918 ; 8935095618651
1801	843.8 D886	Trà hoa nữ : tiểu thuyé^t	Alexandre Dumas ; Hải Nguyên dịch.	2007	(hard)
1802	843.8 H895	Những Người Khốn Khổ (Tái Bản) = Les Miserables	Victor Hugo.	2015	
1803	843.8 M257	Không gia đình	Hécto Malô ; Huỳnh Lý dịch.	2005	(hard)
1804	843.9 M415	Simon requère	Locdovic Massé.	2007	(pbk.)
1805	843.9 M457	Hoa từng mùa	A. Maurois ; translated by Nguyễn Sinh, Đào Quang Bính.	2007	(pbk.)
1806	843.91 C375	Tôi thích đi học	Cauvin, Laudec ; Claude Carre chuyển thể ; T ó^ Châu dịch.	2007	8936024911102 (pbk.)
1807	843.912 D952	Mười giờ rưỡi đêm hè	Marguerite Duras ; Phùng Văn Tửu dịch.	2008	(pbk.)
1808	843.912 D952	Má˘t xanh tóc đen	Marguerite Duras ; Phạm Thu Hiè^n dịch.	2008	(pbk.)
1809	843.912 G453	Kẻ vô luân = L'immoraliste	André Gide ; Bùi Giáng dịch.	2007	(pbk.)
1810	843.912 L445	Cạm bẫ^y hiệm độc	Maurice Leblanc ; người dịch, Đoàn Doãn.	2007	
1811	843.912 L618	Bóng ma trong nhà hát = Fantôme de l'Opéra	Gaston Leroux ; Bùi Thu Thủy dịch.	2018	9786049545702
1812	843.912 P968	Dưới bóng những cô gái đương hoa	Marcel Proust ; Dương Tường dịch.	2018	9786049698828
1813	843.912 S251	Ngôn từ = Les mots	Jean Paul Sartre ; dịch: Thuận, Lê Ngọc Mai.	2017	9786049571541
1814	843.912 S589	Chuy ế n tàu định mệnh = Le train	Georges Simenon ; Nguyễn Hữu Hiệu dịch.	2017	9786049600296
1815	843.914 A517	Chuyện kể cho bé trước đêm Nô-en	truyện, Karine-Marie Amiot ; tranh, Laurence Cleyet-Merle ; dịch giả, Ngọc Hải.	2009	
1816	843.914 C183	Những người bạn thông minh	lời, Isabell Camino & Delpyine Lacharron ; hì nh, Isabella Camino ; phối màu: Vensio ; người dịch, Đinh Thị Liêu.	2009	9980000036944 (hard)
1817	843.914 G244	Cuộc sống ở trước mặt	Romain Gary (Emile Ajar) ; Hồ Thanh Vân	2011	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1818	843.914 J19	Ramses, đ ề n thiêng hàng triệu năm	Christian Jacq ; Đồng Lâm dịch.	2006	8935073025341 (pbk.)
1819	843.914 L543	Hector & hành trình thú vị đi tìm hạnh phúc = Le voyage d'hector ou la recherche du bonheur	Francois Lelord ; Phạm Hoa Phương, Đường Ngọc Hắn.	2013	8935086831618 (pbk.)
1820	843.914 L668	Kiếˆp sau	Marc Levy ; Nguyễn Hương Lan dịch.	2008	8936024912390 (pbk.)
1821	843.914 L668	Bạn tôi tình tôi	Marc Levy ; Hiệu Constant dịch.	2008	8936024911003 (pbk.)
1822	843.914 L668	N ế u em không phải một giấc mơ--	Marc Levy ; Nguyễn Thị Bạch Tuy ế t dịch.	2012	
1823	843.914 N912	Nhật ký chim én	Amélie Nothomb ; Vũ Bích Liên dịch.	2009	
1824	843.914 P412	Cún bụi đời	Daniel Pennac ; minh họa, Miles Hyman ; người dịch, Nguyễn Minh Hoàng.	2007	8936024911423 (pbk.)
1825	843.914 R859	Hạnh phúc là khi ta sánh đôi	Anne Roumanoff ; Ngô Linh Chi ; Nguyễn Thị Tươi dịch.	2017	9786045383049
1826	843.914 S944	Bí mật thành Paris. 2	Eugène Sue ; Nguyễn Xuân Dương.	2020	9786043062106
1827	843.914 S944	Bí mật thành Paris 5	Eugène Sue ; Nhóm dịch giả: Nguyễn Xuân Dương, Lâm Phúc Giáp, Hoàng Ti ế n Hành, Lưu Đức Hiên, Cao Hữu Nhu.	2020	9786043062137
1828	843.92 A138	Chúa ơi chàng muốn lấy con	Agnès Abécassis ; Bà˘ng Quang.	2013	8936024919535 (pbk.)
1829	843.92 C564	365 chuyện kể mỗi ngày	lời, Michel Amelin, ... [et al.] ; minh họa, Guillaume Trannoy ; người dịch, Quỳnh Vân.	2010	8936037695389 (pbk.)
1830	843.92 C758	Cà chua ngọt	Barbara Constantine.	2013	9786045613634 (pbk.)
1831	843.92 D253	Gặp lại hoàng tử bé	Jean-Pierre Davidts ; Huy Minh	2011	8936024916282 (pbk.)
1832	843.92 D278	Tobie Lolness : đôi mắt Elisha	Timothée de Fombelle ; minh họa của François Place ; Đõˆ Hà Thảo dịch.	2008	8936024912321 (pbk.)
1833	843.92 D886	Bá tước MôngTơ CrixTô : tiểu thuyếˆt	Alexandre Dumas	2011	8935095608676 (pbk.)
1834	843.92 F559	Mê cung ký ức	Becca Fitzpatrick ; Khánh Vân dịch.	2011	8936037748207 (pbk.)
1835	843.92 F654	Mối tình Paris	David Foenkinos ; Thảo Xuân, Sơn Khê dịch.	2012	8936024919344 (pbk.)
1836	843.92 F672	Ngàn cân treo sợi tóc = Tobie Lolness	Timothée de Fombelle ; minh họa của Francois Place ; Nguyễn Thụy Phương dịch.	2007	8936024911126 (pbk.)
1837	843.92 G279	Giá đâu đó có người đợi tôi	Anna Gavalda ; Bằng Quang dịch.	2008	8936024911812 (pbk.)
1838	843.92 H676	Chú sóc Croquenoix	lời, Jeanne Hiver ; tranh, Pierre Couronne ; người dịch, Đoàn Hà.	2008	998000003693 (8-vol. set : pbk.)
1839	843.92 J75	Nỗi lo sợ mang tên ngày khai giảng của Fred	Fanny Joly, Claire Frane ; Bùi Thị Thu Hà.	2013	8935036668356 (pbk.)
1840	843.92 J75	Bạn thân của Fred nghiện trò chơi điện tử!	Fanny Joly, Claire Frane ; Bùi Thị Thu Hà.	2013	8935036668394 (pbk.)
1841	843.92 J75	Fred đang yêu	Fanny Joly, Claire Frane ; Bùi Thị Thu Hà.	2013	8935036668363 (pbk.)
1842	843.92 J75	Fred nổi cáu với tất cả mọi người	Fanny Joly, Claire Frane ; Bùi Thị Thu Hà.	2013	8935036668400 (pbk.)
1843	843.92 J75	Fred và cô em họ khác lạ	Fanny Joly, Claire Frane ; Bùi Thị Thu Hà.	2013	8935036668417 (pbk.)
1844	843.92 L668	Gặp lại	Marc Levy ; Lê Ngọc Mai dịch.	2007	8936024910808 (pbk.)
1845	843.92 L668	Em ở đâu?	Marc Levy ; Trần Ngọc Thư dịch.	2008	8936024912406 (pbk.)
1846	843.92 L668	Bạn tôi tình tôi	Marc Levy ; Hiệu Constant.	2010	8936024911003 (pbk.)
1847	843.92 L777 V.2 ; 843.92 L777 V.1	Những kẻ thiện tâm	Jonathan Littell ; Cao Việt Dũng dịch.	2008	8936024911393 (v. 1 : pbk.) ; 8936024911409 (v. 2 : pbk.)
1848	843.92 M455	Bóng đen : bóng đen của vàˆng ánh dương : tiểu thuyếˆt trinh th	Christelle Maurin ; translated by Hiệu	2007	(pbk.)
1849	843.92 M989	Rồi Sau Đó--	Musso, Guillaume ; Bằng Quang dịch,	2008	8936024911546 (pbk.)
1850	843.92 M989	Bảy năm sau	Guillaume Musso ; Hoàng NH.	2013	8936024919566 (pbk.)
1851	843.92 M989	N ế u đời anh vắng em	Guillaume Musso ; Hương Lan dịch.	2011	8936024915933 (pbk.)
1852	843.92 N576	Ngày nghỉ bên bạn bè	Nhi ề u tác giả.	2011	8935036634580 (pbk.)
1853	843.92 R888	Ngôi nhà bi ế t bay	Claude Roy ; Đỗ Thị Minh Nguyệt.	2011	8936037744254 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1854	843.92 S355	Nửa kia của Hitler	Eric-Emmanuel Schmitt ; Nguyễn Đình Thành dịch.	2008	8936024911362 (pbk.)
1855	843.92 W484	Ngày của ki ế n	Bernard Werber ; Phúng Hồng Minh.	2011	8936024916640 (pbk.)
1856	848.9203 F778	Ba ơi, mình đi đâu?	Jean-Louis Fournier ; Phùng Hồng Minh, dịch.	2014	8935235200920
1857	853 V777	Những tuyệt phẩm dành cho thi ế u nhi	Leonardo da Vinci.	2020	9786042190640
1858	853.8 D279	Những tấ^m lòng cao cả	Edmondo De Amicis ; người dịch, Hoàng Thi é^u Sơn.	2004	8935077006711 (pbk.)
1859	853.914 B252	Lụa	Alessandro Baricco ; Tô^ Châu dịch.	2007	8936024911171 (pbk.)
1860	853.92 C762	Giáng sinh diệu kì	tác giả: Marcello Conti ; người dịch: Vân Anh.	2017	9786047870127 ; 6047870120
1861	853.92 F235	Th ế giới đầy phép màu của giáng sinh	tác giả: Giorgia Farnesi ; người dịch: Diệu Hương.	2017	9786047870134 ; 6047870139
1862	859.636 H827	Ame & Yuki : những đứa con của sói	Hosoda Mamoru ; dịch giả, Thu Hương.	2015	9786046950721 ; 6046950724
1863	859.922334 C172	Ngày ấy vì ai mà đổi thay	Cẩm Thương.	2015	8936062807146 ; 9786046951223
1864	859.922334 D584	Đừng hôn ở Hội An : truyện ngắn và tạp bút	Đinh Lê Vũ.	2015	9786045329566 ; 8932000120568
1865	859.922334 L271	Lắng nghe lời thì thầm của trái tim		2015	9786046815501
1866	859.92234 K47	Quán chuột : tập truyện ngắn	Ki ề u Bích Hậu.	2015	9786049266898 ; 6049266891
1867	863 J27	Bản thảo bằng đá	Luis García Jambrina ; Phạm Triệu Lập ; Phạm Thuy Hương.	2010	8936024915629 (pbk.)
1868	863 L763	Thành phố và bà lũ chó	Mario Vargas Liosa ; Lê Xuân Quỳnh	2012	8936024919214 (pbk.)
1869	863 Q8	Chú ngựa hoang dã	Horacio Quiroga	2011	9786045609095 (pbk.)
1870	863.64 A432	Xứ sở của người ti ề n sử	Isabel Allende ; người dịch, Lê Xuân Quỳnh.	2009	
1871	863.64 G216	Hồi ức v ề những cô gái đi ế m buồn của tôi	Gabriel García Márquez ; người dịch, Lê Xuân Quỳnh.	2005	89350868044469 (pbk.)
1872	863.64 L747	Những bí mật của Manolito	Elvira Lindo ; Emilio Urberuaga minh hoa ; Việt Quỳnh dịch.	2011	8936024916435
1873	863.64 L747	Siêu nhân Manolito	Elvira Lindo ; Emilio Urberuaga minh hoa ; Việt Quỳnh dịch.	2011	8936024916350
1874	863.64 S479	Chuyện con mèo dạy hải âu bay	Luis Sepúlveda ; Phương Huyên dịch ; Bút Ch ì minh họa.	2013	
1875	869.3 C672	Quỷ dữ v ề nàng prym	Paulo Coelho.	2007	(pbk.)
1876	869.3 C672	Quỷ dữ & nàng Prym	Paulo Coelho ; người dịch, Ngọc Phương Trang.	2007	8936041680203 (pbk.)
1877	869.342 C672	Phù Thủy Phố Portobello	Paulo Coelho , Lê Khánh Toàn dịch.	2007	(pbk.)
1878	869.342 C672	Nhà giả kim	Paulo Coelho ; Lê Chu Cầu dịch ; Thanh Vũ minh họa.	2016	9786046948506 ; 6046948509
1879	873.57 B869	Đỉnh Gió Hú	Emily Jane Brontë.	2018	9786049693090
1880	874.59 P211 V.1	Ergon	Christopher Paolini.	2007	(v.1) ; (v.2)
1881	874.59 P212 V.1	Eldest : Đại Ca	Christopher Paolini.	2007	8934974055143 (pbk. : v.1) ; 8934974055150 (pbk. : v.2)
1882	875.57 F982 V.1	Kỵ sĩ rừng	Cornelia Funke.	2006	(v.1) ; (v.2)
1883	876.57 F587	Bà Bôvary	Gustave Flaubert ; Bạch Năng Thi dịch.	2008	(hard)
1884	891.7 T874	Truyện Cổ tích v ề tên tướng cướp	Truyện Cổ Séc ; Lan Phương dịch	2006	(pbk.)
1885	891.73 A315	Nữ hoàng mùa đông : tiểu thuy ế t	Boris Akunin ; người dịch Đào Đăng Trạch Thiên.	2006	8935073024436 (pbk.)
1886	891.73 A384	Đứa con muộn	Anatoly Alexin ; Trần Thị Phương Phương	2017	9786049548000
1887	891.73 M663	Vô hồn : chuyện v ề một người không chân chính = Duhless	Sergey Minaev ; Nhật An, Trương Hồng Hạnh dịch.	2007	8934974067115 (pbk.)
1888	891.73 N576	Ngữ pháp tình yêu : tuyển truyện ngắn Nga chọn lọc th ế kỷ XX - XXI	Nhi ề u tác giả ; Đào Tuấn Ảnh tuyển chọn, giới thiệu ; Dịch: Anh Trúc.	2018	9786041111196
1889	891.73 P291	Bác sĩ Zhivago	Boris Pasternak ; người dịch Lê Khánh	2006	
1890	891.73 T874	Truyện ngắ˜n đương đại nga	Nhi ề u Tác Giả	2004	(pbk.)
1891	891.733 B942	Những lối đi dưới hàng cây tăm tối : tập truyện ngắn	Ivan Bunin ; Hà Ngọc dịch.	2006	8936024910303 (pbk.)
1892	891.733 T654	Anna Karenina	Leo Tolstoy ; Nhị Ca, Dương Tường dịch.	2008	(hard)
1893	891.733 T654	Chúa bi ế t sự thật nhưng chẳng nói ngay	Lev Tolstoy ; Trần Thị Phương Phương dịch.	2017	9786049549823
1894	891.7344 N897	Cuộc phiêu lưu của Mít Đặc & các bạn	Nicolai Nosov ; Vũ Ngọc Bình dịch.	2011	
1895	891.735 G261	Bóng ma trong điện Kremli	Gennadiy Gatsura ; Phương An dịch.	2008	8936024911492 (pbk.)
1896	891.78309 G669	Ki ế m sống	Maksim Gorky ; Thanh Nam , Trần Khuy ế n , Cẩm Tiêu dịch.	2017	9786042091107

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1897	891.853 L521	Và tình yêu còn lại	Lucyna Legut ; Nguyễn Thị Thanh Thư dịch.	2008	8934974073185 (pbk.)
1898	891.853 W815	Tình nhân	Janusz Leon Wiśniewski ; Nguyễn Thị Thanh Thư, dịch.	2008	8934974072256 (pbk.)
1899	891.8536 S572 V.1	Quo Vadis	Henryk Sienkievich ; Nguyễn Hữu Dũng dịch và giới thiệu.	2003	
1900	891.8537 G873	Xin cạch đàn ông!	Katarzyna Grochola ; Lê Bá Thự dịch.	2008	8936024912413 (pbk.)
1901	891.8537 L544	Solaris hành tinh bí ẩn	Stanislav Lem ; Nguyễn Thế Long dịch.	2007	8936024911287 (pbk.)
1902	891.8537 T315	Hoang thai	Dorota Terakowska ; Lê Bá Thự dịch và giới thiệu.	2006	8935069901611 (pbk.)
1903	892.78 G447	Giọt lệ và nụ cười	Khalil Gibran ; bản dịch của Nguyễn Y ến	2007	(pbk.)
1904	892.92234 B111 V.1	Vi ết từ hồi ấy : tạp văn	Ba Thợ Tiện.	2017	9786045391587 ; 9786045391594
1905	892.92234 K45	Ta có bi quan không? : (tản văn)	Khải Đơn.	2017	9786046468868
1906	892.92234 N576	Gáy người thì lạnh : tạp văn	Nguyễn Ngọc Tư.	2017	9786041098947
1907	892.92234 T367	Những ngày buồn chóng qua	Thắng, Nguyên Bảo, Nguyên Nguyên, Ánh	2017	9786045986172
1908	892.92234 T772	Bóng làng : những truyện v ề người Việt mới ở Đông Âu	Trần Quốc Quân.	2017	9786041096882
1909	894.35 A995	May tôi là người có giáo dục : tuyển tập truyện cười đặc sắc	Azit Nêxin ; Thái Hà tuyển chọn và dịch.	2006	8935073014796 (hard)
1910	894.353 A995	Cách tìm thủ phạm : tập truyện ngắn	Azít Nêxin ; người dịch, Nguyễn Chí Được.	2004	(pbk.)
1911	894.353 A995	Chuyện tình đa ̃m lệ : tập truyện hài hước	Azit Nêxin ; Thái Hà dịch.	2002	(pbk.)
1912	894.353 A995	Tình yêu cuồng nhiệt	Azít Nêxin ; người dịch, Thái Hà và Đức Mã	2001	(pbk.)
1913	894.3533 N567	Những người thích khóc : tập truyện hài hước	Azit Nêxin ; Thái Hà dịch.	2003	(pbk.)
1914	894.3533 P186	Tuy ết	Orhan Pamuk ; Lê Quang dịch.	2008	8936024911652 (pbk.)
1915	894.5113 L433	Rembrandt bán xác	Lê Xuân Giang dịch.	2002	
1916	894.511334 M299	Di sản của Eszter	Márai Sándor ; Trương Đức Hường dịch.	2008	8936024912437 (pbk.)
1917	895 P535	Thi tăng đông á : Trung Quốc - Korea - Việt Nam - Nhật Bản	Phan Thị Thu Hiền [and 3 others].	2017	9786046836841
1918	895 P535	Chuyện tình ma nữ trong truyền kỳ Đông Á : Trung Quốc - Korea - Việt Nam - Nhật Bản	Phan Thị Thu Hiền [and 4 others].	2017	9786046836865
1919	895 P535	Những mái lều ẩn cư trong văn chương Đông Á : Trung Hoa - Nhật Bản - Korea - Việt Nam	Phan Thị Thu Hiền [and 4 others].	2013	9786046809432
1920	895.1 C559	Darling chúng ta ly hôn nhé. 1 = 別告訴他,我還愛他	Chu Y Điểm Thủ ; Thành Loạn.	2013	8935077029246 (pbk.)
1921	895.1 H239	300 bài thơ đường	Hành Đường Thoái Sĩ tuyển chọn.	2008	(hard)
1922	895.1 L964	Tam quốc chí : tinh thần đồng đội, chiến lược và sự khôn ngoan	biên soạn, La Quán Trung ; minh họa, Hoàng Thanh Dung ; biên dịch, Trần Trung Nghĩa.	2008	(pbk.)
1923	895.1 M227	Bạn có giữ được chồng?	QuáchMai.	2006	(pbk.)
1924	895.1 M277	Bản sự thi bản sự từ = 本事詩 本事詞	Mạnh Khải, Diệp Thân Hương ; Lê Văn Đinh, Ngô Như Sâm	2013	8936065580183 (pbk.)
1925	895.1 Q9	Nhật ký người phụ nữ ly hôn	Quyên Tử ; người dịch: Nguyễn Việt Hoàng.	2008	8935201510107 (pbk.)
1926	895.1 S948	Em là tất cả những gì anh khao khát	Tùy Hầu Châu; Tô Ngọc Hà dịch.	2014	9786046935070 ; 8936062803919
1927	895.1 T115	Lấy chồng nhà giàu	Triệt Dạ Lưu Hương; người dịch: Hy Hy.	2015	9786045933732 ; 8936046241577
1928	895.1 X7	Cây hợp hoan : ghi chép của một người tù không án	Xianliang Zhang ; Đình Hiến Trần ; Công ty văn hóa Phương Nam.	2004	(pbk.)
1929	895.1 X8	Rèn kiếm : truyện ngắn Trung Quốc chọn lọc	Xuân Tuấn dịch ; Sơn Lê hiệu đính.	2006	8935068007772 (pbk.)
1930	895.1 Z68	Mưu sát : tội phạm trí tuệ cao	Tử Kim Trần ; dịch giả Hương Ly.	2015	9786046956068
1931	895.1080951249 Y37	Lược sử văn học Đài Loan = 台灣文學史綱	Diệp Thạch Đào ; Phạm Tú Châu - Trần Hải Y ến ; Bùi Thiên Thai - Lê Xuân Khai dich ; Nguyễn Thị Diệu Linh hiệu dinh.	2018	9786045444863 ; 6045444868
1932	895.109 V986	Kim Dung giữa đời tôi : toàn tập	Vũ Đức Sao Biển.	2010	
1933	895.109951249 L721	Đầu lưỡi và ngòi bút : lịch sử văn học tiếng mẹ đẻ Đài loan	Liêu Thùy Minh ; Tường Vi Vẫn (Chủ biên) ; Lu Việt Hưng - Phạm Ngọc Thủy Vi - Thái Thị Thanh Thủy (Dịch).	2020	9786049959424
1934	895.113 N576	Thi pháp thơ đường	Nguyễn Thị Bích Hải.	2006	8936081106674 (pbk.)
1935	895.13 C652 V.1	Tà công phật chưởng	Cổ Long.	2008	(set : pbk.)
1936	895.13 N576 V.1	Quỷ Hành Thiện Hạ. Tập 6	Nhĩ Nhã.	2015	9786046946663 ; 9786046946670 ; 8936086230180
1937	895.13 Q8	Song ngoại	Quỳnh Dao ; Liêu Quốc Nhĩ dịch.	2006	(pbk.)
1938	895.13 T171 V.1 ; 895.13 T171 V.2	Tào Tháo	Tào Trọng Hoài ; Vũ Ngọc Quỳnh dịch.	2000	(v. 1 : pbk.) ; (v. 2 : pbk.)
1939	895.13 T819 V.4	Mười Tội Ác. Tập 4, Bà lão mặt mèo	Tri Thù	2015	9786048819026

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1940	895.13 Y51	Bà ngoại tôi bị ế n thành búp bê nhỏ = Grandma becomes a big	Yin Jian Ling, Huang Jie ; Phan Lan dịch.	2017	9786042084208
1941	895.1301 H234	Nàng tiên cá	Hà Giang.	2012	9786049292743 (pbk.)
1942	895.1301 H234	Bộ quần áo mới của hoàng đ ế	Hà Giang.	2012	8935077028164 (pbk.)
1943	895.1301 M664	Thứ hai thông minh : những câu chuyện đọc ngày chủ nhật	Minh Hoàng.	2011	8935036638519 (pbk.)
1944	895.1301 M664	Thứ ba sáng tạo : những câu chuyện đọc ngày thứ ba	Minh Hoàng	2011	8935036638526 (pbk.)
1945	895.1301 N576	Thứ năm chia sẻ : những câu chuyện đọc ngày thứ năm	Nhiên Hà.	2011	8935036638540 (pbk.)
1946	895.1301 V986	Thứ sáu hóm hỉnh : những câu chuyện đọc ngày thứ sáu	Vũ Hà.	2011	8935036638557 (pbk.)
1947	895.1301 V986	Thứ bảy vui nhộn : những câu chuyện đọc ngày thứ bảy	Vũ Hà	2011	8935036638564 (pbk.)
1948	895.1346 K49	Tam Quốc sử ký II: Bộ Sử thành văn sớm nhất trên báo đảo Tri ề u Tiên	Kim Phú Thức (Dịch H án-Hàn Lee Kang Lae).	2019	9786045677551
1949	895.1346 L111	Tam Quốc Diễn Nghĩa	La Quán Trung (Dịch giả: Phan K ế Bính. Hiệu đính: Bùi Kỷ).	2020	9786049766633
1950	895.1346 L111 V.1 ; 895.1346 L111 V.2	Tam quốc diễn nghĩa (Tập1+2)	La Quán Trung.	2020	9786043074345 ; 9786043074352
1951	895.1346 L111 V.1 ; 895.1346 L111 V.2	Tam Quốc Diễn Nghĩa	La Quán Trung.	2020	9786049889141 ; 9786049889158
1952	895.1346 L111 V.1 ; 895.1346 L111 V.2	Tam quốc diễn nghĩa	La Quán Trung - Dịch giả: Phan K ế Bính - Hiệu đính: Bùi Kỷ.	2020	9786049863837 ; 9786049863073
1953	895.1346 W959	Tây du ký	Ngô Thừa Ân ; Hướng Hướng dịch.	2016	9786047845088 ; 6047845088
1954	895.1348 P976	Liêu trai chí dị : truy ế n thuy ế t trung Hoa	nguyên tác, Bồ Tùng Linh.	2005	8935072804121 (pbk.)
1955	895.135 Q8	Hãy hiểu tình em	Quỳnh Dao ; người dịch, Liêu Quó^c Nhĩ.	2003	(pbk.)
1956	895.135 Q8	Mùa xuân cho em	Quỳnh Dao ; người dịch, Liêu Quó^c Nhĩ.	2003	(pbk.)
1957	895.1352 A531	Duyên trời định : tiểu thuy ế t	An Tư Nguyên ; Hương Ly.	2013	8936047862238 (pbk.)
1958	895.1352 A887	Yêu hay không yêu cũng mặc	Âu Dương Tịnh Như ; Trần Thị Phương Thu dịch.	2008	8936041680173 (pbk.)
1959	895.1352 A887	Đ ế n phủ khai phong làm nhân viên công vụ. 1	Âu Dương Mặc Tâm ; Trần Thủy Hiện.	2013	8936041683150 (pbk.)
1960	895.1352 A887 V.8:1	Bộ Đ ế n phủ khai phong làm nhân viên công vụ- Tập 8a+8b	Âu Dương Mặc Tâm; Trần Thúy Hi ề n - dịch.	2016	9786049929083 ; 9786049929090
1961	895.1352 B328	Đừng nhân danh tình yêu	Bất Kinh Ngữ ; Đó Uyên Chỉ.	2013	8936071850270 (pbk.)
1962	895.1352 B328	Đi ề u tuyệt vời nhất của thanh xuân : tiểu thuy ế t	Bát Nguyệt Trường An ; Nhóm KQH dịch.	2017	9786045523056 ; 9786045523063
1963	895.1352 C235	Thiên thần sa ngã	T`ào Đình ; Tạ Thu Thủy dịch.	2008	8936041680067 (pbk.)
1964	895.1352 C235	Phấn hoa lầu xanh	Tào Đình ; Nguyễn Thị Thúy Ngọc dịch.	2013	
1965	895.1352 C532	Chờ một ngày nắng	Chi Linh Điệp ; Thu Trần.	2011	9786046900863 (pbk.)
1966	895.1352 C533	Em là đôi cánh của anh	Chi ế t Chỉ Mã Nghị ; Thanh Hà.	2013	8936110682404 (pbk.)
1967	895.1352 C652	Bữa trưa tình yêu	Cố Mạn	2013	9786046901105 (pbk.)
1968	895.1352 C652	Bữa trưa tình yêu = 杉杉來吃	Cố Mạn ; Mai Quy ề n.	2013	8936056790652 (pbk.)
1969	895.1352 C991	Bảy ki ế p xui xẻo = 一時衝動,七世不詳	Cửu Lộ Phi Hương ; Hoàng Phương Anh.	2013	8936076830041 (pbk.)
1970	895.1352 C991	Cô gái năm ấy chúng ta cùng theo đuổi	Cửu Bả Đao ; Lúc Hướng.	2013	8936024919382 (pbk.)
1971	895.1352 D111	Tình muộn	Dạ Vi Lan.	2011	8934545522449 (pbk.)
1972	895.1352 D132	Duyên nợ đào hoa	Đại Phong Quát Quá ; Idaten.	2013	8936041683464 (pbk.)
1973	895.1352 D546	Bốn năm phấn hồng	Dịch Phấn Hàn ; Bích Lân dịch.	2008	(pbk.)
1974	895.1352 D562	Hương mật tựa khói sương	Điện Tuy ế n.	2013	8936062801748 (pbk.)
1975	895.1352 D562	Động phòng hoa chúc cách vách : tiểu thuy ế t	Diệp Lạc Vô Tâm ; Nguyễn Thị Thại.	2013	8935212316798 (pbk.)
1976	895.1352 D562	Gió mang ký ức thổi thành những cánh hoa	Diệp Lạc Vô Tâm ; Thúy Ngọc.	2013	8935212316811 (pbk.)
1977	895.1352 D562	Dùng cả đời để quên	Diệp Tử	2013	8936062801526 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
1978	895.1352 D562	Điểm khởi đầu hạnh phúc	Diệp Chi Linh ; Đường Kiểm.	2013	8936041683396 (pbk.)
1979	895.1352 D562	Gặp anh là đi ề u bất ngờ tuyệt vời nhất = 遇見你是我最美麗的意外	Diệp Tử ; Mai Dung.	2013	8936062800932 (pbk.)
1980	895.1352 D562	Chờ một ngày nắng = 等一個晴天	Điệp Chi Linh ; Thủ Trần.	2013	8936056790638 (pbk.)
1981	895.1352 D631	Mối tình carô trắng đen : tuyển tập truyện siêu ngắn trung quốc	Đỗ Quyên.	2010	8936046616863 (pbk.)
1982	895.1352 D682	Bộ bộ kinh tâm	Đồng Hoa.	2012	8936024918231 (pbk.)
1983	895.1352 D682	Hạnh phúc nhỏ của anh : tiểu thuy ế t	Đông Bôn Tây Cổ ; Tạ Thu Ngân dịch.	2018	9786046495635 ; 9786046495642
1984	895.1352 D682 V.1	Từng th ề ước	Đồng Hoa.	2013	8936024919450 (pbk.) ; 8936024919467 (pbk.)
1985	895.1352 D822	Chuyện tình vượt thời gian = 淘氣小魚的時空戀人	Dục Hồng Y ; Nguyễn Thì Hà.	2013	8935212314114 (pbk.)
1986	895.1352 D928	Chẩm thượng thư : sách gối đầu giường	Đường Thất Công Tử ; Thành Phước Nguyễn.	2013	9786046903277 (pbk.)
1987	895.1352 D928	Có một tnh yêu không thể nào quên	Đường Tiểu Lam	2011	8936055590024 (pbk.)
1988	895.1352 D993 V.1	Lan lăng vương. Tập 1, Giờ đây mới bi ế t mình sai, lòng buồn v ô hạn	Dương Thiên Tử ; Thanh Huy ề n.	2013	8936110682411 (pbk.)
1989	895.1352 G951 V.1	Đau thương đé^n ché^t	Quỷ Cổ Nữ ; người dịch, Trà^n Hữu Nùng.	2007	8935077017908 (v. 1 : pbk.) ; 8935077017885 (v. 2 : pbk.)
1990	895.1352 G977	Hà chỉ chưa tới	Quách Kính Minh ; Hoàng Phương Anh dịch.	2018	9786045648155 ; 6045648153
1991	895.1352 H233	Bố, bố, bố	Hàn Thi ế u Công ;Trần Quỳnh Hương dịch ; Vương Trí Nhàn vi ế t lời bạt.	2007	8936024911164 (pbk.)
1992	895.1352 H234	Em đồng ý gọi anh là chồng = 落筆成婚	Hân Hân Hướng Vinh ; Thành Loạn.	2013	8936110682435 (pbk.)
1993	895.1352 H678	Oẳn tù tì trò chơi tình ái	Hoàng Nguyện ; Đan Huy ề n.	2011	8936024917029 (pbk.)
1994	895.1352 H678	Luyện yêu	Hoàng Mặc Kỳ.	2011	9786045801192 (pbk.)
1995	895.1352 H678	M2 tình yêu : tiểu thuy ế t	Hồ Băng Ngọc ; Thảo Giang.	2011	8936037696508 (pbk.)
1996	895.1352 H678	Đẳng cấp quý cô = 勝女的代價	Hoa Thanh Thần ; Nguyễn Thu Phương.	2013	8936076830041 (pbk.)
1997	895.1352 H678	Copy mối tình đầu = 複製初戀	Hoa Thanh Thần ; Phần Lưu Lý.	2012	8936055596064 (pbk.)
1998	895.1352 H772	Hãy chờ em đánh răng xong nhé = 您好毒	Hồng Cửu ; translated by Lulutaby.	2014	8936055590086 (pbk.)
1999	895.1352 H832	Chỉ yêu cây kẹo bông nhỏ	Hốt Nhiên Chi Gian	2011	8936041683433 (pbk.)
2000	895.1352 H987	Vai của cha, đôi cánh của con : tuỳ bút =我的肩膀, 他們的翅膀	Huỳnh Lỗi.	2016	9786048834340
2001	895.1352 J61	Bích huy ế t ki ế m	Kim Dung ; người dịch, Đông Hải.	2004	
2002	895.1352 J61	Ti ế u ngạo giang hồ	Kim Dung ; Vũ Đức Sao Biển, Trần Hải Linh, Lê Thị Anh Đào dịch.	2012	
2003	895.1352 J61	Thiên long bát bộ	Kim Dung ; Đông Hải dịch.	2007	
2004	895.1352 J617 V.1 ; 895.1352 J617 V.2	Phi hồ ngoại truyện	Kim Dung ; người dịch, Hoàng Ngọc.	2006	8932000110927 (v. 1 : hard) ; 8932000110927 (v. 2 : hard)
2005	895.1352 K53	Ch ế t sập bẫy rồi	King Kong Barbie	2011	8936056790058 (pbk.)
2006	895.1352 K97	Nhạc Phi diễn nghĩa	Khuy ế t Danh.	2011	8936046617310 (pbk.)
2007	895.1352 L213	Ki ế m chồng đại gia	Tác giả：Lam Tiểu Tịch ; Dịch giả：Trần Thị Thu.	2012	8936037698540 (pbk.)
2008	895.1352 L213 V.1 ; 895.1352 L213 V.2	Hoa hồng giấy	Lâm Địch Nhi	2013	9786045613580 (pbk.)
2009	895.1352 L269	Đối Thủ Tình Trường	Lăng My ; Nguyễn Hi ề n.	2013	8936041683365 (pbk.)
2010	895.1352 L721 V.2	Kim ốc hận. Tập 2	Liễu Ký Giang ; Long Chi ế n	2013	9786046904458 (pbk.)
2011	895.1352 L795	Đường tống truy ề n kỳ : tản văn	Lỗ Tấn ; Châu Hải Đường dịch.	2017	9786045395042

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2012	895.1352 L834	Đ ề thi đẫm máu	Lôi Mễ ; Hương Ly.	2010	8936047861552 (pbk.)
2013	895.1352 L931	Đừng nói với anh ấy tôi vẫn còn yêu	Lục Xu. ; Vương Thành Tâm.	2013	8936062802141 (pbk.)
2014	895.1352 L931	Đừng nói với anh ấy tôi vẫn còn hận : tiểu thuy ế t	Lục Xu ; Tô Ngọc Hà dịch.	2018	9786049702389 ; 9786049702396
2015	895.1352 L931 V.1 ; 895.1352 L931 V.2	Đừng nói với anh ấy tôi vẫn còn yêu : tiểu thuy ế t	Lục Xu.	2017	9786046980162 ; 9786048859275
2016	895.1352 L975	Ký ức v ề cha : hồi ký	Lưu Tử Khi ế t ; Bùi Thị Châm dịch.	2017	9786045971772
2017	895.1352 L975	Vội Vã Trưởng Thành, Vội Vã Cô Đơn (Bộ 2 Tập)	Lưu Đồng.	2018	9786049696336
2018	895.1352 M113	Châu chấu đỏ	Mạc Ngôn ; Trần Trung Hỷ dịch.	2008	8932000114208 (pbk.)
2019	895.1352 M149 V.1 ; 895.1352 M149 V.2	Quả Ngọt Năm Tháng	Mạch Ngôn Xuyên.	2019	9786043170290 ; 9786043170306
2020	895.1352 M478	Bạch miên hoa	Mạc Ngôn ; Trần Trung Hỷ dịch.	2008	8932000114161 (pbk.)
2021	895.1352 M479	Mẹ điên : những truyện Clickviews cao nhá^t mạng Internet Hoa ngữ	Trang Hạ chọn dịch.	2008	8935077001778 (pbk.)
2022	895.1352 M479	Hôn lên dôi môi Peter Pan	Mễ Đồng. ; Thanh Đào Trần.	2010	8936041682276 (pbk.)
2023	895.1352 M551	Nhật ký thăng chức của thổ thần : tiểu thuy ế t	Mèo Lười Ngủ Ngày ; Lam Nguyệt; Shui Lan Jiao de Miao.	2013	8935212317283 (pbk.)
2024	895.1352 M618	N ế u tình yêu trở thành ni ề m đau	Mị Bảo	2014	9786048605315 ; 6048605315
2025	895.1352 M664	Dư vị trà chi ề u : tiểu thuy ế t	Minh Hiểu Khê ; Mai Quyên (Dennis Q) dịch.	2010	
2026	895.1352 M664	Bong bóng mùa hè. Áo cưới	Minh Hiểu Khê ; Phương Thảo dịch.	2009	
2027	895.1352 M664	Bong bóng mùa hè. Nàng tiên cá bong bóng	Minh Hiểu Khê ; Phương Thảo dịch.	2009	
2028	895.1352 M664	Sẽ có thiên thần thay anh yêu em : tiểu thuy ế t	Minh Hiểu Khê ; Thúy Ngọc Nguyễn.	2008	8936041682108 (pbk.)
2029	895.1352 M664	Mùa hạ thoáng qua : tiểu thuy ế t	Minh Ti ề n Vũ Hậu ; Tạ Thu Ngân dịch.	2018	9786049703676 ; 9786049703683
2030	895.1352 M664 V.1	Liệt hỏa như ca : tiểu thuy ế t. [Tập 1]	Minh Hiểu Khê ; người dịch, Nhật Quang (Magic Q).	2013	
2031	895.1352 M664 V.2	Liệt hỏa như ca : tiểu thuy ế t. [Tập 2]	Minh Hiểu Khê ; Nhật Quang (Magic Q) dịch.	2010	
2032	895.1352 N576	Người chồng, người vợ, người tình : tuyển tập truyện ngắn Trung Quốc hiện đại	nhi ề u tác giả.	2007	8936041680227 (pbk.)
2033	895.1352 N576	Người em gái nhỏ xinh : tập truyện ngắn	nhi ề u tác giả ; Tố Lan tuyển chọn và dịch.	2009	
2034	895.1352 N576	Không thể thi ế u em	Nhân Hải Trung.	2011	9786046901396 (pbk.)
2035	895.1352 N576	Tuổi thanh xuân chôn giấu dưới bụi trần	Nguyễn Sênh Lục ; Dương Kim Nguyệt.	2013	9786045804551 (pbk.)
2036	895.1352 N576	Chân dung ác ma	Nhĩ Nhã ; Trương Minh Vân, Lão Tử	2013	9786045302989 (pbk.)
2037	895.1352 N576	Ngoại tình	Người Anh Em ; Nhiên Nhiên.	2011	9786045801208 (pbk.)
2038	895.1352 N576	Bao giờ trăng lại tròn	Nguyệt Như Tích ; Quỳnh Anh.	2012	9786046901204 (pbk.)
2039	895.1352 N577	Âm mưu nơi công sở = 拼拼拼愛	Ni Mạc Tiểu Ngư ; Phùng Ngọc Hướng.	2013	8935212319201 (pbk.)
2040	895.1352 P573	Côn Luân	Phượng Ca ; người dịch, Đào Bạch Liên.	2011	
2041	895.1352 Q1	Mùa thu lá bay	Quỳnh Dao ; Liêu Quốc Nhĩ dịch.	2010	
2042	895.1352 Q1	Em không bi ế t = 我不知道	Qifu A ; translated by Há Cảo Di Động.	2014	8936046241287 (pbk.)
2043	895.1352 Q2	Khi tiểu tử yêu tiểu tử	Qifu A.	2013	8936046240907 (pbk.)
2044	895.1352 Q8	Cánh nhạn cô đơn	Quỳnh Dao ; Liêu Quó^c Nhĩ dịch.	2006	(pbk.)
2045	895.1352 Q8	Chié^c áo mộng mơ	Quỳnh Dao ; Người dịch Liêu Quó^c Nhĩ.	2003	(pbk.)
2046	895.1352 Q8	Đêm Hoa Chúc-- buờ^n!	Quỳnh Dao ; người dịch, Liêu Quó^c Nhĩ.	2003	(pbk.)
2047	895.1352 Q8	Mây trời vã^n xanh	Quỳnh Dao ; người dịch Liêu Quó^c Nhĩ.	2003	(pbk.)
2048	895.1352 Q8	Tình buờ^n	Quỳnh Dao ; Liên Quó^c Nhĩ dịch.	2006	(pbk.)
2049	895.1352 Q9	Cánh chim trong giông bão	Quỳnh Dao ; Liêu Quó^c Nhĩ dịch.	2006	(pbk.)
2050	895.1352 Q9	Tuy ế t đoạt hồn	Tác giả: Quỷ Cổ Nữ. - Dịch giả: Trần Hữu N ùng.	2013	8936049321429 (pbk.)
2051	895.1352 Q9	Bí ẩn chi ế c nhẫn ngọc xa phia = 藍戒之謎	Quỷ Mã Tinh ; Nguyễn Đức Vĩnh.	2012	8935212315180 (pbk.)
2052	895.1352 Q9	Hồ tuyệt mệnh = 鎖命湖	Quỷ Cổ Nữ ; Trần Hữu Nung.	2012	8936049321368 (pbk.)
2053	895.1352 S476	Hoa nở giữa tháng năm cô đơn = 寂靜流年遍開花	Sênh Ly ; Thủ Trang.	2012	8936056790324 (pbk.)
2054	895.1352 S476	Yêu Em Là Đi ề u Tuyệt Vời Nhất Anh Đã Làm	Sênh Ly.	2020	9786045689783

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2055	895.1352 S562	Nghe nói anh yêu em	Shun Jian Qing Cheng.	2009	8936041681903 (pbk.)
2056	895.1352 S683	Chỉ vì yêu = 只為愛	Sói Xám Mọc Cánh ; Phương Sáng.	2013	9786045804490 (pbk.)
2057	895.1352 T111	Gần mặt cách lòng	Tạ Hồng.	2008	8936041682047 (pbk.)
2058	895.1352 T111	Bản tình ca buồn : tiểu thuy ế t	Tạ Trang Trang ; Thanh Loan.	2010	163895001236 (pbk.)
2059	895.1352 T153	Chỉ là chuyện thường tình = 只道是尋常	Tâm Văn ; Lê Thành Quỳnh.	2012	9786045802694 (pbk.)
2060	895.1352 T161	Anh có thích nước Mỹ không?	Tân Di Ổ ; Trần Quỳnh Hương dịch.	2008	8936041680302 (pbk.)
2061	895.1352 T161 V.1	Ánh trăng không hiểu lòng tôi. Tập 1 : tiểu thuy ế t	Tân Di Ổ ; Mai Quyên.	2011	8936041681873 (pbk.)
2062	895.1352 T171	Yêu anh hơn cả tử thần	Tào Đình ; Dạ Nguyệt dịch.	2008	8936041680074 (pbk.)
2063	895.1352 T171	Anh trai em gái : tiểu thuy ế t	Tào Đình	2011	8936041681910 (pbk.)
2064	895.1352 T171	Có duyên nhất định sẽ có phận	Tào, Đình.	2011	8936041682306 (pbk.)
2065	895.1352 T364	Chỉ gọi tên em	Thái Trí Hằng ; Nguyễn Từ Uyên.	2012	8936024918255 (pbk.)
2066	895.1352 T366	Anh chỉ cần em	Thẩm Dạ Diễm ; Dương Kiểm.	2012	8936041683143 (pbk.)
2067	895.1352 T366	Đại minh giang hồ trạch nữ ký. 2 = 大明江湖宅女記	Thẩm Thương My ; Nguyễn Thùy Linh ; Đường Ngã, Lulutaby.	2013	8936055590215 (pbk.)
2068	895.1352 T366	Đại minh giang hồ trạch nữ ký. 1 = 大明江湖宅女記	Thẩm Thương My ; Nguyễn Thùy Linh ; Đường Ngã, Lulutaby.	2013	8936055590208 (pbk.)
2069	895.1352 T367	Ở lại nơi này cùng anh	Thanh Sam Lạc Thác ; Phương Thu Trần.	2013	8936041683273 (pbk.)
2070	895.1352 T422	Mê hành ký : tam thê hệ liệt	Thi Định Nhu ; người dịch, Lục Phong.	2012	8936041683082 (pbk.)
2071	895.1352 T434	Ma thổi đèn mộ hoàng bì tử	Thiên Hạ Bá Xướng.	2011	8936024918088 (pbk.)
2072	895.1352 T535	Có anh em không cô đơn	Thước Đo ; Hàn Vũ Phi dịch.	2017	9786048907600
2073	895.1352 T551	Ma thổi đèn. [3], Trùng cốc Vân Nam	Thiên Hạ Bá Xướng ; Trần Hữu Nùng dịch.	2011	
2074	895.1352 T555	Yêu em không cần quá cuồng si	Tịch Quyên ; Nguyễn Thị Trà My dịch.	2013	8936062801496 (pbk.)
2075	895.1352 T564	Anh hận anh yêu em = 我恨我愛你	Tiểu Hài Tử, Ngươi Tới Đây ; Đó Mai Đừng.	2013	8936062801199 (pbk.)
2076	895.1352 T588	Ánh hoàng hôn mỏng manh = 薄暮晨光	Chu Lai.	2012	8936041682849 (pbk.)
2077	895.1352 T772	Mẹ điên : tập truyện ngắn văn học mạng	Trang Hạ.	2013	8935212304535 (pbk.)
2078	895.1352 T827	Đen trắng = 黑白	Triêu Tiểu Thành ; Thủy Ngọc.	2013	8935212317290 (pbk.)
2079	895.1352 T883	Đóng cửa thả boss	Tứ Mộc	2013	9786045804513 (pbk.)
2080	895.1352 T927	Trai thừa gái ế : tiểu thuy ế t	Tưởng Cần.	2012	8936047862375 (pbk.)
2081	895.1352 T967	Công chúa quý "tính" : "đồ đã vào tay ta rồi thì đừng nghĩ tới chuyện đòi v ề . Cả nàng cũng th ế "	Tựu Mộ ; Anh Hoa Trủng.	2013	8936041683266 (pbk.)
2082	895.1352 T968	N ế u mùa hạ ấy em không gặp anh : tiểu thuy ế t	Tuy ế t Tiểu Thi ề n ; Đỗ Mai Dung.	2012	8936056790416 (pbk.)
2083	895.1352 T968	Đừng buông tay em	Tác giả：Tuy ế t Tiểu Thi ề n ; Dịch giả：Hoa Hạ	2012	8936056790409 (pbk.)
2084	895.1352 V986	Cực phẩm gia đinh	Vũ Nham.	2013	9786045901113 (pbk.)
2085	895.1352 V986	Cực phẩm gia đinh 2b	Vũ Nham ; Lê Làm Sơn, Lương Vĩnh Quý, Phạm Thì Từ Oanh.	2012	8936037748412 (pbk.)
2086	895.1352 V986	Cực phẩm gia đinh 2a	Vũ Nham ; Lê Làm Sơn, Lương Vĩnh Quý, Phạm Thì Từ Oanh.	2012	8936037748337 (pbk.)
2087	895.1352 W246	Trông lên rá^t đẹp	Vương Sóc ; Nguyễn Xuân Nhật dịch.	2007	8936024911201 (pbk.)
2088	895.1352 W959	Đêm si tình Thượng Hải	Ngô Du ; người dịch, Nguyễn Trang, Bích Hường.	2009	
2089	895.1352 X1	Lần đầu bi ế t yêu	Xảo Nhi Ni ; Đằng ThịVân Anh.	2011	1116020167872 (pbk.)
2090	895.1352 X1	Hạnh phúc 70° nghiêng	Xảo Nhi Ni ; Nguyễn Thị Nga.	2012	8935082601949 (pbk.)
2091	895.1352 X6	Tru tiên. Đại ké^t cục	Tiêu Đỉnh ; người dịch, Trần Hữu Nùng.	2008	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2092	895.1352 X6	Bình minh và hoàng hôn : tiểu thuy ế t	Tân Di Ổ ; Kim Diệu dịch.	2010	
2093	895.1352 X8	Nhật ký phi thường	Từ Triệu Thọ ; Trần Quỳnh Hương dịch.	2008	(pbk.)
2094	895.1352 X8	Tình ảo	Từ Triệu Thọ ; Đào Bạch Liên dịch.	2008	(pbk.)
2095	895.1352 Y21	Bóng hồn	Y ế n Lũy Sinh ; Đại Lộc dịch.	2007	(pbk.)
2096	895.1352 Y21	Khách không mời	Yan Geling ; Lê Quang dịch.	2009	8932000114277 (pbk.)
2097	895.1352 Y37	Gặp anh là đi ề u bất ngờ tuyệt vời nhất : tiểu thuy ế t	Ye Zi ; Mai Dung, dịch ; biên tập: Thạch Toà n.	2011	8936062800932 (pbk.)
2098	895.1352 Z63	Baby Thượng Hải	Vệ Tuệ ; Nguyễn Lệ Chi dịch.	2008	
2099	895.136 B328	Xin chào ngày xưa ấy	Bát Nguyệt Trường An ; Đỗ Thu Thuỷ dịch.	2018	9786045654200 ; 9786045654217 ; 9786045654224
2100	895.136 D562	Sợi khói mỏng lạc giữa trần ai : tiểu thuy ế t	Diệp Lạc Vô Tâm ; Lan Hương dịch.	2018	9786049636448 ; 9786049636455
2101	895.136 D682	Kia khoảng trời sao, đây khoảng biển	Đồng Hoa ; Thu Trần dịch.	2017	9786045645536
2102	895.136 D916	Người đàn ông của tôi : tiểu thuy ế t	Dung Quang ; Nana dịch.	2017	9786049572869 ; 9786049572876
2103	895.136 K96	Thê giơi mơi cúa thê giơi	written by Kuo Han-chen, Tai Wan-hsuan ; illustrated by Emily Wu ; dịch: Phạm Mỹ Linh.	2019	9789865416171 ; 9865416174
2104	895.136 L931 V.1	Đẹp trai là số : (tiểu thuy ế t)	Lục Mang Tinh ; Mạc Dương Minh Khuê dịch.	2019	9786049751813 ; 9786049751820 ; 8936062809720
2105	895.136 M544	Tôi chỉ muốn một mình sống trong trái tim em = Make you mine : (tản văn)	Mạnh Thụy ; người dịch: Dương Thị Vân Anh, Đào Ngô Thanh Thảo.	2018	9786046495802 ; 6046495806
2106	895.136 N714 V.4	1/14 : tiểu thuy ế t trinh thám. IV, Người thừa thứ 14	Ninh Hàng Nhất ; Nguyễn Thúy Hi ề n dịch.	2019	9786048874254
2107	895.136 N714 V.5	1/14 : tiểu thuy ế t trinh thám. V, 14 ngày kinh hoàng	Ninh Hàng Nhất ; Nguyễn, Thị Thai dịch.	2019	9786048874261
2108	895.136 T161	Hoá ra anh vẫn ở đây : tiểu thuy ế t	Tân Di Ổ ; Hàn Vũ Phi dịch.	2019	9786049853364 ; 9786049853371
2109	895.136 T971	Chi ế c bật lửa và váy công chúa : tiểu thuy ế t	Twentine ; Hàn Vũ Phi dịch.	2018	9786046495789 ; 9786046495796
2110	895.136 W246	Chơi ngải : tiểu thuy ế t	Wang Ting ; Vũ Như Lê, dịch.	2018	9786046489535 ; 6046489539
2111	895.136 Y43	Động phòng hoa chúc cách vách : tiểu thuy ế t	Diệp Lạc Vô Tâm ; Nguyễn Thị Thại dịch.	2020	9786049768279 ; 8935212337410
2112	895.136 Y43	Sự cám dỗ cuối cùng : tiểu thuy ế t	Diệp Lạc Vô Tâm ; Greenrosetq dịch.	2019	9786049763502 ; 8935212340632
2113	895.14 Y94	Mọi nỗ lực và chờ đợi của bạn đ ề u có ý nghĩa : tản vân	Uyển Tử Văn, Uyển Từ Hào ; Nguyễn Thản Nguyên dịch.	2019	9786045548882 ; 8936186542091
2114	895.152 A316	Rừng hoang	Alai ; translated by Sơn Lê.	2006	8936024910518 (pbk.)
2115	895.152 B576	Khát vọng tình yêu	Bi Bi ; translated by Phạm Lưu Vủ Phong.	2007	8932000112877 (pbk.)
2116	895.152 B576	Hạnh phúc đá˘ng	Bì Bì ; người dịch, Hàn Lan.	2007	8932000112556 (pbk.)
2117	895.152 C652	Bên nhau trọn đời	Cố Mạn ; biên dịch, Nguyễn Thành Phước.	2007	
2118	895.152 H772	Theo dâˆu chân ai	Hô˜ng Ảnh ; translated by Sơn Lê.	2007	8932000112709 (pbk.)
2119	895.152 H772	Người tình xa xứ	Hô˜ng Ảnh ; người dịch, Trung Nghĩa.	2006	8932000112136 (pbk.)
2120	895.152 K45	Cô âˆy không còn điên nữa	Khâu Hoa Đông ; translated by Lê Thanh Dũng.	2006	8932000111863 (pbk.)
2121	895.152 K452	Nàng nói tâˆt cả đã héˆt : tập truyện ngá˘n	Khâu Hoa Đông ; translated by Nguyễn Thành Lợi, Trâˆn Quỳnh Hương.	2006	8932000111900 (pbk.)
2122	895.152 L975	Lời nhỏ bên song	Lưu Dung.	2004	(pbk.)
2123	895.152 N576	Đi vềˆ nơi hoang dã : tiểu thuyéˆt	Nhật Tuâˆn.	1990	
2124	895.152 N576	Truyện siêu ngá˘n Trung Quôˆc	[nhièˆu tác giả] ; Nguyễn Văn Nguyên dịch.	2005	
2125	895.152 Q1	Sự tinh khiéˆt của thiên sứ	Khâu Hoa Đông ; người dịch, Lê Thanh Dũng.	2007	8932000112587 (pbk.)
2126	895.152 Q12	Ánh sao trên tay	Khâu Hoa Đông ; người dịch, Vũ Phương	2007	(pbk.)
2127	895.152 Q89	Mùa thu lá bay	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2005	(pbk.)
2128	895.152 Q89	Hoàng hôn cuôˆi cùng	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2006	(pbk.)
2129	895.152 Q89	Hải âu phi xứ	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2005	(pbk.)
2130	895.152 Q89	Vòng tay kỷ niệm	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2006	(pbk.)
2131	895.152 Q89	Trôi theo dòng đời	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quốc Nhĩ.	2005	(pbk.)
2132	895.152 Q89	Bên bờ quạnh hiu	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2005	(pbk.)
2133	895.152 Q89	Đọan cuôˆi cuộc tình	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2006	(pbk.)
2134	895.152 Q89	Lao xao trong nă˘ng	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ	2006	(pbk.)
2135	895.152 Q89	Mãi mãi yêu thương	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2006	(pbk.)
2136	895.152 Q89	Chớp bể mưa nguồˆn	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2006	(pbk.)
2137	895.152 Q89	Giọt lệ tương tư	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quôˆc Nhĩ.	2006	(pbk.)
2138	895.152 Q89	Tình như bọt biển	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quốc Nhĩ.	2006	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2139	895.152 Q89	Khói lam cuộc tình	Quỳnh Dao ; translated by Liêu Quó^c Nhĩ.	2006	(pbk.)
2140	895.152 T171	Xin lỗ^i, em chỉ là con đĩ	Tào Đình (Bảo Thê) ; translated by Trang Hạ.	2007	
2141	895.152 V986	Lắ˘ng nghe bà˘ng tình yêu : nước mắ˘t hoàng hôn	nhiề^u tác giả ; Vũ Công Hoan, dịch.	2006	
2142	895.152 W415	Điên cuồ^ng như Vệ Tuệ : tập truyện Tái bản lần 1	Vệ Tuệ ; Sơn Lê dịch ; Vương Trí Nhàn giới thiệu.	2003	8932000113096 (pbk.)
2143	895.152 X8	Muôn nẻo đường yêu	Tuyé^t Tiểu Thiề^n ; Trà^n Quỳnh Hương	2007	
2144	895.152 Z632	Mười yêu : tập truyện	Trương Duyệt Nhiên ; người dịch, Nguyễn Xuân Nhật.	2007	8932000112310 (pbk.)
2145	895.153 L433	Cơn ló^c đen : truyện hình sự Trung Quó^c	nhiề^u tác giả ; Lê Bà^u dịch.	2000	
2146	895.185108 P574	Sống vốn đơn thuần	Phong Tử Khải, Tố Hinh - dịch.	2020	9786045562710
2147	895.609 H678	Bông hồng cho ngày tháng không tên : tiểu luận và dịch thuật văn học Nhật Bản	Hoàng Long.	2018	9786045650387
2148	895.63 I16	Em sẽ đ ế n cùng cơn mưa	Ichikawa Takuji ; Mộc Miễn.	2012	8936024918972 (pbk.)
2149	895.63 M743	Mộng : truyện ngắ˘n Nhật Bản	An Nhiên dịch.	2007	8934974067153 (pbk.)
2150	895.63 T164	Yêu trong bóng tối	Tanizaki Jun'ichir ō ; Nhật Chiêu dịch.	2008	(pbk.)
2151	895.634 K22	Đẹp và buồn	Kawabata Yasunari ; Mai Kim Ngọc dịch.	2019	9786045544518 ; 8935235223059
2152	895.635 C541	Vì con gái tôi có thể đánh bại cả ma vương. Tập 2	Chirolu ; illustration by Kei.	2019	9786045663332
2153	895.635 E36	Tháp Tokyo	Ekuni Kaori ; Thanh Bình translator Trần	2011	8936024917067 (pbk.)
2154	895.635 H413	Cùng lau cho sạch nào! = I'll wipe it off	[Hayashi Akiko] ; Trần Bảo Ngọc dịch.	2015	9786046938972 ; 604693897X
2155	895.635 K96	Totto-chan bên cửa sổ	Kuroyanagi Tetsuko ; Iwasaki Chihiro, Trường Thùy	2011	8936024916756 (pbk.)
2156	895.635 M685	N ế u thời gian dừng lại ở ngày hôm nay	Miyashita Natsu ; Akichan dịch.	2017	9786046490357
2157	895.635 M972	Rùng na-uy	Haruki Murakami ; translated by Trịnh Lữ.	2007	8936024910457 (pbk.)
2158	895.635 M972	Người Ti-Vi : tuyển tập truyện ngắn	Murakami Haruki ; người dịch, Phạm Vũ Thịnh.	2007	8935068002425 (pbk.)
2159	895.636 H668 V.1	Thiên đường ti ề n xu. 1 : câu chuyện v ề ti ề n bánh kẹo mà thuật	Hiroshima Reiko ; jyajya minh họa ; Quỳnh Anh dịch.	2019	9786045534137 ; 8935235220645
2160	895.636 H668 V.3	Thiên đường ti ề n xu. 3 : câu chuyện v ề ti ề n bánh kẹo mà thuật	Hiroshima Reiko ; jyajya minh họa ; Quỳnh Anh dịch.	2019	9786045534731 ; 8935235221376
2161	895.636 K16	Bên kia mây trời, là nơi hẹn ước	Kanoh Arata ; [nguyên tác, Shinkai Makoto] ; Hải Hà dịch.	2019	9786048992668 ; 8935250703024
2162	895.636 K58	Anh sẽ lại đ ế m ngày phải nói tạm biệt em	Masaki Kiritomo ; Nguyễn Hải Hà, dịch.	2019	9786042150507 ; 8935244836325
2163	895.636 N147 V.5	Re:zero : bắt đầu lại ở th ế giới khác. 5	[Tappei Nagatsuki ; minh họa: Shinichirou Otsuka] ; Thanh Trà dịch ; [Bảo Nam hiểu đ	2019	9786048992682 ; 8935250702898
2164	895.636 N163	Mộ bia giữa biển : mảnh đất cuối cùng nơi cha nằm lại =海に墓標を父の最期の地ベトナムへ	Nakamoto Teruo ; Hoàng Long dịch.	2017	9786046832980
2165	895.636 S933	Con bi ế t cách trả lời	lời: Studio Ko ; minh họa: Yuko Harada ; Viện Giáo Dục Shichida Việt Nam dịch.	2017	9786042095006 ; 6042095005
2166	895.636 S933	Bà cố của Pizza	lời: Studio Ko ; minh họa: Yuji Yamamoto ; Viện Giáo Dục Shichida Việt Nam dịch.	2017	9786042094979 ; 6042094971
2167	895.636 S933	Những quả dâu tây của Tin	lời: Studio Ko ; minh họa: Rie Kawabata ; Viện Giáo Dục Shichida Việt Nam dịch.	2017	9786042094986 ; 604209498X
2168	895.636 S933	Trong khi mẹ ngủ ...	lời: Studio Ko ; minh họa: Shimaru Miura ; Viện Giáo Dục Shichida Việt Nam dịch.	2017	9786042094993 ; 6042094998
2169	895.636 S933	Anh trai	lời: Studio Ko ; minh họa: Heidi Yamashita ; Viện Giáo Dục Shichida Việt Nam dịch.	2017	9786042095013 ; 6042095013
2170	895.636 S933	Th ế giới của những cuốn sách	lời: Studio Ko ; minh họa: Usako Seki ; Viện Giáo Dục Shichida Việt Nam dịch.	2017	9786042095020 ; 6042095021
2171	895.636 T136	Giữa lúc tận cùng cô đơn, chú mèo đã chỉ cho tôi những đi ề u quý giá! = 悲しみの底で猫が教えてくれた大切なこと	Takimori Koto ; Nguyễn Song Tâm Quyên, Truyện dài dịch.	2017	9786046487555
2172	895.636 T136	Giữa lúc tận cùng cô đơn, chú chó đã chỉ cho tôi những đi ề u quý giá! = 孤独の果てで犬が教えてくれた大切なこと	Takimori Koto ; Nguyễn Song Tâm Quyên, Truyện dài dịch.	2017	9786046487562
2173	895.65 Y657	Amrita	Banana Yoshimoto ; Trần Quang Huy dịch	2008	8936024911607 (pbk.)
2174	895.66 S968	Ring : vòng tròn ác nghiệt	tác giả: Suzuki Koji ; Người dịch: Lương Việt Dzũng.	2007	8936024911270 (pbk.)
2175	895.73 C545	Nơi tình yêu ngang qua : tùy bút	Choi Kab-soo ; Lương Thục Anh dịch.	2017	9786049543135
2176	895.73 C545	Bố con cá gai	Chang-in Cho ; Nguyễn Thị Thu Vân dịch.	2019	9786045371565 ; 8935235221154
2177	895.73 J61	Gửi người yêu dấu = Dear your love	Ji Minseok, Yoo Kwisun ; Minh hoạ: Kim Hyeran ; Thục Anh dịch.	2017	9786045644799
2178	895.73 P236	Mẹ xấu	Sung Kyung Park ; Văn Ngọc Minh Quyên	2017	9786045377109
2179	895.73 S615	Hãy chăm dóc mẹ	Sin, Kyŏng-suk ; Lê Hiệp Lâm và Lê Nguyễn Lê dịch.	2017	9786045534397 ; 8935235220577

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2180	895.735 C559	Hoàng hậu In Hyeon truyện	Chung Eun Im ; Đào Thị Mỹ Khanh dịch.	2018	9786046849094
2181	895.735 I25	Khi nàng say giấc	IHQ ; Thục Anh dịch.	2018	9786049667756
2182	895.735 U54	Món quà từ cánh chim	Eun Hee-Kyung ; Thi ề u Quang dịch.	2018	9786041111516 ; 6041111511
2183	895.9 D182	Chờ tuyé^t rơi	Đặng Thiè^u Quang.	2007	(pbk.)
2184	895.9 D182	Con của phật : tiểu thuy ế t	Đặng Văn Sinh.	2007	(pbk.)
2185	895.9 Q1	Sắc màu của tình bạn : tâm hồn cao thượng	Quang Ngọc.	2007	8935077033137 (pbk.)
2186	895.9 T772	Một mình ở Tokyo : truyện ngắn	Trần Thùy Mai.	2008	(pbk.)
2187	895.9 Y11	Xuân Từ Chi ề u : tiểu thuy ế t	Y Ban.	2008	8935069906302 (pbk.)
2188	895.922 B932	Phó^ ba nhà	Bùi Anh Tấn.	2007	(pbk.)
2189	895.922 B932	Rùng xưa xanh lá : (Vi ề t v ề bè bạn)	Bùi Ngọc Tấn.	2007	8935086002230 (pbk.)
2190	895.922 B932	Thúy Vân : tam hợp đạo cô (Hai mệnh đề^ phụ của Nguyễn Du)	Bùi-Giáng.	2007	(pbk.)
2191	895.922 C212	Khi nào anh thuộc vè^ em?	Cá^n Vân Khánh.	2007	(pbk.)
2192	895.922 C559	Ăn mày dĩ vãng	Chu Lai.	2004	(pbk.)
2193	895.922 D111	Nước nguồn xuôi mãi : tập truyện ngắn	Dạ Ngân.	2008	8935069905190 (pbk.)
2194	895.922 D567	Bởi cuộc đời không có những giá như	Diệu Ái.	2016	9786046832416
2195	895.922 D584	Những giá^c mộng đời người : tập truyện ngá˘n	Đinh Hoàng Anh.	2007	
2196	895.922 D631	Nhìn ngược từ nóc nhà Đông Dương	Đõ^ Doãn Hoàng.	2007	
2197	895.922 D631	Những ô cửa màu xanh : tập truyện ngá˘n thé^ giới	Đoàn Tử Huyé^n dịch.	2002	
2198	895.922 D631	V ế t thương thành thị	Đỗ Ti ế n Thụy.	2009	8934974085089 (pbk.)
2199	895.922 D928	Cũng đành	Dương Nghiễm Mậu.	2007	8932000112372 (pbk.)
2200	895.922 D999	Dấu v ế t của mẹ	Marta Dzido ; Nguyễn Thị Thanh Thư dịch.	2008	8932000114079 (pbk.)
2201	895.922 H678	Văn mới 2006-2007 : tuyển chọn truyện ngá˘n mới nhá^t của những tác giả đang được mé^n mộ	Hô^ Anh Thái tuyển.	2007	8935068002357 (pbk.)
2202	895.922 H678	Tié^ng thở dài qua rừng kim tước : tập truyện	Hô^ Anh Thái.	2007	8935068002371 (pbk.)
2203	895.922 H678	Hiè^n đen	Hoàng Tuá^n Dương.	2004	
2204	895.922 H678	Thôn quê liệt truyện : truyện ký, bút ký, phóng sự	Hoàng Minh Tường.	2007	(pbk.)
2205	895.922 H678	Tình yêu là gì?	Hoàng Mai biên soạn.	2008	8935077046823 (pbk.)
2206	895.922 H678	Thi nhân Việt Nam, 1932-1941	Hoài Thanh, Hoài Chân.	2015	8935230004875 ; 9786046916178
2207	895.922 K459	Không phải trò đùa	Khuá^t Quang Thụy.	1999	
2208	895.922 L433	Một giá^c hô^ điệp	Lê Trâm.	2007	
2209	895.922 M111	Một mình một ngựa : tiểu thuyé^t	Ma Văn Kháng.	2009	8935069907620 (pbk.)
2210	895.922 M217	Động lực và trăn trở : tự truyện	Mai Quốc Bình.	2015	9786041050365 ; 8934974133858
2211	895.922 N567	Con cái chúng ta giỏi thật!	Azit Nexin ; Người dịch, Vũ Ngọc Tân.	2008	(pbk.)
2212	895.922 N576	Nhàn đàm	Nhi ề u tác giả.	2007	(pbk.)
2213	895.922 N576	Mặt trời đồng xu	Nguyễn Bàn.	2007	(pbk.)
2214	895.922 N576	Vũ điệu thân gầy	Nhi ề u tác giả.	2007	(pbk.)
2215	895.922 N576	Truyện ngá˘n ba cây bút nữ	Ngân Hoa, Qué^ Hương, Đõ^ Bích Thủy.	2007	8935069903264 (pbk.)
2216	895.922 N576	Mộng du và những truyện khác	Ngô Tự Lập.	2001	
2217	895.922 N576	Những truyện danh nhân	Nguyễn Huy Thiệp.	2004	
2218	895.922 N576	Những truyện nông thôn	Nguyễn Huy Thiệp.	2004	
2219	895.922 N576	21 truyện ngá˘n Thu Huệ	Nguyễn Thị Thu Huệ.	2001	1007072401253 (pbk.)
2220	895.922 N576	Những truyện tình yêu	Nguyễn Huy Thiệp.	2004	
2221	895.922 N576	Truyè^n thuyé^t Lam Sơn	Nguyễn Sơn Anh sưu tá^m, biên soạn.	2005	
2222	895.922 N576	Đêm qua, sân trước, một cành mai	Nguyễn Tường Bách.	2005	
2223	895.922 N576	Chuyện của tôi : con gái hi ề n ngoan	Nhật Hồng, tuyển chọn.	2005	8934974046844 (pbk.)
2224	895.922 N576	Chuyện cổ tích dành cho người lớn : tập truyện ngá˘n	Nguyễn Nhật Ánh.	2008	8934974074588 (pbk.)
2225	895.922 N576	Cuộc đời của mẹ : tiểu thuyé^t	Nguyễn Thị Sáng.	2007	8935069904162 (pbk.)
2226	895.922 N576	Bàn có năm chõ^ ngò^i : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2008	8934974080695 (pbk.)
2227	895.922 N576	Như núi như mây	Nguyễn Đông Thức.	2006	8932000111887 (pbk.)
2228	895.922 N576	Biển của mỗi người : tập văn	Nguyễn Ngọc Tư.	2008	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2229	895.922 N576	Sống Xanh : những cảm nhận ngắn v ề môi trương và lối sống ở việt nam hiện nay	Ngô Thị Giáng Uyên.	2008	8934974081692 (pbk.)
2230	895.922 N576	Lè^u chõng	Ngô Tá^t Tó^.	2009	(pbk.)
2231	895.922 N576	Đêm thánh nhân	Nguyễn Đình Chính.	2008	(pbk.)
2232	895.922 N576	Truyện ngắn hay báo Thanh Niên năm 2007	tuyển chọn và giới thiệu: nhà văn Ngô Thị Kim Cúc.	2008	(pbk.)
2233	895.922 P534	Người vớt phù du	Phạm Hải Anh.	2007	(pbk.)
2234	895.922 P534	Chuyện tình của mẹ : tập truyện & ký	Phạm Thanh Quy.	2004	
2235	895.922 P535	Khi phụ nữ uống trà, đàn ông nên cẩn thận	Phan Ý Yên.	2015	9786049267666 ; 8932000121480
2236	895.922 P535	Nước Mỹ, nước Mỹ : tập truyện ngắn	Phan Việt.	2009	8932000114222 (pbk.)
2237	895.922 T252	Kho vàng Sà^m Sơn	Tchya.	1990	(pbk.)
2238	895.922 T562 V.1	Tié^ng nói nhà văn	nhiè^u tác giả.	2006	8935069900546 (v. 1 : pbk.)
2239	895.922 T627	Mười năm : tiểu thuyé^t	Tô Hoài.	2007	8932000112488 (pbk.)
2240	895.922 T627 V.1	Chuyện cũ Hà Nội	Tô Hoài.	2007	8932000112440 (v. 1 : pbk.) ; 8932000112457 (v. 2 : pbk.)
2241	895.922 T772	Ảo vọng du học	Trà^n Thị Hảo.	2006	(pbk.)
2242	895.922 T772	Tu bụi : truyện dài	Trà^n Kiêm Đoàn.	2006	8932000112198 (pbk.)
2243	895.922 T772	Truyện ngắ˘n Trang Th ế Hy	Trang Th ế Hy.	2006	8935083460057 (pbk.)
2244	895.922 T772	Nhạc sĩ của mùa thu Hà Nội : những câu chuyện hay nhá^t	nhiè^u tác giả ; Trà^n Quó^c Toàn, tuyển chọn.	2006	8934974057956 (pbk.)
2245	895.922 T853	Bông hô^ng không gai : tập truyện ngắ˘n	Trọng Bảo.	2007	
2246	895.922 T871	Truyện ngắ˘n Việt Nam thé^ kỷ XX : giai đoạn 1901-1945	[nhóm biên soạn, Trung Trung Đỉnh ... et al.].	2002	8935036601254 (hard)
2247	895.922 T871 V.1	Truyện ngắ˘n Việt Nam thé^ kỷ XX : giai đoạn 1946-1975	[nhóm biên soạn, Trung Trung Đỉnh ... [et al.].	2002	8935036601261 (v. 1 : hard) ; 8935036601278 (v. 2 : hard) ; 8935036601285 (v. 3 : hard)
2248	895.922 T874	Truyện ngắ˘n dã sử chọn lọc	Nhi ề u Tác Giả.	2007	
2249	895.922 T874	Truyện Ngắn đặc sắc các tác giả được giải Nobel	nhi ề u tác giả.	2008	8935077063233 (hard)
2250	895.922 T883	Dòng đời rong ruổi : tập truyện	Từ Thié^t Linh.	2008	8935077093544 (pbk.)
2251	895.922 V598	Tháng năm bié^t nói : tiểu thuyé^t	Vi Hô^ng.	2008	(pbk.)
2252	895.922 V872	Cọng rêu dưới đáy ao	Võ Văn Trực.	2007	(pbk.)
2253	895.922 V986	Thảo, những hạt cát	Vũ Hoàng Hoa.	2007	8935069904025 (pbk.)
2254	895.922 V986	Truyện ngắ˘n 50 tác giả nư	Vũ Thụy An tuyển chọn.	2007	
2255	895.9220392 B583	Nam Cao : Vè^ tác gia và tác phẩm	Bích Thu, biên soạn và tuyển chọn.	2004	(hard)
2256	895.92208 H678	Truyện ki ề u : Trong Văn Hóa Việt Nam	Hoàng Xuân Hãn & Hoàng Hữu Yên ; Nguyễn Hương Mai.	2013	8935075928817 (pbk.)
2257	895.92208 N576	Sương khói quê nhà : tạp văn	Nguyễn Nhật Ánh.	2012	8934974114796 (pbk.)
2258	895.92208 N576	Truyện ki ề u : Đoạn Trường Tân Thanh	Nguyễn Du.	2013	8935075928886 (pbk.)
2259	895.92208 N576	Truyện ki ề u : Bản Nôm Cổ Nhất 1866	Nguyễn Du, Nguyễn Quảng Tuân.	2013	8935075928909 (pbk.)
2260	895.92208 Q2	Tầm nhìn	Phan Quang	2013	8936065580480 (pbk.)
2261	895.92208 T161	Truyện ki ề u trong văn hóa Việt Nam	Tản Đà & Lưu Trọng Lư ; Nguyễn Hương Mai.	2013	8935075928855 (pbk.)
2262	895.92208 V986	Truyện Ki ề u trong văn hóa Việt Nam	Vũ Ngọc Khánh ; Hoàng Khôi.	2013	8935075928848 (pbk.)
2263	895.922092 N576	Văn thi sĩ ti ề n chi ế n : chứng dẫn một thời đại	Nguyễn Vỹ.	2007	(pbk.)
2264	895.922092 N576	Hồi kí Nguyễn Hi ế n Lê	Nguyễn Hi ế n Lê.	2011	
2265	895.922092 T772 V.1	Các tác giả văn chương Việt Nam. 1-2	biên soạn, Trần Mạnh Thường.	2008	8935073042171 (set : hard)
2266	895.9221 T772	Thơ	Trà^n Dà^n.	2007	8936024911560 (pbk.)
2267	895.9221 T772	Tuyển thơ Trần Đăng Khoa	Trần Đăng Khoa.	2016	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2268	895.92211 H957	Hương thi ề n ngàn năm : thơ văn thi ề n sư Lý--Trần	chuyển thơ, Trần Quê Hương ; thủ bút chữ H án, Thích Lê Trang ; phiên âm và chú thích, TN. Tuệ Liên, TN. Nghiêm Liên.	2010	
2269	895.92213 B678	Bởi vì ta yêu nhau : thơ tình tuổi trẻ	Nhi ề u Tác Giả ; Trần Trong.	2013	8932000117742 (pbk.)
2270	895.92213 L721	Tự Tình Lúc 0 Giờ	Liêu Hà Trinh.	2016	
2271	895.92213 N576	Việt Nam Danh Tác - Mười Hai B ế n Nước	Nguyễn Bính.	2016	
2272	895.92213 T449	Thơ mới, 1932-1945 : tuyển chọn	nhiè^u tác giả.	2006	(pbk.)
2273	895.92213 V986	Việt Nam Danh Tác - Thơ Say	Vũ Hoàng Chương.	2016	
2274	895.92213 V986	Chuyện tình không tên	Vũ Thành An.	2017	9786046839248
2275	895.92214 D812	Đừng gọi anh là người yêu cũ : Thơ - Tản văn - Truyện ngắn	Du Phong.	2017	9786046951520
2276	895.92214 H233	Trường Ca Văn Hóa Giáo Dục Gia Đình Quốc Đạo	Hãn Nguyên Nguyễn Nhã, Mai Trinh Đỗ Thị.	2015	9786046818809 ; 8932000120797
2277	895.92214 H633	Stay with me : anh ơi đừng đi : thơ - tản văn	Hiên.	2017	9786049544033
2278	895.92214 S479	Có Những Bàn Tay Không Chạm Được Dẫu Gần	September Rain.	2015	9786046966760 ; 8936056792038
2279	895.92214 T449	Thôi thì thương nhau nhé! : #mấy đi ề u nhỏ xíu	Bloom Books. Complier.	2017	9786047730506
2280	895.92214 T564	Em hạnh phúc rồi, em quên nhé, chào anh : thơ	Tiểu Tử HK, Lai Ka.	2017	9786049548185
2281	895.9221408 D812	Giữ Đời Cho Nhau	Du Tử Lê.	2018	9786048433406
2282	895.9223 B199	Bám đé^n cùng : tập truyện ngắ˘n nước ngoài vè^ ngoại tình.		2004	(hard)
2283	895.9223 B613	Truyện ngắ˘n vè^ Hà Nội	Bình Hà tuyển chọn.	2004	8935069900249 (pbk.)
2284	895.9223 B713	Bông hò^ng thủy tinh.		2011	
2285	895.9223 C212	Người đàn ông có đôi mắt trong	Cấn Vân Khánh.	2008	(pbk.)
2286	895.9223 C548	Chó^n u linh : truyện ngắ˘n quái dị chọn lọc	nhiè^u tác gỉa ; Lê Huy Hòa, Nguyễn Văn Bì nh, tuỷên chọn và giới thiệu.	2007	(hard)
2287	895.9223 C555	Hẹn với từ thân : tiểu thuyé^t trinh thâm	Agatha Christie ; translated by Nguyễn Minh Thảo.	2001	(pbk.)
2288	895.9223 C559	Ăn mày dĩ vãng	Chu Lai.	2006	(pbk.)
2289	895.9223 C559	Chu Cẩm Phong tuyển tập	chuẩn bị bản thảo và giới thiệu, Bùi Minh Qu ó^c.	2005	(hard)
2290	895.9223 C559	Chỉ còn một lần : tiểu thuy ế t	Chu Lai.	2008	(hard)
2291	895.9223 C559	Ăn mày dĩ vãng : tiểu thuyé^t	Chu Lai.	2009	8935077073454 (pbk.)
2292	895.9223 C559	Phó^ : tiểu thuyé^t	Chu Lai.	2009	8935077073478 (pbk.)
2293	895.9223 C564	Chuyện đời tự kể	nhi ề u tác giả.	2007	(pbk.)
2294	895.9223 C564	365 Chuyện kể hằng đêm	Nhi ề u Tác Giả ; Phạm Bích Liệu.	2013	8936037692005 (hbk.)
2295	895.9223 C652	Cô chó hạnh phúc : câu chuyện v ề sự lạc quan	Tào Băng Bân ... [et al.]	2010	8936037693521 (pbk.)
2296	895.9223 C973	Cười lên đi cô ơi : tuyển truyện	Nhi ề u Tác Giả.	2008	(pbk.)
2297	895.9223 C973	Cười lên đi cô ơi.		2011	
2298	895.9223 D111	Mỗi ngày là một tặng phẩm	Dạ Thư, Quỳnh Nhi, tuyển chọn.	2005	8934974041139 (pbk.)
2299	895.9223 D182	Đảo cát trắng : tiểu thuyé^t	Đặng Thi ề u Quang.	2008	(pbk.)
2300	895.9223 D211	Cây đèn thần của đom đóm	Đào Trung Uyên.	2011	8935036647689 (pbk.)
2301	895.9223 D278	Dê con nghĩa hiệp : câu chuyện vè^ tinh thà^n hợp tác	Tào Băng Bân ... [et al.]	2010	8936037693491 (pbk.)
2302	895.9223 D536	Dị truyện : truyện ngắ˘n quái dị chọn lọc	nhiè^u tác giả ; Lê Huy Hòa, Nguyễn Văn Bì nh, tuyển chọn và giới thiệu.	2007	(hard)
2303	895.9223 D562	Truyện ngắn ba tác giả nữ	Diệp Mai, Huệ Minh, Thài Lê.	2007	
2304	895.9223 D584	Sống qua thời chắp vá	Đinh Đức.	2006	
2305	895.9223 D631	4 cây bút nữ tuyển truyện	Đoàn Thị Diễm Thuyên ... [et al.].	2007	(pbk.)
2306	895.9223 D928	Thức giấc	Thúy Dương.	2007	(pbk.)
2307	895.9223 D928	Hoa ẩn hương	Dương Bình Nguyên.	2005	(pbk.)
2308	895.9223 G322	Vô vàn xuôi ngược, vô vàn thương	Gemi.	2015	9786048713331 ; 8936071850812
2309	895.9223 G434	Tuy ế t đen : truyện dài của	Giao Chi.	2007	(pbk.)
2310	895.9223 H678	Tự sự 265 ngày : tập truyện ngắ˘n	Hò^ Anh Thái.	2005	
2311	895.9223 H678	Mười lẻ một đêm	Hò^ Anh Thái.	2006	(pbk.)
2312	895.9223 H678	Mảnh vỡ của đàn ông : tập truyện ngắn	Hồ Anh Thái.	2006	(hard)
2313	895.9223 H678	Dương vân nga hoàng hậu hai tri ề u : in lần thứ hai	Hoàng Công Khanh.	2007	(pbk.)
2314	895.9223 H678	Truyện ngắ˘n hay 2004	nhiè^u tác giả ; nhóm tuyển chọn, Hò^ Anh Thái ... [et al.].	2005	(pbk.)
2315	895.9223 H678	Hổ con xinh đẹp : câu chuyện vè^ lòng tự tin	Tào Băng Bân ... [et al.]	2010	8936037693446 (pbk.)
2316	895.9223 H991	Rắn con muốn bay	Hương Bình.	2011	8934974100768 (pbk.)
2317	895.9223 K24	Kẻ rao bán mùa thu : tập truyện ngắ˘n nhiè^u tác giả	[nhi ề u tác giả].	2008	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2318	895.9223 K45	Phía sau một khách sạn : truyện dài	Khôi Vũ.	2007	(pbk.)
2319	895.9223 K491	susu thông minh = SuSu - the smart rabbit	Kim Thành, Thành Nam.	2006	8937974060932 (pbk.)
2320	895.9223 K491	susu và cây tre trăm Đốt = SuSu and the magic bamboo	Kim Thành, Thành Nam.	2006	8934974060925 (pbk.)
2321	895.9223 K491	SuSu thăm chú Cuội = SuSu visits Cuoi	Kim Thành, Thành Nam.	2006	8934974060178 (pbk.)
2322	895.9223 K491	SuSu và Thạch Sanh = SuSu and Thach Sanh	Kim Thành, Thành Nam.	2006	8934974060185 (pbk)
2323	895.9223 K491	susu và cây đèn thần = SuSu and the magic lamp	Kim Thành, Thành Nam.	2006	8934974060949 (pbk.)
2324	895.9223 L433	Bê^n Ôsin : tập truyện ngắn	của nhiè^u tác giả ; [nhóm tuyển chọn, Lê Minh Khuê ... [et al.].	2004	
2325	895.9223 L433	Truyện ngắn hay 2006	nhiè^u tác giả ; [nhóm tuyển chọn, Lê Minh Khuê, Tạ Duy Anh, Nguyễn Thị Anh Thư].	2007	(pbk.)
2326	895.9223 L433	Qũy đạo những mảnh đời : truyện ngắn của Lê Minh Khuê, Trần Thị Trường, Vân Hạ	nhiè^u tác giả.	2006	8935068005945 (pbk.)
2327	895.9223 L433	Ở đá^t kẻ thù	Lê Lan Anh.	2007	(pbk.)
2328	895.9223 L433 V.1	Sài Gòn Phố Đông	Lê Văn Duy.	2008	(v. 1 : pbk.) ; (v. 2 : pbk.)
2329	895.9223 L755	Giải phẫ^u thẩm mỹ	Linh Mai.	2008	(pbk.)
2330	895.9223 L975	Mưa sâm cà^m : tập truyện ngắn	Lưu Sơn Minh.	2002	
2331	895.9223 L975	Truyện không nên đọc vào lúc giao thừa : tuyển tập truyện ma Việt Nam tiêu biểu	Lưu Minh Sơn tuyển chọn.	2003	(hard)
2332	895.9223 M111	Truyện ngắn chọn lọc Ma Văn Kháng.		2002	
2333	895.9223 M113	Tá^m ván phóng dao	Mạc Can.	2006	
2334	895.9223 M113	Những bầy mêo vô sinh	Mạc Can.	2008	8934974072966 (pbk.)
2335	895.9223 M266	Thử thay đổi thói quen : 9 bước làm mới bản thân	Mẫn Nguyễn.	2011	8935036647443 (pbk.)
2336	895.9223 M971	Mười bảy và những cơn mưa đà^u hạ.		2011	
2337	895.9223 N174	Truyện ngắn tuyển chọn	Nam Cao ; Lan Hương tuyển chọn.	2004	
2338	895.9223 N174 V.2 ; 895.9223 N174 V.1	Tuyển tập Nam Cao	[Hà Minh Đức biên soạn].	2003	
2339	895.9223 N576	37 nguyễn thị thu huệ : truyện ngăn.		2006	(pbk.)
2340	895.9223 N576	Tìm mẹ	Nguyễn Huy Tưởng.	2005	(pbk.)
2341	895.9223 N576	Dưới một mặt trời hung bạo	Nhi ề u tác giả ; dịch, Nguyễn Bản.	2007	(pbk.)
2342	895.9223 N576	Chạy tró^n	Nguyễn Cao Thâm.	2006	
2343	895.9223 N576	Truyện ngắn hay, 2006-2007	Nguyễn Thanh Bình.	2007	8935068001220 (pbk.)
2344	895.9223 N576	Gạ tình lá^y điểm : tiểu thuyé^t	Nguyễn Huy Thiệp.	2007	8935077005684 (pbk.)
2345	895.9223 N576	Con ngố	Nguyễn Hi ế u.	2007	
2346	895.9223 N576	Bản năng nháp	Nguyễn Xuân Hưng.	2007	
2347	895.9223 N576	Dòng sông hoa	Nguyễn Minh Thắng.	2007	
2348	895.9223 N576	Lá cờ thêu sáu chữ vàng = the banner embroidered with six golden characters	Nguyễn huy tưởng ; Hoàng Túy ngươi dịch.	2004	
2349	895.9223 N576	Những truyện thành thị	Nguyễn Huy Thiệp.	2004	
2350	895.9223 N576	50 truyện ngắn hay báo Ti ề n Phong : nhi ề u tác giả	Nguyễn Hoàng Sơn, Vũ Minh An tuyển chọn.	2006	
2351	895.9223 N576	Kho tàng chuyện nổi tié^ng thé^ giới vè^ loài vật	tuyển chọn và Biên dịch Nguyễn Mộng Hưng, Nguyễn Thị Tuyé^t Thanh.	2002	(v. 1 : hard)
2352	895.9223 N576	Thực như mơ	Nguyễn Ngọc.	2006	(pbk.)
2353	895.9223 N576	Những trang vié^t lạ : tập truyện ngắn	nhiè^u tác giả.	2005	8936020940625 (pbk.)
2354	895.9223 N576	Vàng xưa : tập truyện ngắn	Nguyễn Văn Thọ.	2007	(pbk.)
2355	895.9223 N576	Bong bóng lên trời : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2007	8934974008996 (pbk.)
2356	895.9223 N576	Bồ câu không đưa thư : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2007	8934974002628 (pbk.)
2357	895.9223 N576	Thằng quỷ nhỏ : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2007	8934974002703 (pbk.)
2358	895.9223 N576	Nữ sinh : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2007	8934974002673 (pbk.)
2359	895.9223 N576	Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Khải.		2002	(hard)
2360	895.9223 N576	Só^ng ở đời : tập truyện	Nguyễn Khải.	2003	(pbk.)
2361	895.9223 N576	Đêm bướm ma : tuyển tập truyện ma Việt Nam	Ngô Tự Lập, Lưu Sơn Minh, tuyển chọn và giới thiệu.	2001	(pbk.)
2362	895.9223 N576	Ngọa sinh và những chuyện đời	nhiè^u tác giả.	2005	8936020902005 (pbk.)
2363	895.9223 N576	Gió thiên đường : tập truyện ngắn	nhiè^u tác giả ; Nguyễn Anh Vũ, tuyển chọn.	2004	(pbk.)
2364	895.9223 N576	Mưa mặt nạ : tập truyện ngắn	Nhật Chiêu.	2008	(pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2365	895.9223 N576	Ký sự người đàn bà bị chồng bỏ	Nguyễn Thị Minh Ngọc.	2007	8932000113072 (pbk.)
2366	895.9223 N576	Truyện ngắn hay, 2006-2007. 2	Nguyễn Thanh Bình, tuyển chọn.	2008	(pbk.)
2367	895.9223 N576	Thất tình thì đã sao?	Ngọc Nga.	2007	8934974070818 (pbk.)
2368	895.9223 N576	Kể mãi chuyện tình yêu	Nguyễn Thị Thương.	2007	893497406815 (pbk.)
2369	895.9223 N576	Bút Máu : bộ các tác phẩm tinh tuyển của văn học Việt Nam qua các thời kỳ	Nhiều tác giả.	2008	8936041680128 (pbk.)
2370	895.9223 N576	Những câu truyện về lòng thương người	Nhiều tác giả.	2011	8934974107729 (pbk.)
2371	895.9223 N576	Những câu truyện về lòng trung thực	Nhiều tác giả.	2011	8934974107712 (pbk.)
2372	895.9223 N576	Việt Nam Danh Tác - Đoạn Tuyệt	Nhất Linh.	2016	
2373	895.9223 N576	Mãu thượng ngàn : tiểu thuyết	Nguyễn Xuân Khánh.	2013	9786049262166 ; 6049262160
2374	895.9223 N576	Bụng Phệ Nhanh Chân	Nguyễn Lệ Chi.	2017	9786042086240
2375	895.9223 N576	Của rơi : tập truyện ngắn	Nguyễn Việt Hà.	2004	(pbk.)
2376	895.9223 N576	Pha lê tình yêu	Ngọc Phương.	2007	8934974070825 (pbk.)
2377	895.9223 N576	Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ	Nguyễn Nhật Ánh.	2008	8934974072713 (pbk.)
2378	895.9223 N576	Truyện ngắn hay, 2007-2008	Nguyễn Thanh Bình.	2008	8935068001220 (pbk.)
2379	895.9223 N576 V.1	Kính vạn hoa. 1-5	Nguyễn Nhật Ánh.	2005	(v. 1 : pbk.) ; (v. 2 : pbk.) ; (v. 3 : pbk.) ; (v. 4 : pbk.) ; (v. 5 : pbk.)
2380	895.9223 N576 V.47	Kính Vạn Hoa. 47, Ngủ quên trên đồi	Nguyễn Nhật Ánh.	2012	9990000389247 (pbk.)
2381	895.9223 N962	Nửa đêm về sáng	nhiều tác giả.	2004	8936020940168 (hard)
2382	895.9223 P534	Ngài nghị sĩ	Phạm Chí Dũng.	2006	(pbk.)
2383	895.9223 P534	Hải âu xoải cánh : tiểu thuyết tình cảm	Phạm Côn Sơn.	2006	
2384	895.9223 P534	Người đàn bà bí ẩn : tập truyện ngắn	Phạm Thị Ngọc Liên.	2008	8934974071297 (pbk.)
2385	895.9223 P534 V.2 ; 895.9223 P534 V.1	Truyện ngắn đương đại Việt Nam : tác giả tự chọn	nhiều tác giả ; [những người tuyển chọn, Phạm Việt Long, Ma Văn Kháng, Tô Đức Chiêu].	2005	
2386	895.9223 P535	Công ty	Phan Hồn Nhiên.	2008	8934974073246 (pbk.)
2387	895.9223 P535 ; 895.9223 P535	Tiếng người	Phan Việt.	2008	8934974079576 (pbk.)
2388	895.9223 P577	Truyện ngắn hay tuổi trẻ Chủ nhật, 2003-2005	[biên tập, Phương Khanh, Ánh Tuyết].	2006	8934974056829 (pbk.)
2389	895.9223 P577 V.3	Mi-min và cuộc sống nhiệm màu. Tập 3	Phương Trinh, Tiến Thông, Tuyết Mai, Minh Thư	2011	8935036647863 (pbk.)
2390	895.9223 P829	Popo tìm bạn = Popo looks for a friend	Tove Krebs Lange	2011	8935036648464 (hbk.)
2391	895.9223 S698	Truyện ngắn tuổi 20	nhiều tác giả ; Sơn Khê, tuyển chọn.	2006	8935069902144 (pbk.)
2392	895.9223 S698	Bông sen vàng : tiểu thuyết	Sơn Tùng.	2006	(pbk.)
2393	895.9223 S698	Chừng đó mặt người đi qua	Song Khê.	2007	8934974070832 (pbk.)
2394	895.9223 S699	Hương rừng Cà Mau : tập truyện	Sơn Nam.	2013	9786041005105 (hard) ; 604100510X (hard)
2395	895.9223 T111	Nghĩ mãi rồi đẩy cửa : tập truyện ngắn	nhiều tác giả ; Tạ Duy Anh tuyển chọn.	2004	
2396	895.9223 T111	Giã biệt bóng tối : tiểu thuyết	Tạ Duy Anh.	2008	8936020080154 (pbk.)
2397	895.9223 T111	20 truyện ngắn đặc sắc về Hà Nội	Tạ Duy Anh ... [et al.] ; Nguyễn Thái Anh (Tuyển chọn)	2007	(pbk.)
2398	895.9223 T252	Thần hồ : truyện kinh dị	Tchya Đái Đức Tuấn.	2007	(pbk.)
2399	895.9223 T252	Ai hát giữa rừng khuya : truyện kinh dị đường rừng	Tchya Đái Đức Tuấn.	2007	
2400	895.9223 T358	Tuyển tập truyện ngắn	Thạch Lam.	2004	
2401	895.9223 T358	Truyện ngắn Thạch Lam : gió lạnh đầu mùa	[Thạch Lam].	2007	8935077028744 (pbk.)
2402	895.9223 T367	108 chuyện kể hay nhất về thế giới đồ chơi và đồ vật	Thanh Bình	2010	8935212301923 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2403	895.9223 T532	Rơi từng nắc châm	Thục Linh.	2006	8935083460033 (pbk.)
2404	895.9223 T532	Hô^ thiêng : tập truyện	Thu Trân.	2007	(pbk.)
2405	895.9223 T627	Quê nhà	Tô Hoài.	2007	8932000112464 (pbk.)
2406	895.9223 T627	Quê người	Tô Hoài.	2007	8932000112471 (pbk)
2407	895.9223 T627	Kẻ cướp bé^n Bỏi	Tô Hoài.	2007	8932000112495 (pbk.)
2408	895.9223 T772	Những đó^ng lửa trên vịnh Tây Tử	Trang Hạ.	2007	
2409	895.9223 T772	Phải lấ^y người như anh	Trà^n Thu Trang.	2007	
2410	895.9223 T772	Cô gái mất tích và sự trở v ề kỳ lạ	Trần Ngọc Lân, sưu tầm và biên soạn.	2007	
2411	895.9223 T772	Cocktail cho tình yêu	Trần Thu Trang.	2007	
2412	895.9223 T772	Đảo chìm	Trà^n Đăng Khoa.	2006	
2413	895.9223 T772	Nhân & quả xưa -- nay	Trần Ngọc Lân, chủ biên.	2007	8935077016918 (pbk.)
2414	895.9223 T772	Đá của trăm năm : tập truyện ngắ˜n	Trang Thanh.	2006	8935069900997 (pbk.)
2415	895.9223 T772	Chi ế c hộp tình yêu trong đêm Giáng sinh	Trà^n Tiễn Cao Đăng, tuyển chọn.	2004	8934974041900 (pbk.)
2416	895.9223 T772	Chim phương nam : tạp bút	Trần Bảo Định.	2017	9786046837640
2417	895.9223 T827	Lấp lánh tình đời : truyện và ký chọn lọc	Triệu Xuân.	2007	(pbk.)
2418	895.9223 T865	Lá không rơi vào mùa thu	Trúc Phương.	2004	8932000106616 (pbk.)
2419	895.9223 T871	Gió ấm : tiểu thuy ế t	Trung Đông.	2006	(pbk.)
2420	895.9223 T874	Truyện ngắ˜n lãng mạn	nhiề^u tác giả.	2005	
2421	895.9223 T874	Truyện ngắ˜n 5 tác giả nữ	Y Ban...[et al.].	2006	
2422	895.9223 T874	Truyện ngắ˜n hay dành cho bạn trẻ	nhiề^u tác giả.	2005	(pbk.)
2423	895.9223 T874	Truyện ngắn 1200 chữ : những truyện ngắn đoạt giải	nhi ề u tác giả.	2008	8934974072041 (pbk.)
2424	895.9223 T874 V.1	Truyện ngắ˜n tình yêu : thùy chi tuyển chọn	Nhi ề u tác giả.	2008	8935077001976 (v. 1 : pbk.) ; 8935077001976 (v. 2 : pbk.)
2425	895.9223 T883	8X	Từ Nữ Triệu Vương, tuyển chọn.	2006	8935077009637 (pbk.)
2426	895.9223 T913	Những câu chuyện phát triển chỉ số tình cảm EQ	Tuệ Văn.	2011	8935212309851 (pbk.)
2427	895.9223 T926	Con đường một chiề^u : tiểu thuyế^t	Bà Tùng Long.	2008	
2428	895.9223 T968 V.1	Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiế^u nhi	nhiề^u tác giả ; Trà^n Hoài Dương tuyển	2011	
2429	895.9223 T977	1 MB Yêu : bloggers	Nhi ề u tác giả.	2007	8936041680166 (pbk.)
2430	895.9223 V217	Và Cũng Đủ Lớn Để Mong Bé Lại	Văn Học Trẻ.	2016	
2431	895.9223 V394	V ề với mẹ : tuyển truyện nhi ề u tác giả.		2008	(pbk.)
2432	895.9223 V394	Về ^vơí mẹ.		2011	
2433	895.9223 V872	Kịch bản phim truyện	Võ Thị Hảo.	2006	
2434	895.9223 V872	Hô^n trinh nữ : tập truyện ngắn	Võ Thị Hảo.	2006	(hard)
2435	895.9223 V986	Giông tố	Vũ Trọng Phụng.	2006	(pbk.)
2436	895.9223 V986	Utopi, một miế^ng để đời	Vũ Bão.	2007	8935077026764 (pbk.)
2437	895.9223 V986	Truyện ngắ˜n chọn lọc	Vũ Bằ˜ng.	2003	(pbk.)
2438	895.9223 V986	Song song : tiểu thuy ế t	Vũ Đình Giang.	2007	(pbk.)
2439	895.9223 V986	108 truyện đồng thoại khoa học hay nhất	Vũ Bội Tuy ề n.	2010	8935212301886 (pbk.)
2440	895.9223 V986	108 truyện khoa học vui lý thú	Vũ Bội Tuy ề n.	2010	8935212301893 (pbk.)
2441	895.9223 V986 V.1 ; 895.9223 V986 V.2	Hào kiệt Lam Sơn. Tập I : trường thiên tiểu thuyế^t lịch sử	Vũ Ngọc Đĩnh.	2003	8935073004650 (v. 1 : hard) ; 8935073004667 (v. 2 : hard)
2442	895.9223 V986 V.2 ; 895.9223 V986 V.1	Tuyển tập Vũ Trọng Phụng	[Nguyễn Đăng Mạnh giới thiệu ; Nguyễn Đăng Mạnh, Trà^n Hữu Tá sưu tà^m, tuyển	2005	
2443	895.9223 W146	Tuổi Thanh Xuân Của Tôi	Waka.	2015	
2444	895.9223 Y94	Ở hà nội	Yuki.	2017	9786047733415
2445	895.9223008 V986	Truyện ngắ˜n 50 tác giả trẻ	Vũ Thụy An tuyển chọn.	2007	
2446	895.922301 H149	Hài hước và lãng mạn : tập truyện ngắ˜n	nhiề^u tác giả.	2010	
2447	895.922301 T874	Truyện ngắn 8X plus	nhi ề u tác giả.	2010	
2448	895.922308 T874	Truyện ngắ˜n trẻ chọn lọc	nhiề^u tác giả.	2008	(pbk.)
2449	895.92232 H678	Con nhà giàu	Hồ Biểu Chánh.	2015	9786046816966 ; 6046816963

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2450	895.92233 H678	Mẹ ghẻ con ghẻ	Hô Biểu Chánh.	2017	9786046832881 ; 6046832888
2451	895.92233 H987	Đừng để cô ấy cô đơn	Huỳnh Thắng.	2018	9786045647646 ; 6045647645
2452	895.92233 N174	Nam Cao tuyển tập	Nam Cao.	2022	9786043722437 ; 8935236427067
2453	895.92233 V986	Số đỏ : tiểu thuy ế t	Vũ Trọng Phụng.	2015	9786046963219 ; 8935095618620
2454	895.922334 D631	Đất rừng phương Nam	Đoàn Giỏi.	2013	9786046915829 ; 8935212312301
2455	895.922334 D928	B ế n không chồng : tiểu thuy ế t	Dương Hướng.	2015	9786041064911 ; 8934974133391
2456	895.922334 L433	Những Ngôi Sao Xa Xôi	Lê Minh Khuê.	2016	
2457	895.922334 N174	Túy Hoa Đình	Nam Đình.	2016	
2458	895.922334 N567	Ke hoach cua trai	Nguyen Ngoc Thach.	2015	9786046942672 ; 8936071850652
2459	895.922334 N576	49 cây cơm nguội : tập truyện ngắn	Nguyễn Quang Lập.	2013	8932000118565
2460	895.922334 N576	Gặp lại một người bạn nhỏ	Nguyễn Đổng Chi.	2015	9786041068926 ; 6041068926
2461	895.922334 P535	Uống Cà Phê, Nói Chuyện Mặt Trời	Linh Phan.	2016	
2462	895.922334 S698	Hương rừng Cà Mau : tập truyện	Sơn Nam	2016	9786041005105 ; 8934974124900
2463	895.922334 T364	Cổ tích Việt Nam bằng thơ	Thái Bá Tân ; illustrated by Chu Linh Hoàng.	2015	9786042188913
2464	895.922334 T627	Tuyển tập văn học vi ế t cho thi ế u nhi - TÔ HOÀI - 1: Truyện đ ồng thoại - Kịch	Tô Hoài.	2020	9786042190732
2465	895.922334 T627	Tuyển tập văn học vi ế t cho thi ế u nhi - TÔ HOÀI - 3 - Truyện các gương anh hùng cách mạng	Tô Hoài.	2020	9786042190756
2466	895.922334 T627	Tuyển tập văn học vi ế t cho thi ế u nhi TÔ HOÀI - 2 : Truyện sinh hoạt	Tô Hoài.	2020	9786042190749
2467	895.922334 T926	Giáng san nhà chồng	Bà Tùng Long.	2015	9786046952084 ; 8932000120889
2468	895.922334 V986	Thương Nhớ Mười Hai	Vũ Bằng.	2016	
2469	895.92234 A288	Để Gió Cuốn Đi	Ái Vân.	2016	9786045359372
2470	895.92234 A531	Đời chẳng có ai là hoàn hảo : tạp văn	An Lâm.	2017	9786046835233
2471	895.92234 A531	Có một ngày anh sẽ hiểu tình yêu : tập truyện ngắn	An Nhiên.	2017	8938507000099
2472	895.92234 B216 V.1 ; 895.92234 B216 V.2	Thú ăn chơi người hà nội	Băng Sơn.	2017	9786045523087 ; 9786045523094
2473	895.92234 B221	Khói bay v ề trời	Bão, Hà Mạnh Luân.	2015	9786046947073 ; 6046947073
2474	895.92234 B583	Mọi Cô Gái Đ ề u Thích Hoa Hồng	Bích Khoa.	2023	9786042331258
2475	895.92234 B652	Blog màu khoảnh khắc	nhi ề u tác giả.	2007	
2476	895.92234 B736	7 Ngày để nói anh yêu em	Born ; edited by Nguyễn Thu Hà.	2013	9786046905172 ; 8936062801786 (pbk.)
2477	895.92234 B917	BuBu ganh tỵ	[biên tập, Thanh Hương].	2013	
2478	895.92234 B929 ; 895.92234 B929	Buffet truyện ngắn Sài Gòn. tập 1 : truyện ngắn tự chọn của các nhà văn ở TP.HCM	nhi ề u tác giả.	2008	(pbk.)
2479	895.92234 B929 ; 895.92234 B929	Buffet truyện ngắn Sài Gòn. tập 2 : truyện ngắn tự chọn của các nhà văn ở TP.HCM	nhi ề u tác giả.	2008	(pbk.)
2480	895.92234 B932	Những hiệp sĩ Z Men. Tập 1	Bùi Chí Vinh.	2010	
2481	895.92234 C235	A lê hấp ké xanh : truyện dài	Cao Nguyệt Nguyên.	2017	9786046489658
2482	895.92234 C371 V.2	Câu chuyện nhỏ ý nghĩa lớn. Tập 2	nhóm biên soạn, Dương Minh Hào, Ki ề u Đặng Tố Linh, Nguyễn Anh Kiên.	2018	9786046921400 ; 6046921406 ; 9786046921394 ; 6046921392
2483	895.92234 C385	Vợ ơi! anh bi ế t lỗi rồi!	Caycodai	2012	8976046901866 (pbk.)
2484	895.92234 C532	Bồ công anh bất tử : tiểu thuy ế t giả tưởng	Chi Chan; Nguyễn Thu Hà biên tập.	2015	9786046970491 ; 8936062807993
2485	895.92234 C559	Tuyển tập truyện ngắn	Chu Lai, Vũ Thị Hồng.	2013	8935075928039 (pbk.)
2486	895.92234 C559	Khúc bi tráng cuối cùng	Chu Lai.	2013	8935075927971 (pbk.)
2487	895.92234 C559	Cuộc đời dài lắm	Chu Lai ; edited by Thu Hà.	2013	8935075927988 (pbk.)
2488	895.92234 C559	Vòng tròn bội bạc	Chu Lai.	2013	8935075927964 (pbk.)
2489	895.92234 C559	Darling chúng ta ly hôn nhé. 2	Chu Y Điểm Thủ.	2013	9786046903505 (pbk.)
2490	895.92234 C559	Phố	Chu Lai	2013	8935075928015 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2491	895.92234 C559	Chỉ còn một lần : tiểu thuy ế t	Chu Lai	2013	8935075928008 (pbk.)
2492	895.92234 C559	Ba lần và một lần : tiểu thuy ế t	Chu Lai.	2013	8935075927995 (pbk.)
2493	895.92234 C559	Nắng đồng bằng	Chu Lai.	2013	8935075928022 (pbk.)
2494	895.92234 C564	Gom nắng cho em	Chúy ; edited by Bùi Phương Thúy.	2013	8936066701006 (pbk.)
2495	895.92234 C743 V.1	Con ma cây vả. Tập 1, Baydonnet : giai đoạn trung - cận - hiện đ ai : hà hoa tuỷen chọn	Nhi ề u Tác Giả.	2013	9786049263927 (pbk.)
2496	895.92234 C961	Đàn ông trưởng thành không vô tâm	Cu Trí.	2017	9786045525241
2497	895.92234 C991	Anh Bi ế t Gió Từ Đâu Tới (Trọn Bộ 2 Tập)	Cửu Nguyệt Hi.	2016	9786045367353(v.1)
2498	895.92234 D154	Chuyện nhỏ sài gòn	Đàm Hà Phú.	2014	9786046903871 (pbk.)
2499	895.92234 D154	365 ngày yêu	Đàm Ngân.	2012	9786045607473 (pbk.)
2500	895.92234 D182	Bức xúc không làm ta vô can	Đặng Hoàng Giang; Nguyễn Hoàng Giang minh họa.	2015	9786045342411 ; 8935235206632
2501	895.92234 D211	Rượu của thời chưa sinh : truyện ngắn chọn lọc	Đào Bá Đoàn.	2007	
2502	895.92234 D211	Một chuy ế n đi xa	Đào Hi ế u.	2013	8934974117568 (pbk.)
2503	895.92234 D363	Khi tôi còn bé : Nhật ký mẹ và bé	Delphine ; Bích Liễu.	2013	
2504	895.92234 D536	Gã tây kia sao lấy được vợ Việt	Di Li.	2015	9786049269387
2505	895.92234 D536	Đôi khi tình yêu vẫn hay đi lạc đường : tập truyện ngắn hài	Di Li.	2017	9786045638842
2506	895.92234 D576	Tầng thứ nhất	Dili.	2007	8935068002364 (pbk.)
2507	895.92234 D629	Dường như em đã yêu : tập truyện ngắn	Nhi ề u tác giả.	2012	3101018867795 (pbk.)
2508	895.92234 D631	Người khách đêm giao thừa : tập truyện ngá ˜n	Đoàn Lê.	2007	8935069904674 (pbk.)
2509	895.92234 D631	Mưa ở ki ế p sau	Đoàn Minh Phượng.	2007	(pbk.)
2510	895.92234 D631	Tiè ˆn định : tiểu thuyé ˆt	Đoàn Lê.	2010	
2511	895.92234 D631	Hãy im lặng và hôn em đi	Đỗ Đức Anh.	2013	8934974118619 (pbk.)
2512	895.92234 D631	Gần như là sống : tiểu thuy ế t	Đỗ Phấn.	2013	8934974116813 (pbk.)
2513	895.92234 D631	V ế t Gió	Đỗ Phấn.	2016	
2514	895.92234 D631	Thác hoa : tập truyện ngắn	Đỗ Phấn.	2016	9786041091306 ; 6041091308
2515	895.92234 D631	Vắng mặt : tiểu thuy ế t	Đỗ Phấn.	2017	9786041091313 ; 6041091316
2516	895.92234 D631	Rong chơi mi ề n ký ức : tiểu thuy ế t	Đỗ Phấn.	2017	9786041097025 ; 6041097020
2517	895.92234 D631	Không thể gục ngã	Đỗ Mỹ Dung.	2017	9786045986189
2518	895.92234 D631	B ế p ấm của mẹ : quê hương, gia đình và tuổi thơ tôi	Đỗ Phương Thảo.	2017	9786041109193
2519	895.92234 D631	Hoa vàng dọc suối	Đỗ Xuân Thảo.	2017	9786045987735
2520	895.92234 D631	Những bài học ngoài trang sách	Đỗ Nhật Nam.	2018	9786045991176 ; 6045991176
2521	895.92234 D682	Đông này ai sưởi ấm cho ta : tuyển tập truyện ngắn	Nhi ề u Tác Giả.	2013	8936055590284 (pbk.)
2522	895.92234 D812	Chỉ nhớ người thôi, đủ h ế t đời : tuỳ bút	Du Tử Lê.	2017	9786046995760
2523	895.92234 D916	Đừng coi ai đó là cả th ế giới : tản văn	VTC tuyển chọn ; Nhi ề u tác giả.	2017	9786049571428
2524	895.92234 D928	TKhông Cùng Tầng Bay	Dương Nữ Khánh Thương.	2023	9786042331234
2525	895.92234 D928	Hai Người Đ ế n Từ Phương Xa	Dương Thụy.	2023	9786042331227
2526	895.92234 D928	Oxford thương yêu	Dương Thụy.	2008	8934974079569 (pbk.)
2527	895.92234 D928	Giày đỏ	Dương Bình Nguyên.	2007	(pbk.)
2528	895.92234 D928	Nhá ˜m má ˜t thá ˆy Paris	Dương Thụy.	2013	9786041006119 (pbk.) ; 6041006114 (pbk.)
2529	895.92234 D928	Nhá ˜m má ˜t thá ˆy Paris	Dương Thụy.	2013	9786041006119 (pbk.) ; 6041006114 (pbk.)
2530	895.92234 D928	Chờ em đ ế n San Francisco : truyện dài	Dương Thụy.	2016	9786041051317 ; 6041051314
2531	895.92234 D928	Oxford thương yêu	Dương Thụy.	2016	9786041005273 ; 6041005274
2532	895.92234 D928	Chúng ta đâu chỉ sống cho riêng mình : tản văn	Dương Thùy (Rei).	2016	9786045520918

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2533	895.92234 D928	Hoa mong manh	Dương Linh.	2013	8936062801304 (pbk.)
2534	895.92234 D993	Bồ câu chung mái vòm : tập truyện ngắn	Dương Thụy	2013	8934974099345 (pbk.)
2535	895.92234 G211	Tự sát	Gào.	2011	8936037748443 (pbk.)
2536	895.92234 G211	Nhật ký son môi	Gào.	2012	8936037749860 (pbk.)
2537	895.92234 G211	Mẹ, em bé & bố	Gào.	2017	9786047731428
2538	895.92234 G573	Đoạn đường ký ức	Gỗ và Born.	2014	9786046937371 ; 604693737X
2539	895.92234 G573	Đoạn đường ký ức	Gỗ & Born.	2015	9786046937371 ; 604693737X
2540	895.92234 H111	Phù Sa Của Bầu Trời	Hà Thanh Phúc.	2023	9786042331265
2541	895.92234 H111	Chuyện tình New York = New York love stories	Hà Kin.	2007	8936038600016 (pbk.)
2542	895.92234 H111	Chuyện tình đêm mùa hạ : tiểu thuyết tuổi teen	Hà Thiện Thuyên.	2007	8935072821562 (pbk.)
2543	895.92234 H111	Chuyện tình New York = New York love stories	Hà Kin.	2010	
2544	895.92234 H111	Người đàn bà điên tầng 9	Hà Thanh Phúc.	2011	9786041007154 (pbk.) ; 6041007153 (pbk.)
2545	895.92234 H111	Cô gái u80	Hà Mạnh.	2013	9786046904410 (pbk.)
2546	895.92234 H111	Đàn bà thì phù phiếm	Hà Thanh Vân.	2017	9786045642092
2547	895.92234 H111	Tớ có một nỗi buồn mang tên cậu : tản văn	Hạ Yên.	2017	9786049570940
2548	895.92234 H117	Tuổi Trẻ Chia Đôi	Hạc Xanh.	2016	
2549	895.92234 H117	Chẳng lẽ ở vậy thiệt sao?	Hạc Xanh.	2017	9786049573613
2550	895.92234 H149	Lê Lựu	Hai Nhà ; edited by Khánh Vân.	2012	8935075927759 (pbk.)
2551	895.92234 H623	Đôi Khi Muốn Có Ai Đó Cạnh Bên	Hi Trần	2015	9786046967576 ; 8936062808044
2552	895.92234 H633	Tuổi Trẻ Lạc Lối Và Những Cuốn Sách Của Tôi	Hiền Trang.	2016	
2553	895.92234 H659	Ngay từ đầu em đã thuộc về anh	Hinami Trầm.	2014	3104228983422
2554	895.92234 H678	Một Cuộc Chiến Dữ Dội	Hoàng Anh Tú.	2023	9786042331241
2555	895.92234 H678	Người đang yêu	Hoàng Nghĩa.	2007	
2556	895.92234 H678	Thế giới trùm chăn : tập truyện cực ngắn	Hoàng Long.	2007	(pbk.)
2557	895.92234 H678	Mắc kẹt ở thiên đường	Hoàng Anh Tú.	2011	9786046900009 (pbk.) ; 604690000X (pbk.)
2558	895.92234 H678	Mắc kẹt ở thiên đường	Hoàng Anh Tú.	2011	8936037793016 (pbk.)
2559	895.92234 H678	Dưới nắng trời châu Âu	Hoàng Yến Anh	2013	9786046903895 (pbk.)
2560	895.92234 H678	Cựu hoàng Bảo Đại	Hoàng Trọng Miên.	2011	1116020014657 (pbk.)
2561	895.92234 H678	Chỉ tình yêu, là đủ	Hoàng My ; edited by Kim Phước.	2013	9786046808114 (pbk.)
2562	895.92234 H678	Cay đắng mùi đời	Hồ Biểu Chánh ; edited by Trung Kiên.	2014	9786046813774 (pbk.)
2563	895.92234 H678	Cõi người rung chuông tận thế	Hồ Anh Thái.	2013	9786041018341 (pbk.)
2564	895.92234 H678	Cõng nhau trong một cõi người	Hoàng Công Danh.	2013	8934974118633 (pbk.)
2565	895.92234 H678	Bỏ chồng	Hồ Biểu Chánh.	2013	9786046805472 (pbk.)
2566	895.92234 H678	Bỏ vợ	Hồ Biểu Chánh.	2013	9786046805465 (pbk.)
2567	895.92234 H678	Ăn theo thuở ở theo thời	Hồ Biểu Chánh.	2014	9786046813804 (pbk.)
2568	895.92234 H678	Người đàn bà trên đảo	Hồ Anh Thái.	2015	8934974132059 ; 9786041067684
2569	895.92234 H678	Kẻ làm người chịu	Hồ Biểu Chánh.	2015	9786046816997
2570	895.92234 H678	Tuổi Trẻ Nào Rồi Cũng Sẽ Qua	Kai Hoàng.	2015	
2571	895.92234 H678	Tự kể	Hồ Anh Thái.	2016	9786041075191 ; 6041075191
2572	895.92234 H678	Lang thang trong chữ : tiểu luận	Hồ Anh Thái.	2016	9786041075184 ; 6041075183

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2573	895.92234 H678	Đức Phật, nàng Savitri và tôi : tiểu thuyế ̂t	Hồ Anh Thái.	2015	9786041067691 ; 6041067695
2574	895.92234 H678 V.1	Tám tri ề u vua lý	Hoàng Quốc Hải.	2017	8935099256873 ; 9786045640302 ; 9786045640319 ; 9786045640326 ; 9786045640333
2575	895.92234 H772	Cỏ dại	Hồng Thủy ; edited by Trí Vu, Vũ Huy.	2013	9786041020683 ; 8934974121800 (pbk.)
2576	895.92234 H772	Chút tình còn lại	Hồng Thuỷ.	2013	8934974120100 (pbk.)
2577	895.92234 H887	Chim Ra Ràng Hạnh Phúc	Huệ Hương Hoàng.	2023	9786042320290
2578	895.92234 H887	Cây nước mắt	Huệ Ninh.	2015	9786045338711 ; 8936071880536
2579	895.92234 H957	Tũn tồ	Hương Thị.	2013	8935036667366
2580	895.92234 H987	Chạy trốn yêu thương	Huy ề n Nhím.	2013	8936062802066 (pbk.)
2581	895.92234 H987	Đời có bao nhiêu lần cho ta đôi mươi : truyện vừa	Huỳnh Tuấn Anh, Nguyễn Duy Quy ề n.	2017	9786046837558
2582	895.92234 J95	N ế u như không thể nói n ế u như	Jun Phạm.	2013	8936066701181 (pbk.)
2583	895.92234 K45	Trên lưng ngựa	Minh Khoa.	2013	8934974117544 (pbk.)
2584	895.92234 K45	Làm dâu nước Anh	Khanh Record.	2014	9786045622339 ; 6045622332
2585	895.92234 K45	Đủ xa sẽ cũ, đủ lạ sẽ quên	Khải Vệ.	2017	9786047734528
2586	895.92234 K45	Sách âm thanh : động vật hoang dã	Khánh Vân ; Minh hoạ: Quỳnh Rùa.	2021	9786045579763
2587	895.92234 K47	Đường yêu : tập truyện ngắ ̆n	Kiề ̂u Thị Bích Hậu.	2007	(pbk.)
2588	895.92234 K47	Mây vàng : tập truyện ngắ ̆n	Ki ề u Bích Hậu.	2011	8935069912846 (pbk.)
2589	895.92234 K47	Hoa hồng không ở cùng mắm tôm : tập truyện ngắn và vừa	Ki ề u Bích Hậu.	2017	9786045640944
2590	895.92234 K49	Cò trắng vườn chim	Kim Hài ; edited by Trí Vũ.	2013	8934974118220 (pbk.)
2591	895.92234 L111	Tam Quốc Diễn Nghĩa (Hộp 6 Tập)	La Quán Trung.	2016	
2592	895.92234 L185	Hệ lụy	Lại Văn Sinh.	2013	8932000117902 (pbk.)
2593	895.92234 L243	Phép thuật của tiên nhóc	Lan Thương ; Thanh Xuân minh họa.	2014	9786041045965 ; 6041045969
2594	895.92234 L243	Quái vật nhí đi lạc	Lan Thương ; Đinh Ngọc Duy minh họa.	2014	9786041030565 ; 6041030562
2595	895.92234 L433	Lên núi thả mây : tập truyện ngắn	Lê Văn Thảo.	2011	8936024916329 (pbk.)
2596	895.92234 L433	Ông bộ trưởng : tiểu thuy ế t	Lê Ti ế n Dũng.	2013	8935075928978 (pbk.)
2597	895.92234 L433	Mùa hè năm petrus : truyện dài	Lê Văn Nghĩa.	2012	8934974116059 (pbk.)
2598	895.92234 L433	Vợ bé nhỏ anh yêu em	Lê Thanh Mai.	2015	9786046934608
2599	895.92234 L433	Gái Xinh Nổi Loạn	Lê Hoàng; Nhà xuất bản Văn hóa văn nghệ TPHCM.	2015	9786046819448 ; 8932000121497
2600	895.92234 L433	Vì Chưa Bao Giờ K ế t Thúc	Lê Hữu Nam.	2016	9786046830399
2601	895.92234 L433	Vị Hôn	Lê Nguyễn Nhật Linh.	2016	
2602	895.92234 L433	Làm dâu nước Pháp : tự truyện	Hiệu Constant.	2014	9786045622322 ; 6045622324
2603	895.92234 L433	Donald Trump và cô bé sài gòn	Lê Hoàng.	2017	9786045867778
2604	895.92234 L433	Đi như là ở lại	Lê Vũ Trường Giang.	2017	9786045869871
2605	895.92234 L433	Ngày đi trên chữ : tùy bút	Lê Minh Quốc.	2017	9786049601200
2606	895.92234 L566	Những v ế t xước màu rêu	Leng Keng.	2012	8936062800710 (pbk.)
2607	895.92234 L794	Làm th ế nào ra khỏi những giấc mơ? : tuyển truyện ngắ ̆n hay Báo Văn Nghệ 2010	Nhi ề u tác giả.	2011	8936024916213 (pbk.)
2608	895.92234 L926	Truyện trạng quỳnh	Lữ Huy Nguyên.	2017	8936071671042
2609	895.92234 L931	Từ chruyện nhà ra chruyện giường	Lục Lục ; Dung Lê.	2010	8935210202567 (pbk.)
2610	895.92234 L964	Ai Rồi Cũng Phải Học Cách Cố Quên Đi Một Người	Lương Đình Khoa	2014	9786046919148 ; 8936062802608
2611	895.92234 L964	Việt Nam Thi Ca Luận Và Văn Chương Xã Hội	Lương Đức Thiệp.	2016	
2612	895.92234 L975	Những tâm hồn đồng điệu	Lưu Quang Minh.	2013	8936037794877 (pbk.)
2613	895.92234 L975	Thánh gióng và bé nê	Lưu Trọng Văn.	2013	8934974118176 (pbk.)
2614	895.92234 L981	Bảo Đại - Hoàng Đ ế Cuối Cùng	Lý Nhân Phan Thứ Lang.	2018	9786047743094

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2615	895.92234 L981 ; 895.92234 L981	Tiểu thuyé^t đàn bà	Lý Lan.	2008	(pbk.)
2616	895.92234 M111	Tró^n nợ : tập truyện ngắ˘n	Ma Văn Kháng.	2009	
2617	895.92234 M111	Tôi và trai đẹp	Ma Mạt Mạt.	2013	8935095615636 (pbk.)
2618	895.92234 M113	Phóng viên mồ côi : tiểu thuy ế t	Mạc Can.	2007	(pbk.)
2619	895.92234 M113	Người nói tié^ng bô^ câu : tuyển truyện ngắ˘n hay và mới nhá	Mạc Can.	2007	(pbk.)
2620	895.92234 M114	Trên n ề n tuy ế t trắng xóa : tập truyện ngắn	McAmmond Nguyễn Thị Tư.	2009	
2621	895.92234 M217	Đầy tớ trần gian	Mai Thy.	2015	9786046817222
2622	895.92234 M479	Mẹ là đi ề u kỳ diệu nhất : tản văn	Nhi ề u Tác Giả.	2017	9786046474852
2623	895.92234 M664	Café yêu : tập truyện	Minh Nhật	2011	8935212313698 (pbk.)
2624	895.92234 M664	Những đêm không ngủ : tản văn	Minh Nhật	2013	8936062801441 (hbk.)
2625	895.92234 M664	Giấc mơ có mẹ	Minh Vy.	2013	8932000118220 (pbk.)
2626	895.92234 M664	Café yêu	Minh Nhật.	2013	8935212313698 (pbk.)
2627	895.92234 M664	Chat room : tập truyện ngắn	Minh Thùy.	2008	8932000113706 (pbk.)
2628	895.92234 M687	Mở lòng và yêu đi! : truyện tập truyện ngắn	Blogradio.vn tuyển chọn.	2016	9786046949749 ; 6046949742
2629	895.92234 N174	Vu quy	Nam Dao	2013	9786045302873 (pbk.)
2630	895.92234 N174	Trăng nguyên sơ : tiểu thuy ế t	Nam Dao.	2008	(pbk.)
2631	895.92234 N178	Cát tường, mùa hạ và anh	Nắng.	2013	8936062801335 (pbk.)
2632	895.92234 N178	Có hẹn với bình yên	Nắng Lạnh.	2017	9786048845612
2633	895.92234 N576	Những ngọn lửa xanh : tiểu thuy ế t	Nguyễn Khắc Phê.	2008	8935069905053 (pbk.)
2634	895.92234 N576	Tưởng chừng đã quên	Nguyên Minh.	2007	(pbk.)
2635	895.92234 N576	Xin lỗi em, anh đã yêu anh ấy : tiểu thuyé^t	Nguyễn Thơ Sinh.	2007	(pbk.)
2636	895.92234 N576	Nhi ề u cách sống : tiểu thuy ế t	Nguyễn Quỳnh Trang.	2008	8936024912161 (pbk.)
2637	895.92234 N576	Quán rượu cowboy : tập truyện ngắn	Nguyễn Minh Sơn.	2006	(pbk.)
2638	895.92234 N576	Ngôi trường mọi khi : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2013	9786041005150 (pbk.) ; 6041005150 (pbk.)
2639	895.92234 N576	Nước mắ˘t một thời : tiểu thuyé^t	Nguyễn Khoa Đăng.	2009	9980000038221 (pbk.)
2640	895.92234 N576	Bướm trắng	Nhất Linh.	2009	
2641	895.92234 N576	Ngọn đèn không tắt	Nguyễn Ngọc Tư.	2012	
2642	895.92234 N576	Họ vẫn chưa v ề : tiểu thuy ế t	Nguyễn Th ế Hùng.	2009	
2643	895.92234 N576	Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2013	9786041000698 (pbk.) ; 6041000698 (pbk.)
2644	895.92234 N576	Tôi là bêtô : truyện	Nguyễn Nhật Ánh.	2013	9786041005426 (pbk.) ; 6041005428 (pbk.)
2645	895.92234 N576	Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ	Nguyễn Nhật Ánh.	2010	
2646	895.92234 N576	Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ : truyện dài	Nguyễn Ngọc Thuần.	2013	9786041006126 (pbk.) ; 6041006122 (pbk.)
2647	895.92234 N576	Hố sâu, rắn, seọ và tình yêu : [truyện ngắ˘n]	Nguyễn Quỳnh.	2011	9786041002401 (pbk.) ; 6041002402 (pbk.)
2648	895.92234 N576	Những đêm châu chấu : tuyển tập truyện ngắn thi ế u nhi	Nguyễn Thúy Loan.	2009	9980000034162 (pbk.)
2649	895.92234 N576	Thiên đường xám	Đõ^ Nguyễn.	2010	
2650	895.92234 N576	Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ : truyện	Nguyễn Nhật Ánh.	2013	9786041004757 (pbk.) ; 6041004758 (pbk.)
2651	895.92234 N576	Em 17 tuổi : truyện vừa	Nguyễn Thị Việt Nga.	2011	8935069912488 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2652	895.92234 N576	Học cách yêu thương : hóa giải bất đồng trong đời sống lứa đôi	Nguyễn Kim Dân	2011	8935073077869 (pbk.)
2653	895.92234 N576	Đất nước đứng lên : tiểu thuy ế t	Nguyên, Ngọc.	2013	8935036667601 (pbk.)
2654	895.92234 N576	Ngồi khóc trên cây : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2013	8934974119807 (hbk.)
2655	895.92234 N576	Ngày hôm qua … đã từng : my life	Nguyễn Mon.	2012	8936062800604 (pbk.)
2656	895.92234 N576	Thằng quỷ nhỏ : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2011	8934974100867 (pbk.)
2657	895.92234 N576	Bàn có năm chỗ ngồi : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2010	8934974100720 (pbk.)
2658	895.92234 N576	Lá nằm trong lá	Nguyễn, Nhật Ánh.	2012	9786041003637 (pbk.)
2659	895.92234 N576	Hồ Quý Ly : tiểu thuy ế t lịch sử	Nguyễn Xuân Khánh	2013	8935069913553 (pbk.)
2660	895.92234 N576	Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ : truyện dài	Nguyễn Ngọc Thuần.	2011	9786041006126 (pbk.)
2661	895.92234 N576	20 truyện ngắn đặc sắc v ề hà nội	Nguyễn Thái Anh	2013	8936040370907 (pbk.)
2662	895.92234 N576	Ti ế ng hát liêu điêu : tập truyện ngắn	Nguyễn Mỹ Nữ	2013	8934974117179 (pbk.)
2663	895.92234 N576	Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh	Nguyễn Nhật Ánh	2011	8934974099208 (pbk.)
2664	895.92234 N576	Yêu bằng tai : tập truyện ngắn	Nguyên Hương.	2011	8934974099352 (pbk.)
2665	895.92234 N576	Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ	Nguyễn Nhật Ánh.	2011	8934974106029 (pbk.)
2666	895.92234 N576	Tổ mẫu làng hoa	Nguyễn Văn Sang	2013	8934974118527 (pbk.)
2667	895.92234 N576	Tình dại khờ	Ngũ Mỹ Trân ; Tuệ Văn.	2011	8935212307628 (pbk.)
2668	895.92234 N576	Sông	Nguyễn Ngọc Tư.	2012	8934974115021 (pbk.)
2669	895.92234 N576	Đội gạo lên chùa	Nguyễn Xuân Khánh.	2013	8935069913928 (hbk.)
2670	895.92234 N576	Cơ hội của chúa	Nguyễn Việt Hà.	2014	8934974117476 (pbk.)
2671	895.92234 N576	Bãi vàng, đá quý, trầm hương	Nguyễn Trí.	2013	8934974118756 (pbk.)
2672	895.92234 N576	Bước đường cùng	Nguyễn Công Hoan.	2013	8935212322522 (pbk.)
2673	895.92234 N576	Con giai phố cổ	Nguyễn Việt Hà ; edited by Trương Quỵ.	2014	9786041017672 ; 8934974117469 (pbk.)
2674	895.92234 N576	Dù chỉ sống thêm một ngày, anh vẫn sẽ chọn em	Nguyễn Ngọc Tuy ề n.	2013	8936062800963 (pbk.)
2675	895.92234 N576	Chênh vênh 25	Nguyễn Ngọc Thạch.	2014	8936062803230 (pbk.)
2676	895.92234 N576	Hồ quý ly : tiểu thuyê ̂t lịch sử	Nguyễn Xuân Khánh.	2012	8935069913553 (pbk.)
2677	895.92234 N576	Anh đã đợi em, từng ngày	Nguyễn Thị Thanh Bình.	2013	8934974121565 (pbk.)
2678	895.92234 N576	Đàn bà uống rượu	Nguyễn Việt Hà.	2013	9786041022072 (pbk.)
2679	895.92234 N576	Đánh cược với yêu thương	Yudin Nguyễn.	2013	8936071850126 (pbk.)
2680	895.92234 N576	Cho tôi xin một vé đi tủôi thơ : truyện	Nguyễn Nhật Ánh.	2010	9786041004757 ; 8936062803957
2681	895.92234 N576	Đi o’ nho’ ve : tan van	Ngô Kinh Luân.	2015	9786045337998 ; 8936049953033
2682	895.92234 N576	Lòng dạ đàn bà	Nguyễn Ngọc Thạch.	2016	9786046955481 ; 8936071850713
2683	895.92234 N576	Là thương, là nhớ, hay là yêu?	nhi ề u tác giả.	2014	9786046930013
2684	895.92234 N576	Tuổi Trẻ Đáng Giá Bao Nhiêu	Rosie Nguyễn.	2017	
2685	895.92234 N576	Từ Thở, Những Người Lạ	Nhã Thuyên.	2015	
2686	895.92234 N576	V ế t Thương Hoa Hồng	Nguyễn Văn Học.	2016	
2687	895.92234 N576	Văn Mới 2015 - 2016	Nhi ề u tác giả.	2017	
2688	895.92234 N576	Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ : truyện	Nguyễn Nhật Ánh.	2017	9786041004757 ; 6041004758

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2689	895.92234 N576	Ngày xưa có một chuyện tình : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2017	9786041092570 ; 6041092576
2690	895.92234 N576	Cô gái đ ế n từ hôm qua : truyện dài	Nguyễt Nhật Ánh.	2017	9786041004825 ; 6041004820
2691	895.92234 N576	Người tị nạn : tập truyện ngắn	Viet Thanh Nguyen ; Phạm Viêm Phương	2017	9786045385838
2692	895.92234 N576	Mùi của cố hương	Nguyễn Quốc Vương.	2017	9786045640104
2693	895.92234 N576	Giao thừa : tập truyện ngắn	Nguyễn Ngọc Tư.	2017	9786041004993
2694	895.92234 N576	Cây chuối non đi giày xanh : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2017	9786041109346
2695	895.92234 N576	Ai cũng có một khoảng trời giấu kín	Nguyễn Khánh Linh.	2017	9786049542671
2696	895.92234 N576	Cho Trận Gió Kinh Thiên	Nguyễn Thị Thụy Vũ.	2017	9786045367070
2697	895.92234 N576	Cảm Ơn Người Lớn	Nguyễn Nhật Ánh.	2018	9786041132016
2698	895.92234 N576	Mình ơi, anh cưới dòng sông nhé? : tạp bút	Nguyễn Văn Học.	2018	9786046848479
2699	895.92234 N576	Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng : truyện	Nguyễn Nhật Ánh.	2019	9786041084681 ; 8934974139034
2700	895.92234 N576	Hoa hồng xứ khác : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2019	9786041005082 ; 8934974158660
2701	895.92234 N576	Bảy bước tới mùa hè : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2019	9786041140707 ; 8934974160199
2702	895.92234 N576	Mắt bi ế c : truyện dài	Nguyễn Nhật Ánh.	2020	9786041150294 ; 8934974163442
2703	895.92234 N576	Con chim xanh bi ế c bay v ề	Nguyễn Nhật Ánh.	2020	9786041174481
2704	895.92234 N576	Truyện Ki ề u tự kể	Cao Nguyệt Nguyên, 12 họa sĩ minh họa.	2020	9786042192576
2705	895.92234 N576	Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ : phiên bản màu có minh hoạ : truyện dài	Nguyễn Ngọc Thuần.	2021	9786041179820
2706	895.92234 N576	Chuyển giới : b tư truyện của Ngọc	Nguyễn Ngọc Thạch.	2013	8936062801304 (pbk.)
2707	895.92234 N576	1001 câu chuyện phát triển chi sốEQ	Ngọc Khánh.	2010	8935212301770
2708	895.92234 N576	Chúc một ngày tốt lành : truyện	Nguyễn Nhật Ánh ; Đỗ Hoàng Tường minh họa.	2015	9786041045897 ; 6041045896
2709	895.92234 N576	Cách nhau chỉ một giấc mơ : tạp bút	Nguyễn Thị Hậu.	2015	9786041067967 ; 6041067962
2710	895.92234 N576	Chuy ế n phiêu lưu đ ế n xứ sở bên kia thác Mây Mù : truyện dài	Nguyệt Nguyệt.	2014	9786046951964 ; 6046951968
2711	895.92234 N576	Cánh đồng bất tận : tap truyen ngan	Nguyễn Ngọc Tư.	2009	8934974081081 (pbk.)
2712	895.92234 N577	Nơi ngực phải một trái tim : tuyển tập truyện ngắn hay nhất v ề tình yêu	Nhi ề u Tác Giả.	2013	8938506999196 (pbk.)
2713	895.92234 N632	Tôi 20+	Nick D.	2008	8936038600115 (pbk.)
2714	895.92234 O45	Ba tên béo Ị	Iuri Caclovit Olesa ; Đoàn Phan Chín	2011	8935036645432 (pbk.)
2715	895.92234 O58	Bình An Giữa Những Ngổn Ngang	Doris Ong.	2023	9786047791491
2716	895.92234 P534	Hoàng tử và em : truyện dài	Meggie Phạm.	2011	9786041002784 (pbk.) ; 604100278X (pbk.)
2717	895.92234 P534	Hoàng tử và em : truyện dài	Meggie Phạm	2011	8934974099734 (pbk.)
2718	895.92234 P534	Chàng và em : truyện dài : tái bản là ̂n thứ nhât.	Meggie Phạm.	2012	9786041013155 (pbk.)
2719	895.92234 P534	Đánh doi	Pham Anh Tuan.	2015	9786048630447 ; 8936071850669
2720	895.92234 P534	Chốn bình yên, để khóc! : tập truyện ngắn	Phạm Kim Sơn.	2015	9786046821045
2721	895.92234 P535	Giường	Phan An.	2007	(pbk.)
2722	895.92234 P535	Bởi vì ta thuộc v ề nhau	Phan Anh.	2008	8936041680210 (pbk.)
2723	895.92234 P535	Ai quy ế n rũ ai : tạp văn	Phan An.	2015	8935212325387
2724	895.92234 P535	Làm dâu nước Đức	Phan Hà Anh.	2014	9786045616000 ; 6045616006
2725	895.92234 P535	V ề nhà	Phan Việt.	2017	9786045372432
2726	895.92234 P535	Mùa sương thương mẹ : tản văn	Phan Đức Lộc.	2017	9786042093729
2727	895.92234 P535	Dưới sao mẹ kể con nghe	Phan Thị Hồ Điệp.	2016	9786045957905 ; 6045957903
2728	895.92234 P574	Cuộc chi ế n tình ti ề n : tiểu thuy ế t tâm lý xã hội	Phó Dao ; Thành Khẳng, Ti ề n Thành.	2013	8935073099281 (pbk.)
2729	895.92234 P577	Chuyen con chuyen cha : tan van	Phúc Lai.	2015	9786041056503 ; 8934974132677
2730	895.92234 P943	Thủy thần nhỏ	Otfried Preussler ; Winnie Gayler ; Tạ Quang Hiệp	2013	8935036668158 (pbk.)
2731	895.92234 Q1	100 câu chuyện v ề tình cảm	Quách Thành ; Thành Khẳng, Thành Cháu.	2012	8935073096112 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2732	895.92234 Q9	Thương một người đ ế n đau lòng : tản văn - truyện ngắn	Quỳnh Thy.	2017	9786046999607
2733	895.92234 Q9	Đi tìm ngày hôm qua	Quý Thể.	2013	8935036664297
2734	895.92234 Q9	Cuốn sổ trắng : tản văn	Quốc Bảo.	2015	9786045331507 ; 6045331508
2735	895.92234 R153	Nhật ký đầu đời của bé	Gerald Raimon ; Anh Thơ.	2013	
2736	895.92234 R263	Có những ngày cuộc đời chẳng đoán được : truyện ngắn	Ray Đoàn Huy.	2017	9786045647066
2737	895.92234 S528	Mạnh mẽ và cô độc : tản văn, thơ, truyện ngắn	Shamin, Phương Ny.	2017	9786049547270
2738	895.92234 S942	Đàn ông không phải dạng vừa đâu	Sưchan – Sói.	2017	9786049571602
2739	895.92234 S955	Chỉ cần mình thương nhau	Summer Kat.	2017	9786045646137
2740	895.92234 T111	Tôi mang thai đứa con của chị gái	Tạ Hà Như Bình.	2015	9786046945048 ; 8936056791918
2741	895.92234 T128	Một đêm duy nhất	Rabindranath Tagore ; người dịch, Nguyễn Bí ch Lan, Lê Ngọc Anh.	2013	9786049263507 (pbk.)
2742	895.92234 T364	Bán đảo : tập truyện	Thái Bá Lợi.	2015	9786041065734 ; 6041065730
2743	895.92234 T367	Khoảng lặng cuối sân trường	tác giả, Thanh Tuy ề n.	2009	
2744	895.92234 T367	Vòng xoáy tình yêu	Thanh Điểu ; Tử Đằng.	2011	1116020161269 (pbk.)
2745	895.92234 T367	Adeline bên sợi dây đàn : tiểu thuy ế t	Thang Vũ Đình	2010	8934545522418 (pbk.)
2746	895.92234 T374	Việt Nam Danh Tác - Lê Phong	Th ế Lữ.	2016	
2747	895.92234 T434	Đại gia. 1, Tam giác ngầm	Thiên Sơn ; edited ty Đa Huyên.	2013	8936066701228 (pbk.)
2748	895.92234 T434	Đại gia. 2, Quy ề n lực đen	Thiên Sơn ; edited ty Đa Huyên.	2013	8936066701235 (pbk.)
2749	895.92234 T532	Để hôn em lần nữa	Thu Trang Trần.	2011	8936041682313 (pbk.)
2750	895.92234 T532	Những câu chuyện cảm động : bạn không cảm động ư? : tôi khô ng tin đi ề u đó đâu!	Thu Hằng, Hạnh Quyên.	2012	9786045803240 (pbk.)
2751	895.92234 T532	Bơi Ngang Quậy Tưng Bừng	Thu Trân.	2017	9786046838104
2752	895.92234 T547	Yêu và nổi loạn	Thu Trân.	2007	(pbk.)
2753	895.92234 T547	Những mùa hè đi qua	Thùy An.	2013	8934974118497 (pbk.)
2754	895.92234 T547	Chân trần	Thùy Dương.	2013	8934974119869 (pbk.)
2755	895.92234 T547	108 Truyện mẹ kể con nghe	Thùy Linh.	2013	8935212317214 (pbk.)
2756	895.92234 T547	Cút bắt tình yêu : tiểu thuy ế t	Thuý Nguyễn.	2015	9786046952510
2757	895.92234 T547	Cô Đơn Cũng Không Khóc	Thủy Anna.	2015	9786046949459 ; 8936071850690
2758	895.92234 T627	Quê người : tiểu thuy ế t	Tô Hoài.	2015	9786046958802 ; 8932000121251
2759	895.92234 T627	Chuyện để quên : Tuyển Tập Truyện Ngắ ̃n	Tô Hoài.	2015	9786046960782
2760	895.92234 T627	Khách nợ : Tuyển tập truyện Ngắ ̃n	Tô Hoài.	2015	9786046960799 ; 8932000121336
2761	895.92234 T772	Onkel yêu dấ ̂u : tập truyện ngắ ̃n	Trầ ̂n Thùy Mai.	2010	
2762	895.92234 T772	Người khổng lồ núi bạc : tái bản lần thứ 1	Trần Thùy Mai	2013	8934974118503 (pbk.)
2763	895.92234 T772	Lạc Đạn	Trần Thị Nguyệt Hồng	2012	8932000117636 (pbk.)
2764	895.92234 T772	Ông Thối, Bà Thiu	Trần Kim Trắc	2015	9786041078192 ; 8934974137009
2765	895.92234 T772	Tình nhân không bao giờ đòi cưới	Trang Hạ	2015	9786045626269
2766	895.92234 T772	Kẻ ma làm : tập truyện ngắn	Trần Kim Trắc.	2015	9786041078185 ; 8934974137016
2767	895.92234 T772	Chồng xứ lạ : tiểu thuy ế t phi hư cấu	Trang Hạ.	2016	9786045631812 ; 6045631811
2768	895.92234 T772	Đức thánh trần : võ nghiệp lẫy lừng, tình yêu bất diệt : tiểu thuy ế t lịch sử	Trần Thanh Cảnh.	2017	9786049602689
2769	895.92234 T772	Giang hồ chỉ vừa đủ xài : tản văn	Trang Hạ.	2017	9786041100336
2770	895.92234 T772	Đường Một Chi ề u	Trần Lãng Diệp.	2017	9786046999997
2771	895.92234 T772	Hầu chuyện thượng đ ế : đàm thoại văn học	Trần Đăng Khoa.	2014	9786046943051 ; 6046943051
2772	895.92234 T779	Yêu một cô gái Việt	Travelling Kat ; Nguyễn Kim Ngân.	2015	8936062807498 ; 9786047714629
2773	895.92234 T819	Trái tim dẫn lối : tuyển tập truyện ngắn hay nhất v ề tình yêu	Nhi ề u Tác Giả.	2013	8938506999219 (pbk.)
2774	895.92234 T819	Tự Thương Mình Sau Những Tháng Năm Thương Người	Trí.	2017	
2775	895.92234 T819	Cho những ngày không nhau mà vẫn đau : tản văn	Trí.	2017	9786049574047
2776	895.92234 T819	Ngày người thương một người thương khác : tản văn	Trí.	2016	9786046997665

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2777	895.92234 T833	Đừng gọi em vào thứ 7	Trịnh Trần.	2013	9786046912125 (pbk.)
2778	895.92234 T833	Thôi, đừng nói chuyện ngày mai : tản văn	Huy ề n Trang Bất Hối.	2018	9786045526347 ; 6045526341
2779	895.92234 T842	Bơ không phải để ăn = Bơ is not for eating	Trần Quốc Anh, Huỳnh Trọng Khang, Chung Bảo Ngân ; Hoàng Diệu Ngọc dịch.	2021	9786045692769
2780	895.92234 T871	Lạc rừng ; Ngược chiè^u cái ché^t : tiểu thuyé^t	Trung Trung Đỉnh.	2012	
2781	895.92234 T871	Yêu nhau để cưới	Trung Nghĩa	2013	8936047862528 (pbk.)
2782	895.92234 T871	Bạn từ trên trời rơi xuống	Trương Tuấn ; Thanh Xuân minh họa.	2014	9786041030589 ; 6041030589
2783	895.92234 T871	Mọi chuyện đ ề u tùy duyên	Trương Thi ế t Thành.	2018	9786048920678 ; 6048920679
2784	895.92234 T874	Truyện ngắn hay 2007-2008	Sương Nguyệt Minh, tuyển chọn.	2008	(pbk.)
2785	895.92234 T874	Truyện ngắn nữ 2000-2010	nhi ề u tác gỉa.	2010	
2786	895.92234 T874	72 câu chuyện cảm động v ề mẹ	Trương Hiểu Phong ; Lâm Thanh Huy ề n.	2012	8935073095467 (pbk.)
2787	895.92234 T874	Truyện ngắn hay & đoạt giải Văn nghệ quân đội. 2013-2014.		2015	9786041060838 ; 8934974131199
2788	895.92234 T874	Thời gian để yêu	Trương Hamlet.	2013	8935212317191 (pbk.)
2789	895.92234 T874 V.1	Truyện Ngá˘n được yêu thích nhá^t đà^u thé^ kỷ 21. Tập	Sông Lam...[et al.]	2014	8935075932265
2790	895.92234 T874 V.2	Truyện Ngá˘n được yêu thích nhá^t đà^u thé^ kỷ 21. Tập 2	Thuy Mai...[et al.]	2014	8935075932272
2791	895.92234 T913	Duyên phận ý trời hay tại lòng người : tản văn	Tuệ Nhi ; Mai Dung dịch.	2017	9786047736409
2792	895.92234 U64	Sương mù tháng giêng : tiểu thuy ế t lịch sử	Uông Tri ề u.	2015	9786041064935 ; 6041064939
2793	895.92234 V217	Blog màu khoảnh khá˘c.		2007	(pbk.)
2794	895.92234 V217	Mỹ Nhân	Văn Lê.	2013	9786045611227 (pbk.)
2795	895.92234 V666	Chuyện mình chuyện người	Việt Linh.	2013	8932000118367 (pbk.)
2796	895.92234 V666	Đàn bà nước lọc	Việt Hà.	2017	9786045982853
2797	895.92234 V872	17 cây số đường ma	Võ Diệu Thanh.	2013	9786041022096 (pbk.)
2798	895.92234 V872	Niè^m tin chưa má^t : tùy bút	Võ Hò^ng.	2014	9786046815426
2799	895.92234 V872	Người sài gòn bất đắc dĩ : tập truyện	Võ Đắc Danh.	2017	9786041100558
2800	895.92234 V986	Nhớ mó^i tình đà^u	Vũ Hạnh.	2007	(pbk.)
2801	895.92234 V986	Vịt Chị Vịt Em	Vũ Thị Thường.	2013	8934974117551 (pbk.)
2802	895.92234 V986	Trúng số độc đắc	Vũ Trọng Phụng.	2017	9786049541711
2803	895.92234 V986	Thương nhớ mười hai	Vũ Bằng ; Minh hoạ: Duy Hưng.	2021	9786043238181
2804	895.92234 V986 ; 895.92234 V986	Giông tố	Vũ Trọng Phụng.	2013	8935212317368 (pbk.)
2805	895.92234 Y11	Cuối cùng thì đàn bà muốn gì : tập truyện ngắn	Y Ban.	2015	9786049267178
2806	895.92234 Y44	Gái phượt	Y ế m Đào Lằng Lơ.	2018	9786049607868
2807	895.92234 Y45	Nụ cười hồn nhiên : tập truyện ngắn	Y ế n Linh.	2010	
2808	895.92234 Y45	Đừng tin lời gã cáo = Don't trust the fox	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2017	9786047857234 ; 604785723X
2809	895.92234 Y45	Con cáo và chùm nho = The fox and the vine	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2017	9786047857227 ; 6047857221
2810	895.92234 Y45	Cừu non nhanh trí = The clever sheep	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2017	9786047857265 ; 6047857264
2811	895.92234 Y45	Đàn ki ế n chăm chỉ = The hard-working ants	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2017	9786047857258 ; 6047857256
2812	895.92234 Y45	Chỉ tại tham ăn = The hungry fox	lời: Bình Yên, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2016	9786048834463 ; 6048834462
2813	895.92234 Y45	Con quạ thông minh = The clever crow	lời: Bình Yên, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2016	9786048834470 ; 6048834470
2814	895.92234 Y45	Ki ế n và chim bồ câu = The ant and the dove	lời: Bình Yên, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2016	9786048834487 ; 6048834489
2815	895.92234 Y45	Hai chú dê qua cầu = The two goats	lời: Bình Yên, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2016	9786048834500 ; 6048834500
2816	895.92234 Y45	Một cuộc thi chạy = The race	lời: Bình Yên, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2016	9786048834494 ; 6048834497
2817	895.92234 Y45	Đôi sừng hươu = The antlers	lời: Yên Bình, Điển Dũng ; minh họa: Cloud Pillow.	2017	9786047857241 ; 6047857248
2818	895.9223408 T874	Truyện ngá˘n hay 2008	Nhi ề u Tác Giả.	2008	9211400211400 (pbk.)
2819	895.9223408 T874	Truyện ngắn trẻ 2009	nhi ề u tác giả ; Nguyễn Anh Vũ, tuyển chọn, giới thiệu.	2009	
2820	895.9224 L433	Người Việt bié^t đùa : phié^m luận	Lê Thié^u Sơn.	2007	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2821	895.9224 M664	Có những đi ề u chẳng thể nói cùng ai	Minh Nhật.	2019	9786045670859 ; 8936186541605
2822	895.9224 N576	Người đi tìm dĩ vãng	Nguyễn Thiêm.	2007	(pbk.)
2823	895.9224 N576	Só^ng chậm thời @ : tản văn	Nguyễn Ngọc Tư, Lê Thié^u Nhơn.	2006	
2824	895.9224 N576	Nhà văn thì chơi với ai	Nguyễn Việt Hà.	2007	(pbk.)
2825	895.9224 N576	Đất dưới lòng Hồ	Nguyễn Hữu Duyên.	2007	(pbk.)
2826	895.9224 N576	Ngày mai của những ngày mai--	Nguyễn Ngọc Tư.	2007	(pbk.)
2827	895.9224 N576	Ăn phở rất khó thấy ngon : tản văn	Nguyễn Trương Quý.	2008	8934974076940 (pbk.)
2828	895.9224 N576 V.3 ; 895.9224 N576 V.4 ; 895.9224 N576 V.5 ; 895.9224 N576 V.2	Vi ế t v ề nước Mỹ	Nhi ề u tác giả.	2007	8932000112396 (v. 2 : pbk.) ; 8932000112402 (v. 3 : pbk.) ; 8932000112419 (v. 4 : pbk.) ; 8932000112426 (v. 5 : pbk.)
2829	895.9224 T871	Hành trang ngày trở lại	Trương Văn Dân.	2007	(pbk.)
2830	895.9224 T913	Sẽ có cách, đừng lo = There will be a way	Tuệ Nghi.	2019	9786049763984
2831	895.9224 V994	Cuó^n sách và tôi : thú phong lưu sót lại : di cảo	Vương Hò^ng Sển.	2012	9786041005938 (hard) ; 6041005932 (hard)
2832	895.92244 A596	Người xưa đã quên ngày xưa	Anh Khang.	2018	9786046843689 ; 6046843685
2833	895.92244 C961	Cuộc đời tròn hay méo ?	Cu Trí.	2015	9786045627044 ; 8936062803957
2834	895.92244 L514	Còn khóc ngon lành	Lê Giang.	2009	9980000033523 (pbk.)
2835	895.92244 L981	Ở ngưỡng cửa cuộc đời : tản văn dành cho sinh viên	Lý Lan.	2010	
2836	895.92244 N576	Vô thường	Nguyễn Bảo Trung.	2017	9786045955086 ; 6045955080
2837	895.92244 T367	Chỉ cần một người hiểu em trong đời	Thảo Xù.	2015	9786047716913 ; 8936062807627
2838	895.92244 T667	Cà phê cùng Tony : tập bài vi ế t	Tony Buổi Sáng.	2017	9786041097797 ; 6041097799
2839	895.92244 T772	Cuộc đời vui quá, không buò^n được : tản văn	Trà^n Nhã Thụy.	2010	
2840	895.92244 T772	Quà của Bố-- : tạp bút	Trần Đình Dũng.	2013	
2841	895.92244 T968	Đàn ông tinh t ế : tạp văn	Tuy ế t Tùng.	2013	8936047862726 (pbk.)
2842	895.92244 V994	Những chấn thương tâm lý hiện đại	Vương Trí Nhàn.	2009	
2843	895.92244 V994	Những chấn thương tâm lý hiện đại	Vương Trí Nhàn.	2009	9980000111247 (pbk.)
2844	895.9227 H678	Cười Vui Dí Dỏm Thông Minh	Hoàng Lan.	0000	9786045016039 ; 8935077143812 ;
2845	895.9227 N576	Xiển Bột	Nhân Văn sưu tà^m, tuyển chọn & giới thiệu.	2006	8935072803278 (pbk.)
2846	895.9227 N576	Khoai ngự	Nhân Văn sưu tà^m, tuyển chọn & giới thiệu.	2006	8935072802936 (pbk.)
2847	895.9227 N576	Xỏ anh nhà giàu	Nhân Văn sưu tà^m, tuyển chọn & giới thiệu.	2006	8935072803018 (pbk.)
2848	895.9227 T874	Truyện trạng cười Việt Nam	Đức Anh (sưu tầm & tuyển chọn).	2012	
2849	895.9228 L433	Xem chữ đọc hình : đó^i thoại với những người nổi tié^ng	Lê Hò^ng Lâm.	2006	(pbk.)
2850	895.9228 N576	Cho đi là hạnh phúc : tập văn - thơ	Nguyễn THụy Thùy Diệu.	2019	9786046858799
2851	895.9228 P534	Đi một ngày đàng--	Phạm Văn Tình.	2006	(pbk.)
2852	895.9228 S699	Hồi ký Sơn Nam	Sơn Nam.	2009	
2853	895.922802 D211 V.2 ; 895.922802 D211 V.3 ; 895.922802 D211 V.4 ; 895.922802 D211 V.5 ; 895.922802 D211 V.1	Đạo học của người xưa : trạng nguyên Việt Nam	Nhóm Ban Mai, biên soạn.	2007	8934974068488 (v. 1 : pbk.) ; 8934974068495 (v. 2 : pbk.) ; 8934974068501 (v. 3 : pbk.) ; 8934974068518 (v. 4 : pbk.) ; 8934974068525 (v. 5 : pbk.)
2854	895.922802 S625	Histoires drôles du peuple vietnamien	traduction, Louis Sizaret.	2006	
2855	895.922803 L911	Aung San Suu Kyi - Sợ Hãi & Tự Do = Aung San Suu Kyi - A Portrait in Words and Pictures	Christophe Loviny.	2016	
2856	895.92280334 V994	Hơn Nửa Đời Hư	Vương Hồng Sển.	2017	9786041099302
2857	895.9228034 T772	Túi	Trần Huy Minh Phương.	2016	

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2858	895.922808 P535	Cà phê với người lạ	Phan Ý Yên.	2013	8935212317177 (pbk.)
2859	895.9228084 N576	Nước Mỹ - Những Ngày Xê Dịch	Nguyễn Hữu Tài.	2016	9786046826859
2860	895.9228309 V994	Nửa đời còn lại	Vương Hồng Sển	2013	9786045804988 (hbk.)
2861	895.922832 N576 V.2 ; 895.922832 N576 V.3 ; 895.922832 N576 V.1	Du ký Việt Nam. 1-3 : Nam Phong tạp chí, 1917-1934	nhi ề u tác giả ; Nguyễn Hữu Sơn, sưu tầm & giới thiệu.	2007	8934974064305 (v. 1 : hard) ; 8934974064312 (v. 2 : hard) ; 8934974064329 (v. 3 : hard)
2862	895.922834 L433	Người Truy ề n Cảm Hứng : Ti ế n Sĩ Lê Thẩm Dương	Lê Thẩm Dương ; Nguyễn Tuấn Anh.	2018	
2863	895.922834 L433	Cảm Xúc Là Kẻ Thù Số Một Của Thành Công (Phiên Bản Đặc	Lê Thẩm Dương ; Nguyễn Tuấn Anh.	2018	
2864	895.92284 C235	Mỉm cười cho qua	[Iris Cao, Hamlet Trương].	2019	9786049764035
2865	895.92284 D928	Đừng vội vàng, đi ề u tuyệt vời nhi ề u khi đ ế n muộn màng : tản văn	Dương Thùy.	2019	9786049863608 ; 8936186541698
2866	895.92284 K45	Ti ế c rằng mình chẳng đợi được nhau	Khải Vệ.	2019	9786045658642
2867	895.92284 K49	Yêu đi đừng sợ	Kim Oanh.	2019	9786045668214
2868	895.92284 N576	Yêu người ngóng núi : tản văn	Nguyễn Ngọc Tư.	2013	8934974104919 (pbk.)
2869	895.92284 N576	Mat cua dàn ông : tap van	Nguyen Viet Hà.	2015	9786041061972 ; 8934974131472
2870	895.92284 N576	Vợ cũ : tạp văn	Nguyễn Văn Thọ.	2013	8936049951725
2871	895.92284 N576	Với Đà Lạt, ai cũng là lữ khách : tản văn	Nguyễn Vĩnh Nguyên.	2015	9786041059696 ; 8934974131083
2872	895.92284 N576	Bước chậm bên dòng Hương Giang: Athoughtful walk by the Hương River	Nguyễn Ngọc Dũng.	2020	9786043021073
2873	895.92284 N576	Đong tấm lòng : tạp văn	Nguyễn Ngọc Tư.	2015	9786041064850 ; 6041064858
2874	895.92284 T547	Sẽ có người hạnh phúc đúng lúc một người đau	Thúy Nhân.	2019	9786049766350 ; 8936062804299
2875	895.9228403 N576	Hành trình hoàn lương	Nguyễn Hoàng Minh.	2017	9786045989500
2876	895.9228403 N576	Nhà	Nguyễn Bảo Trung.	2018	9786046846550
2877	895.9228403 P577	Tri ế t học Trung Quốc thời Tiên Tân	Phùng Hữu Lan.	2020	9786048936167
2878	895.9228403 T367	Thương Nhớ Thời Bao Cấp	Thành Phong, Hữu Khoa.	2019	9786049609886
2879	895.9228403 T772	v ề Hu ế	Trần Kim Đoàn.	2019	9786045668528
2880	895.9228408 C235	Tuyển Tập Nam Cao	Nam Cao.	2016	9786046916444
2881	895.9228408 G232	Cứ Cười Thôi, Mặc Kệ Đời!	Gari.	2018	9786049699863
2882	895.9228408 H772	Yêu hà nội thích sài gòn	Hồng Phúc.	2017	9786046527343
2883	895.9228408 M664	Chạy Trốn Mặt Trời	Minh Nhật.	2017	9786046470823
2884	896.3323 A177	Quê hương tan rã	Chinua Achebe ; Nguyễn Hi ế n Lê & Hoài Khanh.	2008	8936024911577 (pbk.)
2885	899.993 B932	Sương tùy giang	Bui Giang.	2007	(pbk.)
2886	903 S814	Bách khoa thư lịch sử: Encyclopedia of History	Philip Steele.	2019	9786045679210
2887	909 C555	Cội nguồn- Lịch Sử Vĩ Đại Của Vạn Vật	David Christian ; Dương Quốc Văn dịch.	2020	9786043041118
2888	909 D951	Phần I - Di sản Phương Đông Tập 3 : Văn minh Trung Hoa và Nhật Bản	Will Durant ; Huỳnh Ngọc Chi ế n dịch.	2020	9786043080469
2889	909 H254 V.2	Sapiens : lược sử loài người bằng tranh. Tập 2, Các trụ cột của n ề n văn minh	Yuval Noah Harari, David Vandermeulen, Daniel Casanave ; Minh An dịch.	2021	9786043442977
2890	909 H462	Atlas đa tương tác v ề lịch sử th ế giới	Lời by Robert Hegarty ; Minh họa by Marcelo Badari.	2018	9786045558584
2891	909 V986	Lịch sử văn minh thế̂ giới	Vũ Dương Ninh, chủ biên ... [et al.].	2000	8934980760949 (pbk.)
2892	910 D576	Đảo thiên dường	Di Li.	2012	
2893	910 N576	Hà Nội cõi đá̂t-con người	Nguyễn Vinh Phúc.	2005	(pbk.)
2894	910 N576	Bước qua thành phố lạ : tiểu thuy ế t	Nguyễn Huy Tâm.	2015	9786041068933 ; 6041068934
2895	910.2 L433	60 ngày du lịch th ế giới : cùng các bài toán vui	Lê Bích Ngọc.	2011	9786045604656 (pbk.)
2896	910.2 N576	Lên đương vơi trái tim trân trụi : tôi là một con lừa	Nguyễn Phương Mai	2013	8936024919818 (pbk.)
2897	910.202 D988	Sổ tay du lịch th ế giới : hành trình khám phá 46 quốc gia	Duy Nguyên, Minh Sơn, Ánh Hồng.	2004	(pbk.)
2898	910.4 B613	Người đi tìm bóng	Bình Nguyên.	2008	8934974071679 (pbk.)
2899	910.4 T883	Thích là nhích : Đi nhi ề u, ti ề n ít	Alex Tu.	2017	9786047738212
2900	910.41092 Y29	Vòng quanh th ế giới trong 60 giây : Hành trình Nas Daily 1000 ngày. 64 quốc gia. 1 hành trình xinh đẹp	Nuseir Yassin, Bruce Kluger ; Nguyễn Thiện Khiêm dịch.	2021	9786041187337 ; 8934974172994
2901	912 M685	Bản đồ "Sách tranh khổng lồ Atlas bán chạy nhất toàn cầu"	Aleksandra Mizielińska và Daniel Mizieliński ; Quỳnh Chi dịch.	2019	9786049945175
2902	914 P535	Bất hạnh là một tài sản : một mình ở châu âu	Phan Việt.	2013	8936024919443 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2903	914.04 D993	Trả lại nụ hôn	Dương Thụy.	2013	8934974106296 (pbk.)
2904	914.04 V986	Những ngày ở châu âu	Vũ Minh Đức.	2017	9786047727780
2905	914.204 T833	Scotland : đối thoại với các n ề n văn hóa	biên dịch, Trịnh Huy Hóa.	2006	8934974061892 (pbk.)
2906	914.304 T772	Đức : một vòng quanh các nước	Trần Vĩnh Bảo.	2005	8935081105936 (pbk.)
2907	914.4361 H987	Có hẹn với Paris	Amanda Huynh.	2017	9786041098305
2908	914.53104 D928	Venise và những cuộc tình gondola	Dương Thụy.	2016	9786041005228 ; 6041005223
2909	915 P535	Thượng Hải - Tokyo - Hà Nội - Seoul : trong văn chương Đông Á đầu th ế kỷ XX	Phan Thị Thu Hi ề n (ch.b.) [and five others].	2017	9786046836858
2910	915.04 H987 V.1	Xách ba lô lên và đi. Tập 1, Châu á là nhà : đừng khóc!	Huy ề n Chip.	2012	9786046903079 (pbk.)
2911	915.1249 M917 2021-2022	Một thoáng Đài Loan. 2021-2022	biên tập: Jeff Lee ... [and four others].	2021	9789865447366 ; 9865447363
2912	915.1249 M917 2022-2023	Một thoáng Đài Loan, 2022-2023	biên tập viên: Alicia Y.H.Wang(王怡萱) ... [and four others].	2022	9789865447519
2913	915.1504 N576	Tây tạng : đất phật huy ề n bí		2007	8935077013160 (pbk.)
2914	915.1904 T772	Hàn Quốc : du lịch & du học	biên soạn, Trần Vĩnh Bảo.	2006	8936016008650 (pbk.)
2915	915.19504 Q9	Seoul : đ ế n và yêu : Thịt nướng, nhà tắm hơi và những câu chuyện dài bất tận...	Quỳnh In Seoul.	2017	9786047733408
2916	915.404532 C555	Trái tim hô	Katrell Christie, Shannon McCaffrey ; Đoàn Trang dịch.	2018	9786045992937 ; 6045992938
2917	915.9304 V986	Thái Lan : đất nước của nụ cười	Vũ Thị Hạnh Quỳnh.	2007	8935077005721 (pbk.)
2918	915.95704 V986	Singapore : quốc đảo sư tử	Vũ Thị Hạnh Quỳnh.	2007	8935077008647 (pbk.)
2919	915.97 L433	Việt Nam dọc mi ề n du ký Tập 1	Lê Rin.	2020	9786049904929
2920	915.97 N576	Di sản Sài Gòn = Saigon heritage	Nguyễn Vi ế t Ngoạn,Trường đại học Sài Gò n-Tạp chí xưa & nay	2014	2011601002025 ; 9786049367687
2921	915.97 V986	Non nước Việt Nam : sách hướng dẫ ̂n du lịch	[chủ biên, Vũ Thế ̂ Bình].	2007	8935077034240 (pbk.)
2922	915.97 X8	Sách chuyển động scanimation Lướt cùng Tí Địa Lí	Xuân Đài, Uyên Trương.	2020	9786042183833
2923	915.9704 H985	Việt Nam's natural beauty = Cảnh đẹp thiên nhiên Việt Nam	Hữu Ngọc. ; Lady Borton.	2006	(pbk.)
2924	915.9704 L213	Y ế m đào du ký : phụ nữ và những chuy ế n đi	Lam Linh.	2017	9786045641552
2925	915.970444 N576	Đi xuyên Hà Noi : khao cu' u	Nguyen Ngoc Tien.	2015	9786041075375 ; 8934974134947
2926	915.9731 N576	Đi dọc Hà Nội : khảo cứu (bản in có chỉnh lý)	Nguyễn Ngọc Ti ế n.	2017	9786041103832
2927	915.977 T772	Lý lắc Nam bộ : tản văn	Trần Kim Trắc.	2015	9786041078178 ; 8934974137047
2928	915.98 H678	Apa kabar ! Chào xứ vạn đảo : Dạo quanh Indonesia	Hồ Anh Thái ; Minh hoạ: Kim Duẩn.	2017	9786041104235
2929	917.10471 T772	Canada	biên soạn, Trần Vĩnh Bảo.	2005	893508110518 (pbk.)
2930	920 B932 ; 920 B932	Lê Vân yêu và sống : tự truyện	Bùi Mai Hạnh, Lê Vân.	2006	8932000112068 (pbk.)
2931	920.02 P879	Bách khoa thư học sinh lườ : những kẻ phá cách, bậc thiên tài	Jean-Bernard Pouy & Serge Bloch dựa trên ý tưởng của Anne Blanchard ; người dịch: Vũ Đưc Tâm.	2017	9786042033367 ; 6042033360
2932	920.0597 D928 V.1 ; 920.0597 D928 V.2	Chút sự thật của người nổi ti ế ng	Dương Thúy.	2010	
2933	920.0597 L433	Chuyện ngh ề của thủy	Lê Thanh Dũng ; Trần Văn Thủy.	2013	8932000117858 (pbk.)
2934	920.0597 N576	Nguyễn tuân	Nhi ề u Tác Giả	2011	1910000023925 (pbk.)
2935	920.0597 N576	Gia đình, bạn bè và đất nước : hồi ký	Nguyễn Thị Bình	2013	9786049083921 (pbk.)
2936	920.0597 S698	Hi ề n tài đất việt	Sông Lam	2013	8935075927926 (pbk.)
2937	920.0597 T249	Tác gia tác phẩm trong nhà trường : Vũ Trọng Phụng	Nhi ề u Tác Giả.	2011	8935090000226 (pbk.)
2938	920.0597 T249	Tác gia tác phẩm trong nhà trường : Nam Cao	Nhi ề u Tác Giả.	2011	8935090000229 (pbk.)
2939	920.0597 T249	Tác gia tác phẩm trong nhà trường : Nguyễn công hoan	Nhi ề u Tác Giả.	2011	893590000220 (pbk.)
2940	920.72 W911	Những người phụ nữ thay đổi th ế giới	Kay Woodward ;Nguyễn Quí Hiển dịch.	2019	9786048879747
2941	921 L433	Trà ̂n Hưng Đạo	tranh, Nguyễn Bích ; lời, Lê Vân.	2006	(pbk.)
2942	928.95922 N576	Danh nhân Việt Nam Nguyễn Gia Thi ề u	Nguyễn Duy Hợp biên soạn.	2006	8935077010244 (pbk.)

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2943	930 T833	Những đi ề u bạn nên bi ế t v ề các n ề n văn minh :	Trịnh Thanh Toản.	2007	(pbk.)
2944	940.54510943 S294	Cuộc lưu lạc của tàu ngầm U-977	Heinz Schaeffer ; Chu Minh Thụy dịch.	2009	9980000020356 (pbk.)
2945	943.086 S558	Sự trỗi dậy và suy tàn của Đ ế ch ế thứ ba : lịch sử Đức quốc x	William L. Shirer ; Diệp Minh Tâm dịch.	2008	(hard)
2946	948.022 D285	Viking hung bạo	Terry Deary, illustrated by Martin Brown ; Trịnh Huy Ninh dịch.	2008	8934974071266 (pbk.)
2947	951 D584	Đườ ng v ề nhà : hành trình đạp xe 3.395 km từ Bắc Kinh v ề H à Nội của một cô gái Việt Nam	Đinh Phương Linh.	0000	9786045338063 ; 8935235205369
2948	951 T772	Từ điển lịch sử trung hoa	Trần Văn Chánh, Nguyễn Hữu Tài, Huỳnh Quang Vinh.	2005	(hard)
2949	951.00922 M971	10 nhà sử học nổi ti ế ng trong lịch sử Trung Quốc	Nguyễn Thanh Hà (biên soạn).	2009	
2950	951.05 M214	Lá rụng : tiểu thuy ế t	Adeline Yen Mah ; biên dịch Bảo Ngọc.	2007	8935073032943 (pbk.)
2951	951.9502 L477	Nhật Ký Trong Gian Lao	Lee Sun Sin (Lý Thuần Thần).	2015	9786046824503
2952	957.7 P577	Remembering Uncle Ho : memories in war years	Phùng Th ế Tài.	2005	(pbk.)
2953	959 P534	Lịch sử văn hóa Đông Nam Á	Phạm Đức Dương	2013	8935075928961 (hbk.)
2954	959 V994	Bên l ề sách cũ	Vương Hồng Sển.	2013	9786045804940 (hbk.)
2955	959.5705092 P716	Đối thoại với Lý Quang Diệu : nhà nước công dân Singapore : cá ch thức xây dựng một quốc gia	Tom Plate ; Nguyễn Hằng dịch.	2013	9786041012509 (pbk.) ; 6041012505 (pbk.)
2956	959.7 A531	Lê đại hành	tranh, Tạ Huy Long ; lời, An Cương.	2006	(pbk.)
2957	959.7 A531	Ngô Quyề ̂n	tranh, Tạ Huy Long ; lời, An Cương.	2006	(pbk.)
2958	959.7 A531	Hai Bà Trưng	tranh, Lê Lam ; lời, An Cương.	2006	(pbk.)
2959	959.7 A531	Bà triệu	tranh, Tạ Huy Long ; lời, An Cương.	2005	(pbk.)
2960	959.7 C564	Chuyện người Tây ở xứ ta : trải nghiệm và suy ngẫm của bạn bè th ế giới khi sống và làm việc tại Việt Nam	Nhi ề u tác giả.	2019	9786047754014 ; 8935235220805
2961	959.7 D584	Chuyện tình vua chúa hoàng tộc Việt Nam	Đinh Công Vĩ.	2012	
2962	959.7 D896	Tiểu luận v ề dân Bắc Kỳ	Gustave Dumoutier ; Vũ Lưu Xuân dịch.	2020	9786045554036
2963	959.7 G516	Tâm lý người an nam : tính cách dân tộc, ti ế n trình lịch sử, tri thức, xã hội và chính trị	Paul Giran ; Nguyễn Ti ế n Văn dịch.	2019	9786049825835 ; 8935235222397
2964	959.7 H383	Tóm tắ ̆t niên biểu lịch sử Việt Nam	Hà Văn Thư, Trầ ̂n Hồ ̂ng Đức.	2005	(hard)
2965	959.7 H772	Việt sử y ế u	Hoàng Cao Khải ; dịch giả: Hồng Liên Lê Xuâ n Giáo.	2021	9786043280036
2966	959.7 H985	Phố ̂ cổ Hà Nội = Hà Nội's old quarter	general editors, Hữu Ngọc, Lady Borton.	2004	(pbk.)
2967	959.7 H985	Sài Gòn - Hồ Chí Minh City = Sài Gòn - Thành Phố Hồ Chí Minh	general editors, Hữu Ngọc, Lady Borton.	2006	(pbk.)
2968	959.7 L433	Văn hóa Việt nhìn từ ti ế ng Việt : dích dắc dặt dìu dư dí dỏm	Lê Minh Quốc.	2021	9786043353051
2969	959.7 L433	Văn hóa Việt nhìn từ ti ế ng Việt : chơi chữ chanh chua chan chá t chữ	Lê Minh Quốc.	2021	9786043353037
2970	959.7 L964	Xã hội Việt Nam từ thời sơ sử đ ế n cận đại : Khảo luận	Lương Đức Thiệp.	2017	9786049434273
2971	959.7 M664	Lý Thường Kiệt	tranh, Tạ Huy Long ; lời, Minh Hi ế u.	2006	(pbk.)
2972	959.7 M664	Đinh Bộ Lĩnh	tranh, Tạ Huy Long ; lời, Minh Hi ế u.	2006	(pbk.)
2973	959.7 M664	Hiểu v ề trái tim : nghệ thuật số ̂ng hạnh phúc	Minh Niệm.	2012	
2974	959.7 N576	Các khía cạnh văn hóa Việt Nam = Aspects of Vietnamese culture : reading material for advanced students of Vietnamese studies	Nguyễn Thị Thanh Bình, Dana Healy.	2006	
2975	959.7 N576	Duy tân vị vua nhỏ tuổi	Nguyễn Thị Hương.	2007	(pbk.)
2976	959.7 N576	Bằng đôi chân trần : bút ký	Nguyên Ngọc.	2008	(pbk.)
2977	959.7 N576	700 năm Thuận Hóa, Phú Xuân, Hu ế	Nguyễn Đắ ̆c Xuân.	2009	9980000008958 (hard)
2978	959.7 N576 V.1 ; 959.7 N576 V.2	Cẩm nang sức khỏe gia đình	lời giới thiệu, Nguyễn Khánh Toàn ; khảo cứu vè ̂ tác giả, văn bản, tác phẩm, Phan Huy Lê ; dịch và chú thích, Ngô Đức Thọ ; hiệu đính, Hà Văn Tấ ̂n.	2004	(v. 1 : hard) ; (v. 2 : hard)
2979	959.7 N576 V.2	Sử ta chuyện xưa kể lại. 2, từ kỉ nguyên Đại Việt đ ế n đỉnh cao Hồng Đức	Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Như Mai, Nguyễn QuốcTín.	2019	9786042141499 ; 8935244825435
2980	959.7 P535	Việt Nam phong tục	Phan K ế Bính.	2019	9786049763564 ; 8935236415026
2981	959.7 P535	Việt Nam Phong tục	Phan K ế Bính.	2020	9786049950469
2982	959.7 T111	The Origin & Development of the Dong Son drum	Tạ Đức.	2020	9786047781942
2983	959.7 T243	Việt Nam thời dựng nước	Kelth Weller Taylor ; Thi ế u Khanh -dịch.	2020	9786048891435
2984	959.7 T663	The second victory against the mongols	Text: Tôn Nữ Quỳnh Trân ; Edited by: Trần Bạch Đằng ; Pictures by: Nguyễn Huy Khôi ; Coloured by Nguyễn Thùy Linh ; Translated by: Mai Barry, Patrick Barry.	2021	9786041187498
2985	959.7 T772	Việt Nam sử lược	Trầ ̂n Trọng Kim.	2005	(pbk.)
2986	959.7 T772	Các vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa : qua các triề ̂u đại phong kiế ̂n Việt Nam	Trầ ̂n Hồ ̂ng Đức.	2006	8935077014686 (hard)
2987	959.7 T772	Sài Gòn những mùa yêu : tản văn	Trần Thùy Linh.	2017	9786046839231 ; 6046839238

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
2988	959.7 T871 V.1 ; 959.7 T871 V.3 ; 959.7 T871 V.2	´Đại cương lịch sử Việt Nam	Trương Hữu Quýnh, chủ biên ; Phan Đại Doã n, Nguyễn Cảnh Minh.	2006	(v. 1 : pbk.) ; (v. 2 : pbk.) ; (v. 3 : pbk.)
2989	959.7 V994	Sài gòn năm xưa	Vương, Hồng Sển.	2013	9786045804971 (hbk.)
2990	959.7 X8	Phạm Ngọc Đa : mặt trời quê hương	Xuân Sách.	2006	1200601480003 (pbk.)
2991	959.7 Z44	Xứ sở những cô gái đi xe máy mặc áo khoác hoa: ba tuần trải nghiệm Việt Nam của một nhà văn Đức : du ký	Juli Zeh ; Đinh Bá Anh dịch.	2017	9786049435362
2992	959.70099 L433 V.1 ; 959.70099 L433 V.2	Chuyện tình các danh nhân	Lê Minh Quốc.	2017	9786045859094 ; 9786045859100
2993	959.7012 T666	Lịch Sử Việt Nam Bằng Tranh 02 : Huy ề n Sử Đời Hùng : Con Rồng Cháu Tiên : Thánh Gióng	Tôn Nữ Quỳnh Trân, Trần Bạch Đằng chủ biê n.	2023	9786041202856
2994	959.702 V872	Nguyên phi Ỷ Lan : phò vua giúp nước	lời, Võ Lương Mỹ Hoàng ; tranh, Lương Quốc Hiệp.	2008	9990000974436 (pbk.)
2995	959.70272 B737	Việt Nam th ế kỷ XVII: Những Góc Nhìn Từ Bên Ngoài	Christoforo Borri & Samuel Baron ; Hoàng Tịnh Thủy dịch.	2020	9786048453084
2996	959.70272 D182	Đàng trong thời chúa nguyễn : xác lập chủ quy ề n và bộ máy nh à nước	Hội Khoa Học Lịch Sử Tỉnh Thừa Thiên Hu ế , Đỗ Bang (chủ biên).	2020	9786049850523 ; 8935075947429
2997	959.7029 P755	Quan và lại ở mi ề n Bắc Việt Nam : Một bộ máy hành chính trước thử thách (1820 - 1918) =Mandarins et subalternes au nord du Viet Nam : Une bureaucratie à l'épreuve (1820 - 1918)	Emmanuel Poisson ; Dịch: Đào Hùng, Nguyễn Văn Sự.	2018	9786049435645
2998	959.70290922 Q2	Quốc tri ề u chánh biên toát y ế u : lược sử các đời vua tri ề u Nguyễn = 國朝正編撮要	Quốc Sử Quán tri ề u Nguyễn.	2021	9786047797226
2999	959.703 H678	Hoàng Lê nhất thống chí : toàn tập	Ngô Gia Văn Phái ; người dịch, Nguyễn Đức Vân, Ki ề u Thu Hoạch.	2015	9786041018938 ; 6041018937
3000	959.703 N576	Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ	Nguyễn Th ế Anh.	2008	(pbk.)
3001	959.703 N576	Bước mở đầu của sự thi ế t lập hệ thống thuộc địa pháp ở Việt Nam (1858-1897)	TS. Nguyễn Xuân Thọ ; Nguyễn Bá Dũng bổ chú.	2018	9786048920289 ; 6048920288
3002	959.703 S699	Tập truyện Sơn Nam	Sơn Nam.	2009	
3003	959.7030222 V256	Hà Nội-Huế̂-Sài Gòn đầu th ế kỷ 20 = Hanoi-Hue-Saigon in the early of the 20th century.		2007	1117010004603 (pbk.)
3004	959.704 L493	Cô gái lai da trắng : tiểu thuy ế t Pháp	Kim Lefèvre.	2010	8936024915650 (pbk.)
3005	959.704 V872	Chuyện tướng Độ : truyện ký	Võ Bá Cường.	2008	(pbk.)
3006	959.704092 H685	Học tập đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh	[biên tập, Nguyễn Cường Dũng, Vũ Thị Kim Hải, Phùng Thị Mỹ].	2007	8935069201025 (hard)
3007	959.704092 H772	Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ	Phạm Hồng Cư ; với sự cộng tác của Đặng Bí ch Hà.	2015	9786042016162 ; 6042016164
3008	959.704092 N576	Anh hùng Nguyễn Quốc Trị	lời, Nguyễn Thị Hương Giang ; tranh, Nhóm hoạ sĩ V. Comics.	2008	9990000974467 (pbk.)
3009	959.704092 N576	Nguyễn Ái Quó̂c & vụ án Hồ̂ng Kông năm 1931	Nguyễn Văn Khoan.	2010	
3010	959.704092 S698	Nguyễn Ái Quốc qua hồi ức của bà mẹ Nga	Sơn Tùng.	2008	8935077003529 (pbk.)
3011	959.704092 V986	Bác Hồ vi ế t di chúc : hồ̂i ký	của Vũ Kỳ ; Thế̂ Kỷ, ghi.	2011	9786041011885 (pbk.) ; 6041011886 (pbk.)
3012	959.7041 N576	Lê Mạt Sự Ký: Sự Suy Tàn Của Tri ề u Lê Cuối Th ế Kỷ XVIII	Nguyễn Duy Chính.	2016	9786049448133
3013	959.704142 V872	Điện Biên Phủ	Võ Nguyên Giáp.	2010	9990001244317 (hard)
3014	959.7043 C383	Chiế̂n tranh Việt Nam được và mất : hay những bài học từ cuộc chiế̂n tranh Việt Nam	Nigel Cawthorne ; người dịch, Thanh Xuân.	2007	9780572031442(pbk.)
3015	959.7043 L441 V.1	Một thời rừng sác. tập 1	Lê Bá Ước.	2012	9786046803669
3016	959.7043 L441 V.2	Một thời rừng sác. tập II	Lê Bá Ước.	2012	9786046803676
3017	959.7043 T123	12.2.1968 Ký ức kinh hoàng v ề cuộc thảm sát phong nhất, phong nhị	Koh Kyoung Tae ; Dịch giả Nguyễn Ngọc Tuy ề n.	2020	9786048449391
3018	959.7043092 D182	Nhật ký Đặng Thùy Trâm	Đặng Thùy Trâm ; Đặng Kim Trâm chỉnh lý ; Vương Trí Nhàn giới thiệu.	2008	8936024911850 (pbk.)
3019	959.7043092 K99	Kỷ vật còn mãi với thời gian	Bảo tàng phụ nữ Việt Nam.	2008	8935069905329 (pbk.)
3020	959.7043092 T772	Võ Nguyên Giáp, danh tướng thời đại Hồ Chí Minh	Trần Trọng Trung.	2012	
3021	959.70430922 Z94	Chân trần chí thép = Bare feet, iron will	James G. Zumwalt ; người dịch, Đỗ Hùng.	2012	9786045802069 (pbk.) ; 6045802063 (pbk.)
3022	959.70438 B516	Điệp viên hoàn hảo : cuộc đời hai mặt không thể tin được của Phạm Xuân Ẩn, phóng viên tạp chí Time & điệp viên cộng sản Việt Nam = Perfect spy	Larry Berman ; người dịch, Nguyễn Đại Phượng.	2007	8935069201285 (pbk.)
3023	959.749029 C434	Hồi ức v ề kinh thành Hu ế đầu th ế kỷ XIX	Michel Đức Chaigneau ; Lê Đức Quang dịch.	2020	9786045562048
3024	959.77 H111	50 Chuyện Kỳ Thú Phương Nam	Hà Đình Nguyên.	2017	9786041109162

越南語館藏					
編號	索書號	題　名	作者	出版年	ISBN
3025	959.77 S132	SàiGòn mê	nhi ề u tác giả.	2015	9786045838570 ; 6045838572
3026	959.779 N576	Nhớ sao xe cộ sài gòn	Ngô K ế Tựu.	2017	9786046835035
3027	959.779 P534 V.4	Sài Gòn : chuyện đời của phố IV	Phạm Công Luận.	2017	9786046832744
3028	959.779 T871	Sài Gòn th ề m xưa nắng rụng : tản văn	Trương Gia Hòa.	2017	9786046839248
3029	967 M297	Nè ̂n văn minh Châu Phi	Jacques Maquet ; biên dịch, Khá ̆c Vinh (N. Kié ̂n Văn).	2007	8935073029776 (pbk.)
3030	973 O12	Hy vọng táo bạo : suy nghĩ vè ̂ việc tìm lại giá ̂c mơ mỹ	Barack Obama ; Nguyễn Hà ̆ng dịch.	2008	8934974082095 (pbk.)
3031	973.099 H313	Đệ nhất phu nhân : chuyện v ề những người đàn bà trong Nhà Trắng từ Martha Washington đ ế n Laura Bush	Bill Harris ; người dịch, Phạm Anh Tuấn.	2008	
3032	973.929 C641	Hồi ký Hillary Clinton và chính trường nước Mỹ = Living history	Hillary Rodham Clinton ; translated by Xuân Quang.	2006	8935086806029 (hard)
3033	973.929052 C641	Đời tôi my life	Bill Clinton..	2007	(pbk.)
3034	973.932092 O12	Những giấc mơ từ cha tôi	Barack Obama ; dịch giả, Nguyễn Quang.	2008	8935201510213 (pbk.)
3035	980.03092 C355	Huy ề n thoại che : bản lĩnh tính cách tình yêu và sự bất tử	Fidel Castro [and 5 others].	2014	8935086835029
3036	985.92284 T772	Hổ phụ sinh hổ tử	Trần Thanh Phương.	2017	9786046836087